NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 209 • SEPTEMBER 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892- 9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839- 8746

Vĩnh biệt
ĐỖ NGỌC YẾN
(1941-2006)

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

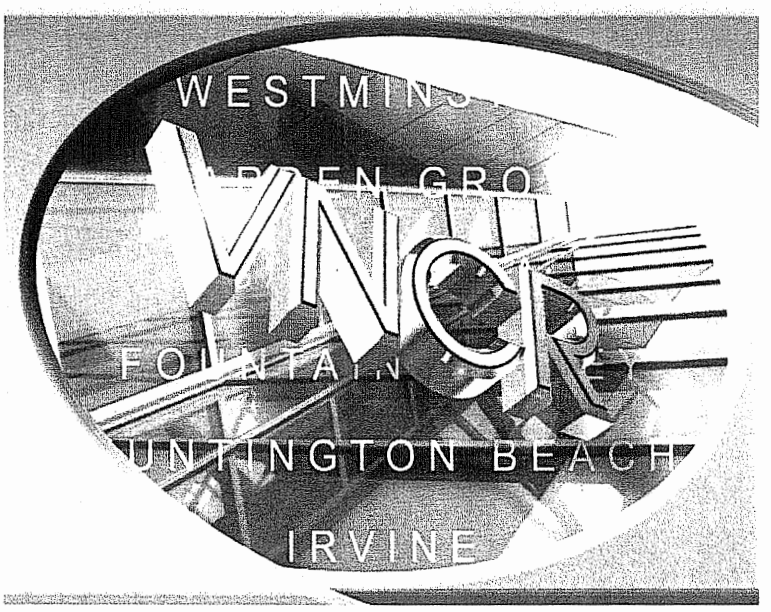

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động. Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn, thu hút người xem trên khắp thế giới.*

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!

QUẢNG CÁO NGAY TRÊN

WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

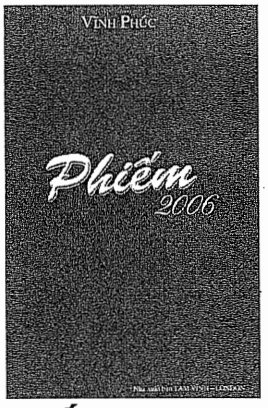

PHIẾM 2006
VĨNH PHÚC

Tác giả Vĩnh Phúc là một cựu chủ biên của ban Việt ngữ của đài BBC, Luân Đôn. Có lẽ do nghề nghiệp, lại thêm ham thích văn học, ông có kiến thức rộng, biết nhiều chuyện ở đời, và ông đã sử dụng ngòi bút của mình để "luận" về rất nhiều đề tài. Khi nói hay viết về nhiều chuyện không ra một chủ đề rõ rệt thì người ta gọi là nói chuyện phiếm. Nhưng những chuyện phiếm trong cuốn sách này, tuy đề tài cũng rất linh tinh, nhưng được tác giả chăm chút kỹ lưỡng, với nhiều kiến thức và sự thận trọng. Nên tuy gọi là "phiếm" nhưng vẫn có nền tảng chắc chắn và tin cậy, lại thêm đọc thú vị vì viết ngắn và sáng sủa. Giá 15 Mỹ kim.

ĐỜI LÀ NHƯ THẾ
LƯU CHẤN VÂN, *người dịch* **PHẠM TÚ CHÂU**

Tác giả sinh năm 1958, lớn lên và viết văn khi Trung Quốc đã vào thời kỳ đổi mới. Ông chuyên viết tiểu thuyết mà các nhà lý luận văn học Trung Quốc gọi là "tân tả thực," không trực tiếp bày tỏ thái độ của mình trước những hiện tượng xã hội, nhưng độc giả vẫn nhận được những nguyện vọng cùng những phê phán của ông qua cách viết tưởng chừng dửng dưng nhưng rất thâm trầm. Tác giả phô bày những hoàn cảnh sinh tồn trong xã hội với biết bao sự nhỏ nhen, vụn vặt, ích kỷ đã làm mòn mỏi lòng hăng hái, chí tiến thủ cùng ước mơ cao đẹp của biết bao người.
Giá 10 Mỹ kim.

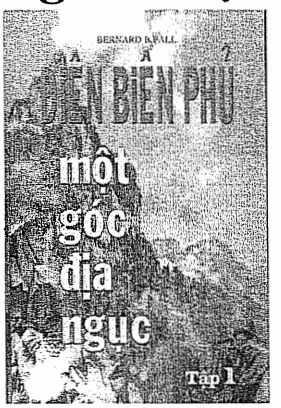

ĐIỆN BIÊN PHỦ MỘT GÓC ĐỊA NGỤC
BERNARD B. FALL; *không có tên người dịch*

Bernard Fall sinh năm 1926 ở Vienne, nước Áo, lớn lên và học hành ở Pháp, rồi tốt nghiệp tiến sĩ ở Mỹ, có dạy tại một đại học ở Washington. Ông qua Việt Nam lần đầu năm 1953, khi về viết cuốn The Street Without Joy. Trong bộ sách viết về Điện Biên Phủ này ông mô tả tỉ mỉ các diễn biến từ đầu khi quân Pháp nhảy dù xuống để xây dựng cứ điểm, kéo dài qua các chiến dịch, sự chiến đấu dằng dai tại các điểm then chốt, cho đến ngày kết thúc trận đánh. Ông cũng không quên đề cập đến những khía cạnh đa dạng của các nhà chính trị, dù cách xa vạn dặm nhưng quyết định số mạng của trận đánh.
Trọn bộ 2 cuốn, giá mỗi cuốn 20 Mỹ kim.

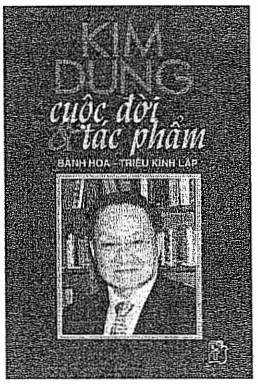

KIM DUNG CUỘC ĐỜI & TÁC PHẨM
BÀNH HOA TRIỆU KÍNH LẬP; NGUYỄN THỊ BÍCH HẢI dịch

Đối với dân chúng miền Nam trước 1975, Kim Dung là một tác giả truyện kiếm hiệp quá nổi tiếng và quá quen thuộc. Sau khi miền Nam lọt vào tay cộng sản, sách của ông bị cấm đoán. Nhiều năm sau, khi Trung Cộng bắt đầu công nhận ông thì thị trường sách vở trong nước Việt Nam lại thấy xuất hiện tác phẩm dịch của ông và nghiên cứu về ông. Trong cuốn này ông được giới thiệu như một nhân tài của nước Trung Hoa, với những chương đầy xưng tụng như "Thiếu niên anh tuấn, hiển lộ tài năng," "Vào chốn giang hồ mở mang trời đất"...Giá 12 Mỹ kim.

Tình sử cải lương
CUỘC ĐỜI THANH NGA
NGÀNH MAI

Thanh Nga là cô đào cải lương vào hàng nổi tiếng nhất của miền Nam kể từ cuối thập niên 1950. Tác giả cuốn sách này, nhà văn Ngành Mai, hiện đang là Hội trưởng Hội Cổ nhạc miền Nam Việt Nam tại hải ngoại, đã có một quá trình dài tiếp xúc với giới sân khấu cải lương, và đặc biệt giữ nhiều tài liệu về Thanh Nga. Cuốn sách này kể lại cuộc đời nghệ sĩ của Thanh Nga bắt đầu đóng vai chánh từ năm 15 tuổi, từ đó kéo dài suốt ba thập niên với biết bao thăng trầm của cuộc đời sân khấu lẫn đời sống tình cảm và xã hội của cô. Giá 15 Mỹ kim.

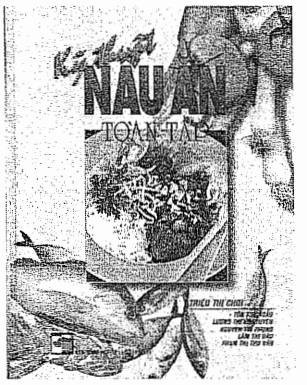

KỸ THUẬT NẤU ĂN TOÀN TẬP
TRIỆU THỊ CHƠI

Chỉ nói về chuyện ăn uống và kỹ thuật nấu ăn thôi mà sách đã dày lên đến 1150 trang. Nội dung sách bao gồm tất cả những vấn đề cần thiết trong lãnh vực ăn uống và dinh dưỡng, từ việc trang bị kiến thức chuyên môn đến việc làm ra các món ăn, bằng các phương pháp chế biến thức ăn khác nhau, cách tỉa các loại rau, củ, quả, cách sắp xếp trang trí món ăn... Tài liệu được trình bày có hệ thống, để giúp người đọc tìm hiểu về vấn đề thực phẩm và dinh dưỡng của chính mình, và hơn nữa, có thể thực tập làm lấy những thức ăn ngon lành và bổ khỏe cho mình và gia đình. Giá 49 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: *Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)*

Đón đọc:

Dòng Sử Việt

Chuyên san sưu tầm, nghiên cứu, và quảng bá lịch sử Việt Nam

Chủ biên: Trần Anh Tuấn

. Tiếp nối truyền thống *Tập San Sử Địa* tại quê nhà trước năm 1975.
. Chủ nhiệm & chủ bút: Trần Anh Tuấn, cựu giáo sư Ban Sử ĐHVK Sài gòn, cựu thư-viện-trưởng Thư Viện Hội Société des Études Indochinoises Saigon, giáo sư đại học cộng đồng College of Alameda, California.
. Ban Biên Tập sơ khởi: Phạm Cao Dương, Bùi Minh Đức, Nguyễn Khắc Kham, Huỳnh Văn Lang, Mai Liệu, Hà Mai Phương, Trương Toại, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thượng Vũ...
. Thường xuyên có nhiều mục độc đáo: *Xã hội Việt Nam qua các thời đại, Lịch sử lập cư của người Việt tại Hoa Kỳ, Nghệ thuật & Mỹ thuật Việt Nam, Phong trào Hướng Đạo Việt Nam, Mỗi kỳ một nhân vật, Mỗi kỳ một tác phẩm, Giới thiệu sách báo về Việt học, Giải thích quê hương bản quán cho độc giả, Hình hay ảnh lạ, Sử liệu hiếm quý, Bưu hoa VNCH* (kèm tem thật do Bưu Điện VNCH phát hành trước 1975, theo truyền thống của tạp chí *France Asie* thập niên 1950)...
. *Dòng Sử Việt* xuất bản mỗi ba tháng, khổ 18cm x 27cm.
. *Dòng Sử Việt* sẽ chỉ phát hành qua Bưu Điện, và bầy bán ở hai nhà sách tại California (nhà sách *Tự Do*, San Jose và nhà sách *Văn Khoa*, Westminster)
. Số ra mắt: tháng 9-11 năm 2006. Giá mỗi số $10.00 (kể cả cước phí hạng nhất trong nội địa Hoa Kỳ)
. Mong đón nhận sự cộng tác của bằng hữu và độc giả bốn phương về hai phương diện: đọc và viết.
. Liên lạc bài vở: Trần Anh Tuấn
. Ngân chi phiếu xin đề: Nhu N. Tran

P. O. Box 1413, Alameda, CA 94501 USA
Điện thoại: (510) 865-9276 h. (nhắn lại)
(510) 220-1535 c.
Điện thư: att411@comcast.net

ĐÃ PHÁT HÀNH:

Phiếm 3

của song thao

40 chuyện phiếm, 440 trang
NHÂN ẢNH xuất bản

Sách có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về:
7805 Claire Fauteux, #1
Montréal, P.Q., H1K 5B6
Điện thoại: **(514) 354-5338**
Email: **tatrungson@hotmail.com**
Ấn phí (bao gồm luôn cước phí):
Canada: 25 Gia kim (chi phiếu hoặc money order)
Hoa Kỳ: 22 Mỹ kim (chi phiếu hoặc money order)
Các nước khác: 30 Mỹ kim (money order)
Chi phiếu và money order xin đề tên: TẠ TRUNG SƠN

Sách mới

Truyện Ngắn Ái Khanh

Tác giả Ái Khanh hiện là Chủ tịch Chi Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ Florida (VAALA-Florida), đã xuất bản các tập truyện Hình Như Là Tình Yêu (1997), Một Thời Để Nhớ (1994) và cộng tác với nhiều báo tiếng Việt ở Mỹ.

Giá bán: 20 Mỹ kim.
Liên lạc:
Đỗ Xuân Hùng
671 Hibiscus Rd
Casselberry, FL 32707 – USA
E-mail: dlbmt@earthlink.net

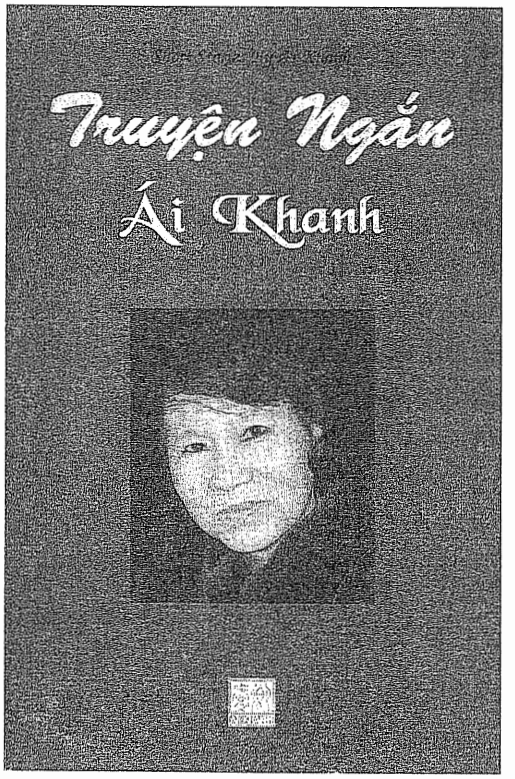

TIN BUỒN

Tạp chí Thế Kỷ 21 đau buồn thông báo cùng
quý độc giả và quý văn hữu, thân hữu gần xa

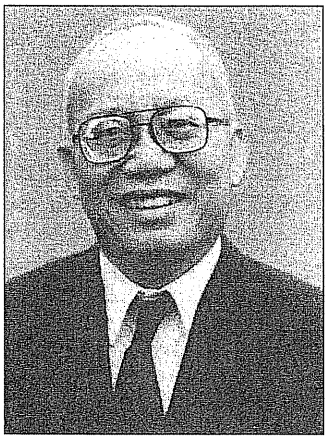

Ông RÉMI ĐỖ NGỌC YẾN

Chủ nhiệm Sáng lập của
nhật báo NGƯỜI VIỆT (từ 1978)

Chủ tịch Hội Đồng Giám Đốc (1989)
Chủ Nhiệm (1989-1991)
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
của tạp chí THẾ KỶ 21

Đã từ trần ngày 17 tháng Tám năm 2006
tại Orange County, California, USA
Hưởng thọ 66 tuổi.
Lễ an táng đã được cử hành tại
nghĩa trang Peek Family Funeral Home,
thành phố Westminster, Nam California, Hoa Kỳ
vào ngày 24 tháng Tám năm 2006.

Tiếc thương một người suốt đời mình đã miệt mài
đóng góp rất nhiều cho nền báo chí và văn hóa
Việt Nam, xin tất cả chúng ta thành tâm
cầu nguyện cho linh hồn **ông Đỗ Ngọc Yến**
được bình an nơi cõi Vĩnh Hằng.

Tạp chí THẾ KỶ 21

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: chân dung ông Đỗ Ngọc Yến
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu của gia đình ông Đỗ Ngọc Yến và bạn bè

MỤC LỤC

Số 109 – Tháng Chín 2006

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
14. PNTR: mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên? – **Nguyễn Quốc Khải**
16. Hassan Nasrallah và tổ chức Hezbollah – **Nguyễn Anh Tuấn**
24. "Lò lửa Trung Đông" lại bùng nổ – **Cổ Lũy**

TƯỞNG NIỆM ĐỖ NGỌC YẾN
8. Đỗ Ngọc Yến (1941-2006) – **Ngô Nhân Dụng**
33. Bài giảng trong Thánh Lễ An Táng Đỗ Ngọc Yến – Lm. **Joseph Nguyễn Thái**
36. Một kỷ niệm về Đỗ Ngọc Yến – **Nguyễn Ngọc Bích** - 37. Anh đi – **Thụy Khuê** - 38. Những giờ phút tâm tình không thể quên – **Nguyễn Minh Cần** - 39. Người hào kiệt của thời nay – **Ngô Vương Toại** - 40. Đỗ Ngọc Yến – **Phạm Duy** - 41. Nghĩ về Đỗ Ngọc Yến - **Nguyễn Mộng Giác** - 42. Chia tay Đỗ Ngọc Yến – **Nguyễn Xuân Hoàng** - 44. Hơn cả sòng phẳng giữa cuộc đời – **Trần Thanh Hiệp** - 45. Đỗ Ngọc Yến, niềm an ủi của tôi – **Đoàn Thanh Liêm** 46. Người Việt ở Sài Gòn – **Vũ Thư Hiên** - 60. Đường Việt Nam – **Trương Anh Thụy** - 62. Cá hồi và trà – **Trần Mộng Tú** 63. Yến – **Song Thao** - 65. Người lành – **Hoàng Xuân Sơn** 66. Yến đi rồi! – **Trần Triệu Hoàng** - 67. Đỗ ngọc Yến, người vui với đời – **Nguyễn Hiền** - 68. Tạm biệt Đỗ Ngọc Yến – **Kiều Chinh** 69. Ký ức về bố tôi sẽ ở mãi trong tôi – **Đỗ Bảo Anh; Thiện Giao** chuyển ngữ - 71. Mãi mãi tuổi thanh xuân – **Thiện Giao** - 72. Tôi gọi ông là thầy – **Trung Đỗ** - 73. Cái chết trong ca khúc Phạm Duy – **Phạm Xuân Đài** - 76. Người nữ đằng sau – **Lê Thiệp** - 86. Yến ơi! Yến ơi! (thơ) – **Trần Mộng Tú** - 96. Đất nước gió lửa (thơ) – **Lê Giang Trần** - 108. Biệt ly (thơ) – **Bùi Bích Hà** - 116. Lời vĩnh hằng (thơ) – **Dạ Nhiên**

CÁC BÀI KHÁC
84. Miền Nam và ca dao – **Hòa Đa**
92. Quê mẹ ở Đông Hà – **Trần Quang Thiệu**
100. Mozart: cuộc đời, sự nghiệp, tác phẩm – **Cung Tiến**
106. Thanh Tâm Tuyền, những điều nhớ – **Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm**
114. Vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp – **Trần Đông Phong**

MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết, Thư Trị sự
48. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
54. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Đồng cảm

Thưa ông Nguyễn Quốc Cần,

Đọc bức thư ông kể lại kinh nghiệm nghe nhạc cổ điển tây phương nội hóa trên số Thế Kỷ 21 tháng Tám vừa rồi, tôi như gặp một người tri kỷ, vì đã vài mươi năm qua rồi tôi không biết tâm sự điều đó với ai. Tôi nghĩ quý vị nhạc sĩ xã hội chủ nghĩa ấy bạo gan thực, món nào cũng chơi ráo không có sợ thằng tây nào hết. Vả lại trong chế độ "đảng lãnh đạo" mọi chuyện, đảng đã cho đi học về môn nhạc cổ điển tây phương thì khi... thành tài về nước, bắt buộc phải "lao động" để đẻ ra tác phẩm. Và khi đẻ ra rồi thì giàn nhạc cũng phải "lao động nghệ thuật" để trình tấu nó vậy thôi. Còn nghe nó ra cái giống con gì thì ai mà quan tâm?

Thưa ông Cần, quả thực tôi cũng đã trải qua những phút như ông khi nghe "classical music made in Vietnam" hồi thập niên 1980 trước khi rời khỏi nước. Thật là rùng rợn ông ạ. Ông dùng chữ ò e ọ ẹ sao mà đúng quá. Mình chỉ là người nghe nhạc bình thường với cảm quan trung bình, nhưng những gì mình cảm được thì tôi tin nhiều người cũng có thể chia sẻ như thế. Đó là những bản nhạc quá dở, như ông nói. Nhưng có lẽ tôi may mắn hơn ông, là cũng trong thập niên 80 ấy, tôi được đọc một bài viết của một viện sĩ Liên Xô về "đội ngũ" sáng tác nhạc cổ điển tây phương Việt Nam. Toàn bài ông ta chê, không chấm được một điểm nào cho những sáng tác này cả. Chính tôi đã được đồng cảm với tác giả bài viết này trước, rồi bây giờ đến ông. Tôi xin cảm ơn cả hai người.

Lê Quốc Thái (Florida)

Giữa hội họa và nhiếp ảnh

Tôi nhìn hình bìa số 208 vừa rồi thoạt đầu cứ ngỡ là một bức tranh có bút pháp và lối dùng màu khá lạ, khi tìm vào trang Mục lục để xem ai là tác giả mới chưng hửng: thì ra là hình chụp chớ không phải tranh vẽ. Tôi nhìn đi xem lại hình bìa nhiều lần vẫn thấy yếu tố nhiếp ảnh ít hơn là yếu tố hội họa. Mái nhà, bức tường, cửa sổ, cây cối và nhất là mây trời rất ít vẻ thật của một ảnh chụp bình thường. Một tác phẩm khá lạ và mỹ thuật, lại cho hình ảnh một Chapa khác với những ảnh trước đây mà tôi thường thấy. Xin gởi lời cám ơn tác giả Tôn Nữ Thu Nga.

Thanh Bình (Internet)

Phở

Trang chuyện phiếm của tác giả Song Thao kỳ vừa rồi mở một... mặt trận lớn về Phở. Phiếm thế mới là phiếm chứ! Lan man hết chuyện nọ qua chuyện kia, mà đều liên quan đến chủ đề phở. Sao ông ấy kiếm đâu ra nhiều mảnh văn chương và nhiều mảnh chuyện về phở thế. Đọc thấy Việt Nam ngon lành ghê, có được một món xuất khẩu đi khắp thế giới mà đi đâu cũng được người ta xuýt xoa, xì xụp. Mấy năm trước tôi có đọc ở đâu một bài cũng nói về phở, trong đó tác giả so sánh phở với... ông Hồ Chí Minh người nuôi mộng làm tên lính xung kích cho chế độ cộng sản lan tràn ra khắp thế giới, nhưng cuối cùng chế độ đó chết queo, trong khi một món ăn hiền lành của Việt Nam lại... "ra đi khắp nơi xa vời" một cách vô cùng vinh quang. Tôi nghĩ ông Hồ thua phở vì ông Hồ đi bán một sản phẩm của ngoại bang, mà lại là một món hàng giả, hàng bịp, trong khi phở chính là tinh túy của dân tộc, mang trong nó một giá trị tự thân, thứ thiệt, đem lại lợi ích thực tiễn cho con người.

Thân Trọng Đà (Germany)

Nhà nho "chịu chơi"

Ông Phan Bội Châu bị đau nặng, gần chết, ông Huỳnh Thúc Kháng đã viết văn tế đến đọc cho ông nghe, nghe xong ông Phan còn bình tĩnh làm thơ trả lời nữa, thật là một chuyện hy hữu. Tôi thấy các ông "mới" quá chừng, có vẻ "giỡn chơi" với cái chết và phong tục chắc là nghiêm nhặt của thời xưa. Nhớ lại các ông đều là những người đi làm cách mạng, từng tù đày, phiêu bạt, tâm hồn hẳn không gò bó vào những tục lệ xưa cũ, mặc dù về hình thức các vị vẫn là những nhà nho nghiêm túc. Thật là những nhà nho chịu chơi!

Trần Biên (Internet)

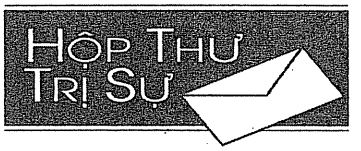

Độc Giả Mới

Phan Hong Dieu – IL; Diane Le – CA; Doan Tan Hanh – PA; Tran Gia Diem – TX; Nguyen Thi Le Xuan – Germany.

Độc Giả Gia Hạn

Nguyen Tuong Giang – VA; Lan Nguyen Ha – FL; Le Van Duc – CA; Vu Phan An – KS; Tin Van Mai – Germany; Phung Nguyen – France; Do Charles – CA; Thai Thanh – FL; Nguyen Khac Kham – CA; Nguyen Van Hai – PA; Phan Ngoc Bau – LA; Tran Phien – TX; Nguyen Van Hien – CA; Tran Nhu – CA; Ho Van Phong – MA; Bang Ngoc Trinh – TX; Nguyen Khac Ton – CA; Pham Trong Le – VA; Cuong M Truong – CA; Truong Thi An – CA; Le Ngoc Minh – CA; Duc Le – VA; Chi Huu Le – CA; Lam Van Yen – CA; Truong Van Thanh – CA; Bich V Nguyen – TX; Cong Phan – OR; Nguyen Tuong Thiet – WA; Nguyen Tuong Thach – TX; Nguyen Viet Lang – Canada.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Quy Viet Vo – MD; Ha Thi Bich – MD; Nguyen Van Cung – CA; Pham Tien – CA.

Đỗ Ngọc Yến

(1941 - 2006)

NGÔ NHÂN DỤNG

Nếu không vì Đỗ Ngọc Yến thì không có tờ báo Người Việt, tờ nhật báo được coi là lớn nhất ở hải ngoại. Trước hết vì những hoài bão của chính ông. Đỗ Ngọc Yến lớn lên trong một thời đại hầu hết các thanh niên ở Việt Nam được đào luyện lý tưởng đóng góp cho xã hội và cho đất nước. Lý tưởng phục vụ đó sau cùng được ông thể hiện trong công việc xây dựng một tờ nhật báo, do xu hướng, sở thích và khả năng riêng của ông. Hoàn cảnh giúp ông thực hiện được tờ báo mong muốn. Cuộc di cư bất đắc dĩ năm 1975 đã đưa Đỗ Ngọc Yến tới một hoàn cảnh không thể đoán trước được, cho ông cơ hội làm báo. Cộng đồng người Việt tị nạn là một phần của dân tộc Việt Nam như những hạt giống đem trồng trên những miền đất mới, mở ra nhiều cơ hội mà nếu sống ở trong nước sẽ không có được, dù chế độ chính trị ở miền Nam không thay đổi. Đỗ Ngọc Yến vẫn nói rằng nếu không nhờ quyền tự do ngôn luận được bảo đảm trong Tu chính án số 1 của hiến pháp Mỹ, thì không thể nào từ số không làm nên một tờ báo tự lập với những tiêu chuẩn vững vàng, như ông đã làm.

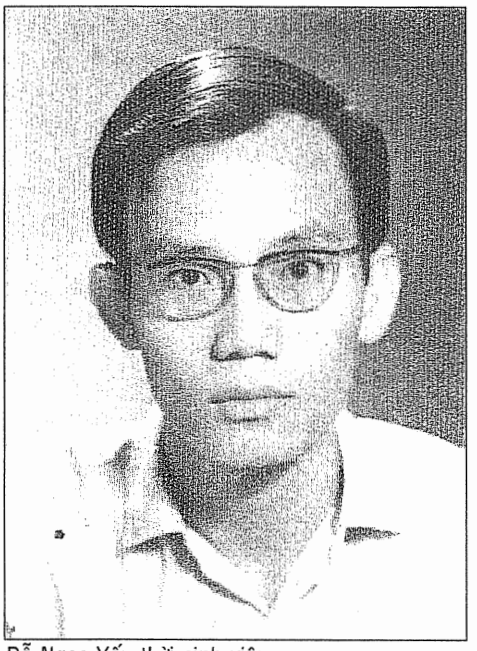

Đỗ Ngọc Yến thời sinh viên

Thời đại của lý tưởng

Đỗ Ngọc Yến là một sản phẩm của thời đại nơi ông trưởng thành. Khi ông ra đời thì nước Việt Nam đang nằm dưới sự kiểm soát của chế độ thực dân Pháp và đế quốc Nhật. Lúc ông đi học thì nhà trường ở nước ta đã bắt đầu chương trình Việt hoá do chính phủ Trần Trọng Kim khởi xướng, sau khi vua Bảo Đại tuyên ngôn nền độc lập chấm dứt chế độ bảo hộ và thực dân của Pháp. Khi các nhà giáo dậy bằng tiếng Việt và học sinh học hoàn toàn bằng tiếng Việt, họ xác định những khát vọng và khả năng của nòi giống và của ngôn ngữ Việt Nam. Đỗ Ngọc Yến thuộc thế hệ đầu tiên vào trường trung học Trương Vĩnh Ký mà được học hoàn toàn bằng tiếng Việt, ra ngoài đường tha hồ đọc sách, báo viết bằng tiếng Việt.

Cuộc cách mạng năm 1945 và cuộc kháng chiến chống Pháp từ cuối năm 1946 đã ảnh hưởng sâu đậm trên cả thế hệ Đỗ Ngọc Yến. Cả nước được khích động trong tinh thần ái quốc và ý chí giành độc lập. Hai chữ Độc lập đối với những thanh thiếu niên sinh trưởng ở "Nam Kỳ" cũng có nghĩa là họ lại trở về với đại gia đình "Bắc Nam Trung cùng nhau ta kết đoàn" sau 80 năm bị tách khỏi một nước Việt Nam thống nhất. Đỗ Ngọc Yến chưa bao giờ đặt chân lên đất nước Việt Nam ở phía Bắc sông Bến Hải, nhưng trong ý thức những thanh niên Việt Nam cùng hoàn cảnh như ông, những địa danh Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Đồng Hới, luôn luôn là quê hương mình. Cũng như Nam Phong, Ngày Nay, Tự Lực Văn đoàn là những biểu hiện của ngôn ngữ dân tộc trên đường cải tiến.

Từ thủa thiếu niên Đỗ Ngọc Yến được nuôi dưỡng với những bài hát yêu nước của Lê Thương, Lưu Hữu Phước, Hoàng Quý, Phạm Duy, Phan Huỳnh Điểu, Văn Cao. Và những cuốn

tiểu thuyết yêu nước như Thu Hương, Chị Tập, những tập truyện ngắn in khổ nhỏ như Bên Kia Dãy Trường Sơn, Mẹ Cũng Chết vì Tổ Quốc, Xin Đắp Mặt Tôi Mảnh Lụa Hồng, vân vân, của những nhà văn mà nhiều người không còn nhớ tên. Cả một thế hệ thanh niên được đào luyện tinh thần yêu nước và lý tưởng phục vụ như thế, chứ không riêng gì Đỗ Ngọc Yến.

Phong trào Hướng đạo Việt Nam cũng là môi trường nuôi dưỡng lý tưởng phục vụ cho Đỗ Ngọc Yến trong thời niên thiếu. Hai lời hứa đầu của các Hướng đạo sinh thời đó là "Trung thành với tổ quốc" và "Giúp ích mọi người." Từ trước chiến tranh, các thanh niên gia nhập Hướng đạo đã tuyên hứa "trung thành với tổ quốc" ngay cả khi chính quyền còn nằm trong tay người Pháp, khi mà hai chữ "tổ quốc" thường chỉ được nhắc đến trong hoạt động của các đảng phái bí mật chống thực dân đòi độc lập. Vì vậy, phong trào Hướng đạo tặng cho "tổ quốc Việt Nam" rất nhiều thanh niên ưu tú trong thời kỳ kháng chiến và xây dựng quốc gia.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam đã bị ảnh hưởng của tình trạng thế giới phân đôi trong cuộc cạnh tranh giữa chủ nghĩa Cộng Sản và nền kinh tế tư bản, biến thành cuộc tranh chấp giữa hai phe quốc gia và cộng sản ở nước ta. Nhiều huynh trưởng hướng đạo đã đi theo đảng Cộng Sản với một chủ nghĩa và phong trào quốc tế, để kháng chiến chống Pháp như Tạ Quang Bửu, Hoàng Đạo Thuý. Những người khác như Trần Văn Tuyên, Trần Điền tham dự các đảng phái có khuynh hướng dân tộc, đã hợp tác với các chính quyền quốc gia chống Cộng. Ở trong vùng quốc gia, phong trào Hướng đạo vẫn hoạt động đào luyện thanh niên với tinh thần yêu nước và giúp ích đồng loại. Đỗ Ngọc Yến chịu ảnh hưởng sâu xa của nền nếp giáo dục này, nơi các thiếu niên tập sống tự lập, tháo vát, phiêu lưu, với châm ngôn sẵn sàng giúp ích.

Những thanh thiếu niên Việt Nam sau này, và thanh niên ở các nước khác chắc không hiểu hết được thế hệ thanh niên như Đỗ Ngọc Yến đã được đào luyện trong một môi trường như thế nào. Mọi người quên cá nhân mình, nghĩ đến mình như một phần tử của cả dân tộc Việt. Ngay cả khi tập thể dục, thể thao, người ta không chỉ nghĩ đến việc rèn luyện sức khoẻ cho riêng mình. Ai cũng được hô hào mình phải "khoẻ vì nước" chứ không phải vì cá nhân mình. Ngay trong việc luyện tập thân thể, các thanh thiếu niên cũng đặt mình trong hoài bão lớn lao của đất nước, vì "hồn thiêng núi sông đợi chờ," vì "toàn dân ngóng trông từng giờ." Và mọi người nối mình với tổ tiên nhiều đời trước: "Mang máu anh hùng, ta đừng làm nhơ máu anh hùng!" Chính trong phong trào Hướng Đạo mà Đỗ Ngọc Yến đã được đào tạo quan niệm sống rộng rãi đó, như rất nhiều thanh niên cùng tuổi.

Cho nên khi lớn lên, Đỗ Ngọc Yến tham dự các phong trào sinh hoạt thanh niên, sinh viên, trước khi bước vào nghề làm báo chuyên nghiệp. Sống trong một quốc gia đang bị chia đôi theo lằn ranh ý thức hệ giữa tư bản và cộng sản, ông cũng bị ám ảnh phải tìm hiểu các lý thuyết lịch sử và xã hội. Ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1950, 60 người ta có thể tìm đọc và học hỏi rất nhiều trào lưu tư tưởng quốc tế, từ chủ nghĩa Nhân vị Thiên Chúa giáo, chủ nghĩa Mác xít, chủ nghĩa Hiện sinh, và các triết gia khác. Đỗ Ngọc Yến đã ghi danh làm một sinh viên ban Triết học cũng vì nhu cầu suy tư đó. Ông đã học chữ Hán, tốt nghiệp Tú Tài ban cổ điển, và học hỏi về tư tưởng Đông phương, trong khi cũng học các truyền thống Tây phương. Ông nổi tiếng là một người ham đọc, khi ông qua đời cô Bảo Anh con gái ông còn nói chắc nếu ông lên thiên đường thì cũng lại đang ngồi trong một thư viện nào đó rồi. Khi lớn lên, ông lưu tới nhà các bậc đàn anh thế hệ trước như các ông Nguyễn Đức Quỳnh, Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường, vân vân, vì nhu cầu tự tìm cho mình một hướng đi. Có thể nói cả một thế hệ thanh niên Việt Nam đã chia sẻ với nhau mối quan tâm và niềm khát khao xây dựng tư tưởng căn bản cho mình, mà nguyên nhân chính là do sự thách thức của chủ nghĩa Mác xít, hiện lên cụ thể trong cuộc chiến tranh Nam Bắc. Nhưng Đỗ Ngọc Yến không có khuynh hướng trở thành một triết gia, bản chất ông là một người muốn tự thể hiện mình trong hành động. Ông viết rất ít, nhiều người không biết ông làm báo, nhưng khi gặp các bạn trẻ muốn lắng nghe thì ông nói rất nhiều. Nhiều nhà báo trẻ coi ông là một vị thầy.

Năm1964 đánh dấu một thời kỳ thức tỉnh trong phong trào thanh niên ở miền Nam Việt Nam. Một thế hệ được đào luyện với lòng yêu nước và ý chí phục vụ, gặp một môi trường tự do mới, trong khí thế được coi là cách mạng, họ đã bước vào những hoạt động cụ thể để thực hiện lý tưởng. Tự do là bầu không khí bao trùm

giới trẻ ở Sài Gòn lúc đó, họ sống trong khích động vì tự do. Đó là lúc người ta rất dễ tự mình tìm cách thực hiện các lý tưởng và hoài bão. Các thanh niên tìm gặp nhau và cùng nhau bầy ra các công việc giúp ích, đi tác động những người trẻ tuổi khác tham dự vào việc giúp ích xã hội. Lần đầu tiên có một tổ chức sinh viên ra đời do chính các người trẻ tuổi lập ra, là Tổng hội Sinh viên Sài Gòn. Đỗ Ngọc Yến đã tham gia trong tổ chức này cùng những bạn Lê Hữu Bôi, Lê Đình Điểu, Nguyễn Thượng Hiệp, Tôn Thất Tuệ, vân vân. Đỗ Ngọc Yến tổ chức một cuộc hội thảo đầu tiên của sinh viên Sài Gòn ở rạp Thống Nhất, những người thuộc thế hệ đàn anh được mời tham dự và họ vui mừng tham dự. Đỗ Ngọc Yến tham gia việc tổ chức Đêm Không Ngủ 20 tháng Bẩy năm 1964, Phong trào cứu lụt miền Trung năm Thìn, Liên hội công tác Nông thôn, cho tới Cuộc Hội thảo 24 giờ ở trụ sở quốc hội cũ. Những tổ chức và sinh hoạt khác của sinh viên, học sinh hoàn toàn do tinh thần tự nguyện, độc lập với các tổ chức chính trị và tôn giáo, hoàn toàn có mục đích vô vị lợi và tinh thần vô cầu. Những hoạt động sau đó của Đỗ Ngọc Yến và các thanh niên khác, như trong Chương trình Hè 65, Phong trào Du Ca, đều nhằm mục đích tác động các thanh niên đi làm việc xã hội, giúp ích đồng bào. Trong những năm 1965, 1966 một phong trào thanh niên, học sinh tự bùng lên sôi nổi, tạo cơ hội cho các huynh trưởng và giáo viên hướng dẫn các đoàn sinh, các học sinh đi thực hành lý tưởng phục vụ. Nhiều thanh niên bắt đầu hoạt động chính trị từ thời điểm đó, nhiều người theo Cộng Sản cũng hoạt động cho mục đích của họ. Nhưng Đỗ Ngọc Yến và các bạn bè không có tham vọng chính trị, không thích hợp với tinh thần đảng phái, chỉ lo tổ chức các sinh hoạt thanh niên, theo kinh nghiệm mà họ đã thu lượm trong phong trào Hướng Đạo. Những sinh hoạt này có thể gieo những hạt giống tốt để một xã hội công dân thành hình làm nền tảng cho một xã hội tự do dân chủ, nếu sau đó phong trào không bị cản trở và ngăn chặn, vì chiến tranh, vì bị phe cộng sản len lỏi xâm nhập, và các biến động chính trị phe phái, xung khắc về tôn giáo, ở miền Nam Việt Nam.

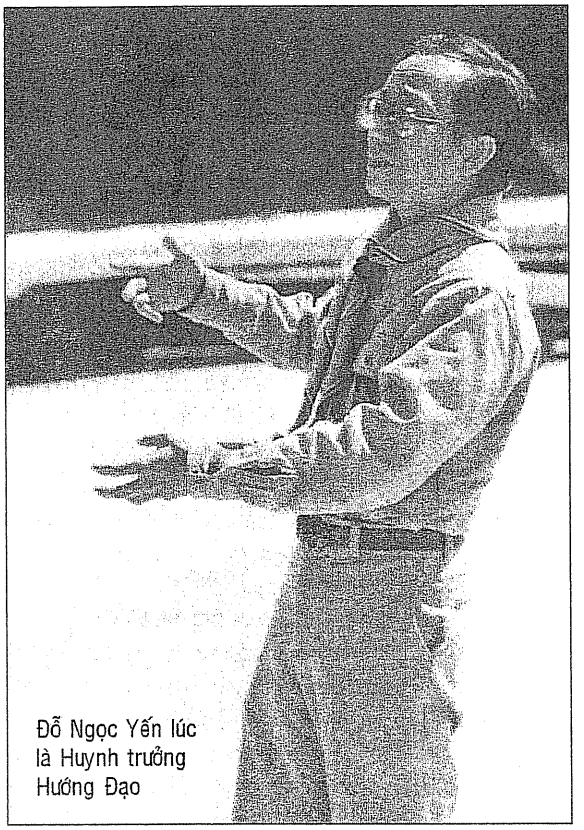

Đỗ Ngọc Yến lúc là Huynh trưởng Hướng Đạo

Khác với các thanh niên cùng lứa tuổi và cùng thời, Đỗ Ngọc Yến không có ý định tạo cho mình một nghề nghiệp vững chắc để kiếm sống, cũng không có ý định tham gia vào chính trị để có ngày được đóng vai trò lãnh đạo trong một chính quyền nào đó. Bản chất yêu tự do, không chịu ràng buộc, và lối sống thành thật, tấm lòng hiền lương khiến ông không thể tham dự vào các đảng phái chính trị, ông cũng không có nhu cầu về quyền lực để có thể thành một nhà chính trị giỏi. Ông tự nhiên sống với tinh thần vô cầu, vô vị lợi, bước vào đời với óc tò mò, khao khát hiểu biết, không ngừng nghỉ. Với một người như vậy, làm báo là một nghề tự nhiên tới với ông, và làm báo cũng là một thú vui, trở thành một nỗi đam mê của đời ông sau này. Vì mắt cận thị nặng, ông được Trung tâm Tuyển mộ Nhập ngũ cho miễn dịch vĩnh viễn, cho nên cũng không trực tiếp tham dự vào chiến tranh. Nhưng với tư cách một nhà báo, Đỗ Ngọc Yến đã tự nguyện đi tới nhiều bãi chiến trường, ở miền Nam Việt Nam cũng như ở Hạ Lào, Cam Bốt.

Chiến tranh Việt Nam đã thu hút nhiều nhà báo ngoại quốc tới nước ta. Vì óc tò mò tìm hiểu, Đỗ Ngọc Yến đã tiếp xúc với họ và có khi làm việc thông dịch và săn tin cho họ. Chính trong môi trường này ông tự học hỏi được những quy tắc và tiêu chuẩn nghề nghiệp của giới làm

báo quốc tế. Kinh nghiệm này giúp ông rất nhiều trong việc xây dựng Nhật báo Người Việt khi ông sống giữa cộng đồng tị nạn ở California. Kết quả một cuộc đời hoạt động, với tấm lòng yêu nước, tinh thần phục vụ của ông là tờ Nhật báo Người Việt, Người Việt Online, tạp chí Thế Kỷ 21, đài phát thanh VNCR, cùng các ấn phẩm khác. Hiện nay Nhật báo Người Việt in mỗi ngày gần 20 ngàn bản, Người Việt Online có khoảng 40 đến 50 ngàn người ở khắp thế giới vào đọc mỗi ngày.

Tin tưởng vào tự do báo chí

Khi Đỗ Ngọc Yến đọc cho người khác ghi Lời Giới thiệu viết cho cuốn Sổ Tay Người Việt, mới xuất bản năm nay, điều đầu tiên ông nhắc đến là vai trò báo chí nói chung trong việc phát triển ngôn ngữ Việt Nam, kể từ khi chữ "quốc ngữ" bắt đầu phổ biến. Ông coi báo chí có trách nhiệm bảo vệ và làm cho tiếng Việt phong phú hơn. Báo chí và các cơ quan truyền thông khác của người Việt Nam phải dẫn đầu phong trào du nhập các khái niệm mới, sáng chế các từ ngữ mới trong ngôn ngữ nước ta. Báo chí tự nhiên bị đặt vào vai trò tiên phong, đi trước các nhà khoa học, các chuyên gia, các nhà giáo dục, trong việc làm giầu tiếng Việt. Đỗ Ngọc Yến cho là báo chí có trách nhiệm bảo vệ và phát triển ngôn ngữ dân tộc.

Có lẽ đó là những điều ông suy nghĩ trong những ngày sau cùng của cuộc đời, khi biết chắc mình đang chuẩn bị ra đi. Ông nói chung tới báo chí, ở ngoài cũng như ở trong nước. Ở nước ngoài thì ngành xuất bản rất khó đóng vai trò tiên phong đó vì phương tiện phổ biến bị hạn chế. Ở trong nước thì việc thu nhập và phổ biến các khái niệm mới bị hạn chế khi tiếp xúc với các kiến thức mới, các trào lưu mới. Cho nên việc làm báo, như làm tờ Nhật báo Người Việt là tự gánh lấy một trách nhiệm rất nặng nề. Khi bước chân rời Việt Nam vào năm 1975 Đỗ Ngọc Yến không ngờ ông có ngày đã đóng góp dựng lên một tờ nhật báo. Trước khi qua đời ông thiết tha những người còn sống sẽ tiếp tục công việc gìn giữ tiếng Việt và làm giầu tiếng Việt.

Năm 1975, không ai nghĩ có ngày mình sẽ được đọc một tờ nhật báo bằng tiếng Việt cho người tị nạn sống rải rác khắp Bắc Mỹ và trên thế giới, lúc đó chỉ hơn 130 ngàn người. Tuy vậy ở mỗi cộng đồng lớn nhỏ đều có người tự nguyện in những tạp chí để làm sợi dây liên

Đỗ Ngọc Yến xây dựng tờ nhật báo Người Việt ở quận Cam, California

lạc với nhau, vì đồng bào đang cần chia sẻ các tin tức, trao đổi các xúc động, và nuôi dưỡng ý chí chính trị để xác định một bản sắc tập thể. Khi những lớp sóng người vượt biển liên tiếp thoát ra khỏi Việt Nam, con số tị nạn lên tới hàng triệu người; nhu cầu thông tin lên cao, chỉ trong vòng mấy năm rất nhiều tờ báo đã xuất hiện để đáp ứng nhu cầu liên lạc đó. Có người đã nhại lời một người Pháp ngày xưa nhận xét "Trong mỗi người An Nam lại có một ông quan;" để nói đùa, "Trong mỗi người Việt tị nạn đều có một ông chủ báo." Các báo ra đời trong thời gian này thường do những ký giả chuyên nghiệp, các nhà văn và các nhóm hoạt động chính trị chủ trương, không có ai bỏ vốn làm báo để kinh doanh vì một tờ báo đủ sống đã là may rồi.

Trong số hàng trăm bản tin, tạp chí, tuần báo phổ biến ở nước ngoài trong ba bốn năm đầu tiên của thế giới người Việt tị nạn, sau cùng nhiều tờ báo đã ngưng, chỉ một số nhỏ tiếp tục phát hành với những số in khiêm tốn, thường vẫn dưới hình thức kinh doanh cá nhân hoặc gia đình. Nhật báo Người Việt đã đứng vững và phát triển được thành tờ báo có nhiều độc giả, với Người Việt Online được dăm chục ngàn người vào đọc mỗi này từ khắp năm châu, và

do một công ty tư làm chủ với vài chục cổ đông. Nguyên do quan trọng nhất có lẽ là cá tính và quan niệm sống của ông Đỗ Ngọc Yến đã thu hút được nhiều người cộng tác sẵn sàng chia sẻ với ông thú vui làm báo. Nhưng chính Đỗ Ngọc Yến thì vẫn cho rằng tờ báo do ông thành lập tồn tại lâu và phát triển được là vì người viết và người đọc đều sống trong một xã hội có tự do ngôn luận, tự do báo chí. Cho nên, ông quan niệm làm một tờ báo đàng hoàng là trả nợ cho xã hội, vì những quyền tự do mà mình được hưởng.

Khi công ty Người Việt khánh thành trụ sở mới ở cuối đường Moran, thành phố Westminster, Đỗ Ngọc Yến đã yêu cầu hoạ sĩ Nguyễn Thị Hợp vẽ bức bích hoạ mô tả cảnh các nhà lập quốc Hoa Kỳ đang bàn nhau viết bản hiến pháp; với chú thích là để tuyên dương Tu chính án số 1 bảo vệ các quyền tự do căn bản, trong đó có tự do báo chí. Đỗ Ngọc Yến tin tưởng một cách chí thành rằng nếu không có tự do báo chí thì không ai thể bắt đầu với hai bàn tay trắng mà làm nên một tờ nhật báo như nhóm Người Việt đã làm.

Trước hết, có tự do thì người đọc báo tha hồ lựa chọn. Đỗ Ngọc Yến rất chú ý đến những nhu cầu thông tin và tình tự chung của người đọc báo. Người ta đọc báo vì muốn được thông tin, vì những nỗi khát khao trong lòng muốn được chia sẻ. Người đọc sẽ lựa chọn. Tự do lựa chọn là một quyền kinh tế cơ bản, nhờ thế mà tờ báo và độc giả gặp gỡ nhau, nương tựa vào nhau. Như trong một nền kinh tế thị trường cạnh tranh, sau cùng chính các người tiêu thụ sẽ quyết định sản phẩm nào thành công, xí nghiệp nào tồn tại. Khi người đọc được tự do thì chính họ sẽ chọn nuôi sống tờ báo nào thoả mãn nhu cầu đọc báo của họ.

Nhưng trong tất cả các nhu cầu đó thì nhu cầu muốn biết thông tin trung thực là cao trội hơn cả. Từ thế kỷ trước ở nước ta, khi người ta nói "làm báo nói láo ăn tiền" thì một nguyên nhân chính là hoàn cảnh không cho phép những người làm báo nói sự thật, nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật. Các chính quyền thực dân và độc tài đều kiểm soát báo chí. Khi đó, người viết báo phải bịa đặt những chuyện viển vông hoang đường để "câu khách." Độc giả cũng có nhu cầu đọc các chuyện đó, biết rằng chỉ đọc để giải trí, đọc qua rồi bỏ, giống như khi trong làng có đám đánh nhau, chửi nhau thì hàng xóm chạy ra coi. Nhiều người làm báo còn dùng cơ quan ngôn luận của mình để sách nhiễu người khác ngõ hầu kiếm lợi, hoặc chỉ biết phục vụ quyền lực chính trị nhất thời. Nhưng nếu báo chí có quyền tự do và người đọc biết rằng có người làm báo cũng chỉ muốn loan những tin tức, những sự kiện đáng tin cậy, thì họ sẽ tìm đọc báo đó. Lúc đó nhu cầu tìm tin tức trung thực cao hơn nhu cầu giải trí. Cũng như trong một xã hội với hệ thống kinh tế lành mạnh thì hàng tốt sẽ lấn chiếm thị trường, mạnh hơn và đánh bạt hàng xấu. Tự do nâng cao giá trị của nghề làm báo mà cũng xác định trình độ độc giả cao hơn là khi nghề báo không có tự do. Đó là một niềm tin tưởng thâm sâu của Đỗ Ngọc Yến.

Quyền tự do báo chí cũng giúp các nhà báo sống bằng sự ủng hộ của độc giả chứ không lệ thuộc vào chính quyền hay các nhà tài phiệt. Nhờ thế mà nghề báo cũng là một hoạt động kinh doanh. Cứ làm một tờ báo đàng hoàng, dần dần tạo được niềm tin tưởng của độc giả, người làm báo có thể sống được. Nhà báo không phải lo mất giấy phép xuất bản, không lo việc phát hành bị chính quyền ngăn trở, không lo mất quyền mua giấy với giá trợ cấp, không phải nô lệ những điều cấm đoán, ràng buộc hay quyền ưu đãi mà các chế độ độc tài vẫn đặt ra để họ kiểm soát báo chí. Có tự do, người làm báo và độc giả tiếp xúc trực tiếp với nhau. Hai bên sẽ ăn ở với nhau đàng hoàng hơn, mọi người được nâng cao giá trị.

Đỗ Ngọc Yến tin tưởng nhiệt thành vào khả năng chọn lọc của độc giả trong một xã hội có tự do báo chí, cho nên ngay từ đầu ông đã cố giữ chủ trương chú trọng đến thông tin, cung cấp tin tức một cách càng đầy đủ, kịp thời, và càng khách quan, trung thực càng tốt. Ông tránh những tin tức do lời đồn đãi mang tới, dù đó là những tin hấp dẫn, do các nhân vật hoặc tổ chức có tiếng đưa ra. Ông tìm hiểu và theo các tiêu chuẩn thông tin quốc tế để nâng cao giá trị của tờ báo mình làm. Ông đã bị nhiều người và nhiều tổ chức chính trị chống đối vì muốn giữ vị trí độc lập.

Trong số những người đã xuất bản báo cùng một thời với tờ Người Việt, rất nhiều vị là những nhà báo giầu kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp hơn, viết báo viết văn hay hơn và nhanh hơn, quản trị cơ sở thương mại của tờ báo giỏi hơn Đỗ Ngọc Yến. Rất nhiều nhà báo có đủ các điều kiện chủ quan để làm báo giỏi, làm báo hay hơn Đỗ Ngọc Yến. Nhưng ít có ai mang

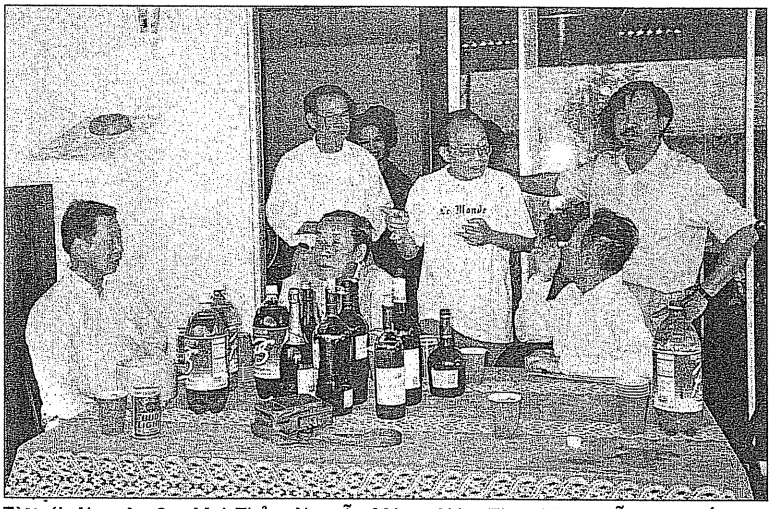

Từ trái, Nguyên Sa, Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Thụy Khuê, Đỗ Ngọc Yến, Võ Phiến, Hoàng Khải Phong

tấm lòng nhiệt tín vào nhiệm vụ thông tin trung thực khách quan như Đỗ Ngọc Yến. Ít có ai tin tưởng nhiệt thành như Đỗ Ngọc Yến, vào khả năng thẩm định của độc giả khi họ sử dụng quyền tự do thông tin để chọn lọc những gì họ muốn đọc. Và có lẽ đó là một yếu tố mạnh nhất giúp ông thành công.

Tất nhiên có những yếu tố khác giúp Đỗ Ngọc Yến thành công trong nghề báo, những đức tính của riêng ông và sự có mặt của bạn bè thân thiết từ thời hoạt động thanh niên ở Việt Nam đã góp tay với ông ngay những lúc tờ báo không có tiền trả lương cho ai đủ sống. Trong những năm đầu ông làm báo Người Việt, bà Lã Phương Loan là người duy nhất trong gia đình đi làm "nuôi đủ bốn con với một chồng" để ông theo đuổi một công việc mà ít người tin sẽ có kết quả nào đáng kể. Đức kiên nhẫn bền bỉ giúp ông chịu đựng cho tới khi vượt qua các trở ngại.

Yêu người

Một ký giả ngoại quốc, Seth Mydans viết một bài về Đỗ Ngọc Yến trên báo International Herald Tribune ngày 20 tháng Ba năm 2006 (sau viết bài nữa trên nhật báo New York Times ngày 17 tháng Năm), đã bắt đầu bài báo bằng câu chuyện Đỗ Ngọc Yến đối xử với một công sự viên không được việc. Nhiều đồng sự đề nghị cho anh ta nghỉ (everybody said the obvious: Fire him!) nhưng Đỗ Ngọc Yến nhất định giữ lại vì sợ nếu mất việc anh ta không có cách nào sống. Đỗ Ngọc Yến biện hộ thế này: "Ngay cả khi anh ta có khả năng thì anh ta vẫn cần có việc làm; nhưng vì anh ta không có khả năng, thì anh ta còn cần việc làm hơn nữa." Seth Mydans cũng viết Đỗ Ngọc Yến là "một người chủ biên di dân thích hợp nhất, trong cố gắng nối liền lối sống cũ và mới, và lâu lâu ông làm cho tất cả mọi người nổi giận vì ông nhất định giữ tính bao dung và không thiên lệch." Nhà báo ngoại quốc này không biết thêm một điều là chính nhờ đức bao dung của Đỗ Ngọc Yến mà tờ báo Người Việt tồn tại, khi ông lôi cuốn được các bạn bè cùng hoạt động thanh niên thời 1960 ở Sài Gòn năm xưa góp tay xây dựng tờ báo. Ngay từ lúc tờ Người Việt mới bắt đầu thành một cơ sở có khả năng kinh doanh, ông đã nghĩ tới việc chia sẻ với các anh chị em đã từng làm công tác xã hội với anh những năm còn ở trong nước. Ông yêu cầu các cổ đông đã đóng góp cho báo Người Việt phải dành một số cổ phần cho những anh chị đã chung sức đóng góp cho xã hội Việt Nam ngày trước mà nay không có mặt ở California, dù những người đó ở xa, kể cả những người lúc đó đang ở Việt Nam và còn bị giam giữ trong các trại tù cải tạo.

Câu chuyện đó mở đầu bài báo của Seth Mydans giới thiệu về Đỗ Ngọc Yến rất thích hợp. Ông không phải là người giỏi lý luận về thiệt hay lợi, không khéo tính toán trong trừu tượng; ông nghĩ đến con người cụ thể, đến sự sống của mỗi người chung quanh mình, từng người một.

Dù làm báo hay làm công tác thiện nguyện trong giới thanh niên, Đỗ Ngọc Yến không bao giờ đi xa tinh thần "giúp ích mọi người bất cứ lúc nào"của một hướng đạo sinh. Thế hệ ông được đào tạo trong môi trường lý tưởng như vậy, rất nhiều người lớn lên sống với lý tưởng chứ chẳng phải riêng mình ông. Mỗi người chọn một con đường thể hiện lý tưởng. Nhưng đối với Đỗ Ngọc Yến thì tấm lòng tin tưởng vào quyền tự do báo chí, tin tưởng những cơ hội mà tự do mang lại cho tất cả mọi người, tin tưởng khi được tự do thì loài người sẽ sống tốt đẹp hơn; chính niềm tin đó đã thúc đẩy ông nỗ lực đến cùng để cống hiến cho những người dùng tiếng Việt Nam có thêm một tờ báo có nhiều triển vọng trở thành hữu ích cho xã hội.

PNTR: Mưu Sự Tại Nhân, Thành Sự Tại Thiên?

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Sau khi bị nhiều tai tiếng tại quốc nội ít lâu nay qua những vụ tham nhũng làm rung động khắp thế giới, đến việc bầu bán dân chủ giả tạo của Đại Hội X, những nhà lãnh đạo Hà-Nội trông đợi hai sự kiện lớn trong năm 2006 để tạo uy tín quốc tế cho Việt-Nam. Đó là việc gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (World Trade Organization — WTO) và chuẩn bị Hội Nghị Hợp Tác Kinh Tế cho 21 quốc gia và lãnh thổ thuộc khu vực Á châu và Thái Bình Dương (Asia - Pacific Economic Cooperation — APEC) vào giữa tháng 11 năm nay.

Sau khi Việt-Nam không đạt được quy chế Thương Mại Bình Thường Vĩnh Viễn (Permanent Normal Trade Relations - PNTR) trước khi Quốc Hội Hoa-Kỳ nghỉ hè, hi vọng trở thành hội viên WTO của Việt-Nam trong năm nay trở nên mong manh.

Mặc dù được cảnh báo rất sớm rằng Việt-Nam cần phải kết thúc thoả hiệp WTO song phương với Hoa-Kỳ chậm nhất vào tháng 3/2006, mục tiêu đã không đạt được cho đến 31.5.2006. Thời gian còn lại giành cho Quốc Hội Hoa-Kỳ cứu xét và biểu quyết dự luật PNTR đã bị thâu hẹp lại đáng kể. Trong khi đó Việt-Nam đã không đo lường được mức độ phức tạp và cách vận hành của tiến trình dân chủ Hoa-Kỳ trong đó nguyện vọng của cử tri là yếu tố quyết định, nên vẫn tiếp tục coi thường những điều kiện do những nhà dân cử Hoa-Kỳ đặt ra với Việt-Nam.

Mặc dù dự luật PNTR đã qua được cửa ải đầu tiên là Ủy Ban Tài Chánh Thượng Viện (Finance Committee), tất cả những khó khăn đối với dự luật PNTR không giảm mà còn gia tăng và chờ đón Quốc Hội vào đầu tháng 9: (1) TNS Elizabeth Dole (Cộng Hòa, North Carolina) và TNS Lindsey Graham (Cộng Hòa, South Carolina) đã quyết định giữ Dự Luật PNTR lại cho đến khi giải quyết xong vấn đề nhập cảng hàng dệt may của Việt-Nam, (2) Ba Nghị Sĩ Cộng Hòa Sam Brownback (Kansas), Jim Bunning (Tennessee), và Gordon Smith (Oregon) lên tiếng đòi đặt điều kiện về nhân quyền và tự do tôn giáo, (3) DB William M. Thomas (Cộng Hòa, California), Chủ Tịch của Tiểu Ban Thuế Khoá và Ngân Sách (Ways and Means Committee) của Hạ Viện đòi giải quyết theo thứ tự Thoả Hiệp Thương Mại với Peru trước khi bàn đến Việt-Nam. Ngoài ra, người ta chờ đợi nhiều chống đối tại Hạ Viện nếu Hà-Nội không có những hành động cải thiện tình trạng đàn áp nhân quyền và tôn giáo cụ thể trước khi các nhà dân cử trở lại Washington, DC làm việc.

GS Đỗ Đức Dinh, Chủ Tịch Trung Tâm Nghiên Cứu Kinh Tế và Xã Hội tại Hà-Nội mới đây tuyên bố rằng "Đối với chúng tôi, đạt được quy chế thương mại bình thường với Hoa-Kỳ và gia nhập WTO là một thoả hiệp rất lớn. Nó không những làm gia tăng sự giao thương giữa chúng tôi với Hoa-Kỳ mà còn cả với những nước khác trên thế giới."

Hi vọng Dự Luật PNTR được Quốc Hội chấp thuận trước ngày 5/8/2006 đã tan thành mây khói. Tình hình mới nhất cho thấy Dự Luật PNTR có thể vượt ra khỏi tầm kiểm soát của cả hai chính phủ Hoa-Kỳ và Việt-Nam, nếu họ không mau chóng tìm cách thương lượng hợp lý. Hoàn toàn trái với hoàn cảnh của Việt-Nam, Hành Pháp của Hoa-Kỳ, trong khi phải bận tâm với chiến tranh Iraq, nay lại thêm cuộc xung đột tại biên giới Lebanon — Do Thái, không có đủ sức mạnh chính trị và thời gian để uốn nắn Lập Pháp.

Trái với sự mong ước và áp lực của Tòa Nhà Trắng, đa số các vị dân cử Hoa-Kỳ xem ra có khuynh hướng hoãn việc quyết định về Dự Luật PNTR đến năm sau. Ô. Daniel Griswold, một chuyên viên về chính sách thương mại của Cato Institute tại Washington, DC nhận định rằng "Việt-Nam sẽ gia nhập WTO, nhưng có thể phải đợi cho đến khi chu kỳ bầu cử trong năm nay chấm dứt." Như thế có nghĩa là vào mùa xuân 2007.

Nếu trường hợp này xẩy ra, mọi thủ tục lập pháp sẽ phải bắt đầu lại từ đầu với Quốc Hội mới (thứ 110), nghĩa là các dự luật PNTR sẽ

phải đệ trình, thảo luận và biểu quyết như cho một dự luật mới, chương trình phát triển kinh tế của Việt-Nam sẽ bị chậm lại và Việt-Nam sẽ mất cơ hội dán chữ "song hỷ" tại Hội Trường APEC để lần đầu tiên được chào mừng Tổng Thống Hoa-Kỳ George W. Bush, Tổng Thống Nga Vladimir Putin, Chủ Tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, và 18 vị nguyên thủ quốc gia và lãnh thổ khác. Vào đầu năm 2006, Đại Sứ Trần Trọng Toàn của Việt-Nam đã được tiến cử làm Giám Đốc Điều Hành thứ 14 của Văn Phòng APEC, một chức vụ cao nhất của tổ chức này, nhân dịp Việt-Nam lãnh trách nhiệm tổ chức Hội Nghị APEC 2006.

Để chuẩn bị cho Hội Nghị này, Việt-Nam đã gần hoàn tất một thành phố hành chánh tân tiến mới theo tiêu chuẩn quốc tế tại khu Từ Liêm ở về phía Tây Nam Hà-Nội, với một trung tâm hội nghị tối tân, một khách sạn lớn năm sao, những biệt thự dành cho những giám đốc điều hành công ty, những tòa nhà cao ốc để làm văn phòng và để ở và những đại lộ rộng rãi. Những nhà lãnh đạo Việt-Nam sẽ phải đè nén bớt sự kiêu hãnh nếu chưa vào được WTO năm nay.

Vào đầu mùa xuân năm nay, ô. Mathew Daley, Chủ tịch Hội đồng Thương Mại Mỹ - ASEAN (US-ASEAN Business Council), cầm đầu một phái đoàn đại diện 21 công ty hàng đầu Hoa Kỳ đến thăm Việt Nam. Ông đề nghị Việt-Nam nên hoãn đại hội đảng để tập trung khả năng giải quyết cho xong việc đàm phán gia nhập WTO. Ông Mathew Daley cũng đã nói rằng đối với ông, việc Việt Nam gia nhập WTO còn quan trọng hơn so với việc Việt nam lo tổ chức Hội Nghị APEC.

Thật là dễ hiểu là Việt-Nam đã không làm như lời đề nghị của ô. Daley. Bà Thứ trưởng Bộ Tài Chính Lê thị Băng Tâm cho biết vấn đề này không thuộc thẩm quyền của bà, nhưng cho rằng Việt-Nam quyết tâm thực hiện song song cả hai việc là tổ chức đại hội đảng cũng như kết thúc đàm phán gia nhập WTO.

Tương tự như vậy, nếu bây giờ Việt-Nam mong muốn các nhà dân cử Mỹ nên hoãn lại cuộc vận động tranh cử để lo cho xong vụ PNTR của Việt-Nam. Trường hợp này khó khăn hơn gấp bội, nếu không muốn nói là không tưởng.

Trên nguyên tắc Việt-Nam không cần phải có PNTR mới có thể gia nhập cơ quan thương mại này. Thật vậy, trong trường hợp Hoa-Kỳ từ chối Việt-Nam quy chế PNTR, Hoa-Kỳ chỉ cần phải viện dẫn điều khoản XIII của Thoả Hiệp WTO để đồng ý cho Việt-Nam loại Hoa-Kỳ ra khỏi danh sách những nước được hưởng quy chế tối huệ quốc của Việt-Nam theo luật đối xứng. Phần đông các chuyên viên không nghĩ rằng trường hợp này sẽ xảy ra trên thực tế. Một phần vì Hoa-Kỳ không từ chối Việt-Nam quy chế PNTR. Vấn đề này còn đang được thảo luận. Lý do khác là Việt-Nam không thể không có thị trường Hoa-Kỳ nếu muốn phát triển mau chóng.

Nếu áp dụng câu "Mưu Sự Tại Nhân, Thành Sự Tại Thiên" cho Dự Luật PNTR thì không đúng. Cả Hoa-Kỳ lẫn Việt-Nam đều phải chia sẻ trách nhiệm về sự trễ nãi hiện nay. Hoặc giả đôi bên đợi đến giờ thứ 24 để kết thúc cuộc điều đình. Trong mọi trường hợp thời gian không là đồng minh của Việt-Nam.

07–08-2006

HASSAN NASRALLAH
và tổ chức HEZBOLLAH

NGUYỄN ANH TUẤN

Trong cuộc họp báo ngày 14-08 vừa qua để nói đến thoả ước ngưng bắn tạm thời tại Lebanon, lời nhận xét của Tổng Thống George W. Bush, về kết quả sau 33 ngày giao tranh giữa quân đội Do Thái và lực lượng dân quân Hezbollah, rằng tổ chức Hezbollah đã bị đánh bại lại càng khiến cho nhiều nhà quan sát thời cuộc phải ngẩn người và tiếp tục ngạc nhiên trước những lời nói thiếu suy xét và xác thực, nếu không nói là hồ đồ, của vị nguyên thủ quốc gia đệ nhất siêu cường, vốn từ nhiều năm qua đã bị đa số công luận và giới truyền thông trên thế giới đánh giá khá tệ về khả năng nhận định thời sự cũng như cung cách ứng xử. Phải chăng ông Bush, vì cứ phải tiếp tục cương quyết tin vào lập trường của mình đến mức gần như ngoan cố nên không bao giờ chịu nhìn nhận những thất bại hay có thể chấp nhận một thực tại phũ phàng hơn khi những sự việc xảy ra ngoài đời không như những gì mà ông và bộ tham mưu ở Bạch Cung cứ hằng mơ ước? Đây là những lời nguyên văn của TT Bush: "*Hezbollah đã khơi mào lên vụ khủng hoảng, và Hezbollah đã phải chịu thảm bại trong cuộc khủng hoảng này. Và lý do tại sao bị thất bại là vì, là vì trước tiên, sẽ có một thế lực mới tại vùng phía nam của Lebanon, và đó là lực lượng của Lebanon với sự tiếp tay của một lực lượng quốc tế hùng mạnh để hỗ trợ họ nắm quyền kiểm soát đất nước, nhất là phần đất phía nam đó.*"

Sự thật có đúng như vậy không? Đến ngay như ông Tony Snow, phát ngôn viên của Toà Bạch Ốc, khi được hỏi nhận định về kẻ thắng người thua trong cuộc tranh chấp này, cũng không dám đưa ra những lời xác quyết mạnh mẽ như vậy. Câu trả lời tránh né khá tài tình của ông Snow ít ra cũng còn dễ nghe hơn: "*Tôi cũng không chắc chắn lắm, chỉ có điều biết chắc bây giờ là giải pháp ngoại giao đã thắng.*"

"*Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng,*" hình như đó là câu nói trong binh pháp Tôn Tử mà bất cứ các vị chỉ huy quân sự nào cũng đều phải học nằm lòng. Với cương vị là tổng tư lệnh tối cao quân đội Hoa Kỳ, liệu TT Bush có hiểu rõ ý nghĩa thâm thuý của câu nói đó hay không để mong nắm lấy được phần thắng trong cái gọi là cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu mà chính quyền và bộ máy quân sự của Hoa Kỳ dưới triều đại của ông đã rêu rao và huênh hoang phát động từ nhiều năm qua? Bằng không, thì cái hậu quả tai hại mà ê-kíp của ông sẽ để lại, không những chỉ có cho dân chúng Hoa Kỳ mà luôn cả thế giới, trong những năm kế tiếp sẽ nặng nề và tốn kém khôn lường.

Thật vậy, đến ngay như cả Do Thái, sau hơn một tháng trời tấn công trả đũa dữ dội với khoảng 15,000 phi vụ không kích vào hàng trăm mục tiêu và phá nát phần lớn hạ tầng cơ sở ở Lebanon, cũng còn không dám huyên hoang rằng Hezbollah đã bị thảm bại, xuyên qua những lời công kích mới đây của nhiều quân nhân Do Thái vừa từ chiến trường trở về, cũng như lời thú nhận gián tiếp của Thủ Tướng Ehud Olmert của Do Thái rằng họ sẽ phân tích lại những "khiếm khuyết" trong cuộc chiến ngắn ngủi vừa qua. Nói một cách tóm tắt, hầu hết các chuyên gia quân sự cũng như các quan sát viên am tường nội vụ đều nhìn nhận rằng, trong cuộc đụng độ vừa qua, tuy tổ chức Hezbollah phải hứng những trận đòn tấn công dữ dội của không lực Do Thái và gánh lấy một số thiệt hại đáng kể về nhân mạng và vũ khí, nhưng giờ đây lại chiếm một vị thế mạnh mẽ hơn bao giờ hết, nhất là về mặt chính trị. Ngược lại, Do Thái, sau vụ này, đã bị đánh giá là đã mất đi cái hào quang vô địch về quân sự trong vùng Trung Đông. Ảnh hưởng và uy thế của Hoa Kỳ trong

vùng này, với việc chính quyền Bush ủng hộ mạnh mẽ và và cố ý làm ngơ để cho không lực Do Thái dội bom dữ dội lên Lebanon, do đó cũng bị suy giảm nặng nề theo. Chính quyền của Lebanon dưới thể chế dân chủ còn mong manh, non nớt dĩ nhiên cũng bị suy yếu theo trong cuộc đụng độ này. Và những người thua cuộc nhất trong cuộc chiến không ai khác hơn chính là người dân của nước Lebanon, vốn chỉ mới hưởng được chút thanh bình ngắn ngủi trong vài năm qua sau một cuộc nội chiến kéo dài bắt đầu từ giữa thập niên 70, kéo theo sự đô hộ của quân đội Do Thái cho đến năm 2000, giờ đây lại phải hứng chịu những hoang tàn đổ nát khác với một tương lai bất định.

Đó cũng là nhận xét của ông Milt Bearden, một cựu viên chức cao cấp của CIA, chuyên gia kỳ cựu đặc trách về Liên Sô và Đông Âu, từng là giám đốc trú sứ tình báo Mỹ tại Sudan và Hồi Quốc (Pakistan), cũng như đã chỉ huy chiến dịch hỗ trợ ngầm cho lực lượng Hồi-giáo tại A Phú Hãn kháng chiến chống lại cuộc xâm lăng của quân đội Liên Sô trong thập niên 80. Ông Bearden, giờ đây là một chuyên gia tư vấn và là một thành viên trong ban giám đốc của tổ chức Conflicts Forum, một tổ chức quy tụ những chuyên viên từng tham chiến giờ đây chủ trương và đẩy mạnh việc thương thảo giữa các tổ chức Hồi-giáo và các quốc gia phương Tây để giải quyết những xung đột, đã nhận xét: "*Ở những điểm quan trọng đáng nói, thì rõ ràng là Hezbollah là kẻ thắng cuộc. Đối với quân đội Do Thái, trong vụ này họ không thắng trận tức là đã thua rồi. Còn đối với một lực lượng dân quân ô hợp như Hezbollah, việc họ không bị tiêu diệt bởi không lực hùng mạnh của Do Thái tức phải được coi như là một chiến thắng.*"

Hezbollah được khai sinh năm 1982 bởi nhóm giáo sĩ Hồi giáo sau khi Israel xâm chiếm Libăng

Đối với TT Bush và phe Cộng Hoà nắm quyền đa số tại Quốc Hội Mỹ trong thời gian qua, đề tài chống khủng bố và giữ gìn an ninh cho Hoa Kỳ là lá bài ăn khách nhất để họ tiếp tục đem ra hù doạ dân chúng Mỹ và ngầm cho biết là chỉ có họ mới có đủ đức tính cương quyết để dẹp tan các tổ chức khủng bố như Al Qaeda, thủ phạm chính của vụ 9/11, trong khi những ai chống đối lại (ám chỉ phe Dân Chủ) là những thành phần hèn yếu, nhu nhược, chỉ chực chờ thương thuyết hay thoả hiệp với kẻ thù. Thật vậy, trong một bài diễn văn đọc tại Miami trong tháng trước, TT Bush đã tuyên bố rằng cuộc đụng độ giữa Do Thái và phe Lebanon là một phần của cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu do Hoa Kỳ lãnh đạo: "*Cuộc khủng hoảng hiện nay là một phần trong cuộc chiến đấu to lớn hơn giữa những lực lượng của chủ nghĩa tự do đối đầu với những lực lượng khủng bố tại Trung Đông.*"

Thế nhưng trong thực tế, việc sát nhập Hezbollah vào thành phần khủng bố như tổ chức Al Qaeda là một sự đơn giản hoá thiếu thận trọng và tinh tế để không thấy những mục tiêu và phương thức hành động khác nhau của những tổ chức này, và từ đó có thể hoạch định ra những chính sách đối phó cho thích hợp. Cho dù lực lượng Hezbollah có khả năng cũng như đã có quá trình tấn công giết hại người Mỹ, tổ chức này hiện nay không có kế hoạch cũng như chiến lược nào nhằm tấn công Hoa Kỳ. Ngược lại, Al Qaeda và những tổ chức tương tự hay bắt chước theo vẫn tiếp tục đeo đuổi chính sách tấn công vào những quyền lợi và cơ sở của Hoa Kỳ và phương Tây, điển hình như kế hoạch bị phá vỡ mới đây của những tay Hồi-giáo cực đoan tại Anh Quốc âm mưu cho nổ tung hàng loạt các máy bay từ Anh sang Mỹ bằng một thứ vũ khí mới là các loại bom chế biến bằng chất lỏng.

Gần như hầu hết các chuyên gia về chống khủng bố đều có cùng nhận định rằng Hezbollah, một tổ chức Hồi-giáo Shiite được bảo trợ bởi Syria và Ba Tư (Iran), quả thật có khả năng để tấn công vào các mục tiêu của Hoa Kỳ. Thật vậy, trước ngày vụ nổ bom khủng bố 9/11 xảy ra, đây là tổ chức đã gây thiệt hại nhiều nhất cho Hoa Kỳ về nhân mạng. Tuy nhiên, kể từ thập niên 1990 trở đi, tổ chức

Hezbollah đã không còn nhắm vào Hoa Kỳ, mà chú trọng mũi dùi tấn công vào các mục tiêu của Do Thái. Trong tháng Tư vừa qua, bản Thẩm Định Tình Báo Quốc Gia (National Intelligence Estimate), tức là bản báo cáo tổng hợp và tối cao của ngành tình báo Hoa Kỳ liên quan đến nền an ninh của nước Mỹ được phúc trình mỗi ba tháng một lần lên Tổng thống và các lãnh tụ của Quốc Hội Mỹ, đưa ra lời nhận xét rằng trong số những tổ chức khủng bố có ảnh hưởng trên toàn cầu, Hezbollah là tổ chức duy nhất hiện nay không có kế hoạch tấn công hay sát hại dân Mỹ. Tuy nhiên, bản báo cáo đó cũng đưa ra mối lo ngại từ phía các giới chức tình báo quốc gia rằng nếu như Hoa Kỳ tấn công Ba Tư nhằm triệt hạ chương trình hạch tâm của nước này, nhiều phần là Ba Tư sẽ dùng Hezbollah để tấn công trả đũa lại lên các mục tiêu của Hoa Kỳ. Ông Dennis Pluchinsky, một chuyên viên cao cấp phục vụ hơn 28 năm trong ngành chống khủng bố ở Bộ Ngoại Giao Mỹ, cũng có cùng nhận định: "*Tôi không nghĩ là Hezbollah có một tham vọng to lớn trên toàn cầu. Al Qaeda thì đã phát động một cuộc thánh chiến toàn cầu. Al Qaeda và những thành viên Hồi-giáo cực đoan thực sự tin tưởng vào sứ mạng dùng đạo Hồi để ngự trị khắp nơi trên địa cầu. Hezbollah thì tỏ ra thực tế hơn, họ chỉ muốn thiết lập một thể chế theo Hồi-giáo trên vùng đất Lebanon.*"

Trong cuộc chiến kéo dài 33 ngày vừa qua, phía Lebanon đã có khoảng 1000 người bị thiệt mạng và gần một triệu người phải sơ tán với những thiệt hại lên đến 2 tỉ Mỹ-kim, nhưng Do Thái cũng phải trả một cái giá khá đắt với hơn 100 quân nhân bỏ mạng nhưng cuối cùng cũng không tận diệt được Hezbollah sau khi đã được chính quyền Mỹ bật đèn xanh cho phép không kích thả giàn lên Lebanon. Kết quả sau cùng, Do Thái đành phải chấp nhận ký kết thoả ước ngưng bắn với Hezbollah và rút khỏi Lebanon để cho quân đội của nước này, với sự hỗ trợ của lực lượng quân nhân gìn giữ hoà bình của Liên Hiệp Quốc đảm trách an ninh tại vùng phía nam của Lebanon, đồng thời tiến đến việc giải giới Hezbollah. Tuy nhiên, chính ông Ahmad Fatfat, bộ trưởng nội vụ trong chính phủ Lebanon của Thủ tướng Fuad Saniora, cũng nhìn nhận một thực tế là lực lượng an ninh và quân đội của Lebanon hiện nay không có khả năng để đối đầu hay để giải giới lực lượng Hezbollah. Điều trớ trêu là chính quyền Bush, khi để mặc cho không lực của Do Thái tiếp tục dội bom lên Lebanon với mong ước là lợi dụng thời cơ này để ra tay tận diệt cho bằng được một cái gai gây khó khăn cho quân đội Do Thái từ nhiều năm qua, cuối cùng cũng đã làm suy yếu đi quân đội và lực lượng an ninh của chính quyền Lebanon khi hàng ngàn phi vụ không kích của Do Thái đã tàn phá gần hết hạ tầng cơ sở trong nước khiến cho chính phủ của ông Saniora trở nên gần như kiệt quệ trước trọng trách phải tái thiết đất nước này.

Điều quan trọng hơn hết, là về mặt tâm lý, dù có chống đối với Hezbollah trước đó cũng như không cùng tôn giáo theo hệ phái Shiite của tổ chức này, đa số dân chúng cũng như các chính trị gia tại Lebanon hiện nay đều quay sang ủng hộ, xen lẫn chút tự hào, lực lượng dân quân này vì đã có công đẩy lui được quân lực hùng mạnh của Do Thái ra khỏi bờ cõi của Lebanon lần thứ hai, một thành tích ly kỳ mà chưa có một quốc gia Ả Rập nào dám mơ ước trong quá khứ. Và lãnh tụ của Hezbollah, giáo sĩ Hassan Nasrallah, đã tạo được một hào quang anh hùng đáng kể mà những lãnh tụ Ả Rập nổi danh trong quá khứ như Gamal Nasser của Ai Cập cũng chưa bao giờ đạt được. Thật vậy, lần thứ nhất khi quân đội hùng mạnh của Do Thái phải bó tay thúc thủ vì không tận diệt được Hezbollah xảy ra vào năm 2000 khi Do Thái phải rút quân khỏi Lebanon sau 18 năm trời chiếm đóng và sa lầy tại đây. Và lần này, với hơn 15,000 phi vụ tấn công tới tấp lên các mục tiêu khắp lãnh thổ Lebanon, triệt hạ đường tiếp tế từ Syria chạy sang Lebanon, cũng như sử dụng các loại bom tinh khôn để có thể tận diệt các hầm trú ẩn kiên cố của các lãnh tụ Hezbollah, và sau cùng phải quyết định đổ bộ lên miền nam Lebanon để mong tạo được một vùng trái độn an toàn hầu tránh pháo kích của Hezbollah, cuối cùng quân đội của Do Thái cũng phải thúc thủ để ký vào thoả ước ngưng bắn trước áp lực chống đối dâng cao mỗi ngày từ khắp nơi về sự trả đũa tàn bạo và quá đáng của quân đội Do Thái.

Vậy Hezbollah, một tổ chức dân quân ô hợp với số lượng khoảng vài ngàn tay súng, với sự tiếp tay hỗ trợ của khoảng hơn chục ngàn dân quân khác trong vai trò giao liên, chỉ điểm và tiếp vận, đã có chiến lược chiến thuật thần kỳ nào để đạt được thành quả phi thường đó?

Làm sao một tổ chức xuất thân từ một nhóm khủng bố cách đây hơn hai thập niên giờ đây

lại biến thái để trở thành một lực lượng đáng kể gây khó khăn không nhiều cho đối phương hùng mạnh gấp bội lần? Câu trả lời có thể được tóm gọn trong ba yếu tố: kinh nghiệm, khả năng lãnh đạo và Ba Tư.

Hezbollah (có nghĩa là Đảng của Thượng Đế) được thành lập vào năm 1982 bởi những chiến sĩ Hồi-giáo quá khích và lực lượng Vệ Binh Cách Mạng dưới trào của giáo sĩ Ruhollah Khomeini, lãnh đạo cuộc cách mạng Hồi-giáo ở Ba Tư vào năm 1979, được gửi sang để hỗ trợ cuộc chiến chống lại cuộc xâm lăng của Do Thái lên phần đất phía đông của Lebanon (Do Thái muốn tiễu trừ các thành phần khủng bố Palestine của lãnh tụ Yasser Arafat lúc bấy giờ đang lẩn trốn ở Lebanon để tấn công vào Do Thái). Lúc ban đầu nhắm vào khối dân Shiite, một trong những thành phần thiểu số ở Lebanon, tổ chức Hezbollah tìm cách chiêu dụ những phần tử cực đoan sẵn sàng ôm bom tự sát trong sứ mạng tử vì đạo. Từ đó nảy sinh ra chiến thuật ôm bom tự sát để có thể diệt được đối thủ hùng mạnh hơn. Hiệu quả của chiến thuật này gây chấn động mạnh vào năm sau khi những tay cảm tử lái xe tải có chứa đầy chất nổ đâm thẳng vào một trại lính của Thuỷ Quân Lục Chiến Mỹ đóng quân tại thủ đô Beirut, gây tử thương cho 241 quân nhân Hoa Kỳ, đồng loạt với một vụ nổ bom cảm tử khác gây thiệt hại cho 56 quân nhân Pháp. Chính vụ nổ bom này đã làm cho TT Reagan (người thường được đánh bóng là vị tổng thống cương quyết dám mạnh tay với kẻ thù) phải nản chí trước cái giá quá đắt cho một cuộc chiến xâm lăng và quyết định rút quân Mỹ ra khỏi chiến trường Trung Đông. Những năm sau đó, Hezbollah còn tung ra những đòn tấn công khác như các vụ cướp máy bay hay bắt cóc các thường dân Mỹ hay phương Tây làm con tin.

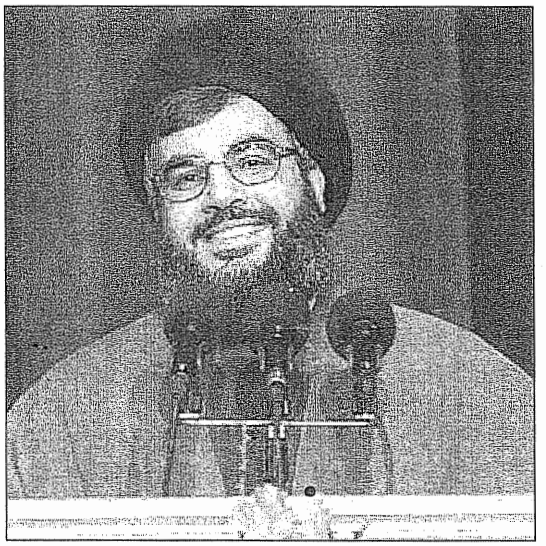
Hassan Nasrallah

Vào năm 1992, quân đội Do Thái dùng trực thăng để ám sát thủ lãnh của Hezbollah là Abbas al-Musawi cùng với vợ con. Người được lên thay để kế thừa vai trò chỉ huy là một giáo sĩ trẻ 32 tuổi, Hassan Nasrallah, trong vai trò tổng thư ký, với một đường hướng lãnh đạo mới có phần bớt khắt khe hơn nhưng vẫn vô cùng hiệu quả với một mục tiêu duy nhất là chống lại sự chiếm đóng của Do Thái trên lãnh thổ của Lebanon. Chỉ vài ngày sau khi cựu lãnh tụ al-Musawi bị ám sát, Hezbollah đã trả đũa bằng một loạt các hoả tiễn Katyusha (loại hoả tiễn 122 ly nổi tiếng mà Việt Cộng đã thường bắn vào nhà dân tại SàiGòn dịp sau Tết Mậu Thân) nhắm về phía Do Thái. Vài tuần sau đó, toà đại sứ Do Thái ở thủ đô Buenos Aires của Á Căn Đình cũng bị cho nổ tung bởi một tay ôm bom tự sát. Qua năm 1994, một vụ nổ bom cảm tử khác cũng đã nhắm vào một trung tâm sinh hoạt của Do Thái tại Á Căn Đình. Chính những vụ nổ bom tấn công này, cho dù đã được phủ nhận trách nhiệm bởi giáo sĩ Nasrallah, đã khiến cho các chính quyền ở Do Thái và Hoa Kỳ coi tổ chức Hezbollah là một nhóm khủng bố, có đặc tính là luôn cương quyết tìm cách trả thù.

Thế nhưng, song song với những đợt tấn công bằng các vụ ôm bom tự sát, Hezbollah cũng phát triển mạnh trên nhiều địa hạt khác để trở thành một lực lượng chính trị quan trọng tại Lebanon. Nhằm phục vụ cho nhiều tầng lớp dân chúng nghèo trong nước, Hezbollah đã thành lập nhiều trường học và các nhà thương thí để cung ứng các dịch vụ công cộng về mặt y tế và xã hội, đồng thời cũng cởi mở hơn trong những chính sách cai trị dân, không còn nghiêm cấm việc uống rượu hay cờ bạc cũng như cho phép phụ nữ được tự do hơn trong sinh hoạt hàng ngày. Đời sống người dân trong vùng kiểm soát của Hezbollah trở nên thoải mái hơn, và nhờ đó cũng giúp cho những thành viên của Hezbollah được đắc cử vào Quốc hội cũng như có chân trong nội các liên hiệp của Lebanon.

Nhưng nền tảng chính trị và quyền lực của Nasrallah và Hezbollah nằm ở chủ trương trước sau như một là tinh thần kháng chiến để chống

lại sự có mặt của đoàn quân xâm lăng của Do Thái tại miền nam Lebanon. Lực lượng dân quân của Hezbollah, với sự tiếp tay và hỗ trợ đắc lực về vũ khí và tiền bạc từ hai nước Syria và Ba Tư, tiếp tục con đường kháng chiến trường kỳ, nghiên cứu ưu và khuyết điểm của đối phương để rút tỉa ra những bài học quý giá cho những trận chiến mới.

Dĩ nhiên, tất cả những kế hoạch trên đều cần phải có một nguồn tài trợ dồi dào để trang trải chi phí. Và trong thực tế, thì quả tình Hezbollah đã được tài trợ hết sức dồi dào. Theo tin tức tình báo của Do Thái thì có lẽ Ba Tư đã chi viện cho Hezbollah mỗi năm một ngân khoản chừng 100 triệu Mỹ-kim. Đồng thời, Hezbollah cũng nhận được tiền ủng hộ cũng như là "tiền hụi chết" từ phía các tay nhà giầu gốc Shiite tại Lebanon cũng như ở nhiều quốc gia khác; cộng với lợi tức thu thập được từ nhiều nguồn kinh doanh hợp pháp cũng như bất hợp pháp tại nhiều nước trên thế giới. Nhờ vậy mà Hezbollah, khác với tổ chức PLO và nhóm dân Palestine chỉ biết chống lại các xe tăng của Do Thái bằng các hành động ném đá hay thảy bom xăng, đã biết tích tụ để khi cần đem ra sử dụng những loại vũ khí tối tân như các loại mìn và hoả tiễn chống chiến xa, các hệ thống liên lạc tân kỳ như GPS (định vị qua vệ tinh), cũng như có thể trang bị cho các chiến sĩ của mình đầy đủ các "món đồ chơi" đáng ngại từ súng AK, lựu đạn, súng phóng lựu, moọc-chê, áo giáp, mặt nạ và kính hồng ngoại tuyến không thua gì các quân nhân biệt kích hay lực lượng đặc biệt, và do đó đã được đánh giá là một lực lượng kháng chiến quân hùng mạnh nhất hiện nay. Về vũ khí hạng nặng, Hezbollah có đủ loại hoả tiễn tầm ngắn (như loại Katyusha 122 ly có tầm bắn từ 16 đến 32 cây số) đến trung (như các phi đạn Fajr-3 và Fajr-5 có tầm bắn đến 80 cây số như các đợt phóng của Hezbollah trong cuộc chiến vừa qua bắn vào thành phố cảng Haifa của Do Thái). Ngoài ra Hezbollah còn có thể sở hữu một số phi đạn tầm xa Zelzal do Ba Tư cung cấp, với tầm bắn xa đến 130 cây số, tức là có thể tấn công đến thủ đô Tel Aviv, tuy rằng chi tiết này chưa được kiểm chứng chính xác cũng như có thể vì lý do Ba Tư chưa cho phép Hezbollah được sử dụng để bảo toàn bí mật quân sự.

Giới chức tình báo của Hoa Kỳ cho rằng sau ngày Do Thái rút quân ra khỏi Lebanon vào năm 2000, cả Syria lẫn Ba Tư đều đã dùng thời gian này để tiếp tục viện trợ cho Hezbollah nhiều dụng cụ truyền tin bằng vệ tinh tối tân cùng với vô số vũ khí lợi hại như các loại hoả tiễn chống chiến xa và các loại mìn cực mạnh để có thể đối phó với hoả lực hùng mạnh và kiên cố của Do Thái. Một trong những thí dụ cho đường giây tiếp tế này đã xảy ra vào cuối năm 2003, khi một trận động đất dữ dội đã xảy ra tại thị trấn Bam ở miền đông nam Ba Tư gây thiệt mạng cho khoảng 35,000 người. Các nước khác đều đổ xô đến cứu trợ cho chính quyền Ba Tư, kể cả Syria. Thế nhưng giới tình báo Do Thái cho rằng các máy bay vận tải của Syria khi rời khỏi Ba Tư cũng đã mang theo rất nhiều loại vũ khí tối tân khác, trong đó có các phi đạn tầm xa Zelzal, để rồi sau đó Syria lại chuyển sang cho Hezbollah qua trục giao thông từ Damascus đến Beirut.

Ngoài việc viện trợ vũ khí, Syria và Ba Tư cũng tìm cách huấn luyện cho nhóm dân quân của Hezbollah biết cách sử dụng các loại chiến cụ mới cho hiệu quả. Và chính khả năng của Hezbollah lần này biết cách sử dụng các loại hoả tiễn để tiêu diệt một số xe tăng tối tân Merkava của quân lực Do Thái đã làm chậm bước tiến của đoàn quân xâm lăng thay vì như họ đã tiến chiếm thủ đô Beirut dễ dàng trong vòng chín ngày như hồi năm 1982. Theo lời của Chuẩn tướng Yossi Kuperwasser, trưởng ban phân tích tình báo của Do Thái, thì lính Hezbollah đã biết dùng các loại hoả tiễn chống chiến xa này như là một thứ pháo binh để nhắm thẳng vào các toà nhà đóng quân của Do Thái. Với hệ thống địa đạo chôn dưới lòng đất, lính Hezbollah có thể trồi lên mặt đất bất cứ lúc nào, lại thêm được hỗ trợ về giao liên và thông tin bởi những toán dân quân khác giả dạng thường dân để chỉ điểm nơi đóng quân địch, nên có thể nhắm bắn đối phương dễ dàng, để rồi sau đó lại lẩn trốn tiếp vào hệ thống hầm sâu để tránh bị không quân Do Thái trả đũa. Cùng lúc đó thì các loại bom nội hoá – đã được thử nghiệm một cách hiệu quả tài tình tại chiến trường Iraq trong ba năm qua để tấn công vào các đoàn công voa của quân đội Mỹ – cũng đã được gài đặt khắp nơi để tiêu diệt các đoàn chiến xa của Do Thái. Ngoài ra, việc Hezbollah biết sử dụng loại phi đạn địa-đối-hải C-802 để bắn vào tầu chiến của Do Thái cũng là một ngạc nhiên rất lớn trong trận chiến này, khiến cho các nhà lãnh đạo quân sự của Do Thái lần này phải chùn chân và e dè trong cuộc tiến

quân xâm lăng vì sợ sẽ gặp thêm tổn thất nặng nề khác.

Cũng theo lời của ông Kuperwasser, cố TT Hafez al-Assad của Syria thường giới hạn chặt chẽ số lượng vũ khí tiếp viện cho Hezbollah để có thể kiểm soát kỹ lưỡng hơn tổ chức dân quân này. Tuy nhiên đến khi ông con là Bashar lên nắm quyền sau ngày ông Hafez chết vào năm 2000 thì dường như đường tiếp tế vũ khí này được thả lỏng nhiều hơn. Trong số các loại vũ khí hạng nặng mà Syria tiếp tế cho Hezbollah, phải kể đến các loại hoả tiễn 220 ly và 302 ly cùng với các loại phi đạn chống xe

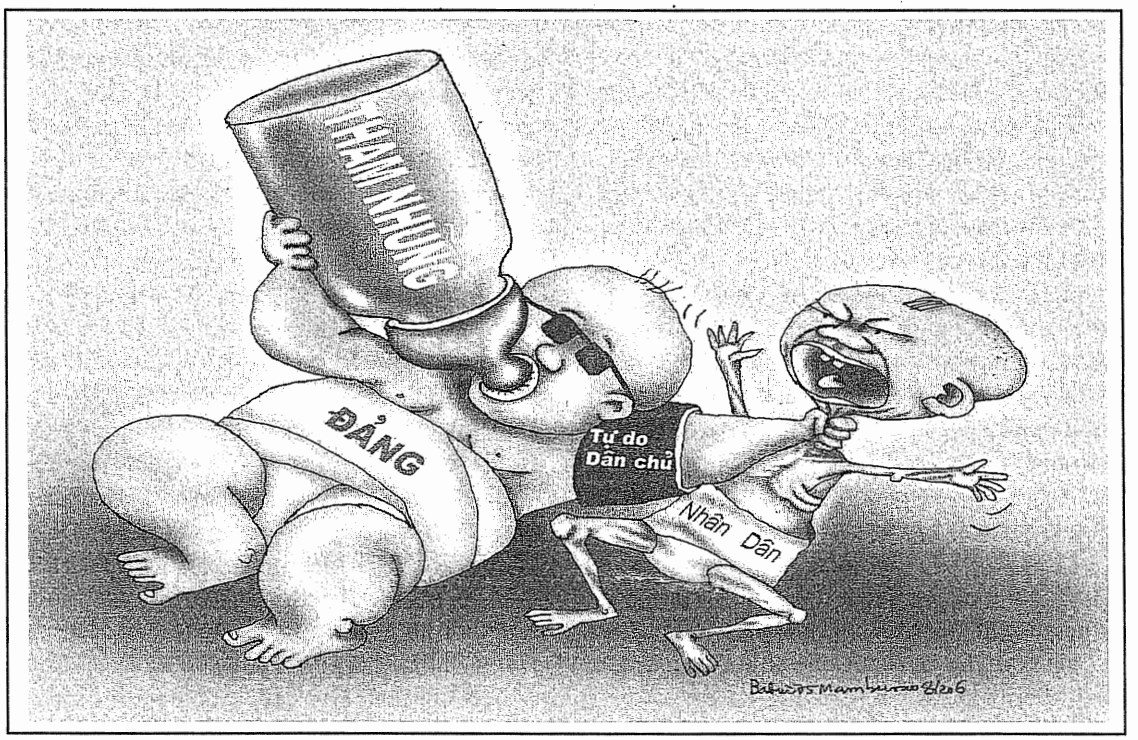

tăng do Nga chế tạo như Metis và RPG-29. Đây là những loại hoả tiễn đặc biệt có sức công phá hai thì, với viên đạn thứ nhất có công dụng xuyên thủng lớp bọc thép bảo vệ, và để cho viên đạn thứ hai vào sau nổ tung bên trong gây thiệt hại nhân mạng. Nhiều giới chức tình báo và quân sự của Do Thái còn cho rằng trong lần đụng độ này, dường như phe Hezbollah còn chưa tung ra hết toàn bộ hoả lực, vì muốn chờ đợi và dụ cho các đoàn bộ binh của Do Thái tiến sâu hơn vào Lebanon và xa rời các đường tiếp tế, để từ đó họ sẽ dễ dàng xuất hiện dùng các loại hoả tiễn chống chiến xa này để tiêu diệt kẻ thù. Điều này giải thích một phần nào sự chần chừ và e ngại của quân đội Do Thái trên bước đường tiến quân đổ bộ sâu vào lòng địch để mong diệt trừ được hết các hang ổ của Hezbollah chôn sâu dưới lòng đất.

Thật vậy, trong các cuộc chiến trước đây giữa Do Thái và các quốc gia Ả Rập khác như đã xảy ra vào năm 1967 và 1973, tuy là một quốc gia nhỏ bé về diện tích lẫn nhân số, nhưng với hoả lực hùng hậu và siêu việt của mình (do Hoa Kỳ cung cấp các loại vũ khí tối tân nhất), không lực của Do Thái đã làm chủ chiến trường mau lẹ với các đợt không kích triệt tiêu không lực của đối phương và tấn công vào các trung tâm đầu não cũng như các kho vũ khí để từ đó nắm lấy thế thượng phong. Hậu quả là chỉ trong vòng vài ngày, đối phương phải chịu thua vì nếu không sẽ bị các máy bay của Do Thái tiếp tục tiêu diệt tan nát. Điều này giải thích tại sao về mặt quân sự, các nước Ả Rập trong vùng từ đó về sau không bao giờ còn dám có ý tưởng khiêu chiến với Do Thái vì sợ bị trả đũa nặng nề hơn, và đó cũng là lý do tại sao Ai Cập, một cường quốc Ả Rập thời đó, cuối cùng cũng phải chịu ký hiệp ước hoà bình với Do Thái mặc dù không đòi lại được những vùng đất đã bị Do Thái chiếm đóng.

Thế nhưng lần này tại chiến trường Lebanon, phe Hezbollah là một địch thủ đáng ngại hơn nhiều, không phải ở số lượng dân quân hay thực lực đáng nể, mà ở chỗ họ không có trung tâm đầu não hay các căn cứ quân sự hoặc kho

vũ khí lồ lộ để cho không quân của Do Thái có thể ngang nhiên tung hoành tiêu diệt một cách dễ dàng. Trước ngày khai hoả, giới tình báo Do Thái ước lượng là phe Hezbollah có chứa khoảng 12,000 phi đạn đủ loại có khả năng đe doạ nền an ninh của mình. Trong tuần lễ đầu tiên, hàng ngàn phi vụ của không lực Do Thái được ước tính là đã triệt hạ được một số kho vũ khí ước lượng khoảng 3000 phi đạn. Do đó, Do Thái lạc quan tin tưởng rằng chỉ cần thêm thời gian trong vòng vài tuần lễ nữa – và hầu hết các nhà lãnh đạo của Mỹ cũng đều tin tưởng lạc quan theo một cách thiếu thận trọng – để cho không lực của họ tiếp tục dội bom triệt hạ hết các dàn phóng hoả tiễn cũng như các kho vũ khí khác cùng với các hầm trú ẩn kiên cố của các tay lãnh đạo nhóm Hezbollah thì lúc đó Do Thái sẽ tính đến chuyện thương thuyết hay hoà giải ngưng bắn trong tư thế của kẻ mạnh. Vì lẽ đó mà chính quyền Bush đã làm ngơ trước làn sóng chống đối dữ dội của mọi nước trên thế giới để không cản ngăn Do Thái với cùng hy vọng là có thể triệt hạ được một tổ chức khủng bố đáng ngại khác.

Cuối cùng thì nội các của ông Olmert đã phải quyết định đổ bộ vào Lebanon khi biết rằng chiến dịch không kích của họ đã không đạt được mục đích mong muốn là triệt tiêu được sức kháng cự của đối phương. Thật vậy, khi phát ngôn viên quân sự của Do Thái tuyên bố trong ngày thứ Tư 02/08 là đã triệt hạ được khoảng 2/3 kho vũ khí của Hezbollah, thì chỉ qua ngày hôm sau, thứ Năm 03/08, phe Hezbollah tiếp tục rót hơn 200 quả phi đạn lên lãnh thổ Do Thái, để rồi tiếp tục với cùng cường độ vào ngày thứ Sáu tiếp theo. Vì thế cho nên Do Thái quyết định phải đổ bộ để đưa lực lượng bộ binh tuần tiễu để diệt trừ các ổ kháng cự của đối phương, một chiến dịch tốn kém nhiều hơn về thời gian lẫn con số bị thương hay thiệt mạng, nhất là khi không lực của họ đã không dọn đường sẵn cho việc tiến quân được dễ dàng. Chính trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan đó mà cuối cùng Do Thái đành phải chấp nhận ký thoả ước ngưng bắn, cho dù các mục tiêu mong muốn và đòi hỏi lúc ban đầu vẫn chưa thành tựu được. Như việc đòi hỏi Hezbollah phải giải giới, hoặc là triệt hạ được kho vũ khí của Hezbollah cũng như đòi phe này phải trả tự do cho hai binh sĩ Do Thái bị bắt cóc làm con tin, nguyên nhân chính lúc ban đầu Do Thái đã nêu ra để khơi mào cuộc chiến.

Nhà báo Rami G Khouri, chủ biên của tờ nhật báo *Daily Star* ở thủ đô Beirut, trong một bài báo đăng trên tờ *Newsweek* số đề ngày 14/08, đưa ra nhận định rằng trước ngày cuộc chiến nổ ra, có khoảng phân nửa dân số tại Lebanon ủng hộ Hezbollah với vai trò và sứ mạng của một lực lượng kháng chiến vũ trang có khả năng chống lại các cuộc tấn công của Do Thái. Tuy nhiên, chỉ sau hai tuần lễ cuộc chiến nổ ra thì con số dân Lebanon ủng hộ phe Hezbollah đã lên cao đến mức trên 85% dân số, dựa theo thống kê của một cuộc thăm dò dân ý trong nước. Thậm chí đến ngay như dân theo Cơ-đốc-giáo tại Lebanon cũng ủng hộ tổ chức Hồi-giáo Hezbollah đến tỷ lệ 80%, một con số quá cao phản ảnh thái độ tức giận của đa số người dân Lebanon trước những đòn tấn công thô bạo và quá đáng của không lực Do Thái nhằm tàn phá gần hết hạ tầng cơ sở trên toàn lãnh thổ Lebanon cho hả giận thay vì chỉ nhắm vào các ổ tập trung của phe Hezbollah ở phía nam. Thật vậy, trong thời gian đầu của cuộc xung đột, một số chính quyền Ả Rập thân Mỹ như Ai Cập, Saudi Arabia, Jordan và Kuwait cũng đều lên tiếng chỉ trích tổ chức Hezbollah là kẻ khơi mào cuộc chiến. Tuy nhiên, sau đó khi thấy không lực Do Thái trả đũa và dội bom dữ dội lên khắp nơi trên Lebanon, không một lãnh tụ nào của khối Ả Rập còn dám lên tiếng chỉ trích Hezbollah nữa, mà đã bắt đầu quay sang tố cáo hành động bạo tàn của Do Thái. Đến ngay như Thủ tướng Fuad Saniora của nội các tại Lebanon, người được coi như thân Mỹ và được đưa lên nắm quyền để thiết lập một thể chế dân chủ tự do sau khi Pháp và Hoa Kỳ áp lực Syria phải rút khỏi Lebanon hồi đầu năm, cuối cùng cũng quay sang ủng hộ Hezbollah và tức giận trước thái độ thờ ơ của Ngoại trưởng Rice không chịu áp lực lên Do Thái để ngưng chiến thay vì cứ tiếp tục tấn công vào Lebanon. Đó cũng là trường hợp của Thủ tướng Nouri al-Maliki của chính phủ tại Iraq, tuy là người được Hoa Kỳ hỗ trợ để nắm chính quyền, nhưng đã không ngần ngại công kích hành động tấn công của Do Thái trước ngày lên đường công du sang Hoa Kỳ, mặc dù biết trước là sẽ không được sự ủng hộ thuận lợi từ phía các vị dân biểu và nghị sĩ tại Quốc Hội Mỹ.

Giờ đây, trước đống hoang tàn đổ vỡ đó, chính những đám dân quân của Hezbollah lại đứng ra tiên phong gánh vác việc dọn dẹp và tái thiết xứ sở. Giáo sĩ Nasrallah cũng tuyên bố

là tổ chức Hezbollah sẽ cho mượn tiền hay tài trợ cho những người dân có nhà cửa bị thiệt hại vì bom đạn trong chiến tranh. Không ai thắc mắc đặt câu hỏi từ đâu Hezbollah có thể có đầy đủ ngân sách để lo cho việc tái thiết này, nhưng có điều chắc chắn là gần như đa số người dân Lebanon từ đây sẽ càng có cảm tình hơn nữa với tổ chức Hồi-giáo này, trong thực tế, đã gần như biết lo đảm nhiệm vai trò của một chính phủ biết lo cho người dân cũng như sẵn sàng chống cự lại với kẻ thù xâm lăng. Điều này cũng chứng tỏ rằng bộ máy tuyên truyền của ông Nasrallah chắc chắn tài giỏi hơn nhiều so với bộ máy tuyên truyền của các ông Rumsfeld và Cheney, lúc nào cũng huyên hoang hống hách với đồng minh, xem thường kẻ thù để rồi sau cùng phải chuốc lấy thất bại đớn đau khi đã phải tốn hao hơn 2600 nhân mạng tại chiến trường Iraq cùng với tổn phí trên 400 tỷ Mỹ-kim để rồi sau cùng lại bị phần đông người dân Iraq oán hận và đổ lỗi. Không những trong ánh mắt của người dân Lebanon, mà trong tập thể khối dân Ả Rập trong vùng, hào quang của Hezbollah sau vụ này còn sáng chói hơn nữa, vì nó đã giúp đánh tan đi cái huyền thoại về sức mạnh vô song của quân đội Do Thái, vốn đã từng khống chế toàn thể các nước Ả Rập trong vòng hơn 30 năm qua.

Phía Do Thái và Hoa Kỳ có lẽ chỉ biết đánh giá hay nhận định về cuộc chiến vừa qua dưới những tiêu chuẩn đầy quy ước: Theo họ thì những cố gắng của Hezbollah trong vòng sáu năm qua để thiết lập hạ tầng cơ sở tại Lebanon giờ đây đã gần như bị san bằng, những con đường tiếp tế từ Syria và Ba Tư đổ sang cũng bị tàn phá, những giàn phóng hoả tiễn tầm xa đã bị triệt hạ đến gần 75%, giàn phóng hoả tiễn tầm gần thì bị tiêu diệt đến 50%, và đã có hơn phân nửa số hoả tiễn và phi đạn của đối phương đã bị huỷ diệt, cũng như khoảng gần 530 quân Hezbollah đã phải bỏ mạng. Phải chăng vì những tiêu chuẩn đó mà TT Bush lẫn Ngoại trưởng Condoleezza Rice đều đã tuyên bố rằng Hezbollah đã bị thảm bại trong cuộc chiến?

Oái oăm thay, Hezbollah, tuy sở hữu một kho vũ khí lợi hại không khác gì một quốc gia thay vì chỉ là một tổ chức dân quân với chiến thuật du kích chiến, lại không phải là một kẻ thù muốn đụng trận trong một cuộc chiến tranh quy ước. Vì vậy mà những phương tiện đấu tranh cũng như chiến trường lựa chọn cũng không theo tiêu chuẩn quy ước luôn. Bởi thế cho nên, mặc dù đã bị "tàn phá" tơi bời, cuối cùng Hezbollah lại được coi là kẻ thắng trận, được lòng của đại đa số dân chúng, trở thành một biểu tượng anh hùng dám đứng lên chống lại kẻ thù "hùng mạnh nhất." Bởi vì sự ủng hộ của người dân trong một cuộc chiến chỉ giành cho phe nào mà họ nghĩ rằng đã tham chiến một cách đúng lý và "nhân đạo" nhất, nghĩa là chỉ cần diệt trừ những thành phần tham chiến cần phải diệt mà không gây thiệt hại dây dưa đến nhiều tầng lớp dân chúng vô tội khác. Chính sách cứ tiếp tục hô hào Hezbollah là những "phần tử khủng bố" và do đó phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do cuộc chiến gây ra không phải là một phương tiện hữu hiệu nhất trong cuộc chiến tranh giành nhân tâm này hay để có thể tạo được cảm tình hay sự ủng hộ từ phía quần chúng. Có lẽ đây là một bài học mà Hoa Kỳ phải nên học hỏi thật kỹ dựa trên kinh nghiệm tại chiến trường Iraq để tránh những sai lầm tai hại về sau.

Giờ đây thì Do Thái đã phải bị kẹt cứng, cũng như Hoa Kỳ cũng bị kẹt lây luôn vì đã trót ủng hộ một cách mù quáng theo, và chưa biết tìm ra câu trả lời cho bài toán hóc búa về sức mạnh quân sự tuyệt luân của mình. Cả hai chỉ biết thu lượm những thành quả biểu kiến không giúp ích gì được cho mục tiêu chính trị mà lại còn gây thiệt hại khó khăn nhiều hơn trong tương lai. Sự kiện tổ chức Hezbollah càng mạnh mẽ hơn nữa trước sức mạnh quân sự của Do Thái – và những tiếng reo hò cổ vũ trong khối quần chúng Ả Rập khắp nơi khi thấy rằng Do Thái và Hoa Kỳ đã bị cản trở (tương tự như đã xảy ra tại Iraq) – phải được coi như là một thất bại theo nghĩa quy ước. Cả hai siêu cường quân sự đã không màng đến những thiệt hại cho đám thường dân vô tội, chỉ biết đạt cho bằng được những thành quả mà không cần nghĩ đến hậu quả tệ hại, thậm chí còn tấn công tiêu diệt đến hạ tầng cơ sở gây khó khăn cho đời sống của họ. Dĩ nhiên, "họ" (những phần tử chống đối bị gán cho cái biệt hiệu khủng bố) làm sao có đủ xe tăng, tàu chiến tối tân để trả đũa lại. Và vì thế họ chỉ còn biết cách dùng những quả bom quấn vào người hay cướp các máy bay để làm vũ khí trả đũa lại.

Điều đó có phải là một ngạc nhiên không ai nghĩ ra được chăng?

Houston, Texas 22-08-2006

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU
"LÒ LỬA TRUNG-ĐÔNG" LẠI BÙNG NỔ

CỔ-LŨY

Ngày 25 tháng Sáu vừa qua, ở Dẻo Gaza (Gaza Strip, thuộc Quyền Quản-trị Palestine, Palestinian Authority) du-kích thuộc cánh quân-sự của tổ-chức kháng-chiến Hamas (mới được bầu là đảng đa-số nắm chính-quyền) phục-kích bắt một hạ sĩ-quan Do-Thái và đem giấu mất tích. Đây là một trong những phản-ứng bộc-xuất của người Palestine chống lại những chiếm đất áp-đặt của Do-Thái ("intifada," nổi dậy — nhiều lần trong lịch-sử Palestine, mới nhất là cuộc intifada từ năm 2000 cho tới nay chưa dứt). Chính-quyền Do-Thái mới với thủ-tướng Ehud Olmert ra lệnh liên-tục tấn-công người Palestine mọi mặt trên Dẻo Gaza để đòi cho bằng được binh-sĩ bị bắt.

Những tấn-công dữ-dội bằng phi, pháo và cận-chiến trên bộ đưa đến nhiều thiệt-hại nặng-nề cả về nhân-mạng lẫn tài-sản người Palestine yếu thế chỉ có vũ-khí cá-nhân. Ngoài một số các nước Hồi-giáo A-Rập, thế-giới hầu như không có phản-ứng mấy với chuyện đau-thương nhưng gần như quá thông-thường ở vùng đất oan-nghiệt kể từ thời Do-Thái lập quốc trên đất Palestine năm 1948 sau Thế-chiến II, qua Liên-Hiệp-Quốc và dẫn đầu bởi Hoa-Kỳ, Anh và Pháp. Cuộc tấn-công trả đũa tàn-khốc vẫn còn tiếp-diễn ở Dẻo Gaza.

Ngày 12 tháng Bẩy, thành-viên Hezbollah (hoặc Hizbullah, một đảng chính-trị Hồi-giáo phái Shiite, cũng bị xem là một tổ-chức khủng-bố, với lực-lượng quân-sự mạnh nhất ở Lebanon) thuộc dân-quân với địa-bàn hoạt-động phía nam Lebanon sát với Do-Thái, vượt biên-giới tấn-công một toán tuần-tiễu, giết chết ba lính Do-Thái và bắt mất hai người. Binh-sĩ Do-Thái truy-kích vào Lebanon nhưng bị dân-quân Hezbollah phục-kích và thêm năm người bị giết chết.

Tuy là một nước nhỏ nhưng với quân-lực hùng-hậu, thiện-chiến và trang-bị tối-tân nhất trong vùng nhờ viện-trợ quân-sự và kinh-tế lớn-lao hơn hết từ Hoa-Kỳ, Do-Thái không thể chấp-nhận và "tha-thứ" cho hành-động gây-hấn này. Ngay tức khắc Do-Thái dồn lực-lượng phi pháo và tầu chiến phá tan hết những cầu-cống đường-xá nhằm phá-hoại và cô-lập nam Lebanon, cô-lập thủ-đô Beirut và tiêu-triệt hạ-tầng kinh-tế Lebanon cũng như "trừng-phạt" người Lebanon vì tội của Hezbollah. Bộ-binh Do-Thái với xe thiết-giáp, đại-bác 155 li, máy bay F-16 và trực-thăng Cobra của Mỹ hỗ-trợ đổ đến biên-giới sẵn sàng tấn-công nam Lebanon.

Lãnh-tụ Hezbollah, ông Hassan Nasrallah họp báo ở Beirut nguyện sẽ "không trả lại [một binh-sĩ Do-Thái nào] trừ phi với điều-kiện điều-đình gián-tiếp và trao-đổi tù-nhân" Do-Thái với một số người A-Rập (chưa biết rõ con số) từng bị cầm giữ lâu năm bởi Do-Thái. Về mặt quân-sự Hezbollah hàng ngày bắn cả trăm hỏa-tiễn của Ba-Tư (Iran) và Syria vào những thành-phố bắc Do-Thái (một đe-dọa người Do-Thái chưa mấy kinh-nghiệm trước đây); từ các hầm và địa-đạo kiên-cố dọc biên-giới dân-quân Hezbollah cũng sẵn-sàng nghênh-đón lực-lượng Do-Thái, từng bị Hezbollah đuổi ra khỏi nam Lebanon sau mười-tám năm chinh-chiến (1982-2000).

Về mặt chính-trị, như thường lệ Hoa-Kỳ (với trợ-lực của thủ-tướng Tony Blair, nhưng không phải dân-chúng ở Anh, như trong trường-hợp Hoa-Kỳ xâm-chiếm Iraq) lại là nước độc-nhất đứng sau lưng và hoàn-toàn ủng-hộ Do-Thái. Thế-giới Hồi-giáo (1.2 tỉ tín-đồ) và thế-giới nói chung, tuy chỉ-trích gây-hấn bởi Hezbollah, đều lên tiếng kết-án phản-ứng quá-quắt của Do-Thái gây chết-chóc phá-hoại lớn-lao cho dân-chúng Lebanon.

Trên đây là những diễn-biến quân-sự và chính-trị bề mặt. Giới quan-sát chính-trị kinh-nghiệm cho thấy những gì xảy ra ở vùng "Trung-Đông" —người Tây-phương quen lấy mình làm trung-tâm nên dùng tên này để chỉ vùng đúng

ra là Tây-Nam Á-châu— không giản-dị hay rõ-rệt, như bị che mờ bởi súng đạn, bạo-hành và những bộc-xuất tình-cảm. Việc Hezbollah bắt cóc lính Do-Thái như trùng-hợp với thời-gian Hội-đồng Bảo-an LHQ đi đến được quyết-định nhằm thi-hành biện-pháp chống lại nỗ-lực phát-triển vũ-khí nguyên-tử của Ba-Tư (Iran). Syria, nằm giữa Do-Thái và Iraq, và nhất là Ba-Tư, ngay phía đông Iraq, được xem như hai nước ủng-hộ mạnh-mẽ Hamas và Hezbollah nhất. Ba-Tư với chính quyền mới Mahmoud Ahmadinejad, Hamas và Hezbollah đều không chấp-nhận một nước Do-Thái ở "Trung-Đông."

Cuộc chiến tàn-khốc vẫn tiếp-tục và có phần gia-tăng nghiêm-trọng sau bốn tuần lễ đầu, với quân-đội Do-Thái trưng-binh và tấn-công sát nách một Syria đã sẵn-sàng gươm giáo, và Vệ-binh Cách-mạng (Revolutionary Guards) Ba-Tư chuyển-động cơ-ngũ. Nhiều giới quan-sát chính-trị thẩm-quyền lo rằng đây có thể thành chiến-tranh lớn mở đầu một đại-chiến thế-giới mới. Một lần nữa "Lò lửa Trung-Đông"(sách báo Việt-ngữ hay dùng từ này để thay chữ Middle East "Powder Keg," thùng thuốc súng/nổ Trung-Đông) như lại nổ bùng lớn hơn bao giờ hết.

CỔ-LŨY

Ông David Bosco, một trong những chủ biên nòng cốt của tạp chí chuyên về chính sách ngoại giao Hoa-Kỳ Foreign Policy, vừa đưa ra bốn giả thuyết về chiến tranh toàn cầu dựa trên những gì đang xảy ra quanh thế giới. Một trong những giả thuyết có vẻ như gần sự thật nhất: "Trong khi quân đội Do-Thái đi lùng và diệt lực lượng Hezbollah ở nam Lebanon, sĩ quan quân báo khám phá một di chuyển những phi đạn tầm xa từ Ba-Tư đến Lebanon. Chính quyền Do-Thái quyết định tấn công nhắm vào đoàn vận tải phi đạn và những cơ sở sản xuất nguyên tử ở Ba-Tư cùng một lúc. Khi Ba-Tư lấy lại tinh thần sau đợt tấn công vũ bão đầu tiên, Vệ-binh Cách-mạng ào ạt vượt biên giới đi vào Iraq, nhằm tấn công lực lượng Mỹ đồng minh với Do-Thái ở đây. Những chính quyền ở Syria, Jordan, Ai-Cập và A-Rập Saud bị chật vật vì những phản đối bạo động trong nước [bởi người Hồi-giáo ủng hộ Hezbollah và Ba-Tư, và thù ghét liên minh Hoa-Kỳ với Do-Thái] đòi trả thù, cuối cùng phải nhượng bộ và nhẩy vào cuộc chiến." Giả thuyết này có thể thành sự thật chăng?

MẶT-TRẬN QUÂN-SỰ VÀ NGOẠI-GIAO

Với chủ trương bắt kẻ thù phải trả giá thật đắt nếu sinh mạng, tài sản của người dân, hay chủ quyền đất đai bị xâm phạm hoặc đe dọa, sau khi bị tấn công ngày 12 tháng Bẩy Do-Thái tức khắc làm dữ với lực lượng quân sự hùng hậu được trang bị bằng những vũ khí tối tân hàng đầu qua viện trợ quân sự từ Hoa-Kỳ.

Sau khi oanh tạc trả đũa ngay ngày đầu vào thủ đô Lebanon là Beirut, qua ngày thứ nhì Do-Thái tiếp tục bỏ bom phá nát sân bay thủ đô Beirut, phía nam Beirut, nơi được xem có trụ sở của Hezbollah ("Đảng của Thượng-đế") và bốn tầu chiến Do-Thái phong tỏa đường biển vào Lebanon. Hơn năm-mươi thường dân gồm cả đàn bà con trẻ Lebanon bị thiệt mạng vì máy bay Do-Thái oanh tạc. Đối lại, Hezbollah lần đầu tiên phóng hơn một trăm hỏa tiễn Katyusha tầm ngắn (hai-mươi dặm) vào bắc Do-Thái nhất là thành phố duyên hải lớn Haifa làm thiệt mạng hai người.

Theo đúng chủ trương trả đũa tới mức tối đa, tham mưu trưởng bộ binh Do-Thái tướng Dan Halutz tuyên bố: "Không một ai, không một cái gì trên đất Lebanon còn được an toàn nữa." Tổng thống Bush nói Hoa-Kỳ "lo âu về nền dân chủ mong manh [mới bắt đầu năm 2006] ở Lebanon," nhưng xác nhận "Do-Thái có quyền tự vệ." Một nước độc nhất trong khối A-Rập Hồi-giáo (muốn giấu danh tính, nhưng sau này được xem là A-Rập Saud, Saudi Arabia, một nước A-Rập Hồi-giao ôn hòa thân Hoa-Kỳ) lên án "thành phần [Hezbollah] với những hành động vô trách nhiệm phải tự có bổn phận chấm dứt khủng hoảng."

Ngày mười-bốn tháng Bẩy, lãnh tụ Hezbollah Hassan Nasrallah tuyên bố "chiến tranh công khai" với Do-Thái sau khi máy bay Do-Thái san bằng một tòa nhà được xem là trụ sở và chỗ ở của ông. Lần đầu tiên Hezbollah phóng một phi đạn C-208 —phi đạn tầm trung điều khiển bằng radar và do Ba-Tư sản-xuất nhưng lúc đầu bị Do-Thái xem là do máy bay không người lái (drone) phóng xuống— loại một chiến hạm Do-Thái ra khỏi vòng chiến ngoài khơi Beirut và giết chết bốn binh sĩ trên tầu. Phi cơ Do-Thái tiếp tục bỏ bom phía nam Beirut và cắt đứt xa lộ độc nhất nối Beirut với thủ đô Damascus, Syria, đường tiếp vận chính vào Lebanon. Số thương vong Lebanon lên trên 370 người, phần đông là thường dân với một-phần-

ba là trẻ em; Do-Thái khoảng hai-mươi người, phần đông là binh sĩ. Tổng trưởng quốc phòng Do-Thái Amir Peretz tuyên bố, "Chúng tôi nhất định dẹp tan tổ chức Hezbollah." Hoa-Kỳ tới tấp chuyển vũ khí, quân cụ đến Do-Thái.

Giữa tháng Bẩy, máy bay Do-Thái tiếp tục san bằng phía nam và bắt đầu bỏ bom trung tâm thủ đô Beirut, phía bắc Lebanon đến tận thành phố duyên hải Tripoli, và phía đông đến tận vùng thung lũng Bekaa dọc theo biên giới với Syria. Hezbollah trung bình hàng ngày phóng một trăm hỏa tiễn vào các thành phố phía bắc Do-Thái; hàng chục ngàn người Do-Thái chạy về phía nam nước này tránh pháo kích. Chính quyền Lebanon tuyên bố chỉ có hai thành viên Hezbollah bị giết chết trên tổng số bốn trăm người thương vong. Thủ tướng Lebanon Fouad Siniora khẩn thiết kêu gọi ngừng bắn vì "giết chóc tàn phá từ trên không đổ xuống không ngừng." Tổng thống Bush tuyên bố, "Cách tốt nhất để chấm dứt bạo hành là Hezbollah phải từ bỏ vũ trang." Cuộc họp mặt cấp ngoại trưởng các nước thuộc Liên-đoàn A-Rập (Arab League) ở thủ đô Cairo, Ai-Cập (Egypt) không đi đến một thỏa thuận chung về Lebanon.

Ngày hôm sau, một loạt hỏa tiễn Katyusha rơi xuống một nhà ga xe lửa ở Haifa giết chết tám người và làm 34 người bị thương. Nasrallah tuyên bố đe dọa, "Do-Thái không biết chúng tôi có [vũ khí] ở mọi cấp bực," và thách đố Do-Thái đổ quân đánh bộ trên đất Lebanon. Thủ tướng Do-Thái Ehud Olmert nói những tấn công vào Haifa sẽ đưa đến "những hậu quả khôn lường." Hoa-Kỳ bắt đầu di tản người Mỹ (tổng số khoảng 25 ngàn người) bằng trực thăng ra khỏi Beirut. Số người chết ở Lebanon lên quá 140. Lãnh tụ tám nước kỹ nghệ cao cấp (G-8) đang họp thượng đỉnh ở Nga không thỏa thuận về ngưng bắn ngay tức khắc do Pháp đề nghị (Hoa-Kỳ kịch liệt chống đối đề nghị này). G-8 đưa ra tuyên ngôn kêu gọi Hezbollah ngưng tấn công và Do-Thái "thận trọng tối đa" khi phi pháo trả đũa.

Sau tuần lễ đầu cuộc chiến, Anh và LHQ kêu gọi thành lập lực lượng quốc tế giữ hòa bình phía nam Lebanon. Do-Thái biết không có cách dẹp bỏ hay tước vũ khí Hezbollah chịu đòi Hezbollah lui hai-mươi dặm khỏi vùng biên giới qua phía bắc sông Litani cắt ngang nam Lebanon. Hơn ba trăm thường dân Lebanon bị chết vì phi pháo và theo Syria hơn một trăm ngàn người đã vượt biên qua nước láng giềng này lánh nạn; Syria từng mở rộng cửa đón mọi người A-Rập tị nạn. LHQ ước lượng hơn nửa triệu người (một-phần-tám dân số Lebanon) đã bỏ nhà cửa ra đi lánh nạn về phía bắc và đông Lebanon. Với số thường dân chết vì phi pháo lên hơn ba trăm ở Lebanon và mười-phần-trăm số này ở Do-Thái, chủ tịch Cao-ủy Nhân-quyền LHQ bà Louise Arbour cảnh cáo giới lãnh đạo hai bên có thể bị tội hình trước tòa án quốc tế vì pháo kích thường dân trong các thành phố, làng xóm.

Hoa-Kỳ, bị các nướcA-Rập và thế giới nói chung chỉ trích là không làm gì ngăn chặn mà còn bật đèn xanh tới tấp cung cấp vũ khí cho Do-Thái, phải xúc tiến việc thành lập một vùng trái độn nằm trong lãnh thổ Lebanon dưới quyền kiểm soát của lực lượng hòa bình quốc tế, nhưng xác nhận là sẽ không có binh sĩ Mỹ tham dự. Hẳn tổng thống Bush còn nhớ rõ năm 1983, trong thời nội chiến tàn khốc kéo dài ở Lebanon lực lượng hòa bình quốc tế với sự hiện diện của binh lính Mỹ bị thiệt hại nặng nề. Hezbollah được huấn luyện và trang bị cũng như mới thành lập bởi Ba-Tư lúc đó đã dùng đặc công cảm tử cho nổ trại thủy quân lục chiến ở Beirut giết chết ngay 241 binh sĩ Mỹ và cả hơn sáu-mươi binh sĩ Pháp. Tổng thống Cộng-hòa Ronald Reagan lúc bấy giờ cho lệnh rút lui lực lượng Mỹ ra khỏi Lebanon ngay tức khắc.

Mười ngày sau khi cuộc chiến bắt đầu, ngoại trưởng Condoleezza Rice mới tuyên bố bà sẽ qua "Trung-Đông" trong vòng hai ngày với kế hoạch hạn chế Hezbollah, ngăn chặn đường giây cung cấp vũ khí khủng bố cũng như củng cố chính quyền Lebanon. Nhưng bà vẫn nhắc lại lập trường Mỹ không chấp nhận ngưng bắn ngay tức khắc, xem đây là một "hứa hẹn giả tạo." Bà lập lại lời tổng thống muốn một ngưng bắn "có thể duy trì được, bền vững và vĩnh viễn," một điều hầu như không thể có được trong hoàn cảnh hiện tại, và do đó nhiều người tin rằng Hoa-Kỳ muốn mua thêm thời gian để Do-Thái có thêm cơ hội tiêu diệt Hezbollah. Giới quan sát quốc tế cho thấy tổng thống Bush không hề nhắc tay liên lạc với thủ tướng Do-Thái, Lebanon hoặc giới lãnh đạo Syria và Ba-Tư, những vai chính trong cuộc chiến, mà chỉ nhắc đi nhắc lại quyền tự vệ của Do-Thái và không chấp nhận ngưng bắn như LHQ, các nước Âu châu và A-Rập đề nghị.

Giai đoạn đầu cuộc chiến cho thấy đại đa số

dân chúng Do-Thái (và mới đây đa số dân chúng Mỹ nữa) ủng hộ đường lối hành động của chính quyền Olmert ở Lebanon. Dư luận thế giới nói chung lại lên án Do-Thái phản ứng quá quắt thiếu quân bằng; nhiều giới quan sát chính trị giải thích chính quyền Olmert, là chính quyền đầu tiên với hai nhân vật chính, thủ tướng và tổng trưởng quốc phòng Amir Peretz trong "nội các an ninh" đều là người gốc dân sự. Khác hẳn với các thế hệ lãnh đạo Do-Thái đi trước đều là giới quân sự với thành tích và kinh nghiệm chinh chiến cả bao nhiêu thập niên (như thủ tướng Ariel Sharon, trước ông Olmert và hiện đang nằm hôn mê vì bị kích huyết, từng là tướng cầm quân với hỗn danh "đao phủ Lebanon" vì ông bị mang tiếng đã tàn sát tám trăm người trong trại Palestine tị nạn ở Lebanon), hai nhân vật dân sự mới này như có nhu cầu chính trị phải tỏ ra là người cương quyết cứng rắn, và Lebanon là thử thách đầu tiên cho họ. Mặt khác, cũng theo lối suy luận trên, phái bảo thủ cực đoan "diều hâu" ở Do-Thái xem hai vị này đã ngập ngừng, không làm mạnh làm nhanh và lớn ở Lebanon ngay tức khắc (như trong các cuộc chiến Do-Thái trước đây —cuộc chiến Sáu Ngày mùa hè năm 1967 đập tan quân lực Ai-Cập, Jordan, Syria và Iraq, và cuộc chiến chống Ai-Cập và Syria năm 1973 chẳng hạn) để phải đi đến tình trạng nhì nhằng hiện nay: rõ ràng là đã hơn ba tuần lực lượng phi, pháo và thiết giáp hùng hậu, tối tân với mười ngàn lính Do-Thái dầy kinh nghiệm (lữ đoàn lừng danh thiện chiến Golani chẳng hạn) trên bộ chưa kiểm soát nổi vài tỉnh địa đầu biên giới, chưa dẹp được du kích Hezbollah (nhánh quân sự của Hezbollah rải khắp Lebanon ước lượng khoảng từ ba đến năm ngàn người trang bị với vũ khí cá nhân và khoảng mười-ba ngàn hỏa tiễn —đã dùng hết gần ba ngàn).

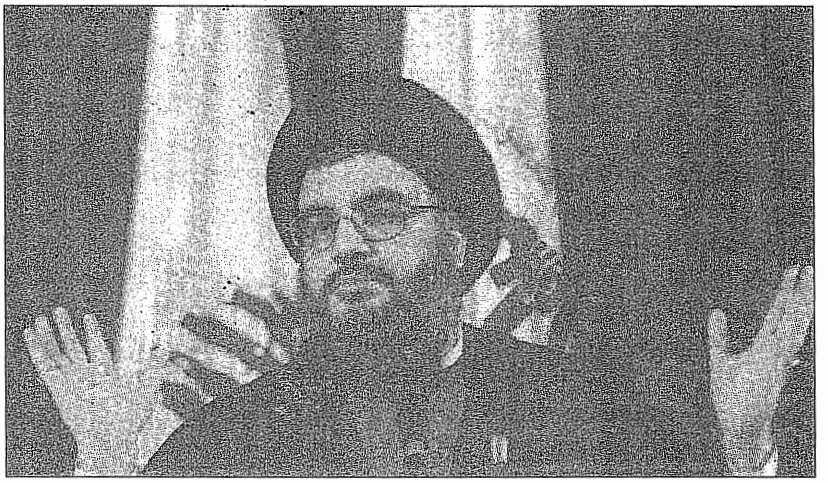

Lãnh-tụ Hezbollah Hassan Nasrallah thu-thập được lợi-thế chính-trị dù có thua về quân-sự.

Đầu tuần lễ cuối tháng Bẩy Do-Thái mới cho thấy ý định chấp nhận một lựclượng quân sự quốc tế ở nam Lebanon như một phần trong thỏa thuận nếu có thể đạt tới. Hoa-Kỳ và những nước Âu châu cũng đồng ý, nhưng không mấy nước chịu bỏ quân vào lực lượng này. Trên đường đến Roma họp với các nước châu Âu bà Rice đột xuất tạt qua Lebanon, nhưng không chấp thuận yêu cầu Do-Thái ngừng bắn ngay tức khắc; thủ tướng Lebanon Fouad Siniora kêu gào khẩn thiết nhưng không đưa đến kết quả nào. Sau họp ngoại giao thượng đỉnh ở Roma nhằm ngăn chống đề nghị ngưng bắn ngay từ phía Âu châu, bà Rice trở lại Do-Thái và Lebanon tức khắc với "đề nghị mới," nhưng vẫn đồng ý với Do-Thái không thể có hòa bình lâu dài nếu Hezbollah còn vũ khí trong tay. Ông Olmert tuyên bố cuộc họp thượng đỉnh Roma không đi đến đồng ý ngưng bắn ngay, và đây tương đương với "giấy phép của thế giới" cho Do-Thái tiếp tục cuộc chiến chống Hezbollah. Tổng thống Bush đồng ý với giải thích của ông Olmert. Giới lãnh đạo Âu châu hoàn toàn không đồng ý. Ông Siniora yêu cầu bà Rice đừng trở lại Lebanon nữa.

Trong khi đó lực lượng bộ binh Do-Thái đánh cận chiến gặp phải khó khăn và tổn thương lớn ở hai thành phố Maroun al Ras và Bint Jbeil cách biên giới Do-Thái hai dặm. Máy bay Do-Thái lại tấn công "nhầm" trạm giám sát thuộc LHQ mười-sáu lần giết chết bốn nhân viên LHQ. Do-Thái xem đây như một "tai nạn" nữa, như trong những trường hợp thường dân Lebanon và Palestine bị thiệt mạng vì phi pháo Do-Thái. Do-Thái ra lệnh động viên mười-lăm ngàn lính trừ bị sửa soạn vào Lebanon bằng đường bộ.

Thủ tướng Siniora đưa ra kế hoạch ngưng

bắn ngay có thỏa thuận của Hezbollah. Tổng thống Bush và thủ tướng Tony Blair tuyên bố sẽ đưa nghị quyết gửi "lực lượng ổn định quốc tế" đến nam Lebanon ra trước LHQ. Do-Thái không giữ nổi Bint Jbeil; hai bên trao đổi phi pháo và hỏa tiễn lên đất địch đều đặn. Máy bay Do-Thái bỏ bom hơn một trăm lần và đã đi sát tới biên giới Syria phía đông Lebanon. Số thương vong hai bên gia tăng đều đặn nhưng vẫn ở mức một Do-Thái và Lebanon mười lần hơn.

Tuần lễ đầu tháng Tám trao đổi phi pháo gia tăng gấp bội sau 48 tiếng giao tranh hạn chế vì "nhân đạo." Do-Thái cũng bị chỉ trích nặng nề vì những bắn "nhầm" giết hại thường dân nhất là con trẻ ở Qana, Acre và một nông trại trong vùng thung lũng Bekaa sát Syria. Lần đầu tiên một hỏa tiễn tầm trung Hezbollah rơi xuống Hadera, cách thủ đô Tel Avi ba-mươi dặm. Nasrallah cảnh cáo sẽ pháo kích Tel Aviv nếu Do-Thái tấn công toàn diện thủ đô Beirut, nhưng cũng hứa ngừng pháo kích nếu Do-Thái ngừng phi pháo. Phi pháo Do-Thái tiếp tục đổ xuống khu nam Beirut, và lần đầu tiên khu bắc thủ đô của người Ki-tô Meronite (thù nghịch với Hezbollah Hồi-giáo), hoàn toàn cắt đứt Beirut với tiếp tế bên ngoài. Con số người Lebanon thiệt mạng đã lên chín trăm và LHQ ước lượng một phần tư dân chúng đã bỏ nhà cửa, thành phố, làng xóm di tản về phía bắc. Do-Thái bị thiệt hại khoảng một trăm và hàng chục ngàn người chạy về phía nam tránh hỏa tiễn. Ở Dẻo Gaza hàng chục người Palestine tiếp tục thiệt mạng vì phi pháo Do-Thái.

Sau hơn ba tuần không ngăn chặn nổi hỏa tiễn Hezbollah bằng phi pháo, Do-Thái quyết định đổ thêm quân tấn công đường bộ và sử dụng biệt kích —một điều cần thiết để làm yếu đi Hezbollah (không còn nói chuyện "tiêu diệt" Hezbollah nữa), nhưng cũng đầy khó khăn và bất trắc vì chiến thuật du kích là sở trường của Hezbollah. Lực lượng trên bộ đã thiệt hại trên hai-mươi người và cuối tuần thêm mười-hai lính Do-Thái bị một hỏa tiễn tiêu diệt. Phó thủ tướng Shimon Peres trong chính phủ liên hiệp Do-Thái lần đầu tiên nhắc tới trao đổi tù nhân.

Lần đầu tiên Hoa-Kỳ đồng ý với Pháp đưa ra nghị quyết tạm ngưng chiến trước LHQ, nhưng Hezbollah và Lebanon xem nghị quyết này quá thiên vị Do-Thái. Nghị quyết do Pháp và Hoa-Kỳ đề nghị kêu gọi ngừng những hoạt động thù nghịch giữa đôi bên, đòi Hezbollah phải ngưng tấn công ngay, nhưng chỉ đòi Do-Thái ngưng "những chiến dịch quân sự có tính cách tấn công" (có ý cho phép các hoạt động có tính cách "tự vệ," mà Tel Aviv thường hiểu theo nghĩa rất rộng). Thủ tướng Fouad Siniora uất ức và đau đớn khóc trước quốc hội Lebanon, và ba đại diện Liên-đoàn A-Rập ra trước LHQ đòi Do-Thái muốn có thỏa thuận phải rút quân ra khỏi lãnh thổ Lebanon trước; Lebanon không muốn nghị quyết mới cho phép Tel Aviv tái chiếm lãnh thổ Lebanon như đã xảy ra trước đây. Tel Aviv chỉ chịu rút quân khi lực lượng LHQ đến tuần tiễu kiểm soát vùng biên giới giữa Do-Thái và Lebanon. Đây là khó khăn nghiêm trọng nhất, chưa kể đến vấn đề ai sẽ, và bằng cách nào, giải giới Hezbollah. Chắc chắn Hội-đồng Bảo-an LHQ đầy chia rẽ sẽ khó thông qua nghị quyết này được trong những tuần lễ kế tiếp. Chính quyền Bush kể như cô lập đứng ngoài lề vì cả thế giới A-Rập Hồi-giáo xem chính quyền này như đồng lõa với Do-Thái, và chính quyền cũng không thể và không muốn liên hệ với những thành phần chính trong cuộc như Hezbollah, Syria và nhất là Ba-Tư. Trong khi đó Hezbollah và Do-Thái gia tăng hoạt động quân sự để nắm lấy lợi điểm một khi có điều đình; dân chúng hai bên tiếp tục làm nạn nhân, nhất là dân chúng Lebanon.

CHIẾN-TRANH TOÀN-VÙNG - VÀ THẾ-CHIẾN?

Ngay sau khi cuộc chiến bùng nổ, giữa tháng Bẩy giới quan sát chính trị và báo chí truyền thông đưa ra những nhận xét, phân tích nghiêm trọng về hệ quả cuộc chiến có thể lan rộng đến chiến tranh toàn vùng, và bi quan hơn nữa là một thế chiến mới có thể bắt đầu từ đây.

A. Cái nhìn từ Tel Aviv

Cùng với phản kháng dữ dội từ thủ đô Tel Aviv tới tấp và vũ bão tàn phá Lebanon, đi quá tầm gây hấn tương đối nhỏ bé của Hezbollah, nhiều người như nhìn ra ngay chiến lược Do-Thái. Rõ ràng đây không chỉ là một chiến dịch qui mô giải cứu hai binh sĩ bị bắt cóc hay dậy một bài học đắt giá cho những ai dám hoặc muốn "đụng" đến Do-Thái; đúng ra, mỗi lúc một rõ hơn là Do-Thái muốn giành nắm lấy chọn lựa đánh phủ đầu (preemption) theo lối chính quyền Bush dùng đối phó với những nước đứng ngoài vòng luật pháp quốc tế ("rogue nation") hoặc "khủng bố" (đúng ra, nhìn theo

chiều hướng lịch sử chính quyền Bush như cóp nhặt chiến lược này từ Do-Thái). Do-Thái từng nhiều lần áp dụng chiến lược này chống lại các nước A-Rập Hồi-giáo thù nghịch từ thời lập quốc năm 1948; ở Lebanon Do-Thái đẩy nó đi xa hơn nữa nhằm thẳng vào Hezbollah, Syria và nhất là Ba-Tư (hai nước bảo trợ cho Hezbollah từ thập niên 1980).

Do-Thái như sửa soạn củng cố vị thế mình để trong tương lai gần—trong vài tuần, vài tháng hoặc vài năm—sẽ sẵn sàng tấn công tiêu diệt khả năng nguyên tử của Ba-Tư (đối thủ chính và nguy hiểm nhất của Do-Thái sau khi chính quyền Bush đã mù quáng dẹp tan chính quyền độc tài Saddam Hussein ở Iraq, kẻ thù của Do-Thái và Ba-Tư, nhưng cũng là trái độn che chở Do-Thái). Tuy Do-Thái có quân lực hùng mạnh tối tân nhất trong vùng —và hầu như ai cũng rõ Do-Thái đã có vũ khí nguyên tử từ lâu— với hỗ trợ kinh tế và quân sự gần như vô điều kiện và bảo đảm từ Hoa-Kỳ (nhờ tài nguyên, ảnh hưởng lớn lao của sáu triệu người Do-Thái ở Hoa-Kỳ), và tuy Do-Thái chưa từng thua một trận địa chiến nào trong gần sáu-mươi năm qua Do-Thái không thể chấp nhận một nước thù nghịch trong vùng với khả năng nguyên tử. Đây là đe dọa trực tiếp và sinh tử đến Do-Thái với hơn sáu triệu dân trên một vùng đất nhỏ bé nằm giữa hàng chục nước thù nghịch.

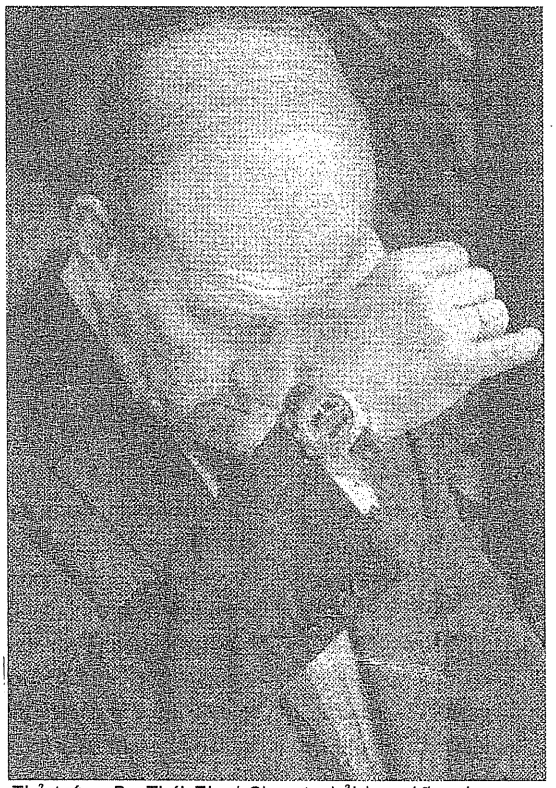

Thủ-tướng Do-Thái Ehud Olmert phải lo-nghĩ xa hơn khủng-hoảng ở Lebanon.

Do-Thái như đang ở thế thượng phong với chính quyền Hamas mới đang gặp nhiều khó khăn về tài chánh và chính trị (dù Ba-Tư trợ giúp năm-mươi triệu đô-la, Hoa-Kỳ và các nước Âu châu cắt viện trợ vì Hamas không chịu công nhận quyền sống của Do-Thái trong vùng); Tel Aviv hy vọng lớn dân chúng Palestine trên Dẻo Gaza sẽ bỏ phiếu chấp nhận giải pháp hai quốc gia Do-Thái và Palestine sống hòa bình cạnh nhau. Hamas thay đổi hẳn cục diện, tấn công qua biên giới và bắt cóc anh Gilad Shalit làm con tin nhằm trao đổi tù nhân Palestine. Một chiến tranh nhỏ nhưng tàn khốc nổ bùng giữa Do-Thái và Hamas ở Gaza từ tuần lễ cuối tháng Sáu với Do-Thái tấn công tới tấp và dữ dội và với sự im lặng đồng ý từ Hoa-Thịnh-Đốn. Đằng sau những đổ máu phá hoại, Tel Aviv và Hamas với Ai-Cập làm trung gian đang đi gần tới thỏa thuận trao đổi tù nhân thì bỗng đâu ngày 12 tháng Bẩy Hezbollah vượt biên giới, tấn công và bắt cóc hai lính Do-Thái. Khi Do-Thái trả đũa khốc liệt, hỏa tiễn và phi đạn Hezbollah giội xuống bắc Do-Thái như chưa từng thấy bao giờ.

Hezbollah từng đẩy Do-Thái ra khỏi nam Lebanon năm 2000 sau mười-tám năm chinh chiến giằng co. Hezbollah lần hồi trở thành đảng chính trị lớn nhất với mười-bốn ghế trong quốc hội và hai ghế bộ trưởng, với cánh tay quân sự mạnh nhất ở Lebanon. Việc Hezbollah ra mặt tấn công và bắt cóc lính Do-Thái cho Tel Aviv lý do chính đáng và cơ hội tiêu diệt khả năng quân sự của tổ chức này cũng như làm áp lực với Beirut và quốc tế chấm dứt quyền khống chế vùng nam Lebanon của Hezbollah. Nhìn xa hơn nữa là Ba-Tư, vươn lên giữa khoảng trống quyền lực trong vùng sau khi chính quyền Bush dẹp bỏ Saddam Hussein ở Iraq (xin xem bài *Nhiệm-Kỳ Bush II: Ngoại-Giao Chuyển Mình Ở Châu Á*, Thế-Kỷ 21, tháng Tư 2006, cùng người viết).

Tel Aviv đã nhiều lần báo động với Tây phương rằng Ba-Tư là một cường quốc cách mạng với mục tiêu nâng cao quyền lợi của phái Hồi Shiite (phái thiểu số) và lũng đoạn những chính quyền phái Sunni (đại đa số) gồm khắp "Trung Đông," để phát triển ảnh hưởng tương xứng với vị thế Ba-Tư trong vùng. Tel Aviv cũng

khẩn thiết cảnh cáo Ba-Tư bí mật phát triển khả năng nguyên tử nhanh hơn mọi người tưởng, và cũng thất vọng vì chính sách ngoại giao Mỹ không có hiệu nghiệm mấy ở Ba-Tư. Tel Aviv kết luận rằng Hoa-Kỳ đã bị sa lầy ở Iraq và không còn đủ khả năng đối phó với vấn đề nguyên tử hóa ở Ba-Tư; Tel Aviv sẽ phải tự lo đối phó lấy trong tương lai gần, như phó tổng thống Dick Cheney đã có lần lên tiếng với đầy thẩm quyền rằng có thể không lực Do-Thái chứ không phải Hoa-Kỳ sẽ tấn công các mục tiêu nguyên tử ở Ba-Tư. Khi Tel Aviv làm chuyện này chắc chắn không một ai trong chính quyền Do-Thái muốn một Hezbollah ở ngay sát nách với hàng ngàn thành viên cuồng tín và hỏa tiễn, phi đạn cung cấp bởi Ba-Tư, có khả năng tấn công bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Do-Thái: Tel Aviv phải bằng mọi cách triệt tiêu Hezbollah trước khi nhắm vào Tehran, thủ đô Ba-Tư.

Điều này giải thích mức độ khốc liệt và tầm rộng lớn của phản ứng từ Tel Aviv, triệt hạ không những Hezbollah mà cả nước Lebanon, và Tel Aviv cần nhiều thời gian chứ không thể một sáng một chiều mà có thể thực hiện "những mục tiêu rất rõ rệt" của mình, theo như lời phó tổng tham mưu trưởng quân lực Do-Thái. Phản ứng quốc tế bất lợi cho Do-Thái là cái giá Tel Aviv chịu chấp nhận phải trả để giảm thiểu những thiệt hại lớn lao Hezbollah có thể gây ra cho Do-Thái một khi Tel Aviv đánh phủ đầu tiêu diệt chương trình nguyên tử hóa của Tehran. Do-Thái chịu những la ó, phản đối và kết án hầu như từ khắp nơi trong cộng đồng quốc tế, trừ Hoa-Kỳ. Tổng thống Bush và chính quyền của ông không phải là không nhột nhạt vì phản ứng quốc tế chỉ trích Do-Thái và sự thụ động đồng lõa của chính quyền. Ông xem đây là khủng hoảng nghiêm trọng, nhưng cũng là "cơ hội lớn" trong vùng; ngoại trưởng Rice xem đây là những "đau đớn trước khai sinh của một Trung-Đông mới." Hoa-Thịnh-Đốn không hăng hái lắm trong việc làm áp lực Tel Aviv nhẹ tay hoặc ngừng tay ở Lebanon: hai chính quyền như hiểu rằng ngưng bắn ngay là chặn bàn tay Do-Thái vô hiệu hóa Hezbollah.

Nhưng không phải chỉ chính quyền Bush im lặng trong thụ động đồng lõa; nhiều phe phái khác trong vùng cũng nghĩ cuộc chiến kéo dài thêm nữa sẽ ích lợi cho mình. Hamas ở Palestine và phong trào Hồi-giáo cực đoan nói chung lo sợ ông Mahmoud Abbas đứng đầu Quyền Quản-Trị Palestine sẽ thúc đẩy người Palestine bỏ phiếu chấp nhận giải pháp hai quốc gia trên đất Palestine theo ý Tel Aviv. Cuộc chiến Do-Thái-Hezbollah nếu kéo dài cùng với những công kích của Do-Thái ở Dẻo Gaza có thể làm dân chúng quên đi kêu gọi của ông Abbas. Những vương quốc bất ổn với đa số Hồi-giáo Sunni ở A-Rập Saud và Jordan không đau đớn cho Hezbollah vì họ rất lo sợ Ba-Tư, người bảo trợ cho Hezbollah, lăm le sách động nhóm thiểu số Shiite cũng như giới Hồi-giáo cực đoan trong nước họ.

Syrya, người bảo trợ khác của Hezbollah, cũng có phần lợi trong cuộc chiến. Syria từng khống chế chính trị và trấn quân ở Lebanon qua gần ba thập niên. Sau vụ ám sát cựu thủ tướng Lebanon Rafik Hariri đầu năm 2005 Syria bị xem là có dính líu và phải rút quân về nước; chính quyền Syria dựng lên ở Beirut cũng sụp đổ. Vì xung đột Hezbollah-Tel Aviv những thế lực muốn cô lập tổng thống Syria Bashar Assad nay lại nhìn về hướng Damascus, thủ đô Syria, để gắn bó ông Bashar Assad vào nỗ lực đi tìm một giải pháp cho cuộc chiến—Damascus như có giá trở lại.

B. Cái nhìn từ Tehran và Hezbollah

Nhiều nhà quan sát xem chuyện Tehran đứng sau lưng Hamas ở Palestine và Hezbollah ở Lebanon để thủ lợi là điều rất rõ. Khả năng của hai tổ chức này bắt Tel Aviv mở rộng cuộc chiến kéo dài cả nam lẫn bắc Do-Thái nhằm sách động người Hồi-giáo khắp vùng (kể cả hai phái Sunni và Shiite đang giết nhau trong cuộc nội chiến không công bố ở Iraq) hồ hởi đoàn kết chống kẻ thù chung Hoa-Kỳ và Do-Thái.

Thanh thế Ba-Tư lên cao trong thế giới Hồi-giáo, kể cả những nước Hồi-giáo ôn hòa với các chính quyền thân Mỹ, và kể cả những nước Hồi-giáo Sunni vẫn lo sợ chủ trương của Tehran nhằm xiển dương ảnh hưởng phái Shiite và tầm kiểm soát dầu hỏa trong vùng bán nguyệt từ Ba-Tư qua Iraq (với ảnh hưởng chính trị, quân sự lớn lao của Tehran trên đa số Shiite ở đây) tới Thổ-Nhĩ-Kỳ (Turkey) trên phía đông Địa-Trung-Hải, cửa ngõ dầu hỏa từ các cộng hòa Hồi-giáo trước đây thuộc đế quốc Nga Xô-viết. Điều này dĩ nhiên cũng giúp chính quyền Ahmadinejad củng cố quyền lực trong nước, vô hiệu hóa những bất đồng trong và ngoài nước với đường lối cứng rắn nặng về tôn giáo bảo thủ và văn hóa truyền thống, không chấp nhận

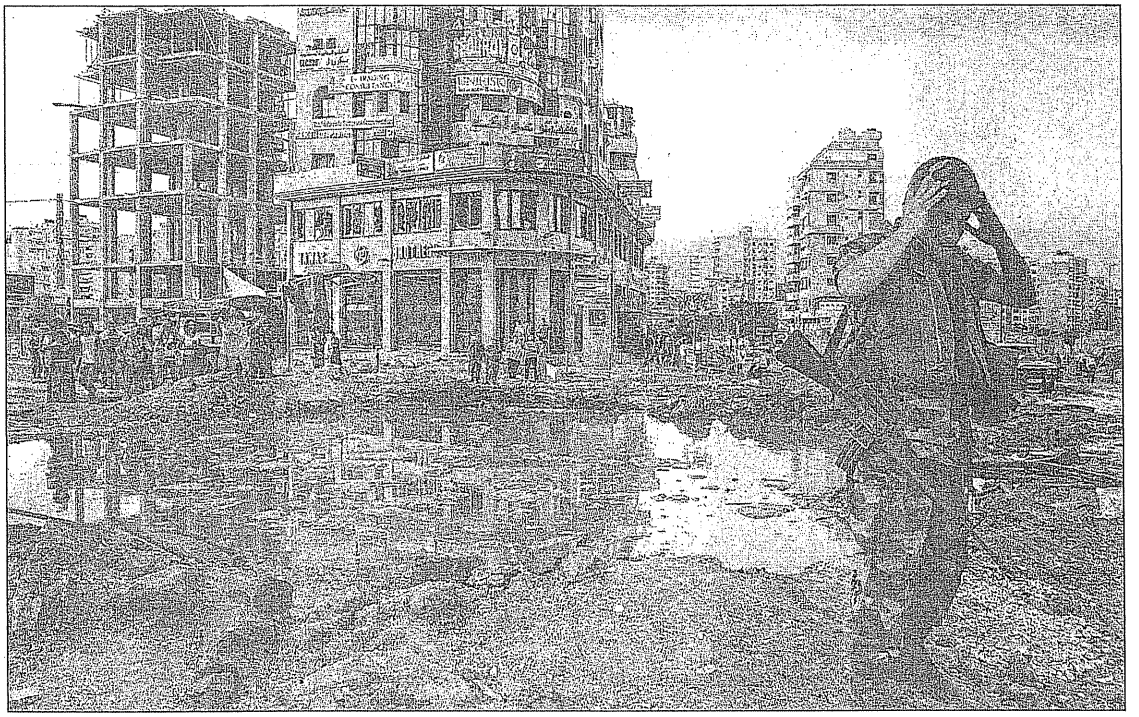

Phi, pháo Do-Thái làm tan nát thủ-đô Beirut.

hiện diện của Do-Thái bắt đầu với Đại-giáo sĩ Khomeini sau cách mạng lật đổ Sa- hoàng năm 1979 (xin xem bài trên *Thế-Kỷ 21* tháng Tư kể trên).

Về mặt khác Tehran bị Do-Thái và Tây-phương chú mục đến rất nhiều vì chương trình nguyên tử hóa đi lần đến khả năng phát triển vũ khí hạch nhân. Với trợ lực của Nga và Trung-Hoa Tehran ương ngạnh chống đối nỗ lực kiểm soát nguyên tử hóa của Hoa-Kỳ và LHQ. Tối hậu thư đe dọa chế tài Tehran cuối tháng Tám hầu như được trả lời với Hezbollah ra tay ở Lebanon, một cách phá rối thỏa thuận quốc tế mới vừa đi đến. Một ngày sau những đàm phán về nguyên tử năng không đi đến đâu ở Brussels, thủ đô Bỉ (Belgium), phái đoàn Ba-Tư đi thẳng qua thủ đô đồng minh Syria và ngay sau đó Hezbollah vượt biên bắt cóc hai tù binh Do-Thái. Phần nữa, Tehran cũng bị xem như muốn tạo ra những điều kiện khiến các chính quyền ôn hòa phải co rút lại, nhường chỗ cho người với ý thức hệ Hồi-giáo cực đoan sách động tranh đấu.

Nhưng cũng dễ sai lầm khi kết luận rằng Hezbollah chỉ là một công cụ do Tehran lập ra, yểm trợ và điều khiển. Từ một tổ chức Shiite nhỏ thời 1982 Hezbollah đã trở thành đảng chính trị lớn nhất ở Lebanon đầy chia rẽ giữa những phe phái tôn giáo Sunni, Druze (một nhánh nhỏ của Shiite), Ki-tô Meronite và Shiite, với cánh tay quân sự mạnh nhất. Hezbollah chiếm giữ nam Beirut và nam Lebanon như một quốc gia trong một quốc gia, cung cấp miễn phí mọi dịch vụ xã hội, y tế và giáo dục cho người Shiite, hơn một-phần-ba dân số. Hezbollah từng ấp ủ kế hoạch vượt biên bắt cóc lính Do-Thái để trao đổi với những người Lebanon, Palestine cùng người A-Rập khác bị Do-Thái giam giữ từ lâu. Cuối năm ngoái Hezbollah đã một lần vượt biên giới nhưng đã thất bại. Phát ngôn nhân của Hezbollah ở Beirut giải thích đây hoàn toàn là chiến dịch quân sự không dính dáng đến chính trị, và Hezbollah ra tay bất cứ lúc nào cơ hội đến.

Từ ngoài nhìn vào khó có thể hiểu hết nguyên do hành động gây hấn táo bạo của Hezbollah; nhưng việc bắt cóc con tin này rõ ràng là một thách thức không những đối với Do-Thái mà còn cả nước Lebanon, những chính quyền trong vùng và Tây-phương. Thời điểm cũng được tính toán kỹ càng để mang nhiều lợi ích cho Hezbollah và các đồng minh.

Ở Lebanon, hành động của Hezbollah củng cố vị thế của tổ chức như một thực thể có vũ trang hoàn toàn độc lập với chính quyền ở Beirut, đúng vào lúc có nhiều áp lực buộc tổ chức phải từ bỏ vũ trang. Trong thế giới Hồi-giáo nói chung, hành động này đưa Hezbollah

và lãnh tụ Hassan Nasrallah thành tổ chức duy nhất đứng lên ủng hộ chính nghĩa quốc gia Palestine trong khi giới lãnh đạo Hồi-giáo A-Rập im lặng đứng bên lề lịch sử —dù hành động này thực sự làm ngưng ngay điều đình trao đổi tù nhân giữa Hamas và Tel Aviv, và Do-Thái gia tăng công kích Dẻo Gaza.

Về mặt quốc tế, thời điểm Hezbollah ra tay cho thấy như hai nước chính bảo trợ Hezbollah, Syria và Ba-Tư, đã đánh một đòn tượng trưng nhưng hữu hiệu. Vụ tấn công vào Do-Thái xẩy ra đúng lúc Ba-Tư đang ngang ngửa với Tây-phương, nhất là Hoa-Kỳ, về chương trình phát triển nguyên tử năng của Tehran. Chính quyền Bush cũng từng buộc tội Tehran giây dưa vào nội bộ nước Iraq đầy dầu hỏa và đang tan vỡ. Ở mức tối thiểu, hành động của Hezbollah cũng đánh lạc hướng chính quyền Bush trong nỗ lực đương đầu với Ba-Tư.

Sau 29 năm chiếm giữ Lebanon Syria năm ngoái bị áp lực quốc tế và chống đối của dân chúng Lebanon phải rút quân ra khỏi đây, quân cờ chiến lược quan trọng cuối cùng của Damascus trong trường hợp điều đình hòa bình với Tel Aviv. Tel Aviv từng nhiều lần gửi oanh tạc cơ đe dọa tổng thống Bashar Assad ngay thủ đô Damascus như cảnh cáo nước này ủng hộ Hamas. Hành động của Hezbollah trong trường hợp này có thể xem như phản ứng giữ thể diện cho Damascus.

Sau khi Syria rút quân ra khỏi Lebanon, áp lực trong nước buộc Hezbollah giải giới vũ trang mỗi lúc một gia tăng; Beirut muốn Hezbollah giảm bớt vũ khí và gia nhập chính quyền nhiều hơn. Hoa-Kỳ và LHQ cũng cảnh cáo áp lực Hezbollah về những vũ trang này. Hezbollah có thể dùng việc đòi hỏi Tel Aviv trao đổi tù nhân người Lebanon như một đánh lạc dư luận. Năm ngoái khi Hezbollah như chuyển hướng về chính trị, nắm mười-bốn ghế trong quốc hội và hai chức bộ trưởng trong chính quyền nhiều người nghĩ rằng tổ chức sửa soạn hóa thân thành một lực lượng hoàn toàn chính trị. Hành động mới của Hezbollah như là một tuyên ngôn không màng đến chính trị Lebanon, và thông điệp rõ ràng rằng nhà nước Lebanon không là cái gì đối với Hezbollah —Hezbollah chính ra là nhà nước và quân đội trên lãnh thổ Lebanon. Và Hezbollah sẽ giữ nguyên vũ khí của mình.

Giáo sư Aaron Miller, một học giả tại viện nghiên cứu Woodrow Wilson và cũng là cố vấn về "Trung- Đông"cho sáu đời tổng trưởng ngoại giao Mỹ, không nghĩ như ngoại trưởng Rice và tổng thống Bush rằng chính quyền giúp khai sinh một "Trung-Đông" mới và tốt đẹp hơn trước.

Theo ông khủng hoảng hiện nay cho thấy tầm ảnh hưởng rộng lớn của Tehran. Chỉ cần cung cấp hỏa tiễn cho Hezbollah Tehran có thể thay đổi phương trình chiến lược trong vùng và tạo điều kiện cho dân quân Shiite đủ sức ngang ngửa với một trong những cường quốc quân sự hữu hiệu nhất. Tehran nay có thể tùy nghi dính dấp tới Lebanon, Iraq và Dẻo Gaza mà không ai có thể ngăn chặn nổi. Tel Aviv đã hai lần rút lui, năm 2000 ra khỏi nam Lebanon và 2005 ra khỏi Dẻo Gaza, và đây như làm Hezbollah và Hamas mạnh dạn hơn. Hai tổ chức này tiếp tục tuyên bố một mình họ đuổi được Do-Thái ra khỏi lãnh thổ A-Rập, và đây chẳng khác gì một hứng khởi cho thế hệ trẻ A-Rập và Hồi-giáo từng bị những hành động của Do-Thái và Hoa-Kỳ "sỉ nhục" đứng lên thách đố Do-Thái và người bảo trợ Hoa-Kỳ. Và một lần nữa, như kinh nghiệm đi trước và hiện nay cho thấy những nhóm, tổ chức nhỏ bé ngoài chính quyền có thể thách đố chính quyền trung ương trong vùng, rõ hơn hết là ở Iraq nơi mà hàng ngày những nhóm vũ trang nhỏ bé ngang nhiên thách đố chính quyền trung ương với siêu cường quốc Hoa-Kỳ vô địch thế giới đứng sau lưng.

Giáo sư Miller kết luận, trong chiều hướng này Hezbollah có thể yếu đi về mặt quân sự sau đụng độ với binh đội Do-Thái, nhưng tổ chức cũng gặt hái rất nhiều lợi thế chính trị qua những đương đầu với Tel Aviv. Hezbollah cũng sẽ bành trướng ảnh hưởng qua việc sử dụng ngân quĩ từ Tehran cứu trợ người và xây dựng lại Lebanon bị Do-Thái đầy đọa, tàn phá. Không mấy ai nghi ngờ Hezbollah sẽ lại thách đố Tel Aviv trong một ngày gần đây.

Hoa-Kỳ với chính quyền Bush không trực tiếp gây nên khủng hoảng hiện nay, nhưng cũng không phải là người bàng quan vô tư. Chính quyền với tài nguyên, ảnh hưởng và quyền lực lớn nhất thế giới đã chọn ưu tiên ở Iraq, Ba-Tư và cuộc chiến chống khủng bố —và hoàn toàn làm ngơ xung đột giữa khối A-Rập và Do-Thái cùng cái "lý do thâm sâu" ("root cause," chữ tổng thống Bush hay dùng thời gian gần đây) trong mâu thuẫn giữa người Palestine và Do-Thái bắt đầu từ năm 1948.

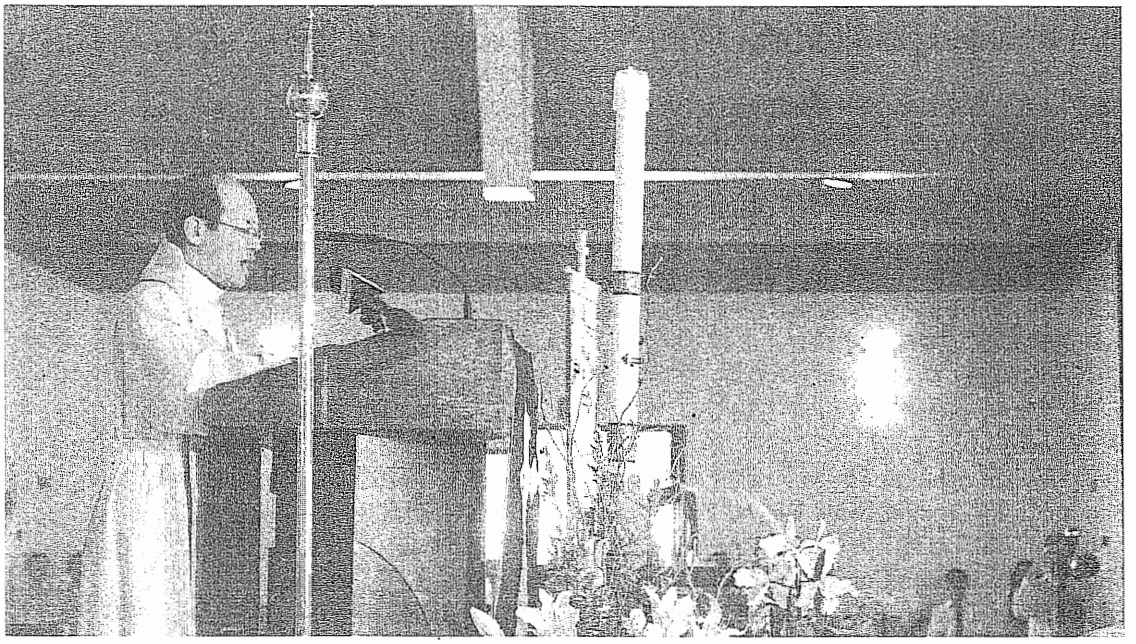

Bài giảng trong Thánh lễ An táng Đỗ Ngọc Yến tại nhà thờ St Barbara

Linh Mục JOSEPH NGUYỄN THÁI

Kính thưa Đức Ông, Các cha đồng tế, Quí tu sĩ nam nữ,

Kính thưa Quí vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo,

Kính thưa Quan Khách và Cộng Đồng Dân Chúa,

Kính thưa Tang Quyến,

Với thân phận của con người, mỗi ngày chúng ta đều nghe tin cha, mẹ, vợ, chồng, họ hàng, bạn bè, anh chị em rất yêu quý của mình ra đi. Nói theo cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thì *"từng người tình bỏ ta đi như những giòng sông nhỏ."* Họ như những giòng sông nhỏ chảy ra biển cả. Họ về nguồn, về với hư vô. "Sinh ký tử quy," sống gửi thác về! Còn nói theo thi sĩ Trần Mộng Tú thì ông Rémi Đỗ Ngọc Yến hôm nay ra đi *"Nghe như tiếng đá rơi, tiếng rơi khô và gọn, lăn về tận cuối trời... Nghe như chim bỏ tổ, tiếng cánh đập trên cao, thả cọng rơm nào xuống."*

Phải, theo cái nhìn của niềm tin Kitô giáo thì linh hồn Rémi Đỗ Ngọc Yến như một viên đá *"lăn về tận cuối trời,"* linh hồn Rémi như chim Phượng Hoàng với *"tiếng cánh đập trên cao."* Ông không về với hư vô mà về với Thiên Chúa như lời hoan hỉ vui mừng của cố ĐGH Gioan Phaolô II đã cất lên trước khi ra đi: *"Hãy để tôi về nhà Cha tôi"* (Let me go to my Father's House). Hôm nay linh hồn Rémi Đỗ Ngọc Yến cũng nói với chúng ta: *"Xin vĩnh biệt mọi người. Tôi ra đi lần cuối. Không bao giờ trở lại. Hẹn nhau trên Nước Trời!"*

Trong nhãn quan của niềm tin Kitô giáo, sáng hôm nay chúng ta tuy buồn rầu vì thương nhớ người thân yêu đã ra đi, nhưng trong niềm hy vọng vào một cuộc sống vĩnh cửu trên Nước Trời, chúng ta dâng Thánh Lễ này để cảm tạ Thiên Chúa. Vì Thiên Chúa của chúng ta là Thiên Chúa của kẻ sống, Ngài đã ban cho ông Rémi Đỗ Ngọc Yến một cuộc sống cao đẹp dưới trần thế này thì cũng sẽ đưa linh hồn ông về hưởng hạnh phúc vĩnh cửu trên Nước Hằng Sống của Ngài. Chúng ta cảm tạ Thiên Chúa, vì:

1- Trước hết, cuộc đời ông Rémi Đỗ Ngọc Yến là một cuộc đời đã mang lại muôn vàn ân phúc cách riêng cho người vợ rất thân yêu, bà Lã Phương Loan, với niềm tin tưởng và trung thành, keo sơn

gắn bó cùng nhau qua 42 năm trọn tình trọn nghĩa phu thê và cho các con cái của ông, cho tất cả các bạn hữu có dịp gặp gỡ, kết thân, cùng làm việc với ông, và cách chung cho quốc gia dân tộc, đặc biệt là cho cộng đồng người Việt Nam tị nạn hải ngoại.

Cuộc đời dễ mến và cao đẹp của ông tuy ngắn ngủi nhưng có thể dùng lời của cụ Phan Bội Châu mà nói rằng: *"Chết mà vì nước chết vì dân. Chết đáng nam nhi trả nợ nần. Chết buổi Đông Chu hồn thất quốc. Chết như Tây Hán buổi tam phân. Chết như Hưng Đạo hồn thành thánh. Chết tựa Trưng Vương phách hóa thần. Chết cụ Tây Hồ danh chẳng chết. Chết mà vì nước chết vì dân."* Quả vậy, khi nghe tin ông vừa ra đi, đã có biết bao nhiêu lời ca ngợi, vinh danh từ Thống Đốc tiểu bang California Schwarzenegger, Giám Sát viên Quận Cam Lou Correa, những đại diện các cơ quan ban ngành Việt Mỹ... nhiều lắm kể sao cho hết!

Xưa kia, cố nhạc sĩ Văn Cao có lần đã viết đại khái như sau, tôi không nhớ rõ lắm, "Con tàu đi qua để lại sóng. Đoàn tàu hỏa rời bến để lại tiếng còi. Con người ra đi để lại bóng." Ông Rémi Đỗ Ngọc Yến ra đi cũng đã để lại những đợt sóng ngậm ngùi thương tiếc trong lòng muôn người. Như một huynh trưởng Hướng Đạo Việt Nam ông đã để lại những tiếng còi vang lời kêu gọi yêu nước, thương dân và một lý tưởng sống cao đẹp cho các thế hệ trẻ mai sau. Ông để lại cái bóng ân phúc của từ bi nhân ái đối với vợ con, bạn bè, các nhân viên và mọi người; cái bóng của sự hiểu biết và kiến thức bao phủ tất cả các độc giả của Nhật Báo Người Việt trong và ngoài nước. Ông ra đi đã để lại bóng mát cho đời!

2- Thứ đến, chúng ta cảm tạ Chúa vì các đức tính gương mẫu của ông, trái tim hiền hòa, ước mơ cao cả, sống thật thà, chân thành, và đặc biệt nhất là lòng bác ái, yêu thương, và quảng đại .

Ông Ngô Nhân Dụng, trong bài báo *"Đỗ Ngọc Yến, Nhà Báo"* đã kể lại việc một ký giả ngoại quốc trên báo International Herald Tribune, và trên nhật báo New York Times, đã bắt đầu bài báo bằng câu chuyện ông Đỗ Ngọc Yến đối xử với một cộng sự viên không được việc như sau: "Nhiều đồng sự đề nghị cho anh ta nghỉ việc vì anh 'không có khả năng làm cái gì cả', nhưng Đỗ Ngọc Yến nhất định giữ lại vì sợ nếu mất việc anh ta không có cách nào sống. Đỗ Ngọc Yến biện hộ thế này: '*Nếu anh ta có khả năng thì anh ta vẫn cần có việc làm; nhưng vì anh ta không có khả năng, anh ta còn cần việc làm hơn nữa.*' Câu chuyện đó mở đầu một bài báo về Đỗ Ngọc Yến rất thích hợp." Đây là ý kiến của Ngô Nhân Dụng, một người bạn chí thân của ông Đỗ Ngọc Yến.

Nhưng không phải chỉ một người bạn nói mà thôi, chúng ta có bằng chứng của cả một cuốn sách với 53 quý vị thân hào nhân sĩ đã nói lên con người nhân ái của ông "Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè" như thế nào. Nguyên tắc hành động của ông không phải là lợi nhuận hay cư xử sòng phẳng với nhau, mà dựa trên lòng nhân ái. Đó là nguyên tắc của Chúa, của Phật, nguyên tắc của đạo làm người mà ông bà tổ tiên Việt Nam đã dạy: *"Dầu xây chín bậc Phù Đồ. Không bằng làm phúc cứu cho một người"*. Trong một ý nghĩa nào đó, có thể nói được rằng ông đã xây chín bậc Phù Đồ là chính Công Ty và Nhật Báo Người Việt bằng cái tâm từ bi, bằng lòng nhân ái nối kết tất cả những tâm hồn thiện chí lại với nhau.

Lòng bác ái yêu thương của ông đối với tất cả mọi người được bắt rễ từ niềm tin Kitô giáo từ khi còn là một cậu bé giúp lễ, với ảnh hưởng của người cậu trong gia đình là linh mục Đại tá Lê Trung Thịnh, Giám Đốc Nha Tuyên Úy Công Giáo của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông được giáo dục và lớn lên với lý tưởng của một hướng đạo sinh. Bước vào đời ông chọn nghề báo chí với tinh thần cởi mở, tự do và dân chủ. Bởi thế nên lòng bác ái yêu thương của ông đã không bị giới hạn gò bó trong một nhãn hiệu nào, khuôn thước nào hay công thức nào. Nó vượt qua mọi hình thức và mọi biên giới. Trong cuộc sống muôn hình vạn trạng, nhưng cái tâm nhân ái của ông không khi nào bị thay đổi. Ông đã tập chuyển hóa cái tâm từ bi nhân ái của Phật, của Chúa làm cái tâm của chính ông. Ông đã đạt đạo ngay trong chính hành động chứ không lý thuyết.

Bài Phúc Âm được công bố trong Tang Lễ của ông hôm nay cũng chính là niềm xác tín được thi hành xuyên suốt cuộc đời của ông:

- *"Phúc thay ai có tinh thần khó nghèo, vì Nước Trời là của họ."* Tinh thần khó nghèo với hai bàn tay trắng khởi sự làm báo Người Việt ngay trong garage của nhà ông đã được chúc phúc để trở nên một công ty báo chí tư nhân lâu dài và lớn lao nhất của người Việt Nam trên toàn thế giới.

- *"Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp."* Còn ai hiền lành hơn ông? Mặc ai phê bình chỉ trích, bôi xấu, xỉ vả, vu oan, cáo vạ... ông cũng vẫn làm thinh. Không thù không oán! Trái lại, còn cắt nghĩa tốt cho họ. Bởi thế nên tâm hồn ông lúc nào cũng bình an và hạnh phúc!

- *"Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa an ủi."* Trong những năm ốm đau, ắt hẳn ông phải sầu khổ lắm! Thế nhưng không ai nghe tiếng ông kêu than oán trách dù chỉ một lời. Trái lại, khi bạn bè đến thăm, hỏi về bệnh tình của ông, thì ông lại hỏi thăm về từng hoàn cảnh của bạn bè và an ủi họ!

- *"Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa thỏa lòng."* Như một huynh trưởng hướng đạo và là một nhà báo chân chính ông rất nặng lòng với quê hương đất nước, với việc thiện và với lòng khát khao chân thiện mỹ, giờ đây Thiên Chúa ắt phải vui lòng khi ông đến trình diện trước nhan thánh Ngài.

- *"Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là Con Thiên Chúa."* Bài thánh ca mà ông ưa thích nhất là "Kinh Hòa Bình" của thánh Phanxicô Assisi. Chúng ta sẽ cùng hát với ông một lần cuối trong Tang Lễ hôm nay. Vào những ngày cuối đời, ngay lúc phải hít thở bình dưỡng khí, anh chị Vĩnh Tuệ vào thăm ông, hát bài Kinh Hòa Bình cho ông nghe: *"Lạy Chúa từ nhân xin cho con biết mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người...Lạy Chúa xin hãy dùng con như khí cụ bình an của Chúa,"* ông đã đưa tay lên kéo dụng cụ hô hấp ra khỏi miệng mà hát trọn vẹn cả bài Kinh Hòa Bình trong niềm hân hoan vui sướng. Trái tim ông như chắp cánh đại bàng bay lên tận cõi trời cao xanh với Thiên Chúa của an bình. Vì đây là lý tưởng ông đã theo đuổi suốt cả cuộc đời. Trước ngày cuối cùng, tuy ông không hát theo được nữa, nhưng lắng nghe với nụ cười tươi vui. Sự bình an trong tâm hồn ông càng biểu tỏ rõ rệt khi được quý cha Giám Đốc Mai Khải Hoàn, cha Hùng, cha Đệ và anh chị Vĩnh Tuệ đến thăm viếng, cầu nguyện và rước Mình Thánh Chúa cho ông.

3- Sau cùng, chúng ta cảm tạ Chúa vì ông ra đi có chuẩn bị. Ông sống bình an và ra đi rất an bình, "living well and dying well." Cha Giám Đốc Trung Tâm Công Giáo đã cầu nguyện cho ông và với ông, đã ban tất cả các phép bí tích sau hết theo nghi thức Công Giáo. Mặc dù thể xác phải chịu đau khổ, nhưng ông vẫn tươi cười, chứng tỏ ông có một sức mạnh nội tâm sâu xa, một sự an bình và trông cậy vững vàng vào tình yêu thương của Thiên Chúa. Bởi thế, giờ này cùng với những người thân trong gia đình, thân bằng quyến thuộc, chúng ta có thể nói được rằng ông Rémi Đỗ Ngọc Yến đang ca hát lên lời của Thánh Vịnh 114: *"Tôi sẽ bước đi trước mặt Người. Trong cõi đất dành cho kẻ sống."*

Kính thưa toàn thể quý vị,
Kính thưa quý tang quyến,

Đứng trước linh cửu của người quá cố, quý vị cảm thấy mình bị mất mát lớn lao, nhưng quý vị cũng thật có phước vì đã được gặp gỡ, học hỏi, và chứng kiến một con người cao cả để tiếp tục phục vụ cho ích lợi chung của cộng đồng.

Quý vị là những nhân chứng về cuộc đời của một thầy tu đã không bao giờ mặc chiếc áo dòng nhưng lại mặc vào mình những lý tưởng phục vụ, yêu thương và giúp đỡ mọi người.

Quý vị là những nhân chứng về cuộc đời của một vị sư đã không trụ trì trong chùa nhưng lại tu ở tòa soạn Nhật Báo Người Việt với cái tâm từ bi nhân ái.

Quý vị là những nhân chứng của một đạo sĩ dưới danh hiệu nhà báo chân chính luôn luôn đi tìm tòi chân lý, sự thật, từ ngày này qua ngày khác, qua lục địa, xuyên đại dương.

Quý vị là những nhân chứng về cuộc đời của một chiến sĩ đã hết lòng với quê hương đất nước, luôn chiến đấu cho tự do, dân chủ nhưng không chiến đấu bằng súng ống bom đạn mà bằng chữ nghĩa, văn học, báo chí và các công tác xã hội. Ngày hôm qua, trong giờ thăm viếng và cầu nguyện cho ông tại nhà quàn Peek Family Funeral Home, tôi được tiếp xúc với một trong các ái nữ của ông. Bộc phát một cách rất tự nhiên cô nói: "Nếu được hỏi giờ này Bố đang ở đâu? Con không ngần ngại trả lời rằng chắc chắn Bố đang ở trên thiên đàng. Ở trong một thư viện nào đó của Nước Trời." Phải, ông rất đam mê sách vở, văn chương, và chữ nghĩa!

Tất cả chúng ta hiện diện nơi đây, đã chứng kiến một con người dễ thương, một cuộc đời cao cả đã ra đi nhưng tình yêu và lòng nhân ái của ông không bao giờ tàn lụi như lời thánh Phaolô đã nói: ***"Đức mến không bao giờ mất"*** (Love never fails) (1 Cr. 13:8).

Lời cuối cùng ông Rémi Đỗ Ngọc Yến muốn nhắn gửi đến tất cả mọi người trong Tang Lễ hôm nay là: *"Xin vĩnh biệt mọi người. Tôi ra đi lần cuối. Không bao giờ trở lại. Hẹn nhau trong Nước Trời. Tôi đã nhận được lệnh ra đi. Xin chúc tôi may mắn. Xin để lại anh em đôi lời. Yêu thương nhau mãi mãi thay tôi."*

Lm Joseph Nguyễn Thái
California,
8/24/2006

Một kỷ niệm về Đỗ ngọc yến

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Tôi về nước năm 71 (sau khi phục vụ ở Toà Đại sứ VNCH ở Washington bốn năm từ 1966 đến trước khi về Sài-gòn) và chỉ quen anh khoảng năm 1973 khi bắt đầu có chương trình về thăm quê hương dành cho các sinh viên VN ở hải ngoại. Đây là một chương trình không phải ai cũng đồng ý. Không ít báo trong nước lúc bấy giờ nhao nhao lên: đã là sinh viên du học thì đa phần là con ông cháu cha rồi, sao lại còn phải "biệt đãi" họ bằng cách cho về thăm quê hương trong mùa hè bằng tiền chính phủ? Đó là chưa kể, có sinh viên ở lại ngoại quốc bất hợp pháp (nghĩa là quá hạn, gọi về không về), sao vẫn nhắm mắt cho về (rồi lại cho ra đi trở lại)?

Sự thực thì những quan niệm kia không thiếu phần ngộ nhận. Nếu trong số sinh viên du học có con ông cháu cha thật (không ít) thì thành phần sinh viên đi học bổng (vì học giỏi) hay tự túc (vì gia đình có phương tiện gởi gắm) cũng không phải là ít —về sau xét ra còn là số đông nữa là khác. Họ về bằng tiền túi bỏ ra, chính phủ chỉ giúp cho giấy tờ một cách nhanh lẹ và dễ dàng, và không muốn làm khó dễ trong trường hợp một số anh chị em có thể giấy tờ đã quá hạn thành bất hợp pháp. Lý luận đằng sau chương trình mà về sau được gọi là "Đường Việt Nam" này thật đơn giản: Không có gì bằng chính con mắt mình quan sát, kêu gọi yêu nước không bằng cho các anh chị em nhìn thấy tận mắt cuộc chiến đấu kiên cường của quân dân miền Nam trước xâm lăng từ miền Bắc, rồi để cho họ tự kết luận về chính nghĩa của miền Nam. Tóm lại, một lý luận thật dân chủ, không tránh né sự thật: Các anh chị muốn biết tình hình đất nước, xin hãy về mà xem! Và chính quyền miền Nam lúc bấy giờ, mặc dầu đứng trước hàng ngàn khó khăn, vẫn vững tin ở người dân và người lính VNCH là họ có dư thừa khả năng trực tiếp cho các anh chị em sinh viên ở hải ngoại về nhìn thấy thực tế của cuộc chiến và của đất nước!

Quả có vậy, sau này, được nói chuyện và được đọc một số những bài báo của các du học sinh có dịp về thăm quê hương mấy năm đó (1973 và 1974) mới được thấy qua kinh nghiệm đó, lòng yêu nước của họ đã lên ngùn ngụt. Có chị kể: "Chúng tôi được ra Quảng-trị, đứng bên cạnh các anh Thuỷ Quân Lục Chiến vạm vỡ, da đen sạm, ngày đêm sống trong chiến hào, rồi lại có dịp xây trường tiểu học ở ngoài đó cho các em, trong bụi bặm và trong gió Lào, tự thấy mình không vô dụng và yêu nước thêm gấp bội." Có người khác có dịp leo lên các đồi cỏ cháy với các anh Nhảy Dù, thấy họ bám trận địa lấy tay không đào hố cá nhân mà nước mắt lưng tròng, không thể ngờ là cuộc chiến đời hy sinh gian khổ đến như thế. Lại có người như chị Trương Anh Thuỵ (ở Virginia về) lần đó đi ở Nha-trang về Sài-gòn, trong đoàn có cả anh Nghiêm Phú Phát, đến Rừng Lá thì bị đối phương đột kích, đêm được nghe "tiếng đại bác vọng về..." (Mười năm sau, hình như chị Thuỵ đã có dịp kể lại những giờ phút hồi hộp và ký ức khó quên này trên báo Ngày Nay ở Houston thì phải.)

Tại sao tôi lại kể dông dài về "Đường Việt Nam" khi muốn viết về anh Đỗ Ngọc Yến. Sở dĩ vậy là vì chiến tranh VN là một chiến tranh bị ngộ nhận rất nhiều. Nếu chúng ta ở ngoại quốc trong thời gian đó, bị báo đài bao vây hàng ngày với những tin tức tiêu cực nếu không muốn nói là đầy ác ý, chúng ta sẽ được nghe, chẳng hạn, báo chí Tây phương nói đến quân Bắc-Việt là "their lions" ("sư tử phía họ") và quân miền Nam là "our rabbits" ("thỏ đế bên ta") — cách gọi của một bài báo nổi tiếng trên tờ *Newsweek*. Có về mới thấy thực tế là hoàn toàn trái ngược.

Anh Đỗ Ngọc Yến lúc bấy giờ cũng như không bao giờ là nhân viên chính phủ. Song anh vẫn cộng tác với những người như tôi, lúc đó làm Cục phó Cục Thông tin Quốc ngoại, vì anh chia xẻ niềm tin đứng đàng sau những lý luận như được nêu trên. Là một nhà báo, anh thường dễ có một cái nhìn ngờ vực về những nỗ lực của chính quyền. Nhưng trong chuyện

(tiếp trang 37)

Anh đi

THỤY KHUÊ

Nghe tin anh mất tôi không buồn mà thấy yên tâm, yên tâm anh đã tìm thấy khung trời của mình. Anh từ tốn bước vào như thể mọi chuyện đã định sẵn từ lâu. Anh kiên tâm thương lượng với bệnh tật như anh đã bao lần thương lượng với những vấn đề gay go nhất trong cuộc đời di tản để tổ chức nên cơ sở báo chí lớn nhất hải ngoại cho bao nhiêu người có chỗ làm việc và phát triển được khả năng của mình. Anh đã cung cấp cho một cộng đồng bơ vơ, chưa có tiếng nói đích thực một cơ quan ngôn luận đứng đắn, đáng tin cậy. Những việc ấy, anh đã làm, anh đã thương lượng thành công, và lần này anh cũng đã làm, anh cũng đã từ tốn thương lượng với bệnh tật. Anh và nó cũng đã nhường nhịn nhau nhiều lắm và sau cùng anh nhượng bộ. Anh quyết định "làm việc này" như anh tổ chức một bữa tiệc tẩy trần tiễn bạn đi xa. Anh đã thu xếp xong tất cả mọi việc. Anh dặn trước mọi người đừng buồn. Tôi nghe tiếng anh nhỏ nhẹ sắp đặt nghi lễ đón đưa, anh dặn ai sẽ nói gì, làm gì, như những lần trước anh đã chu đáo làm cho Lê Đình Điểu, cho Mai Thảo, cho những người bạn đi trước anh...

Từ hôm anh đi, Cali đối với tôi trở thành kỷ niệm. Kỷ niệm của những ngày hội ngộ. Hội ngộ với Lê Đình Điểu có tài quản trị, điều khiển, nhưng mơ mộng và tài hoa. Hội ngộ với Mai Thảo phương trưởng đầu đàn, bao che cho văn nghệ. Hội ngộ với Đỗ Ngọc Yến âm thầm lùi lại phía sau để chỉ huy phía trước... Những địa chỉ yêu thương, quý trọng, những bộ mặt không nhoà, những tâm hồn càng xa càng sáng: những tên tuổi đã góp phần xây dựng nên đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt hải ngoại.

Anh đi, nhưng những gì anh đã thực hiện sẽ tồn tại. Mãi mãi tồn tại.

Một kỷ niệm... (tiếp theo trang 36)

này, anh hoàn toàn chia xẻ. Và tôi nghĩ là những người như Đinh Quang Anh Thái và biết bao nhiêu anh chị em sinh viên trong nước lúc bấy giờ mà đi theo các trại hè của "Đường Việt Nam" lên Đà-lạt, xuống Nha-trang, ra Quảng-trị (xây trường học và nhà cửa cho đồng bào) đều là những con người lý tưởng với một niềm tin sắt đá vào chính nghĩa của quốc gia lúc đó. Ngay phần chúng tôi, những người phục vụ trong chính quyền lúc bấy giờ, như Ngô Vương Toại hay Nguyễn Thị Ngọc Hương trong số các anh chị em được bổ để đi theo công tác (Ngọc Hương là tay hòm chìa khóa lúc đó), cũng mang về những kỷ niệm khó quên.

Chính niềm tin này, một niềm tin bao la vào tuổi trẻ, vào người lính VNCH, vào người dân chất phác ở trong vùng Quốc gia, đã là chất keo nối kết chúng tôi lại, người trong chính quyền, người ngoài chính quyền, người hải ngoại, người quốc nội để thành một khối mà còn bền vững cho đến ngày hôm nay, không chỉ ở hải ngoại mà tôi ngờ còn cả ở trong nước nữa —họ chỉ không được phép biểu lộ ra thôi.

Niềm tin đó, theo tôi, đã làm nên cái lớn của con người Đỗ Ngọc Yến —từ Đỗ Ngọc Yến của các chương trình Hè 1964 đến chương trình phát triển Quận 8, đến CPS, đến Đỗ Ngọc Yến của phong trào Du Ca, của Đường Việt Nam (anh đi theo suốt, bỏ công ăn việc làm ở Sài-gòn, đi theo để rủ rỉ rù rì với những người bạn mới làm thân, để sống chung và để ca hát với họ), đến Đỗ Ngọc Yến mà ta quen biết ở hải ngoại, của Người Việt, của phòng sinh hoạt Người Việt, của Southeast Asian Archives của UC Irvine. Một con người luôn luôn tích cực, thân thương với bạn bè và vì thế làm việc chung được với người khác để hoàn thành những chuyện thật lớn.

Những giờ phút tâm tình không thể quên

NGUYỄN MINH CẦN

Tôi được gặp anh Đỗ Ngọc Yến khá muộn và không nhiều lần. Nhưng những lần gặp nhau với anh đã để lại trong tôi những ấn tượng khó phai nhạt.

Số là hồi năm 1997, vào dịp tạp chí Thế Kỷ 21 lên chín tuổi, tôi được mời đến Quận Cam để dự buổi lễ kỷ niệm đó. Sau khi anh Đỗ Việt Anh đón tôi từ phi trường thì tôi được đưa thẳng về ở nhà anh Yến, chị Loan. Thế là chúng tôi quen nhau, mến nhau từ đó.

Ở nhà anh chị, tôi được anh chị chăm sóc rất tận tình. Nhưng điều đáng quý nhất là chúng tôi có được những giờ phút tâm tình rất cởi mở trong những buổi tối rảnh rỗi. Anh Yến khao khát tìm hiểu rất nhiều vấn đề ở miền Bắc. Với cái giọng nhỏ nhẹ vốn có của anh, anh hỏi tôi kỹ càng về cuộc Cải cách ruộng đất, về vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm và về vụ án Xét lại-Chống Đảng. Sau khi nghe xong, anh thốt lên một câu: "Tôi không thể tưởng tượng được vì sao người ta có thể tàn ác đến như vậy?" Và thế là câu chuyện từ đó lại chuyển sang vấn đề trí thức. Tôi nói: "Không ai có thể tưởng tượng được những bạo hành như thế đã xảy ra! Chính vì thế khi dân miền Nam được bà con di cư từ miền Bắc vào nói rõ về những hành động hung bạo trong Cải cách ruộng đất, được cụ Hoàng Văn Chí gióng tiếng chuông mạnh mẽ về vụ Cải cách ruộng đất và vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, thì phần đông trí thức miền Nam có tin đâu. Họ nghĩ là không thể có những chuyện như vậy, chẳng qua chỉ là tuyên truyền chống cộng mà thôi. Oái ăm thay, biết bao nhà trí thức khoa bảng có danh tiếng của miền Nam trong lúc đó lại ăn phải bã tuyên truyền của những người cộng sản và đã hết lòng giúp đỡ họ..." Anh Yến trả lời: "Trí thức thì bao giờ cũng thế, bao giờ họ cũng có thái độ không tin cậy, thậm chí phản kháng đối với kẻ cầm quyền. Mà hồi đó thì những người cầm quyền ở miền Nam lại đang tiến hành chiến dịch chống cộng, nên người ta dễ nghĩ là những chuyện hung bạo xảy ra ở ngoài Bắc được công bố chỉ là thủ đoạn tuyên truyền của nhà cầm quyền mà thôi. Đáng tiếc là trong lúc đó họ lại nghe lời lẽ của những người cầm quyền ở miền Bắc!"

Có những tối khác, anh hỏi tôi cặn kẽ về việc tôi thoát ly khỏi Đảng cộng sản hồi năm 1964, còn tôi thì xin anh cho biết về những hoạt động xã hội của anh thời còn là sinh viên và bước đường làm báo của anh, nhất là việc sáng lập tờ Người Việt và vun đắp nó để nó trưởng thành trở nên một tờ báo rất có uy tín của Cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ. Anh kể tỉ mỉ về những bước đường gian truân đầu tiên của anh, đồng thời phác họa cho tôi thấy cả một kế hoạch lâu dài của anh chị em trong gia đình Người Việt nhằm kết hợp sự phát triển của báo Người Việt với sự hoạt động của đài phát thanh VNCR, sự khuếch trương của tạp chí Thế Kỷ 21 và hướng đi của Hội Văn học Nghệ thuật. Anh có nói đến cách dùng những cơ quan làm ăn có lãi nhờ việc quảng cáo để trợ giúp cho những cơ quan chưa độc lập được về mặt tài chính để tất cả cùng trưởng thành. Anh cũng có nói đến việc lập một Quỹ xã hội để giúp đỡ cho nhân viên, cũng như văn nghệ sĩ. Nghe những chuyện đó tôi thầm cảm phục tầm nhìn rộng lớn và tài tổ chức của anh.

Khi ở nhà anh chị Yến, tôi cũng được dịp cùng anh Yến tiếp các anh Như Phong Lê Văn Tiến, Nguyễn Thượng Hiệp, Trần Huy Bích, Nguyễn Chí Thiện và nhiều anh chị khác đến thăm tôi, và chúng tôi đã có những cuộc trao đổi ý kiến rất thú vị.

Ngoài ra, chúng tôi còn có những buổi đàm đạo riêng về các vấn đề rất khác nhau. Điều làm tôi thích thú là trong nhiều lĩnh vực anh Yến đã tỏ rõ một trình độ hiểu biết rất sâu sắc và căn bản.

Hai năm sau, tôi lại đến Hoa Kỳ, tôi đã tới thăm anh và biết là anh bị yếu đi nhiều vì chứng thận suy hành hạ. Nhưng khi tôi ghé qua Toà soạn báo Người Việt thì lại thấy anh Yến ở đó. Anh đi chậm rãi từ phòng nọ sang phòng kia, nhìn anh chị em với đôi mắt trìu mến, thỉnh thoảng hỏi han người này người nọ. Anh Đỗ Quý Toàn nói với tôi: "Yến không khoẻ nhưng không muốn nằm nhà, đến toà soạn, trông thấy mặt anh chị em, Yến vui hơn. Còn anh chị em thấy Yến tới thì cũng rất mừng." Sự gắn bó của

(tiếp trang 39)

Người hào kiệt của thời nay

NGÔ VƯƠNG TOẠI

Đối với tôi Anh Đỗ Ngọc Yến là một hào kiệt hiếm hoi trong thời đại chúng ta. Sự ra đi của Anh là một sự mất mát lớn cho những người hoạt động.

Anh là người luôn luôn tham dự vào sân chơi của những trò chơi lớn. Từ thời kỳ công tác Hè 65 đến những sinh hoạt khác và đặc biệt là hợp tác với ông Phạm Dương Hiển Cục Thông Tin Quốc Ngoại trong việc tổ chức các chương trình cho sinh viên, thanh niên ở Hải ngoại về thăm Quê Hương trong những năm 1972-1974.

Một trong những thành tựu rực rỡ nhất của Anh Đỗ Ngọc Yến là đã cùng với những anh chị em làm việc với anh từ những năm 60, khi qua bên Mỹ xây dựng được nhật báo Người Việt, được xem là cơ quan ngôn luận quy mô và được người Việt ở nước Mỹ cũng như người bản xứ đánh giá cao trong lãnh vực truyền thông.

Tôi xem anh Yến là một hào kiệt vì nơi con người đó có sự bền bỉ, sắt đá và hài hòa yêu mến anh em. Lúc nào vòng tay cũng rộng mở trong tinh thần khiêm tốn, làm được những công việc lớn nhưng luôn luôn thu mình.

Anh Yến là một người có rất nhiều sáng kiến và bén nhậy trong tất cả các dự án đề ra. Anh rất tỉnh táo khi đề cập đến những dự án đó ngay cho dù trong thời gian đã nằm bệnh.

Những giờ phút... (tiếp theo trang 38)

anh chị em với người chủ nhiệm yêu quý của mình đã tạo nên bầu không khí thân ái, ấm cúng trong gia đình tờ Người Việt mà tôi cảm thấy rõ khi đến toà báo.

Lần cuối tôi đến Quận Cam vào năm 2000, tôi chưa kịp đến thăm anh Yến thì anh đã cùng anh Đỗ Việt Anh đến gặp tôi tại nhà anh Phạm Phú Minh. Lần này chúng tôi không nói gì được nhiều với nhau, anh chỉ nhìn tôi và nói rất ít. Một lúc sau thì anh về. Anh Minh nói với tôi: "Yến yếu lắm rồi. Chúng tôi đang bàn nhau làm một cái gì đây để làm vui lòng Yến..." Tôi cảm thấy rất buồn, linh cảm có lẽ đây là lần chót chúng tôi được gặp nhau trên cõi trần này. Gần đây một tuyển tập bài viết của bạn bè về Đỗ Ngọc Yến đã ra mắt bạn đọc. Chắc là một trong những "cái gì đây" mà anh Minh đã nói đến. Tôi rất mừng được biết tuyển tập được bạn đọc hoan nghênh. Và chắc anh Yến cũng rất hài lòng.

Thế rồi... đùng một cái, hôm thứ Sáu 18 tháng 8, anh em ở đài RFA báo cho tôi biết anh Đỗ Ngọc Yến đã qua đời tối qua. Tôi bồi hồi xúc động biết bao, nhớ lại những buổi tâm tình của chúng tôi tuy ít ỏi nhưng rất sâu đậm.

Anh Đỗ Ngọc Yến là một trong những gương mặt rực rỡ nhất trong giới truyền thông báo chí tự do của đất nước Việt Nam. Anh đã vượt qua bao nhiêu khó khăn để gây dựng nên cơ sở Người Việt với cơ ngơi bề thế như ngày nay, với Phòng sinh hoạt rộng rãi, với số lượng ấn hành của báo 18 ngàn số mỗi ngày, lại quần tụ quanh mình cả những cơ quan truyền thông báo chí có tên tuổi, như tạp chí Thế Kỷ 21, đài VNCR, Hội Văn học Nghệ thuật Việt Mỹ, v.v... Đó là kết quả cụ thể của tinh thần dấn thân của anh Yến vì sự nghiệp chung, cái tinh thần ấy anh đã từng thể hiện từ thời còn là hướng đạo sinh, sinh viên hoạt động xã hội ở miền Nam nước Việt.

Anh Đỗ Ngọc Yến ra đi, làng báo Việt Nam mất một người làm báo tài ba, tất cả chúng ta mất đi một người bạn rất quý mến. Nhưng sự nghiệp anh để lại mãi mãi còn đó và chắc chắn sẽ được các bạn của anh khuếch trương lên nữa, và điều này thì không nghi ngờ gì cả: hình ảnh thân yêu của anh nhất định sẽ còn mãi trong lòng mọi người yêu mến anh!

24.08.06

Đỗ Ngọc Yến

PHẠM DUY

Từ trái: Đỗ Ngọc Yến, Thái Hằng, Đỗ Quý Toàn, Phạm Duy, Lê Tất Điều

Giữa thập niên 60, Đỗ Ngọc Yến mới bước vào nghề báo ở Saigon còn tôi thì đã là một nghệ sĩ có được ít nhiều tác phẩm phản ánh con người và cuộc đời Việt Nam vào một thời kỳ náo động nhất... chúng tôi đã gặp nhau và học ở nhau rất nhiều điều lý thú. Cùng với một số bạn học cũ, Đỗ Ngọc Yến thường tới nhà tôi để nghe nhạc rồi cùng tôi vác tape recorder đi biểu diễn bản trường ca Con Đường Cái Quan ở nhiều nơi phi thương mại như tại các trường Đại Học, trụ sở Thanh Niên, cư xá Sinh Viên v.v... với mục đích chống lại nhạc phòng trà, nhạc trưởng giả, nhạc tiêu cực ngày đêm ru ngủ mọi người đang trong tình trạng bị hỗn loạn hay bất an vì chiến tranh. Thấy chống bằng trường ca Con Đường Cái Quan hay Mẹ Việt Nam vẫn chưa đủ (hay là quá tượng trưng) để nói vào cuộc đời trước mặt, tôi bèn soạn Tâm Ca và Đỗ Ngọc Yến đã là người khuyến khích tôi rất nhiều để tôi hoàn thành 10 bài ca mang tính chất hiện thực xã hội này.

Tới khi thời cuộc 1975 đẩy chúng tôi đi sinh sống ở Hoa Kỳ, Đỗ Ngọc Yến có ý định làm chủ báo thì tôi là người đầu tiên ủng hộ tinh thần (và cả vật chất) để biến tòa báo từ một garage chật hẹp dần dà trở thành một trụ sở to lớn như bây giờ... với nhân viên từ một, hai người tới cả trăm người như hiện nay. Tôi rất yêu Đỗ Ngọc Yến vì em chủ báo này không có mục đích làm giầu cho riêng mình mà sẵn sàng chia lời cho các nhân viên của mình, nuôi sống được hằng chục gia đình đồng hương. Tòa báo NGƯỜI VIỆT đã trở thành nơi để — ngoài tôi ra — biết bao nhiêu văn nghệ sĩ tới diễn thuyết, hội luận, ca hát, hòa nhạc, bày tranh v.v... vô hình chung biến thành trụ sở văn hóa hầu như độc nhất của người Việt hải ngoại tại Little Saigon trong suốt ba mươi năm.

Đỗ Ngọc Yến có thể là người đã thành công lớn trong nghề làm báo. Em cũng đã thành công trong việc nuôi nấng con cái giữ được nghề cha. Hạnh phúc gia đình của em cũng gần như toàn vẹn, em Loan cũng hiền lành và đại lượng như chị Hằng... nhưng em thất bại hoàn toàn trong việc đánh nhau với "tiểu đường." Khi bệnh này tới với Yến, em còn nhớ không, cách đây hằng chục năm, anh kéo em đi tập thể dục và tắm nước nóng, đứng trước bể bơi, em nhất định không chịu cởi áo ra, vì lý do em ngượng ngùng, e thẹn hay sợ sệt gì đó. Nếu em nghe anh từ lúc đó thì chưa chắc hôm nay em đã là người của thiên cổ đâu! Nói như vậy để thấy rằng anh thật sự ao ước có em hiện đang ở chung một nhà với anh, cùng nhau ăn một bát canh cua đồng, một đĩa măng sào, một vài con cá bống... và cùng tâm sự với nhau về dĩ vãng, hiện tại hay tương lai, như đã tâm sự với nhau trong 30 năm xa xứ.

Vĩnh biệt.

Nghĩ về Đỗ Ngọc Yến

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tháng 11 năm 1982, từ trại tị nạn Galang Nam Dương, tôi được đi định cư ở Houston, tiểu bang Texas Hoa Kỳ.

Còn ngỡ ngàng hoang mang trước cuộc sống mới, tôi được một bạn đồng nghiệp (qua Hoa Kỳ trong đợt di tản năm 1975) từ Dallas xuống Houston đón về nhà chơi. Anh bạn là một người thầy giáo gương mẫu cả về khả năng lẫn đạo đức, ngoài chuyện dạy học ra, anh thường tỏ ra lúng túng vụng về khi phải đối phó với những gì không bình thường, không ở trong khung đạo lý hay luật pháp. Anh khoe với tôi là suốt bảy năm lái xe trên các xa lộ Mỹ, anh chưa bị phạt vi phạm luật giao thông lần nào. Tôi bật cười khi nghe anh khoe một chuyện nhỏ nhặt như thế. Vì anh có những chuyện đáng khoe hơn mà vì bản tính khiêm nhường, anh để cho tôi tự khám phá lấy. Vâng, một thầy giáo chân chỉ hạt bột như anh bạn tôi, qua một xứ sở hoàn toàn xa lạ như Hoa Kỳ, mà chỉ trong vòng bảy năm, anh chị đã mua được một ngôi nhà khang trang, lập được một tiệm bán đồ tạp hóa, và con cái đều đang học những năm cuối bậc trung học hoặc vào đại học. Khi liều thân vượt biển đi tìm đất sống năm 1982, tôi có than với bạn bè rằng đất nước mình không có chỗ sống cho người lương thiện. Đến Hoa Kỳ, tôi không có hiểu biết hoặc kinh nghiệm nào về đất nước giàu mạnh này, nhưng qua người bạn ở Dallas của tôi, tôi rút ra được nhận định sơ khởi: nơi đây, người lương thiện có đất sống. Và tôi mừng cho tôi, cho vợ con tôi.

Tháng Ba năm 1983, tôi đưa hai con qua sống ở California, vì nhiều bạn bè bảo tiểu bang này có khí hậu và chế độ trợ cấp xã hội khá hơn Texas. Họ nói đúng. Tôi còn thích thú hơn nữa, khi tới Quận Cam, tôi gặp được rất nhiều bạn bè cũ "ở một nơi ai cũng quen nhau" (nhan đề một truyện ngắn của Hoàng Ngọc Tuấn) là Tòa soạn báo Người Việt. Lúc đó báo Người Việt còn đặt trụ sở tại dãy phố đối lưng với hiệu ăn Song Long bây giờ, bên cạnh hiệu sách Văn Khoa của anh Đỗ Đình Tuân và hiệu ảnh Kim Môn. Tôi gặp Đỗ Ngọc Yến, Nguyễn Đức Quang, Phạm Quốc Bảo, Phan Huy Đạt, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Thiện Cơ... ở đó. Cũng nhờ những người bạn làm báo này giới thiệu, mà tôi bất ngờ trở thành người làm báo Việt ngữ hải ngoại chuyên nghiệp suốt bốn năm, từ 1983 đến 1987. Nhiệm vụ chính của tôi là dịch tin. Sau đó, làm đủ thứ việc từ tìm bài vở lấp đầy các trang báo cho đến việc cắt dán trình bày. Bốn năm làm báo cho tôi thấy đây là một nghề đầy khổ nhọc, mà tiền lương nhận được không tương xứng với mồ hôi nước mắt đổ ra. Cuộc sống của bạn bè làm báo Người Việt thời bấy giờ cũng không khá gì hơn cuộc sống của tôi. Trừ những người "sống toàn phần" cho tờ báo như Đỗ Ngọc Yến, Nguyễn Đức Quang, Phạm Quốc Bảo..., những bạn trẻ khác đều có nghề tay phải. Tôi còn khám phá một điều quan trọng khác: làm thuê cho người khác ra báo còn đỡ cực hơn làm chủ báo. Làm thuê như tôi, tối thứ tư đưa tờ tuần báo đi in, là xong nợ. Làm chủ, phải lo phát báo đi các chợ, các cửa hàng, phải đi thu tiền quảng cáo để nghe những lời khiếm nhã của kẻ ỷ tiền, phải đối phó với các đồng nghiệp cạnh tranh ráo riết số thân chủ quảng cáo ít ỏi, phải mềm mỏng với các đoàn thể chính trị để khỏi bị chụp mũ. Người Việt là thành quả chung của rất nhiều bạn bè quen thân nhau từ các phong trào thanh niên xã hội ở Sài Gòn thời thập niên 60 như CPS, nhưng người đứng mũi chịu sào trước mọi sóng gió luôn luôn là Đỗ Ngọc Yến. Và trong vai trò quan trọng này, anh là một người đi dây tài tình. Anh luôn luôn nhỏ nhẹ, nhún nhường, như sẵn sàng nhận mọi trách nhiệm mọi tội lỗi về mình. Có trong tay một hệ thống truyền thông lớn nhất hải ngoại, không bao giờ anh dùng nó để "trả miếng" những người xông tới công kích anh. Anh cười nhẹ như một chuyện không đáng quan tâm khi người ta chụp mũ anh, ghép cho anh đủ thứ vai trò quan trọng trong cả hai phe quốc cộng, Việt Mỹ. Anh không ưa "nổ", mà cũng không chủ trương "làm báo nổ" để câu độc giả. Không làm báo "từ lỗ rún trở xuống," không làm báo nổ, không làm báo chửi, mà muốn cho tờ báo có nhiều độc giả, trời ơi, anh có điên không anh chủ báo? Đỗ Ngọc Yến trước sau vẫn giữ cho Người Việt luôn luôn là một cơ quan ngôn luận đứng đắn, nghiêm chỉnh; đồng thời lại cùng với bạn bè tập hợp thành một công ty kinh doanh theo chính mạch, kết quả là vị trí hàng đầu của Người Việt trong giới báo chí hải ngoại hiện nay.

Đỗ Ngọc Yến cho tôi thấy thêm một điều lạc quan về Hoa Kỳ: chẳng những người lương thiện có thể sống được ở đây, mà một cách làm báo lương thiện cũng có cơ hội thành công được ở đây.

Chia tay Đỗ Ngọc Yến

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Nhà tôi ở Quận Cam gần nhà Đỗ Ngọc Yến, chỉ đi năm ba bước là đến. Thế nhưng, chỉ thỉnh thoảng tôi mới bấm chuông nhà anh hay anh gõ cửa nhà tôi. Bởi vì ngày nào mà chúng tôi chẳng gặp nhau ở toà soạn Người Việt, nên buổi tối hay ngày nghỉ cuối tuần tránh gặp mặt nhau càng nhiều càng tốt, tôi vẫn nghĩ thế.

Nhưng tám năm nay, sau khi nhận vai Tổng thư ký tờ Việt Mercury trên Thành phố Điện tử, tôi không còn cơ hội gặp anh hằng ngày nữa.

Còn nhớ một buổi sáng, tháng Mười Một năm 1998, trước ngày lên đường đi San Jose, Yến kéo tôi đến tiệm Croissant Doré trên đường Bolsa gần toà soạn. Anh vốn là người ít nói, nhưng hôm đó tôi thấy một Đỗ Ngọc Yến khác, anh nói với tôi nhiều chuyện và nhiều thứ - từ tờ Người Việt đến tạp chí Văn... Anh cũng nói đến lịch sử tờ San Jose Mercury News - nơi sinh ra tờ Việt Mercury mà tôi sẽ làm, anh nói về người mà tôi sẽ gặp và thành phố mà tôi sẽ đến nhận việc.... Anh nhắc đến anh Mai Thảo hồi sinh thời, hỏi những khó khăn của tờ Văn khi mang nó lên theo chỗ ở mới. Đỗ Ngọc Yến biết nhiều về nơi ăn chốn ở, con người và khí hậu thời tiết mà tôi sẽ giáp mặt hơn là chính tôi cứ tưởng là mình đã biết.

Yến nói "chuyến phiêu lưu này cũng hay, thì ông cứ thử phiêu lưu xem sao, khi nào cần gì tôi, ông cứ gọi." Trước khi chia tay, anh đưa tôi một bọc giấy. Anh nói đây là mấy cuốn sách tôi mới mua và một cuốn cũ tôi tình cờ có được, ông mang theo lên đó đọc. "Tôi biết ông sẽ thích!"

Từ đó đến nay cũng đã gần tám năm, thỉnh thoảng tôi có xuống Quận Cam, khi thì dự đám cưới con một người bạn, khi thì thăm một người từ Việt Nam vừa mới qua, hay khi chia tay một người thân... Mỗi lần xuôi Nam tôi đều đến thăm anh, khi thì ở nhà anh, khi thì ở báo Người Việt. Tôi biết anh không khoẻ, nhưng tôi không muốn hỏi câu mà ai cũng thường hỏi khi gặp anh là "khoẻ không?" Ai cũng biết là anh đang không khoẻ mà!

Tuy vậy tôi nhớ nhất là mấy lần thăm anh trong thời gian gần đây. Một lần đi với Đỗ Tăng Bí vào bệnh viện Fountain Valley, hôm đó có cháu Châu Dao từ Hoa Thịnh Đốn về phụ mẹ săn sóc anh, anh hỏi tôi 'tờ Việt Mercury đóng cửa ông có tính làm gì không, thôi về dưới này với anh em đi.' Mặc dù tôi biết anh đang mệt, anh vẫn kể nhiều về chuyện thời kỳ sinh viên biểu tình chống văn hóa Pháp ở Sài Gòn, chuyện cùng với Đỗ Quý Toàn, Đỗ Tăng Bí soạn bản tuyên cáo chống sinh hoạt đồi truỵ xa hoa phóng đãng của sinh viên vào cuối năm 1963. Lần thứ hai khi hoạ sĩ Nguyễn Trung triển lãm tranh ở Việt Báo, tôi theo Trần Dạ Từ, Nguyễn Trung, Đỗ Quý Toàn vào thăm anh. Nói chuyện không nhiều, nhưng thấy anh mệt, bốn thằng chúng tôi kéo nhau xuống ngồi ở cái quán ăn trên bờ biển Huntington Beach. Lần sau cùng tôi xuống Quận Cam về chuyện gia đình, nghe tin anh vừa từ bệnh viện về, tôi và anh Đạm Thạch đã bấm chuông nhà anh. Hôm đó tôi thấy anh vui và tỉnh táo hơn lần ở nhà thương. Và anh cũng nói khá nhiều về chuyện bạn bè, chuyện báo chí. Anh luôn là người có trí nhớ tốt dù đang trong cơn bệnh ngặt nghèo. Chị Yến nói những ngón tay anh bị đau, và anh phải ngồi xe lăn.

Hôm đó tôi thấy anh cười, nụ cười nhẹ nhàng hiếm hoi của anh. Tôi nhớ câu nói của Ngô Vương Toại: "Chỉ trừ khi nào ông ấy cất cái kính và cười tươi mới 'biết' ông ấy như thế nào."

Với tôi, mặc dù thấy Đỗ Ngọc Yến cười tôi vẫn "không biết anh ấy như thế nào." Đỗ Ngọc Yến với tôi, bao giờ cũng là người khó hiểu. Có lẽ vì tôi là người bên ngoài, nhưng đến như Ngô Vương Toại, một trong những người bạn từng hoạt động lâu năm với anh mà còn nói thế thì cảm tưởng của tôi chắc cũng không sai là bao.

Mười hai năm làm tờ Người Việt ở đường Moran, Đỗ Ngọc Yến cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ đó là trí nhớ tuyệt vời của anh về những con người, sự kiện và biến cố chính trị - xã hội.

Thường, anh là người trầm lặng nhưng khi cần giải thích anh nói thật khúc chiết về những sự kiện mà anh từng trải qua, từng quan tâm ở mỗi biến cố lịch sử trong cuộc chiến Việt Nam.

Sự hiểu biết của Đỗ Ngọc Yến không phải chỉ vì anh đã sống với nó, ở trong nó, chạm mặt với nó mà vì anh còn là một người đọc nhiều, chịu khó đọc, truy tầm nghiên cứu từ những tác phẩm liên hệ bổ túc cho vốn kiến thức vốn đã giàu có của anh.

Cùng lứa tuổi với anh, nhưng ở Sài Gòn tôi chỉ nghe tên anh như một nhà báo xông xáo và là một người biết nhiều những bí ẩn hậu trường chính trị. Gần anh, trong những ngày ở đường Moran tôi mới biết những điều tôi nghe về anh là không sai. Khi cần biết một sự kiện hay một nhân vật trong thời chiến tranh Việt Nam tôi thường hỏi anh. Và bao giờ tôi cũng được nghe anh nói như đang lật lại từng trang sách, có ngày tháng, chương hồi và hình ảnh.

Nói chuyện với Đỗ Ngọc Yến bao giờ cũng là một dịp cá nhân tôi được học hỏi. Cái biết mà anh cho tôi hơn cả sự chính xác, nó còn cho thấy cả cái chất sống của sự kiện và nhân vật mà các sách báo viết sự kiện cũng như nhân vật ấy không có.

Nói anh là một cuốn tự điển sống về cuộc chiến Việt Nam không có gì là quá đáng.

Mấy lần đến chơi nhà Đỗ Ngọc Yến, tôi thấy có hai kệ sách, một ở phòng khách, một ở phòng ăn. Tất cả đều gọn và sạch. Bất ngờ một hôm tôi hỏi mượn anh một cuốn sách, vì không tìm thấy ở thư viện. Anh nói, có, cuốn này tôi có, nhưng phải lục lại mới được.

Anh đưa tôi vào garage nhà anh. Ánh sáng của ngọn đèn giữa "phòng-garage" không chiếu sáng hết những kệ sách cao hơn đầu người. Một thế giới chữ nghĩa và sách báo tràn ngập garage. Chúng tôi phải len qua giữa những dãy kệ và giữa thế giới "hỗn mang" anh nhón tay anh kéo ra cuốn sách tôi cần.

Tôi nhớ chái hiên phía sau nhà anh có một hồ bơi nhỏ, nằm sát con đường xe chạy nhưng nhờ hàng rào là lùm cây lá dầy chắn bụi và âm thanh nên khá yên tịnh. Từ đó bước ra đường Ward, rồi tiệm Phở Nguyễn Huệ đường Bolsa không xa. Chỉ mấy bước. Đó là nơi trước kia tôi vẫn thường đến ngồi với anh và các bạn.

Năm 1986 từ Hoa Thịnh Đốn xuống Quận Cam, tôi - một người từ trại tị nạn Bataan, Phi Luật Tân vừa qua - gặp Đỗ Ngọc Yến lần đầu ở một quán ăn do anh Mai Thảo và bạn hữu đãi. Vé máy bay khứ hồi, tôi tính trở về Hoa Thịnh Đốn vào cuối tuần. Mai Thảo hỏi tôi "Cậu định trở về trên đó đi học lại thật đấy à?" Tôi nói phải đi học lại chứ anh? Anh cười nhìn Đỗ Ngọc Yến. Và Yến nhìn chị Yến. Không biết chị Yến đã mua bó hoa sẵn từ hồi nào, đứng dậy đưa tặng nhà tôi. Yến nói: "Anh Mai Thảo bảo ông về trên đó làm gì. Ở lại dưới này đi. Bạn bè có mấy người."

Câu nói của anh đã giữ tôi ở lại đường Moran 13 năm kể từ ngày đó. Con đường Moran gắn với nghiệp báo của Đỗ Ngọc Yến như một định mệnh. Nói đến Đỗ Ngọc Yến là nói đến báo chí Việt ở hải ngoại, và nói đến báo Việt hải ngoại không thể không nói đến Đỗ Ngọc Yến, và một địa chỉ trên đường Moran.

Chiều nay, khi ngồi viết những dòng chữ này, tôi giật mình nhìn lên kệ gỗ thấy mấy cuốn sách của Yến cho tôi trước ngày từ giã Bolsa lên San Jose cách đây tám năm vẫn còn ở đó. Những tác phẩm của Simone de Beauvoir: *Une Mort très douce, Cérémonie des adieux, suivi de Entretiens avec Jean-Paul Sartre, Aout-Septembre 1974*, và *A Transatlantic Love Affair: Letter to Nelson Algren*, bản dịch của S. Le Bon de Beauvoir. Đỗ Ngọc Yến hiểu bạn hơn là bạn hiểu mình. Anh là một người bạn đặc biệt.

Với tôi, sự quen biết với anh chị Đỗ Ngọc Yến là một sự quen biết muộn màng. Nhưng là một sự quen biết đầy ấn tượng. Cám ơn Đỗ Ngọc Yến đã mở cánh cửa cho tôi bước vào Người Việt, cám ơn những điều tôi học được ở anh trong thời gian chúng ta làm việc ở toà soạn.

Và mặc dù so với các bạn thân của anh Yến có mặt hôm nay ở đây, tôi chỉ là một người đứng bên ngoài, một người "ngoại tộc" – đúng như cho đến nay tôi vẫn nghĩ như vậy – nhưng tôi vẫn muốn nói với anh rằng tôi rất hãnh diện là bạn anh.

Hơn cả sòng phẳng giữa cuộc đời

TRẦN THANH HIỆP

Mấy tháng trước tôi đã lỡ hẹn với Đỗ Quý Toàn, người chủ biên cuốn Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè. Toàn không có địa chỉ điện tử của tôi, phải nhờ người nhắn tôi "đóng góp" - Toàn căn dặn - để Yến còn kịp đọc trên giường bệnh. Chúng tôi ở hai châu khác nhau, Toàn ở châu Mỹ, tôi châu Âu. Tôi nhận lời với Toàn nhưng rồi sau cùng chẳng viết được gì cho cuốn sách Toàn khởi xướng. Không phải tôi coi rẻ hay quên lời hứa. Sự thật tôi không có thời giờ để viết. Tôi đang tất tưởi ngược xuôi lo chữa bệnh cho tiện nội cũng đã lâm vào tình trạng nguy kịch như Yến. Hay có thể là tôi đã không tìm được những điều ưng ý để nói về Đỗ Ngọc Yến. Chẳng hiểu sao tôi muốn nói thật đầy đủ về người này. Không phải vì Yến là bạn chí thân của tôi. Cũng không phải tôi muốn mượn đề tài Đỗ Ngọc Yến để tỏ ra viết được văn hay. Nhưng chắc chắn trong tôi đã nảy ra ý định rõ rệt phải nói được điều gì đến nơi đến chốn về Đỗ Ngọc Yến.

Nay thì nhà tôi đã từ trần và Đỗ Ngọc Yến cũng đã thành người thiên cổ. Tôi tự hẹn nhất định phải thanh toán món nợ tinh thần với Đỗ Quý Toàn, với Đỗ Ngọc Yến.

Chúng tôi là hai người bạn vong niên, thuộc hai thế hệ già, trẻ khác nhau, nhưng coi nhau như bạn. Tôi quen biết Yến đã trên 50 năm. Khởi đầu, đối với tôi, Yến chỉ là đôi mắt đen nhánh sau cặp kính cận thị dày cộm, mà tôi luôn luôn bắt gặp trong đám học sinh, sinh viên đến nghe tôi nói tại khu "lều Thăng Long," nơi tạm trú của sinh viên trường Đại học Hà Nội, năm 1954 di cư vào Nam sau ngày Hiệp định Genève chia đôi đất nước được ký kết. Giữa chúng tôi tuy có một khoảng cách tuổi tác mà dường như rất gần gũi nhau. Hơn 30 năm sau, giữa thập niên 1980, tôi gặp lại Yến trên đất Mỹ, ở khu Bolsa miền Nam California, sau này mang tên gọi Sài Gòn Nhỏ. Chính Yến đã ôn lại với tôi những kỷ niệm của Yến và tôi khoảng thời gian tôi còn ở lều. Tôi nhớ khi lần đầu tiên này, tôi từ Paris qua California, đến thăm tòa báo Người Việt ở đường Moran, tôi đã nói với đám đông tôi gặp ở đó - mà nét đậm vẫn là cặp mắt Đỗ Ngọc Yến - rằng tôi như con thiêu thân hễ ở đâu thấy đồng bào là lao tới. Khoảng cách năm xưa giữa tôi và Đỗ Ngọc Yến đã biến mất. Chúng tôi hăm hở bàn tính cùng thực hiện nhiều dự án hoạt động, trong đó có tham vọng xuất bản ở trong nước một tờ báo hàng ngày, theo tiêu chuẩn quốc tế có tầm vóc những tờ *The New York Times, Washington Post, Financial Times, The Guardian, Die Welt, Die Bild, Le Figaro, Le Monde, Asahi Shimbun, Yomiuri* v.v... Yến đã trù liệu thành lập ban biên tập cho nó và chúng tôi phấn khởi cùng đợi dịp bắt tay vào việc. Những lần sau, mỗi chuyến tôi qua lại thủ đô của người Việt tị nạn, Yến và tôi lại đề ra thêm những dự án khác nữa. Lần nào tôi cũng thấy hào hứng với sự tin tưởng sẽ cùng thực hiện với Yến những mơ ước của mình tại hải ngoại. Nói đúng ra, chẳng hiểu vì đâu, tôi cảm thấy chỉ hy vọng thành công nếu có sự cộng tác của Yến. Sẽ làm việc chung, phải làm việc chung với Yến. Cùng với Yến, điều này như đã trở thành nỗi ám ảnh của tôi. Tôi chắc không thiếu những người có cùng ý nghĩ này như tôi.

Về sau, từ khi Mai Thảo mất, tôi ít lui tới vùng Quận Cam. Nhưng cuối thập niên 1990, tôi tìm gặp Đỗ Ngọc Yến để nhờ Yến tiếp tay giúp tôi và Nguyễn Sỹ Tế thực hiện một công trình nghiên cứu về Nhóm Sáng Tạo. Việc này tôi chưa kịp làm khi Mai Thảo còn sống. Yến đã dẫn chúng tôi đến cơ sở Ký Con thâu thanh, thâu hình về lịch sử Nhóm Sáng Tạo, về Tạp chí Sáng tạo. Đồng thời Yến còn tổ chức cho chúng tôi ở trong phòng sinh hoạt Người Việt một cuộc hội thảo có thâu hình, với sự tham dự của một số thân hữu viết văn, làm báo trong vùng. Đặc biệt có Thảo Trường, một trong những người cuối thập niên 1950 tại Sài Gòn, từng viết cho Sáng Tạo từ số đầu, mãn hạn tù cải tạo đã rời bỏ Việt Nam sang Mỹ tị nạn. Nguyễn Sỹ Tế, Thảo Trường và tôi là mấy nhân chứng còn sống sót, kể lại cho mọi người nghe chuyện gần 50 năm về trước, chúng tôi làm báo và trao đổi với cử tọa nhận định về đường lối sáng tác của Nhóm Sáng Tạo làm mới văn học, làm mới nghệ thuật. Đỗ Ngọc Yến không giữ vai trò điều hợp buổi hội thảo, chỉ tìm cách dung hòa các quan điểm và khơi ra những mạch phát biểu ý kiến. Cuộc thảo luận đang hào hứng bỗng bị khựng lại. Yến vừa đứng lên rời bàn họp, đi được vài bước thì ngã xuống sàn nhà và hôn mê. Mọi người bật

(tiếp trang 45)

Đỗ Ngọc Yến, niềm an ủi của tôi

ĐOÀN THANH LIÊM

Được quen biết, gần gũi với Yến từ năm 1965 qua Chương Trình Công Tác Hè, tôi luôn luôn có những cảm tưởng tốt đẹp, lạc quan khi nghĩ đến Yến. Hồi tôi bị biệt giam tại các trại "Tổng Nha" và bến Bạch Đằng những năm 1990-1991, nhiều lúc tinh thần tôi bị khủng hoảng, hoang mang chán chường, mất hết cả tin tưởng hy vọng ở tương lai. Nhưng lần lần, tôi đã hồi phục và lấy lại được sự thăng bằng trong nếp suy nghĩ và tình cảm nội tâm.

Thời gian đó, tôi hay nhớ lại cái hồi hoạt động sôi nổi với các bạn trẻ trong Chương Trình Công Tác Hè 1965, Chương Trình Phát Triển Quận 8 Sài Gòn 1965-1971. Và tôi nhớ đến Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quý Toàn, Hoàng Ngọc Tuệ, Nguyễn Phúc Khánh, Mai Như Mạnh, Hồ Công Hưng, Uông Đại Bằng... Bạn bè ta nhiều vô số kể, tới con số cả ngàn mạng, làm thành một phong trào sinh hoạt thanh niên rất sôi nổi, rất đa dạng, mà lại thuần thảo, gắn bó yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Trong số các bạn này, Đỗ Ngọc Yến là một người khiêm tốn. hòa nhã, và nhẫn nhục nhất. Trước những thử thách cam go, những cay đắng ê chề của ngục tù, nhiều lần Yến đã xuất hiện trong trí não tôi như là một đại diện, một tiêu biểu cho tấm lòng nhân hậu, liên đới huynh đệ của thế hệ tuổi trẻ chúng tôi, hồi thập niên 60, 70 ở miền Nam Việt Nam. Đỗ Ngọc Yến là tên con gái, cái tên tiền định cho người bạn tuyệt vời của chúng ta.

Đỗ Ngọc Yến luôn mãi là niềm an ủi, là sự nâng đỡ tinh thần của tôi.

California, August 26, 2006.

Hơn cả sòng phẳng...(tiếp theo trang 44)

dậy. Xe cấp cứu được gọi tới và Yến được chở gấp vào bệnh viện. Ít lâu sau, Yến hồi tỉnh, phải nằm lại nhà thương thông mạch máu và phải đặt máy trợ tim. Cuộc hội thảo về Sáng Tạo vì thế bị bỏ dở và tiếp tục ở mãi trong tình trạng bỏ dở cho tới bây giờ...

Lần chót tôi nói chuyện "dự án" với Yến là năm 2003. Lúc này sức khỏe của Yến đã suy giảm nhiều rồi. Anh không còn lái xe đưa tôi đi ăn sáng hay tới tòa báo như thường lệ nữa. Anh đã phải nhường tay bánh cho Phương Loan.

Một buổi sáng tôi đợi Yến ở tòa soạn mới của Người Việt. Yến xuống xe, theo Phương Loan lảo đảo đi vào tòa soạn, nhưng mặt tươi cười. Vẫn với cái dọng ân cần quen thuộc: "Tôi đã bàn hết với Phạm Phú Minh, người thay tôi và có toàn quyền làm việc với anh để tìm cách thực hiện dự án của anh." Yến không nói gì thêm nữa và Yến cũng không nhắc gì đến chuyện Yến phải đưa cho tôi phần chuyển ngữ những băng thâu thanh thâu hình về những cuộc phỏng vấn, thảo luận liên quan tới Nhóm Sáng Tạo mà tôi đã yêu cầu Yến nhờ nhân viên của toàn soạn của Yến làm dùm. Tôi thấy có lẽ không nên hỏi Yến về chuyện này nữa. Tôi có linh tính, chuyện cũ, chuyện mới, tất cả những gì tôi chờ đợi nơi Yến chắc sẽ không đến.

Hạ tuần tháng 8 năm nay, tôi từ Texas lên Hoa Thịnh Đốn và dự tính đầu tháng 9 xuống Cali thăm Yến. Tôi nghe nói Yến đã xuất viện để về điều trị tại nhà. Nhưng tối thứ Năm 24-08-2006, Nguyễn Ngọc Bích gọi điện thoại báo tin Đỗ Ngọc Yến vừa mất. Tôi không được thăm Yến nữa chỉ được ký tên đăng lời phân ưu trên báo.

Đỗ Bảo Anh trong Lời mở đầu cho cuốn Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè đã cảm ơn 53 tác giả đã dựng lại cả một khung không gian và thời gian trong đó sáng bừng lên hình ảnh một nhà báo - Bố mình - đã chia sẻ với mọi người ý tưởng, giá trị, cảm quan của ông.

Tôi chỉ mới biết thêm rất nhiều điều đặc biệt về Yến sau khi đọc hết hơn 400 trang của cuốn Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè. Chuyện đời rút lại là chuyện vay trả trả vay. Có những người suốt đời là con nợ. Ngược lại có những người chỉ là chủ nợ. Sòng phẳng giữa cuộc đời là giữ cho mình không bị thiệt nhưng cũng không để cho ai bị thiệt. Không dễ gì sòng phẳng được với mọi người, với cuộc đời. Theo 53 tác giả đã viết về Đỗ Ngọc Yến để Yến đọc về mình, và bù trừ để tính sổ tổng kết, thì trong suốt cuộc đời 65 tuổi thọ, Yến đã sử sự chẳng những sòng phẳng mà còn hơn cả sòng phẳng. Vì Yến biết chia sẻ và dám chia sẻ. Đó là điều làm cho hình ảnh Đỗ Ngọc Yến không bao giờ phai mờ trong ký ức bạn bè.

NGƯỜI VIỆT Ở SÀI GÒN

VŨ THƯ HIÊN

Tin Đỗ Ngọc Yến qua đời đến với tôi không đột ngột. Hồi đầu năm tôi đã nghe nói anh lâm bệnh. Những tin như thế là bình thường - ở tuổi anh tuổi tôi không bệnh này cũng tật kia, luật trời là thế, người vô bệnh tật là người may, không ai nói mạnh được. Thế nhưng khi vừa đặt chân đến Orange County mấy tháng trước tôi mới biết bệnh tình Đỗ Ngọc Yến là nặng, anh phải nằm viện một thời gian, mới về nhà được mấy ngày. Đinh Quang Anh Thái hối tôi đến thăm anh ngay, không chậm trễ. Nhưng thăm anh Yến bây giờ khó đấy, bác sĩ dặn phải nằm bất động một thời gian, không được làm bất cứ việc gì, kể cả đọc sách, Thái bảo thế. Đến thăm người bệnh cần nghỉ ngơi tuyệt đối cũng là một sự làm phiền. Nể tình khách phương xa, chị Yến mới cho tôi gặp. Đã tưởng phải đến bên giường thăm anh, hoá ra anh vẫn còn ngồi được trên xe lăn do chị đẩy ra phòng khách. Yến vẫn tỉnh táo, vẫn tươi cười nhưng rõ ràng anh phải gắng gượng. Tôi thấy sự gắng gượng ấy trên gương mặt đã biến dạng. Anh nói anh muốn nghe tôi kể chuyện cuộc vận động dân chủ ở trong nước, tôi vừa bắt đầu kể, tất nhiên là vắn tắt thôi, thì chị Yến ra hiệu cho tôi đừng nói. Thế mà Yến vẫn thấy, anh nhăn mặt, lắc đầu. Anh cằn nhằn về cái bệnh tiểu đường quái ác, nó hành thôi thì đủ kiểu, hết chỗ này đến chỗ kia trong cơ thể xảy ra trục trặc. Anh vỗ vào một chân: "Sắp phải chia tay với anh này đây, bác sĩ nói không cưa thì bị hoại thư, thôi thì đành chịu, chứ anh ấy ở với mình cả cuộc đời, bây giờ phải chia tay nhau thì buồn chết được." Bất lực trước bệnh tật, anh che sự bất lực bằng câu nói đùa. Anh cười, miệng đã méo. Tôi không cười được. Nhìn anh, tôi cảm thấy trước tôi sắp phải chia tay với anh. Không còn lâu nữa đâu. Bụng nghĩ thế, nhưng vẫn cứ thầm cầu mong một phép lạ. Phép lạ, giận thay, đã không đến.

Năm 2000, tôi gặp Đỗ Ngọc Yến lần đầu. Tôi có một cái thói, đúng hơn là một cái tật là cảm nhận người mình mới gặp bằng linh tính, ngay lập tức, trong cái nhìn đầu tiên — một thứ xem tướng bản năng, vô thức. Có thể phân tích được cái linh tính ấy, tôi nghĩ chắc việc ấy không khó, có thể phân tích được, nhưng với những người có đầu óc khoa học kia, với tôi thì không. Chuyện cảm nhận sai hay đúng từ cái nhìn ban đầu, xét cho cùng, không phải cái trầm trọng, sai thì sửa, chẳng đi đâu mà vội. Anh Hoàng Ngọc Tuệ, chủ nhà, giới thiệu Đỗ Ngọc Yến với tôi. Anh nhìn tôi chăm chú, cười tươi. Tôi bắt tay anh, nhìn vào mắt anh. Và ngay lập tức thấy mến anh. Anh có nụ cười không thể nào chất phác hơn, nụ cười cho thấy con người mới gặp này hoàn toàn không thích hợp với những mưu mô. Mà mưu mô là cái tôi sợ nhất, tôi dị ứng nhất. Mọi cái khốn nạn trong đời tôi toàn dính dáng với những mưu mô cả, mà lại toàn là những mưu mô ở đẩu ở đâu, mình không biết tới, không quan tâm, nhưng nó cứ cổ mình nó quàng vào. Thành thử tôi cũng hơi giật mình khi có người rỉ tai tôi rằng Yến là người trông bề ngoài thế thôi, chứ lắm mưu nhiều mẹo lắm, chớ có tin. Rằng anh là người thân cộng đấy, rằng anh đi đêm với Hà Nội đấy. Tôi nghe và cười trừ như người Việt ta thường cười trong mọi trường hợp nên và không nên. Tôi hỏi lại thì ông bạn nói ông cũng nghe người ta nói thế, chứ thực hư thế nào ông không biết. Đành phải đáp lại rằng tôi xá gì mà không dám chơi với người thân cộng hay là đi đêm với cộng, cứ nghe mấy anh chàng ăn không ngồi rồi giàu trí bịa đặt thì tôi còn hơn thế nhiều - tôi còn là cò mồi, còn là gián điệp kia. Trong buổi tối không quên ấy tôi còn được gặp nhiều người đáng mến khác, những người bạn cộng tác với anh làm tờ Người Việt và Thế kỷ 21, họ sau này đều là bạn tốt của tôi. Chúng tôi uống rượu, chúng tôi ca hát, nói tóm lại, chúng tôi vui ồn ào, ầm ĩ, chúng tôi như tìm lại được tuổi trẻ đã mất dạng từ lâu. Ở bất cứ người nào trong bữa rượu tưng bừng ấy tôi cũng tìm được cái chung

với tôi - một đoàn hướng đạo, một trường học ở cả hai đầu đất nước, một vùng đất từng ở, từng qua trong một thời toàn dân kháng chiến đầy ắp kỷ niệm.

Tôi còn gặp Yến nhiều lần nữa, mỗi khi tôi có dịp qua Cali. Những cuộc gặp chớp nhoáng, mươi lăm phút, một giờ. Nhưng trong những cuộc hội ngộ không hẹn mà nên ấy chẳng bao giờ tôi được nghe anh nói về anh, hoặc những việc anh đã làm. Anh thích hỏi nhiều hơn. Những câu hỏi quẩn quanh cũng chỉ về tình hình đất nước: phong trào dân chủ hồi này ra sao, anh Độ mất rồi có ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh cho dân chủ lắm không, anh A hay anh B là người thế nào, nhiều anh em trẻ vào cuộc thì có tác dụng tốt đấy, nhưng tốt đến đâu vv...? Những câu hỏi không phải của người làm báo, mà của người quan tâm đến những chuyện máu thịt. Trong chuyện này tôi có kinh nghiệm, tôi biết phân biệt. Không phải anh là người kín tiếng. Tính anh nó vậy. Một con người khiêm tốn, như sau này tôi được biết nhiều hơn về anh qua những câu chuyện kể của bè bạn. Anh từng in truyền đơn chống Pháp khi còn là học sinh trung học. Anh từng là phóng viên chiến trường khi còn rất trẻ. Và cái đáng khâm phục hơn cả là từ những thất bại ban đầu trong mưu toan trở lại với nghề báo ngay từ khi vừa ấm chỗ trên đất Hoa Kỳ, anh đã dựng lên một tờ báo tiếng Việt lớn nhất ở nước ngoài. Tờ báo này ra đời trong một ga-ra, bài vở được soạn bằng cái máy chữ cổ lỗ sĩ và bỏ dấu bằng tay, những người làm báo tự đi bán từng số báo vừa được phát hành& Những chuyện anh đã làm mọi người đều biết hơn tôi, nếu cộng lại thì ai biết cũng phải ngạc nhiên — sao mà trong một cuộc đời ngắn ngủi mà anh có thể làm được nhiều việc đến thế. Nó có thể nằm trong Quốc văn giáo khoa thư lớp đồng ấu với cái tên "Có chí thì nên" lắm.

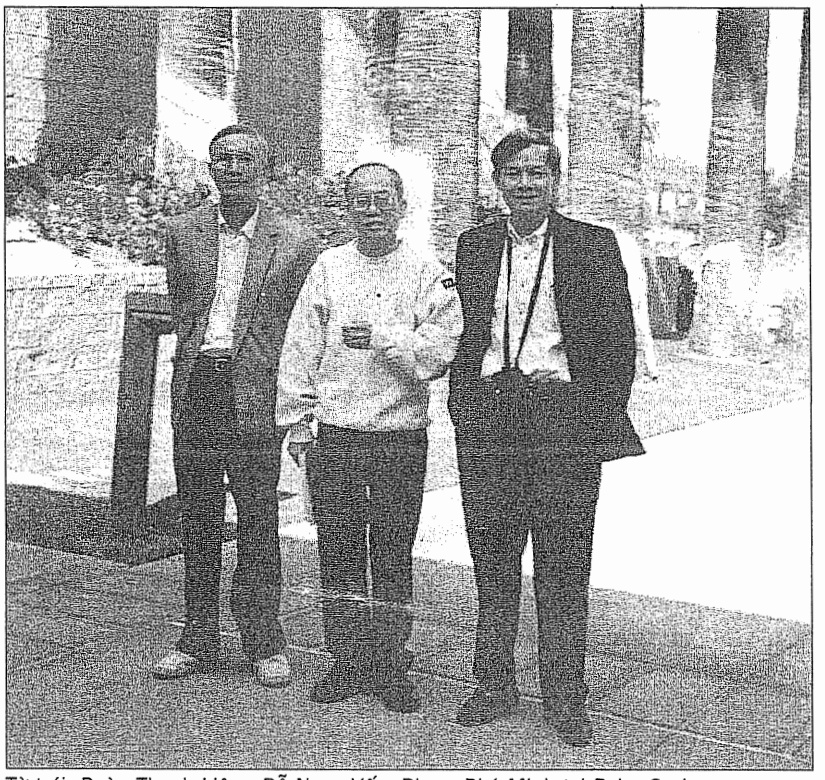

Từ trái: Đoàn Thanh Liêm, Đỗ Ngọc Yến, Phạm Phú Minh tại Palm Spring

Mà cái chí của Yến thì lớn thật. Tôi nhớ một lần ngồi trong phòng làm việc của anh ở toà soạn báo Người Việt, anh tâm sự với tôi về ý muốn đến một lúc nào đó, khi đất nước hết nạn độc đảng chuyên chế, anh sẽ mang tờ Người Việt về Sài Gòn.

- Anh thấy thế nào? Được chứ?

- Tại sao không? Người Việt sẽ thắng Nhân Dân là cái chắc. Người Việt sống bằng cơm gạo của mình, tờ Nhân Dân thì sống nhờ ngân sách. Hết nguồn ấy nó sẽ chết.

- Phải có một nhà in lớn. Một nhà xuất bản nữa& - Yến lẩm bẩm — Nhiều việc đấy.

Anh đã không thể thực hiện được mưu toan ấy nữa rồi, nếu ta có thể gọi đó là một mưu toan ở con người mà có kẻ cho rằng lắm mưu mẹo.

Con đường thực hiện những mơ ước thì dài mà đời người lại quá ngắn.

Chắc rằng ý muốn này anh không chỉ thổ lộ với tôi. Một ý muốn thật đẹp, thật tốt. Tôi tin các bạn anh trong tờ Người Việt và Thế kỷ 21 trong một tương lai không xa sẽ cùng với anh thực hiện ý muốn tốt đẹp ấy. Cùng với anh, vì ý muốn đẹp nhường ấy không thể chết cùng với cái chết của anh.

Paris, tháng 8. 2006

NGÔ NHÂN DỤNG

CON CHÓ THẤT LẠC

Mở tờ báo buổi sáng ở thành phố Montréal, Canada vào tháng Tám năm 2006, thấy bốn tin chính đăng trên trang nhất. Tin hàng đầu vẫn là chiến cuộc ở Lebanon. Quân Hizbollah đã bắn 215 hoả tiễn qua biên giới, vào sâu tới 70 cây số; dân Israel chỉ có một người chết. Dưới tin chiến sự đó, bản tin quan trọng hàng nhì là câu chuyện một gia đình du khách Mỹ đã tìm thấy con chó của họ, sau hai ngày biệt tăm! Tên cậu chó quý hoá này là Kelty. Xứ Canada rất buồn tẻ. Có những tờ báo bên Mỹ đã chế riễu vẽ hình một tờ báo ở Canada để trắng cả trang nhất với hàng chữ: Hôm nay không có tin tức nào cả. Quả nhiên, tin mất chó, tìm được chó là một tin quan trọng trong ngày!

Tôi đoán quý vị độc giả cũng muốn nghe một câu chuyện trong đó loài người ăn ở tử tế với nhau, và tử tế với cả những con chó nhỏ bé dễ thương.

Gia đình nhà Reggio từ Boston thuê một chiếc "xe có giường ngủ" (motor-home) lái lên phía Bắc, sang chơi Montréal thuộc vùng nói tiếng Pháp ở Québec, Canada. Hôm Thứ Hai họ để xe tại bãi parking của trạm Longueuil, để dùng xe điện ngầm đi thăm các nơi khác. Buổi tối khi họ quay về Longueuil thì chiếc xe biến mất. Xe thuê bị mất không lo, đồ dùng trong đó mất cũng không lo, vì sẽ có bảo hiểm đền. Nhưng tiếc nhất là họ đã để lại chú chó Kelty ở trong xe, kẻ trộm xe mang cả con chó đi luôn. Ngày hôm sau cảnh sát tìm thấy chiếc xe van ở Point au Tremble, tít mỏm phía Đông của hòn đảo. Nhưng chú chó con không còn trong đó nữa. Dân Canada không biết thưởng thức món dựa mận, không thể nghi ngờ Kelty đã bị "bắt cóc" để bầy trên bàn tiệc!

Ở thành phố này, một con chó mất tích chắc phải là một tin quan trọng lắm. Bà Patricia Reggio đã báo tin cho cảnh sát, cho nên được nhiều nhà báo tìm để phỏng vấn. Bà lên đài phát thanh kêu gọi có ai bắt được con chó Kelty thì cho bà xin lại. Lời cầu khẩn rất là thảm thiết. Sáng Thứ Tư, một ngày sau khi tìm được chiếc xe, có một ông đang lái xe đi làm trên xa lộ 440. Ông ta vừa mới nghe đài phát thanh phỏng vấn bà Reggio xong thì trông thấy một con chó đang chạy giữa dòng xe cộ trên đường với tốc độ trăm cây số một giờ. Linh tính bảo đây chính là chú Kelty mất tích. Nó có thể bị xe cán chết bất cứ lúc nào. Ông Joe Storto bèn đậu xe lại, xuống xe đón đường để cứu con chó. Cậu chó Kelty sợ hãi bỏ chạy, chui trốn trong các bụi cây bên đường. Có một cặp vợ chồng lái xe ngang qua cũng dừng lại giúp Storto đuổi bắt, ba người cùng săn một con chó để cứu nó. Một người lái xe vận tải đi qua, thấy thế cũng đậu xe, ngăn cả một quãng đường để việc đuổi bắt chó được an toàn hơn. Sau cùng Storto cũng thành công. Anh cùng người tài xế xe vận tải đem con chó vừa đói vừa hoảng sợ, tới giao cho Hội bảo vệ súc vật SPCA ở thành phố Laval. Ở đó, họ cho biết đã nhận được nhiều cú điện thoại trong hai ngày qua về vụ này. Trong mấy ngày trời đổ nhiều trận mưa lớn, những người gọi nói họ trông thấy một con chó mất chủ đang lang thang ngoài đường. Hội SPCA đã cho xe của hội đến tìm ở những nơi người ta báo tin, nhưng con chó đã chạy đâu mất trước khi xe tới.

Ông Storto còn nhớ tên nhà trọ motel nơi gia đình Reggio tạm trú khi nghe bà Reggio đã khẩn thiết nói trên đài, bèn gọi điện thoại tới báo tin mừng. Vợ chồng con cái nhà Reggio lái chiếc xe van tới Laval nhận chó. Cậu Kelty thì vẫn đang run rẩy sợ hãi, dù đói nhưng vẫn không chịu ăn. Chắc kẻ trộm đã thả chú xuống một nơi nào đó gần xa lộ, chú sống lang thang suốt hai ngày ở ngoài đường, nỗi sợ hãi vẫn còn. Trong hai ngày có nhiều trận mưa giông lớn làm nhiều khu phố và đèn đường bị mất điện, Kelty đã may mắn không chết vì tai nạn.

Bà Patricia Reggio chỉ biết cảm ơn tất cả mọi người; từ sở cảnh sát đến các nhà báo, cả những người vô danh đã trông thấy con chó lạc mà điện thoại báo tin cho Hội bảo vệ súc vật. Bà kết luận, "Người xứ Canada ai cũng tử tế quá!"

PHƯỚC ĐỨC

Cả nước Canada được tiếng thơm lây. Bà Patricia quên không nghĩ tới những kẻ trộm đã lấy chiếc xe van của gia đình bà rồi vứt con chó ra đường! Nhưng ai cũng thích những câu chuyện

có hậu. Cho nên bà Patricia sẵn sàng quên hết những người ác, bà chỉ nhớ đến những người thiện thôi. Trong xã hội một số người làm việc thiện có thể giúp chúng ta quên những việc ác của người khác.

Một nước, hay một làng, một tỉnh cũng vậy, họ được tiếng tốt là do những người dân trong đó đối xử tốt với mọi người, dù là khách lạ. Có lần tôi đến ở xã Long Kiến, tỉnh An Giang một tuần lễ, ra về với những cảm tình sâu đậm, cũng giống như vậy. Ở xã Long Kiến ai cũng tử tế, ai cũng ngọt ngào. Ai cũng sẵn sàng giúp người khách lạ. Một vị chức sắc, trưởng ban Xã hội trong Giáo hội Hoà Hảo đi cùng tôi qua mấy làng. Ông chỉ mặc cái áo bà ba nâu với quần vải mầu già, đầu trần, chân không đi dầy dép, thái độ đơn sơ chất phác. Nhưng đi tới đâu ông cũng được bà con bầy tỏ những cử chỉ tôn kính và thân ái. Giữa một nước Việt Nam đang sống trong chiến tranh, tôi tự hỏi, làm sao có những nơi con người có thể sống với nhau một cách trong sáng hồn nhiên và giầu tình nghĩa như thế? Tôi đoán bây giờ người Việt Nam ở đó vẫn sống với nhau như vậy.

Các nhà nghiên cứu đạo đức học thường nêu ra một tiêu chuẩn đo lường giá trị luân lý của một con người hoặc một xã hội: Những người sống ở đó có đối xử tử tế với những người lạ mặt hay không? Khi người ta chỉ gặp nhau một lần trong cả cuộc đời mà vẫn đối xử tử tế với nhau, cái đó gọi là thuần phong mỹ tục. Người ta không trông đợi sẽ được trả ơn. Đó là đạo lý. Tại sao loài người đặt ra đạo lý?

Môn đạo đức học bây giờ dựa trên thuyết tiến hoá thường dùng "Lý thuyết trò chơi," Game Theory, để giải thích tại sao loài người đặt ra những quy tắc đạo lý. Nói chung, các quy tắc đạo lý của nhân loại đều có mục đích khiến mọi người cộng tác với nhau, thay vì chỉ tính kiếm lợi riêng hoặc tệ hơn, tính làm hại hoặc giết nhau. Vì trải qua hàng triệu năm sống trong rừng, trong hang, những nhóm người nào thường sẵn sàng cộng tác với nhau cũng là chủng loại được tồn tại lâu nhất và để lại hạt giống di truyền nhiều nhất. Môn Sinh học cũng chứng minh rằng các gene đã biết cộng tác để tồn tại rồi. Giống người nào không biết cộng tác sẽ bị tiêu diệt dần. Cái gene của loài người đạo đức đã được viết sẵn chương trình trong đó, hướng họ về hành động cộng tác, tức là làm điều thiện. Làm việc thiện là biểu lộ tinh thần cộng tác. Ngầm chứa trong lý thuyết này là giả thiết rằng nếu mình làm việc thiện thì sẽ có lúc người khác làm việc thiện cho mình.

Giống như trong một "trò chơi lập lại nhiều lần," (repeated games). Trong trò chơi loại này, thí dụ như hai người cùng chia nhau một cái bánh mỗi ngày, hôm nay anh cắt bánh làm hai để chia, mai đến lượt tôi. Nếu một người có thể chia bánh thật công bằng, không chiếm phần lớn hơn, thì người kia nhận ra, ngày hôm sau sẽ làm đúng như vậy để đáp lại. Nếu tôi chia đều, mà ngày mai anh ăn gian thì sao? Chắc cuộc chơi có lúc phải chấm dứt. Xã hội sẽ loạn. Người ta không thể tin nhau được nữa. Nếu biết chắc mỗi bên đều ăn gian nhưng hai người vẫn cứ phải chia bánh với nhau, thì lúc đó chắc phải nhờ một nhà độc tài đứng ra chia bánh giúp! Những xã hội loạn quá thường đưa tới chế độ độc tài!

Trong trò chơi lập lại nhiều lần, ai ăn ở tử tế sẽ được người chung quanh nhận ra, tức là được tín nhiệm, họ sẽ đối xử tử tế lại. Những xã hội nho nhỏ trong loài người thường sống với nhau như thế: Trong cùng một bộ lạc đi săn với nhau, cùng một thôn xã dùng ngòi nước tưới ruộng chung, những người cùng một tôn giáo, cùng một đảng, một chủ nghĩa, họ ăn ở tử tế với nhau trong một chuỗi trò chơi lập lại nhiều lần. Nếu không tử tế, sẽ bị tẩy chay, có khi bị trục xuất. Nghĩa là, sau cùng, quy tắc luân lý vẫn có thể chỉ là chuyện trao đổi, có ăn có trả, để mọi người sau cùng đều được lợi.

Cho nên, nếu một người cư xử tử tế đối với những kẻ mình chỉ gặp một lần trong đời, không hy vọng có ngày còn gặp lại, không cùng bộ lạc, không cùng quốc gia, chúng ta gọi đó là những người có đạo lý thật sự. Vì họ làm việc tốt mà không nghĩ tới chuyện chính mình sẽ được tiếng tốt hoặc được đền đáp. Họ làm việc thiện chỉ vì nghĩ mình là con người thì phải làm như thế, vì đã làm người ai cũng nên làm như thế, không có lý do nào khác. Một quốc gia phải mất hàng ngàn năm mới tạo được lối sống chung thuần hậu như thế, đáng gọi là một nước văn hiến.

Những người làm việc thiện đối với những khách lạ mình chỉ gặp một lần trong đời là làm việc phước đức, vì họ đã đóng góp vào cái vốn đạo đức chung của xã hội loài người. Họ giúp cho người khách lạ tin tưởng vào tính thiện của cả loài người nhiều hơn. Nhờ niềm tin được bồi dưỡng đó, ông khách lạ sẽ làm việc phước đức cho những người lạ khác mà ông sẽ gặp, dù chỉ gặp một lần trong đời. Cứ như thế, ai cũng cư xử tốt, cái tốt đẻ ra thêm cái tốt, đến đời con đời

cháu còn sẽ còn được hưởng. Cho nên chúng ta thường nói ông bà chúng ta để dành phúc đức cho con cháu.

Sau chuyến đi Long Kiến trở về, tôi nghĩ: Nếu như con cháu mình được sinh ra ở vùng Châu Đốc, Long Xuyên này, chắc chúng sẽ được sống trong không khí đạo nghĩa do các vị như Đức Phật Thầy Tây An, Đức Bổn sư, Ông Sư Vãi Bán khoai, hay Đức Huỳnh Giáo chủ, tạo nên và nuôi dưỡng trong mấy thế kỷ. Hồi đó tôi vẫn ước ao khi nước mình hoà bình thì sẽ đem gia đình về sống ở vùng này. Bây giờ ở xa, tôi cũng ước mong bà con mình sống ở đó vẫn giữ được nền nếp đạo lý giống như xưa.

Có nhiều người Việt trở về nước một chuyến rồi thề, nhất định không về lần nữa. Vì đi tới đâu cũng bị lừa gạt! Hoặc đi tới đâu cũng sợ bị hỏi giấy tờ, chỉ để vòi tiền! Tôi chắc đó chỉ là một số ít. Nhiều người về một lần rồi, lại về lần nữa, lần nữa. Họ nói, được gặp lại bà con họ hàng là đủ vui rồi. Có nhiều kinh nghiệm xấu thật, nhưng kinh nghiệm tốt cũng không thiếu. Vừa rồi đọc cuốn ký sự ghi mấy tháng về thăm Việt Nam lần thứ ba của Huỳnh Văn Lang, tôi rất bùi ngùi. Tác giả chắc sẽ không về nữa. Không phải vì cụ đã ngoài 84, vì cụ còn khoẻ lắm. Nhưng có thể vì về nước phải chứng kiến nhiều cái xấu quá, mà biết với tuổi già mình không làm gì thay đổi được, nên cụ không còn muốn về nữa.

Chúng ta chỉ có cách là hãy cùng nhau gây dựng, vun trồng lại cái gốc cây phúc đức của người Việt Nam, của cả nước Việt Nam. Cứ tin là phúc đức ông bà để lại từ thời Chu An, thời Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn dầy, lớp con cháu chúng ta sau này thế nào cũng sẽ khá hơn. Chúng ta chỉ cần góp sức vun trồng gốc cây phúc đức đó.

CĂN BỆNH "ĐẢNG LÃNH ĐẠO"

Phải tin tưởng ở người Việt Nam. Nhiều người nói ở trong nước bây giờ dân chúng chỉ lo kiếm ăn, người đủ ăn thì chỉ lo làm giầu, ngoài ra họ không quan tâm đến chuyện nào khác. Nhất là chuyện chính trị.

Nói như vậy bi quan quá. Người Việt Nam không đến nỗi "duy vật" như vậy. Người Việt nào cũng tự hào về đất nước, đều muốn sống xứng đáng phẩm giá con người. Nếu chưa có nhiều người lên tiếng công khai đòi tự do dân chủ thì lý do chính là vì người ta chưa thấy một đối tượng cụ thể cho một cuộc đấu tranh phù hợp với nguyện vọng của họ. Hiện nay bao nhiêu người đang đấu tranh chống tham nhũng, lộng quyền của các quan chức đủ mọi ngành. Đó cũng là một hình thức đấu tranh đòi dân chủ tự do. Bác sĩ Phạm Hồng Sơn đã lên tiếng đòi dân chủ nên bị bắt. Ông mới được trả tự do, chứng tỏ việc đồng bào ở hải ngoại ủng hộ cuộc tranh đấu của ông đã đạt được một kết quả tốt. Nhiều người khác sẽ làm như ông. Vì ai cũng lo lắng cho số phận chung của dân tộc. Vừa rồi, lá thư của một sĩ quan an ninh ở Việt Nam mới công bố cũng cho chúng ta thấy là rất nhiều người đã phục vụ chế độ cộng sản cũng đang muốn đòi đảng phải trả lại tự do cho người dân. Ông Trần Quốc Tuấn viết lá thư ủng hộ phong trào đòi dân chủ trong nhóm 8406 và kêu gọi các bạn đồng nghiệp trong ngành an ninh quân đội, công an, cảnh sát hình sự, hãy "hồi tâm" mà giúp đỡ "những chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho dân chủ" đó.

Điều đáng chú ý trong lá thư của ông Trần Quốc Tuấn là dù làm việc trong ngành công an ông đã xác định đúng căn bệnh chính của chế độ chính trị nước ta. Ông viết, "Hiện nay tại Việt Nam đang sai lầm về cơ cấu tổ chức chính trị, là một đảng duy nhất lãnh đạo, ..."

"Đảng lãnh đạo," ba chữ đó nghe có vẻ trừu tượng. Những ai sống trong chế độ đó mới thấy đó là nguồn gốc của mọi tội lỗi và tội ác, từ thời ông Stalin trở đi. Cho đến bây giờ vẫn con áp dụng ở nước Việt Nam. Gần đây báo chí trong nước loan tin ông thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đang đề nghị cất chức một ông vào hàng phó Tổng thanh tra. Ông Dũng đề nghị với cơ quan nào để xin được cất chức một nhân viên trong chính phủ ông? Đề nghị lên Ban Bí thư thuộc Bộ Chính trị Đảng Cộng Sản. Ban Bí thư này do ai bầu lên, ai cử ra mà quyền hành lớn đến nỗi một ông thủ tướng muốn thay đổi nhân sự cũng phải xin phép? Đại đa số người dân không ai biết trong Ban Bí thư đó có những vị nào. Chắc chắn không thấy điều nào ghi trong hiến pháp bắt buộc ông thủ tướng phải hỏi ý kiến Ban Bí thư như vậy. Nhưng họ có quyền cao hơn quốc hội, cái quốc hội được ghi trong hiến pháp là cơ quan nắm quyền lực cao nhất! Ban Bí thư đứng trên quốc hội, đứng trên cả hiến pháp, đứng trên tất cả nước! Không có một định chế quốc gia nào lập ra nó, không có một cơ quan dân cử nào kiểm soát nó. Nhưng nó nắm thực quyền. Mà nó cũng chỉ là một bộ phận trong guồng máy thống trị của đảng Cộng Sản mà thôi, trên nó còn những ông bà quyền hành tuyệt đối cao hơn nữa.

"Đảng lãnh đạo" là một thứ quái thai chính trị chỉ có trong các nước cộng sản. Họ bầy ra đủ thứ hiến pháp, luật pháp, thủ tục, quy tắc, nhưng tất cả đều vô nghĩa khi họ muốn áp dụng ba chữ "Đảng lãnh đạo." Ông Trần Quốc Tuấn đã phê bình rằng (quyền) "tự do ngôn luận và quyền giám sát của toàn dân đối với cơ quan lập pháp, hành pháp chưa được phát triển." Nhưng dân làm gì có những thứ quyền đó mà đòi phát triển? Đến một ông thủ tướng còn không có quyền giám sát nhân viên trong chính phủ mình, thì thằng dân nào có quyền? Quốc hội bù nhìn có quyền nào đâu? Có cho dân quyền giám sát quốc hội thì cũng chỉ là một đám dân vô quyền giám sát một đám đại biểu vô quyền mà thôi!

Mỗi khi một quan chức như bộ trưởng Giao thông Vận tải, hoặc Thanh tra chính phủ bị tố giác tham nhũng, người ta thường đặt câu hỏi: Cái chính phủ gì mà kỳ vậy? Tại sao không cất chức mấy người tham nhũng đi?

Nhưng việc thăng chức hay giáng chức những ông lớn trong chính quyền cộng sản ở nước ta lại nằm trong tay Ban Bí thư, những ông chủ tịch hay thủ tướng chẳng có quyền nào cả. Ban Bí thư là Đảng lãnh đạo, nhưng họ không chịu trách nhiệm nào với người dân hết. Các bộ trưởng, giám đốc xí nghiệp quốc doanh cũng chỉ chịu trách nhiệm với Ban Bí Thư; ngoài ra không ai được mó tới chân họ. Chẳng trách mà họ không lộng quyền tham nhũng!

Trong tháng rồi ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư đảng Cộng Sản đi Trung Quốc và cam kết bao nhiêu thoả hiệp về ngoại giao, kinh tế, thương mại, tất cả những việc mà ở các nước khác phải do ông chủ tịch nước hay ông thủ tướng làm. Ai bầu ông Nông Đức Mạnh lên đóng vai trò thay mặt cả toàn dân đi ký kết với nước ngoài? Không ai bầu cả! Nếu làm sai thì ông Nông Đức Mạnh chịu trách nhiệm với ai? Không biết! Nhưng vì "Đảng lãnh đạo" cho nên ông ta muốn làm gì cũng được!

Lãnh đạo tới cả những giáo viên tiểu học

Nhưng chính sách "Đảng lãnh đạo" không chỉ áp dụng trên thượng tầng, kiểm soát những chủ tịch nước, thủ tướng và quốc hội. Tình trạng độc quyền lãnh đạo lan thấu và tác hại tới những tầng lớp quyền hành bên dưới nữa. Việc gì cũng phải do "Đảng lãnh đạo." Thí dụ trong phạm vi giáo dục, ở cấp tỉnh, quận và thành phố.

Trong những tin tức về vụ ông Bùi Đình Hòa, hiệu phó Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh từ chức vì chống tham nhũng, ông Hòa tiết lộ "Chức danh tôi phải thông qua Ban Cán sự Đảng" trong Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đây chỉ là một chức phó khoa trưởng một trường, nằm trong một viện đại học tỉnh lẻ, mà cũng không phải do các cấp chỉ huy ngành đại học bổ nhiệm nhưng do Bán Cán sự Đảng chọn. Tại sao cứ một tầng chỉ huy hành chánh lại phải có thêm một tầng lãnh đạo của đảng nằm trên và chi phối như vậy? Vì ba chữ "Đảng lãnh đạo." Ở một đại học Canada mà tôi đã dậy trong nhiều năm, mỗi khi vị khoa trưởng hết nhiệm kỳ thì các giáo sư họp nhau bầu lên một khoa trưởng mới, chẳng có đảng nào lãnh đạo hết. Nhưng vì các giáo sư biết rõ nhau, cho nên họ không lo chọn lựa sai người. Nhờ không có Đảng lãnh đạo nên chưa thấy khoa trưởng nào bị tố cáo tham nhũng. Người khoa trưởng làm việc hai năm hết nhiệm kỳ lại sung sướng trở về việc dậy học, không phải lo việc quản trị nữa. Ở nhiều đại học khác, chức vụ khoa trưởng do một hội đồng tuyển mộ trong đại học lựa chọn, cũng không có ai đóng vai "Đảng lãnh đạo" cả. Chỉ trong những nước độc tài đảng trị mới có cảnh một chức phó khoa trưởng ở một đại học địa phương cũng phải do Đảng chọn.

Một vụ tham nhũng lạm quyền trong ngành giáo dục ở Quận 5 Sài Gòn mới được báo Thanh Niên đăng. Giáo viên Phan Văn Hướng kể chuyện ông tham gia một vụ tố cáo tham nhũng tại các trường ở quận 5 từ năm 2004. Nhiều phụ huynh đến trường khiếu nại vì họ đã đút lót từ nửa triệu đến một triệu đồng Việt Nam (30 đến 60 mỹ kim) mà con họ không được nhận vào trường. Sau đó các cha mẹ học sinh đến nhà riêng ông Trưởng phòng Giáo dục Quận 5 đòi nợ. Và giáo viên Hướng có mặt tại đó đã phải gọi báo cáo lên ông Phan Văn Phùng, Trưởng ban Tổ chức Quận ủy thuộc đảng Cộng Sản ở cấp quận! Nhưng sau đó ông Hướng bị Ủy ban Kiểm tra Đảng thuộc Quận 5 kêu lên mà nói miệng rằng các vấn đề tham nhũng anh nêu lên là sai sự thật! Cho tới khi phóng viên báo Thanh Niên tới hỏi, một ông trong Ủy ban Kiểm tra Đảng Quận 5 mới cho biết là "Vụ việc đang báo lên Thường tực Quận ủy xin ý kiến."

Trong tất cả những chuyện tố giác tham nhũng trên, lúc nào cũng có mặt "Đảng lãnh đạo" dưới hình thức Ban Tổ chức Đảng, ban Kiểm tra Đảng. Và sau cùng, lên cao nhất là Thường trực Quận ủy của Đảng sẽ 'cho ý kiến," vai trò của nó cũng giống như Ban Bí thư trung ương vậy! Tại sao

những người bị mất tiền cúng tham nhũng bị mất toi mà không làm đơn đi kiện? Các cơ quan tư pháp vứt đi đâu? Tại sao những việc nhũng lạm trong ngành giáo dục không do guồng máy Giáo dục giải quyết mà lại phải thưa gửi lên Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra của đảng Cộng Sản? Cuối cùng, không có tòa án, không có Sở giáo dục thành phố, mà chỉ có Thường trực Quận ủy của đảng Cộng Sản nắm quyền quyết định tối hậu! Tất cả những guồng máy hành chánh, tư pháp chỉ đặt ra để làm kiểng. Guồng máy Đảng quyết định tất cả, bao trùm lên mọi hoạt động từ lớn tới nhỏ! Mà nó không chịu trách nhiệm với thằng dân nào cả! Và đó là đầu mối của mọi hành động tham nhũng, lạm quyền, ăn cắp của dân. Không thể tưởng tượng làm sao 80 triệu con người sống như vậy trong bao nhiêu năm mà không thấy lợm!

Thêm một vụ khác cũng liên can đến ngành giáo dục đăng trên báo Lao động ngày 28 tháng Tám 2006. Một cô giáo tố cáo cấp chỉ huy tại một trường trung học ở Phan Thiết khai gian giờ dậy "khống" để lãnh lương. Cô Nguyễn Thị Kim Phượng bị hiệu trưởng trù dập và phòng Giáo dục Phan Thiết thuyên chuyển. Cô tố cáo, và tố cáo ở đâu? Cô không gửi đơn lên bộ Giáo dục mà lại gửi Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Phan Thiết. Nghĩa là vẫn "Đảng lãnh đạo!" Người bị cô tố cáo thì được thăng chức hiệu trưởng, còn "được chỉ định làm bí thư chi bộ" Đảng ở trong trường, đó mới là chức vụ nắm thực quyền.

Tình trạng ở đâu cũng có "Đảng lãnh đạo" đã tạo ra một guồng máy quyền hành nằm ngoài, nằm trên guồng máy chính quyền, hoàn toàn vô trách nhiệm đối với nhân dân. Người dân không có một thứ quyền kiểm soát nào trên guồng máy Đảng.

Đó là nguồn gốc của mọi hành động tham nhũng, lạm quyền. Ông Trần Quốc Tuấn đã nêu đúng căn bệnh trầm trọng mà người Việt Nam phải tự chữa trị: "Đảng lãnh đạo!" Nói theo lối văn giản dị, bình dân của ông Tuấn: "Hiện nay đang kẹt do một đảng lãnh đạo, nhất nhất phải làm theo lệnh đảng." Một cách cụ thể, ông Trần Quốc Tuấn kêu gọi các đồng nghiệp trong ngành công an, an ninh "hãy suy tư và nhận rõ hành vi mình đang làm là phi lý" khi họ phải đi bắt bớ, sách nhiễu những người thuộc Nhóm 8406 đòi dân chủ. "Đừng cài bẫy, vu khống cho những người dân trong tay không một tấc sắt, không có người bảo vệ." "Đừng tiếp tục sai lầm mà làm những việc tội lỗi lương tâm, hành hạ họ bằng những nghiệp vụ, biện pháp trái ác, khủng bố tinh thần và vu khống, ép tội họ như những ngày qua." Ông Trần Quốc Tuấn cũng kêu gọi những đảng viên lão thành (ý ông nói đến những người đang lãnh đạo) "đừng vì quyền lợi riêng và hư danh của đảng" mà ngăn chặn "làn sóng đấu tranh đòi tự do dân chủ của Việt Nam, việc này đến nay không còn phù hợp nữa." Ông xác định "Việt Nam phải có quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin báo chí, xuất bản, lập hội, đảng, bầu cử và ứng cử dân chủ, lành mạnh, đa đảng."

Lối văn thật thà, chất phác, có khi vụng về của ông Trần Quốc Tuấn khiến chúng ta càng cảm thấy rõ tấm lòng chân thành của ông. Khi những người từng đóng vai bảo vệ chế độ mà thức tỉnh như vậy, chúng ta phải tin tưởng tất cả mọi người Việt Nam đều có ý thức về các quyền dân chủ tự do. Họ sẽ đòi được sống đúng phẩm giá con người. Cuối cùng, chúng ta phải tin tưởng ở người Việt Nam.

THAM NHŨNG DO CƠ CẤU NÀO SINH RA?

Trước đây, khi nói đến nạn tham nhũng thường các lãnh tụ cộng sản ở nước ta vẫn hô hào phải chữa trị bằng cách giáo dục, phê bình và tự phê bình. Phải làm sao cho các đảng viên học thuộc chủ nghĩa Mác Lê nhiều vào, đọc thơ Tố Hữu và Nhật ký Trong Tù của Hồ Chí Minh nhiều vào; tự nhiên họ sẽ sống tốt hơn, lành hơn, ngoan hơn, cứ thế, sẽ không còn ai tham nhũng nữa.

Nhưng bây giờ thì ông Nguyễn Trung, cựu đại sứ và cố vấn cho chính phủ cộng sản, cũng thừa nhận rằng muốn chống tham nhũng thì thay đổi các cá nhân quan chức không đủ. Phải sửa từ gốc, nghĩa là từ cơ cấu. Khi cơ cấu còn nguyên như cũ thì dù có đặt ai vào ngồi trong cái ghế quyền lực cũng thế thôi, cơ chế sẽ biến họ thành tham nhũng ngày nào không hay.

Cái thói gian tham đó ở đâu mà ra? Nhiều phần là do trong cơ cấu xã hội và cơ cấu chính quyền ai không tham nhũng thì không có chỗ đứng. Sống lương thiện rất khó, như các nhà văn ta đã viết. Cơ cấu hiện nay có đặc điểm gì khiến cho con người dễ biến thành tham nhũng? Ai cũng nói tới đồng lương. Người làm công chức, làm cảnh sát công an, cho đến người làm nghề thầy giáo, đồng lương không đủ sống, thì tự nhiên họ phải tham nhũng. Đó chỉ là hiện tượng bên ngoài. Những ông Bùi Tiến Dũng và

đồng bọn của ông có ai nghèo đến nỗi phải đi kiếm thêm tiền đong gạo đâu? Có phải vì bản chất họ xấu đâu? Ông Dũng khi có quyền còn làm ơn cho nhiều người cùng quê với ông ở Thái Bình nữa. Ông cho làm một con đường đi về làng rất khang trang, bà con ai cũng được hưởng, hết lời ngợi khen. Một người có lòng tốt với xóm giềng, làng mạc như vậy mà tại sao lại đi lấy công quỹ mà đánh cá độ hàng triệu đô la? Có phải do cơ cấu nó xui khiến hay không? Chẳng qua vì ngồi trên đống tiền, toàn tiền của thập phương bá tính, mà chẳng ai dám kiểm soát mình cả, trừ những anh nó còn ăn tham hơn mình. Trong cảnh đó anh nào không ăn sẽ bị chửi là ngu nữa. Chưa hết, không ăn thì lấy gì cung ứng cho cấp trên xây dựng Chủ nghĩa Xã hội?

Nắm toàn quyền trong tay mà không có thằng dân nào được phép phê phán, cấm trăm họ không được nhòm ngó, nói qua nói lại. Cứ như thế thì một người có thể sống trong sạch, có khi trong một thế hệ đa số vẫn còn giữ trong sạch được; nhưng một chế độ kéo dài độc quyền lãnh đạo suốt bao nhiêu năm thì không thể nào cai trị như thế mà sống lương thiện được. Cái hỏng cơ cấu là ở chỗ đó.

Ngân hàng Thế giới mới thực hiện một cuộc nghiên cứu về nạn tham nhũng ở 26 nước cựu cộng sản đang chuyển dần sang kinh tế thị trường. Họ đã phỏng vấn khoảng 10,000 xí nghiệp làm ăn ở các nước này, họ đặt các câu hỏi trên ba điểm: Tham nhũng bây giờ tốn kém cho các doanh nhân nhiều hay ít hơn; các quan chức bây giờ đòi hối lộ nhiều lần hơn hay ít hơn; và thái độ của các nhà kinh doanh đối với nạn tham nhũng như thế nào, họ có than phiền hay thản nhiên chấp nhận?

Theo cuộc nghiên cứu mới này thì nước Georgia cải thiện, giảm được nạn tham nhũng nhiều nhất, so với các lần nghiên cứu khác trước đây, năm 1999 và 2002. Năm 2002 có trên 65 phần trăm các xí nghiệp ở Georgia nói họ bị nhũng nhiễu, năm nay chỉ còn dưới 40 phần trăm! Nói chung, các nước cựu cộng sản đều giảm bớt được nạn tham nhũng, số tiền tiêu vào hối lộ nhỏ hơn; số lần bị nhũng nhiễu ít đi; thiệt hại kinh tế vì tham nhũng giảm bớt. Nước Nga là trường hợp đặc biệt, năm 2002 chỉ có 30 phần trăm các xí nghiệp nói bị tham nhũng hành hạ, lần này có tới 40 phần trăm.

Điều đáng lo lắng nhất là ở Nga hiện có tới một phần năm các xí nghiệp coi tham nhũng là chuyện tất nhiên không thể nào tránh được, giống như một thứ thuế vậy! Không đóng thuế cho công quỹ mà đóng vào túi của các quan chức; đối với các xí nghiệp đằng nào cũng vậy, nhưng đối với toàn thể quốc dân thì rõ ràng đó là một mối thiệt hại chung.

Ở các nước cộng sản đã hoặc đang chờ gia nhập Liên hiệp Âu châu, phí tổn về tham nhũng giảm được nhiều nhất, từ 3.6 phần trăm số thương vụ xuống còn 2.9 phần trăm. Trong thị trường tham nhũng cũng có cảnh bất bình đẳng. Các xí nghiệp nhà nước không bị nhũng nhiễu bằng các xí nghiệp tư nhân. Các xí nghiệp nhỏ tốn kém về tham nhũng hơn các xí nghiệp lớn; xí nghiệp trong nước phải đút lót nhiều hơn các xí nghiệp ngoại quốc. Nói chung, những anh yếu lúc nào cũng bị đè nén hơn các anh mạnh! Các bạn thanh niên ở nước ta nếu muốn có thể vào địa chỉ mạng lưới của World Bank mà đọc bài nghiên cứu này (www.worldbank.org/eca/act3).

Nói chung, sau khi các chế độ cộng sản độc tài được xoá bỏ, báo chí được tự do, chính quyền lâu lâu bị đem ra thử thách cho dân chúng bỏ phiếu bầu lại, nạn tham nhũng ở các nước có giảm bớt. Đó là bài học ở các nước cựu cộng sản. Khi cơ cấu quyền hành thay đổi, dân chủ hoá, tự do hơn, tham nhũng giảm đi. Cái đó gọi là cải tổ cơ cấu. Đồng bào ta có thể rút kinh nghiệm này mà tính toán chuyện tương lai.

Các lãnh tụ cộng sản cứ nói bài trừ tham nhũng, có người thông minh nhìn thấy tham nhũng là do cơ cấu sinh ra, trong lúc đó thì chế độ thực sự đang làm gì, họ có muốn thay đổi cơ cấu hay không? Trái lại, họ đang củng cố cơ cấu độc quyền đảng trị. Tức là giúp cho cơ cấu tham nhũng mạnh hơn, bền chặt hơn!

Thử coi cách họ đối xử với các ông Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Văn Đài thì biết. Tại sao người ta chỉ muốn làm một tờ báo cổ động cho Dân Chủ, Tự Do mà lại kéo công an đến tận nhà đàn áp người ta? Không ai được phép nói ngoài những báo đài do một đảng kiểm soát,như vậy có phải là bảo vệ cơ cấu độc quyền tham nhũng hay sao? Mấy anh em công an đến tịch thu máy vi tính ở nhà ông Nguyễn Khắc Toàn, họ có biết là mình đang chuẩn bị sự nghiệp của các ông Bùi Tiến Dũng tương lai hay không? Những người đã nhìn thấy cơ cấu là nguyên nhân chính gây ra tham nhũng, có nhìn thấy những hành động bảo vệ cơ cấu độc tài như vậy là phản quốc hại dân hay không?

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

CHAY

Trong một tiệm thuốc tây tại Montreal do người Việt làm chủ, tọa lạc bên cạnh một phòng mạch gồm toàn các bác sĩ Việt Nam, một bà già người nhỏ, thấp, mặc áo già lam, ngậm ngùi tâm sự với cô dược sĩ.

"Tôi buồn quá cô ơi! Bác sĩ bắt tôi ăn mặn mới hết được bệnh."

Bệnh của bà là bệnh gì, cứ trông thấy tạng người ốm yếu trước mặt, tôi cũng đoán được ra. Chắc bà bị suy dinh dưỡng. Cô dược sĩ giải thích:

"Ở bên này thời tiết khắc nghiệt, lạnh nhiều, nếu bác không có đủ chất trong người thì cơ thể không chống trả lại được với cái buốt giá hàng năm."

Bà già nói bằng cái giọng rầu rầu.

"Tôi biết vậy, nhưng mấy chục năm trường chay rồi, tôi ăn mặn không quen."

"Không quen thì bác tập dần. Trong thời gian đầu, bác ăn xen kẽ vừa chay vừa mặn cho cơ thể có thời kỳ chuyển tiếp, sau đó ăn mặn luôn."

Bà già kéo vạt áo lau mắt.

"Đâu phải chỉ có vậy! Mấy chục năm chay tịnh giờ mất hết!"

Sau đó là một tiếng thở dài tiếc nuối. Tôi ngồi đợi mua thuốc, nghe câu chuyện, gài vào trong lòng. Chuyện ăn chay đâu phải chỉ là chuyện ăn mà còn là chuyện... thiêng liêng nữa. Đó là cách để con người trả giá ơn trên. Ngày xưa, khi trời làm lụt lội, bão táp, thiên tai mang hại cho dân lành, các bậc minh quân muốn... *deal* với trời cao đã ăn chay nằm đất, sám hối để mong trời cất nạn cho con dân. Khi chúng ta muốn cầu xin Trời Phật ban cho một ơn riêng nào, chúng ta cũng mặc cả bằng cách tự hứa sẽ ăn chay bao nhiêu ngày. Khi đã được tai qua nạn khỏi, nhiều người thấy chay tịnh nhạt mồm nhạt miệng, khó thực hành lời hứa quá, nên lại mặc cả tiếp xin Trời Phật cho gia hạn. Trời Phật vốn dễ tính nên cũng dễ nói chuyện.

Nói đến ăn chay người ta thường nghĩ đến Phật giáo vì với những bậc tu hành ăn chay là điều bắt buộc. Ăn chay theo nhà Phật, nói một cách dễ hiểu, là ăn tất cả các thực phẩm không có liên quan đến mạng sống của chúng sinh. Theo như một bài viết của thầy Thích Chân Tuệ thuộc Cơ Sở Phật Học Tịnh Quang Canada thì mục đích cốt yếu của việc ăn chay là: tránh nghiệp sát sinh và trưởng dưỡng tâm từ bi. *"Người tự nguyện phát tâm ăn chay vì tâm từ bi vô lượng, coi muôn loài như bản thân mình, không giết hại một sinh vật nào, không muốn nhìn thấy một sinh vật nào đau khổ để thỏa mãn dục vọng của con người."* Các Phật tử, tùy hoàn cảnh, tùy sức khỏe, có thể phát tâm ăn chay nhiều hay ít. Ăn chay cốt ở cái tâm. Nhiều hay ít không phải là đẳng cấp phân chia trên dưới. Nhưng nhiều người ăn chay không có được cái tâm như vậy. Ăn chay là để... ăn thua với người khác. Người trường chay vênh mặt với người không trường chay, người ăn chay nhiều ngày trong một tháng nhìn người ăn chay ít ngày bằng con mắt khinh thị. *"Tâm của những người như vậy chưa thanh tịnh, còn quá loạn động, lăng xăng lộn xộn, còn thích hơn thua, mua danh kiếm tiếng, khiến người không ưa, ngay trong đồng đạo, đồng môn đồng bào, cả với đồng loại, thử hỏi làm sao có thể gặp Phật, có thể thành Phật?"* Tâm từ bi mới là điều kiện hàng đầu của người tấn tu theo đạo Phật. Làm tổn hại mạng sống của chúng sinh, làm tổn hại an ninh hạnh phúc của người khác, làm tổn hại thanh danh của người khác, tức làm tổn hại tâm từ bi của chính mình. Vì vậy, *"người nào chưa thể ăn chay được theo nghĩa đen, có thể 'ăn chay' bằng cách giữ gìn ba nghiệp (thân, khẩu, ý) thanh tịnh. Nghĩa là: thân không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm; miệng không nói dối, không nói lời dua nịnh, không đâm bị thóc thọc bị gạo, không nói lời thô tục độc ác, xuyên tạc ngụy biện, xiên xỏ xỏ xiên, tranh cãi liên miên, lợi mình hại người, khen mình khinh người; ý không nghĩ cách vu oan giá họa, không lập mưu thưa gửi kiện tụng người để kiếm tiền bồi thường, không tham tiền bất chánh bất nhân, không tức giận thù oán người, không chứa chấp lòng ganh tị, đố kỵ người khác. Nói chung, không ăn chay được bằng phương tiện vật chất người Phật tử tại gia nên cố gắng giữ gìn thân khẩu ý cho được thanh tịnh, trong bất cứ thời điểm nào, tại bất cứ nơi đâu. Đó chính là tu tâm dưỡng tánh vậy."*

Ăn chay như vậy là chuyện phụ, tu tâm dưỡng tánh mới là chuyện chính. Nếu bà cụ tôi gặp trong

tiệm thuốc tây hiểu được như vậy thì cụ đã chẳng phí mất một tiếng thở dài. Nhưng hình như chúng ta vụ vào cái phụ hơn cái chính. Có những người ăn chay như một cách... trả nợ. Quấy quá cho xong thì thôi. Bụng thì chay, mắt thì nhìn đồng hồ. Chờ cho hai cây kim chập nhau vào giữa đêm, sang một ngày khác là... rượu thịt ê hề, cười nói hả hê. Cũng xong một ngày chay. Cô em họ tôi, theo Công Giáo, ngày ăn chay cũng kiêng cữ như ai. Nửa đêm, chuông đồng hồ vừa đổ sang ngày, vội lôi thịt thà ra ăn lấy ăn để như ngàn năm chưa thấy mặt miếng thịt!

Đạo Công Giáo ăn chay theo một kiểu khác. Mỗi năm chỉ buộc ăn chay hai ngày: Lễ Tro và Thứ Sáu Tuần Thánh. Ăn chay có đính theo kiêng thịt. Kiêng thịt có nghĩa là chỉ kiêng thịt những động vật sống ở trên đất thôi, những động vật sống ở dưới nước như tôm, cá, mực, cua... ăn được tuốt! Trứng gà trứng vịt cũng không phải là thịt, cứ thoải mái. Không phải tất cả các giáo dân đều phải chay và kiêng. Con nít chưa tới tuổi hiểu biết thì khỏi kiêng thịt, chưa tới tuổi trưởng thành thì khỏi ăn chay. Ngày xưa, cứ mỗi thứ sáu là đều phải kiêng thịt. Nay, thứ sáu thì tùy, ai muốn kiêng thì kiêng, không kiêng cũng không sao. Ăn chay, như vậy, không phải chỉ không ăn thịt, nhưng là ăn ít hơn thường ngày. Cái ít này cũng tùy theo hoàn cảnh mà mỗi cá nhân tự tìm ra cách giữ chay của mình. Hoặc nhịn một bữa, hoặc mỗi bữa ăn ít hơn thường ngày một chút. Ngày xưa thường là nhịn bữa trưa. Ngày nay, trong bối cảnh sống khác, những người đi làm, nhất là làm việc nặng, nhịn bữa trưa là điều bất khả, sức đâu mà làm việc? Bữa tối ăn ít đi một chút coi bộ được hơn. Nếu không nhịn được thì kiêng thứ khác cũng được. Như hút ít hoặc nhịn hút nếu ai ghiền hút thuốc chẳng hạn. Tôi còn nhớ ngày xưa bà nội tôi thường nhịn ăn trầu trong ngày chay. Nhưng trong ngày ăn chay tuyệt đối không được ăn vặt, không uống rượu. Cái này mới khó chịu nếu người nào đó thuộc loài... nhóp nhép cả ngày! Cái cốt lõi của ăn chay là ép mình, cầu nguyện, sám hối trong ngày Chúa chịu nạn.

Ăn chay theo đạo Cao Đài cũng vụ vào cái cốt lõi đó. Chay là tránh ô uế tâm thân. Thánh Giáo của Đức Trưởng Giáo Sư Phụ Đại Thiên Tôn chỉ rõ: "*Chay là để trọn lòng dạ của mình vào nơi một vật nào thiệt trong sạch, không bợn nhơ, không nhơ uế, không nhớp nhúa, không trái với Lương Tâm, không xấu hổ với Thần Minh dòm ngó xét, không hề thay lòng đổi dạ. Chay là vậy đó. Nếu chay được vậy rồi, thì cả châu thân của con không còn một chỗ nào mà không chay sạch tinh khiết. Không một nơi nào mà chẳng tinh khiết, rồi dùng sự chay sạch tinh khiết ấy đặng để trọn vào lòng cho đầy đủ, đừng cho khiếm khuyết một chỗ nào, ấy gọi là ăn đó. Ăn được cái sự chay như vậy mới gọi là Ăn Chay. Làm được cái sự chay như vậy mới gọi là Làm Chay. Rồi dùng cái sự chay của mình đã ăn đã làm đó đặng dưng lại cho Chư Thần xem xét, ấy gọi là Dưng Chay Cúng Chay đó.*"

Tâm chay quý hơn ăn chay. Vậy thì đồ ăn chay mà cũng đủ sơn hào hải vị, cũng heo quay, gà xé phay, bò cà ri... giả thì có gọi là đồ chay không? Nhiều người nấu đồ chay cho các chùa chiền bây giờ thi nhau tài khéo trong các món chay giả món mặn. Như làm chả bằng chuối mật nấu chín, bóc vỏ, giã nhỏ với gia vị, bột thính, xong trộn đều với bí đao thái hột lựu, gói lá chuối đem hấp. Thịt gà xé phay là mì căn bóp cùng tiêu muối rau răm. Chả quế bằng khuôn đậu, phết phẩm màu trên mặt rồi đem hấp. Sườn rán là khoai lang, bọc ngoài bằng vỏ đậu xanh, chiên trong dầu lạc cho tới khi vàng rộm. Cá lóc da khía làm bằng chuối xanh tẩm gia vị. Chả ram là nấm, miến tàu, gói bánh đa nem. Thịt gà, thịt heo bằng mít non v.v... Khi một Phật tử ăn món chay giả món mặn như vậy thì tâm của họ là tâm ăn chay hay tâm ăn mặn? Ông nhạc tôi, vốn là người thẳng tính, đã huych toẹt cho ăn như vậy là đánh lừa Phật, phúc chẳng thấy đâu mà tội thì sờ sờ ra đó! Đó cũng là một tiếng chuông tuy không vừa tai nhiều người.

Nếu những món chay giả mặn này được bày bán trong các nhà hàng cơm chay mà thực khách là những người muốn ăn chay vì sức khỏe thì lại là chuyện khác. Nên lắm! Bởi vì đó là một phong cách ẩm thực mà người ngoại quốc rất thích thú khi phải ăn chay. Tôi tò mò đánh duy nhất một chữ "chay" vào Google thì màn hình hiện ra cả mấy chục trang trong đó tôi bắt được ba trang dậy nấu đồ chay bằng tiếng Anh. Trang www.youtube.com dậy nấu cơm chay bằng video đàng hoàng. Trang www.asianconnections.com và trang www.astray.com dậy nấu cơm chay (Buddha rice!). Lại còn những website quảng cáo bằng tiếng Anh và tiếng Việt những tiệm bán cơm chay như Tofoo Cơm Chay ở San Jose, Nang Tam Com Chay ở Hà Nội, Hoa Đăng ở Sài gòn. Đó là chỉ kể một vài tên. Như vậy cơm chay là một nét văn hóa của Việt Nam rất được người ngoại quốc thích thú.

Tránh đồ ăn mỡ màng, tránh thịt thà dư thừa, dân Tây phương cũng như người Việt chúng ta đang sống ở những nơi thừa mứa thực phẩm ngày nay rất chú ý tới vấn đề ăn uống thanh đạm. Tiệm

ăn nào có tí chữ "cuisine santé" vắt vẻo trên cửa kiếng là thực khách ào ạt xô vào. Đồ ăn Việt Nam ít mỡ màng đang là một chọn lựa thích thú của mọi người kể từ khi anh chàng cholesterol trở nên nổi tiếng. Một bác sĩ người Mỹ lớn tuổi, hiện làm việc tại bệnh viện Fountain Valley đã đưa ra nhận xét: "Lúc người Việt Nam mới tới định cư ở Quận Cam thì chỉ có khoảng 1 hoặc 2 phần trăm bị cholesterol, nhưng chỉ 10 năm sau thì số người bị cholesterol đã lên đến gần 10 phần trăm! Nếu muốn bớt cholesterol thì nên ăn rau trái nhiều hơn ăn thịt."

Đối với những người muốn ăn chay vì lý do sức khỏe thì các nhà dinh dưỡng chia ra sáu loại ăn chay và ăn kiêng:

- Ăn các loại cá và thịt gà, chỉ kiêng thịt các loài động vật nhai lại.
- Ăn cá, kiêng thịt của bất cứ loài động vật nào sống trên cạn.
- Ăn trứng và sữa nhưng không ăn thịt mọi loài động vật.
- Uống sữa, không ăn trứng và thịt các loài động vật.
- Ăn trứng, không ăn thịt của mọi động vật, không uống sữa và các chế phẩm của sữa.
- Ăn chay thuần túy, chỉ ăn rau trái.

Hầu hết các chuyên gia dinh dưỡng đều đồng ý là thực đơn lý tưởng phải bao gồm mọi thứ có thể ăn như ngũ cốc, thịt, cá, sữa bò, rau quả, dầu mỡ v.v... Thịt động vật là nguồn cung cấp các loại acid amine thiết yếu cho cơ thể con người tăng trưởng và tồn tại. Nếu chúng ta kiêng ăn thịt thì có thể dùng sữa và các chế phẩm từ sữa thay thế vào. Nhưng nếu chúng ta kiêng cả sữa thì nguồn thực vật ưu tiên có thể tạm thời dùng là quả khô, tiểu mạch hay hạt hướng dương. Ăn chay hay ăn kiêng giúp cơ thể tránh được một số bệnh tật nhưng đồng thời chỉ ăn thực vật sẽ không đủ những chất cần thiết cho cơ thể của chúng ta. Để tạo được cân bằng trong cơ thể còn tùy vào tình trạng sức khỏe của từng cá nhân. Thường chỉ những người lớn tuổi mới nghĩ tới ăn chay toàn diện. Anh chàng cholesterol thường là một mối đe dọa hung hãn hơn cho những cơ thể đã nhão vì tuổi tác. Ông Cao Kiện, Phó Chủ Nhiệm Khoa Dinh dưỡng trực thuộc trường Đại Học Phục Đán cho rằng những người có tuổi ăn chay lâu năm sẽ dẫn đến thiếu chất sắt, sinh tố B12 và chất đạm. Ngoài ra, ăn chay quanh năm còn dễ bị chứng thiếu mỡ máu, một chất dinh dưỡng không thể thiếu trong cơ thể và là cơ sở vật chất của các tế bào mô có ảnh hưởng đến hoạt động của bạch cầu. Một vị Giáo Sư khác, ông Uông Điều Nguyên, thuộc trường Đại Học Dược Khoa Thượng Hải, cũng nhấn mạnh rằng, thức ăn có sự phân chia theo hàn, nhiệt, ôn tùy theo cơ thể của con người khác nhau. Ông cũng chia cơ thể con người ra làm sáu dạng, tương ứng với nó là các món ăn khác nhau, nhưng phải trên cơ sở chay mặn đồng đều, bất cứ sự chênh lệch nào cũng không nên. Ăn uống không điều độ và không đúng cách đều không tốt cho thể chất của con người, nhất là những người cao tuổi.

Ăn chay thuần túy có lẽ chỉ tìm được nơi những ngôi chùa ngày xưa. Thực phẩm quanh năm nằm quanh quẩn trong sân, bên cạnh bể nước mưa, ngoài vườn rau nhà chùa. Đó là chum tương, vại cà, hũ dưa, ngô khoai rau cỏ xanh ngát một vườn. Một bữa cơm đạm bạc trong chùa đúng là chay. Như bữa cơm mà Ngọc trong Hồn Bướm Mơ Tiên của Khái Hưng đã được chú tiểu Lan dọn ra trong ngày đầu Ngọc lên thăm ông bác là sư cụ trong chùa. *"Ngọc nhìn mâm cơm đặt trên bàn, mỉm mỉm cười; vì buổi tối hôm ấy nhà chùa có vẻ náo nhiệt, nhộn nhịp, kẻ lên người xuống lạch cạch bát đĩa nồi mâm, thì vẫn tưởng các chú tiểu sửa soạn một bữa tiệc sang để thết khách quí. Ai ngờ trên chiếc mâm gỗ vuông chỉ thấy lỏng chỏng đĩa dưa, đĩa cà và đĩa muối vừng. Lúc đó, chú Lan bưng lên một bát đậu phụ kho tương khói bay nghi ngút."*

Cơm chay nhà chùa chỉ có vậy. Nhưng đó là chùa thời... hồn bướm mơ tiên. Chùa ngày nay hiện đại hơn nhiều. Cơm chay đã trở thành đồ cổ. Không, vẫn chay đấy chứ! Đố ai tìm được một chút mỡ, một chút thịt, một chút cá trong những bún thịt nướng, canh chua cà lóc, cà-ri bò màu mè diêm dúa trên mâm cơm nhà chùa. Mắt nhìn thì toàn món mặn (ôi những con mắt trần tục!) nhưng tâm thì phải là tâm thọ trai. Ăn cơm chùa khó như vậy, nghe tên món ăn chùa còn mệt cái tâm hơn. Nào món khai vị tri túc, súp thập thiện, bánh hỏi nhẫn nhục, cà ri tứ đế, chả ram thiền định, lẩu trí tuệ, cơm chiên bát nhã, chè ngũ giới!

Dưa, cà, tương, rau đã mất bóng. Có chăng chỉ còn trong ca dao.

Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

Thiệt tình! Cũng chỉ còn một nửa. Chay chỉ ở hai câu trên. Hai câu dưới đã lạc sang mặn. Chay gì được nữa!

GHEN

Nói tới ghen là trăm cái đầu như một nghĩ ngay tới Hoạn Thư. Người đàn bà ở đất Hà Đông bên Tàu này còn cõng theo chú sư tử cho thêm phần dữ dằn nữa chứ! Trăm tội cứ đổ lên cái tài đặt vần của cụ Nguyễn Du. Cụ nỉ non sao mà nhân vật này biến thành cái biểu tượng không được các ông chồng ưng ý. Thực ra ở ngoài đời còn nhiều vụ ghen đầy sáng tạo mà Hoạn Thư chỉ đáng xách dép. Ghen có đính kèm tí lửa như cái ghen của cô Quờn, đính kèm tí át xít như cái ghen mà vũ nữ Cẩm Nhung là nạn nhân, đính kèm lưỡi dao ngọt sớt mất chỗ đi tè của chồng đang như một phong trào lan rộng trên khắp ta bà thế giới... Ghen máu lửa như vậy thì Hoạn Thư có đáng chi!

Hoạn Thư ghen như thế nào? Bà bắt Thúy Kiều về làm *oshin* hầu hạ bà mẹ, chờ cho chồng là Thúc Sinh đi Lâm Truy thăm cha về mới bảo mẹ cho mang Thúy Kiều sang hầu hạ nhà mình. Buổi gặp gỡ giữa hai người tình Thúc Sinh và Thúy Kiều, giờ đã một bên là ông chủ, một bên là Hoa Nô, là một cuộc gặp gỡ "người ngoài cười nụ người trong khóc thầm" rất chi là cay đắng. Nhà đạo diễn tài tình Hoạn Thư đã đẩy nghệ thuật ghen lên hàng thượng thừa:

Làm cho nhìn chẳng được nhau
Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên
Làm cho trông thấy nhãn tiền
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.

Ghen... trí thức như vậy dễ có mấy tay. Ngày nay nhiều phụ nữ cũng có những chiêu ghen lạ lắm. Như cái ghen của chị Minh, ngụ tại phường Tân Thuận Tây, quận 7, Sài Gòn. Chồng chị là anh Phụng vốn có tính lăng nhăng. Cuối năm 2002, chị Minh nghe đồn chồng có bồ với một phụ nữ ở quận Bình Thạnh, chị mới bắt đầu để ý mỗi khi chồng ra khỏi nhà. Đêm giao thừa Tết năm 2003, anh nói với chị là đi chúc tết sếp. Nhưng khi anh đã ra khỏi nhà thì một đồng nghiệp phôn tới hỏi mọi người đang chờ mà chẳng thấy anh đâu. Chị sinh nghi. Bèn nhờ một đứa cháu chở sang căn nhà của anh chị mới xây bên Quận Nhì. Chị bấm chuông, anh ra mở cửa. Đằng sau anh là một cô gái trẻ đẹp. Chị liền quay về và... khóc. Vậy mà vô chiêu thắng hữu chiêu, anh chồng hối hận, thương vợ và... cải tà quy chính.

Cũng như cái ghen của chị Vân ngụ tại Vũng Tàu. Chồng chị là anh Khánh, nghệ sĩ, vì công việc phải sống ở Sài gòn. Vợ chồng sống xa nhau, anh nghệ sĩ giở trò chơi tuồng "xa vợ hiền cặp gái tơ"! Một bữa cuối tuần, chị bất thần lên Sài Gòn thăm chồng, bắt gặp một cô gái lạ trong nhà. Anh Khánh vội giới thiệu là một đồng nghiệp tới... tập tuồng. Chị không một mảy may nghi ngờ. Tối ngày hôm sau, nghe tiếng gõ cửa, chị ra mở và cô gái tỏ vẻ ngạc nhiên hỏi: "Chị chưa về à?" Hỏi như vậy thì có ngu tới đâu đi chăng nữa cũng biết là hai... nghệ sĩ này chơi tuồng gì rồi. Chị Vân tỉnh bơ, mời cô gái vào chơi, nói chuyện vui vẻ, lịch sự tiễn chân khi cô gái ra về. Anh Khánh bụng đánh lô tô đón chờ cơn bão sắp sửa ập tới. Nhưng trời vẫn lặng gió, chẳng bão bùng chi cả. Anh Khánh vừa sợ, vừa thương vợ, bèn tự ý... hồi chánh!

Ghen mà không ghen như vậy, thuyền quyên được tiếng thơm mà anh hùng vẫn phải qui giáo đầu hàng. Cần chi phải máu lửa lôi thôi. Thuyền quyên thì như vậy nhưng anh hùng khi ghen không được như vậy. Không ồn ào nhưng không phải trời không gió máy bão bùng. Như cái ghen của anh chàng Floyd John Weseman ở tiểu bang Tennessee chẳng hạn. Anh nghi chị vợ Brandi hay vụng trộm khi anh vắng nhà, bèn đi mua một ổ khóa nhỏ, rất nhỏ. Mỗi khi vắng nhà, anh khóa cái động đào độc quyền của anh lại. Làm sao khóa được? Dễ ợt! Anh dùi hai lỗ nơi cánh cửa động, nong khóa vô, tách một cái là xong. Đút chìa khóa vô túi, anh vững tâm ra đi. Nhưng chị vợ 25 tuổi không cam tâm. Chị tới phòng cấp cứu của bệnh viện để xin giải tỏa cái ách của chồng. Bệnh viện báo Cảnh sát. Khi anh vừa mò về nhà là anh bị... khóa. Dĩ nhiên chỉ ở tay chứ không có màn trả thù vào chỗ riêng tư. Anh khai là anh hành động với sự đồng ý của vợ chứ không có ép uổng gì. Vợ anh lại khai là sở dĩ chị phải theo anh tới chỗ thợ xâm để họ dùi lỗ, nếu không anh dọa sẽ dùng dao cạo rạch lỗ đau đớn hơn. Anh đang chờ ra tòa về tội cố ý đả thương. Nhưng có lẽ anh sẽ bị truy tố về những tội nặng hơn nữa và có thể sẽ nằm khám tới 25 năm!

Anh Floyd John chơi màn ghen như vậy là đúng sách vở. Người ta cứ bảo ghen là biểu hiện một tình yêu quá đậm đà nhưng thực ra ghen chỉ là biểu hiện của sự lo sợ bị mất mát. Không có ai yêu cái kiểu... dùi lỗ như vậy. Hành động của anh Floyd John chỉ là nỗi sợ mất cái độc quyền canh tác nơi... nhất thốn thổ! Như vậy ghen là tốt hay xấu? Cũng tùy! Ghen hợp lý thì tốt, ghen không hợp lý thì xấu. Thế nào là hợp lý? Nếu bạn thấy đức anh chường có những thay đổi rõ ràng trong sinh hoạt hàng ngày, bạn nên đặt một dấu hỏi. Hỏi không có nghĩa là gây chiến nhưng cái dấu hỏi này là bước khởi đầu để tìm hiểu. Khi có chứng cớ cụ thể thì mới hỏi han anh chồng, cứ tuần tự nhi tiến. Đừng mất bình tĩnh cho bom nguyên tử

nổ tiêu diệt hết cả nhân loại! Tiến ra sao thì mỗi người tùy hoàn cảnh mà xử sự. Cũng coi như là hợp lý khi trước mặt vợ mà đức anh chồng cứ tỉnh bơ có những cử chỉ không đúng mực với những phụ nữ khác. Lại phải khôn khéo chuyển được thông điệp của bạn tới chồng một cách nhẹ nhàng trước khi dùng tới những chiêu nặng hơn. Thế nào là không hợp lý? Đó là ghen kiểu xúc phạm tới chồng khi chẳng có chứng cớ gì rõ rệt. Binh pháp gọi kiểu ghen này là đánh phủ đầu cho biết tay! Cũng không hợp lý là ghen với quá khứ của chồng. Chỉ nguyên việc anh ta bỏ hết tất cả những người đàn bà khác để rước mình về... dinh đã chứng tỏ mình trên cơ rồi.

Ghen sẽ không xảy ra nếu cả hai bên đều có tình yêu và sự tế nhị. Đừng có dồn nhau vào chân tường cho thỏa tự ái. Bạn có quyền biết vợ hay chồng mình làm gì, ở đâu nhưng đừng làm như công an điều tra tội phạm. Chính sự tế nhị và tôn trọng lẫn nhau sẽ tạo ra sự thông cảm và, với sự thông cảm, chẳng cần phải hỏi thì "đối phương" cũng tự động khai báo rõ ràng hành tung của mình một cách vui vẻ và tự nguyện.

Nếu cuộc đời cứ xuôi theo dòng nước lặng lờ thì làm gì có ghen. Nhất là cái kiểu ghen thành thơ như cái ghen của nhà thơ Nguyễn Bính.

Tôi muốn mùi thơm của nước hoa
Mà cô thường xức chẳng bay xa
Chẳng làm ngây ngất người qua lại
Dẫu chỉ qua đường, khách lại qua
Tôi muốn những đêm đông giá lạnh
Chiêm bao đừng lẩn khuất bên cô
Bằng không tôi muốn cô đừng gặp
Một trẻ trai nào trong giấc mơ
Tôi muốn làn hơi cô thở nhẹ
Đừng làm ấm áo khách chưa quen
Chân cô in vết trên đường bụi
Chẳng bước chân nào được dẫm lên!

Tôi muốn, tôi muốn như vậy thì nên sắm một chiếc hòm kính bỏ cô vào cho chắc ăn. Cũng chưa chắc ăn! Phải tẩy não nữa. Cũng chưa chắc ăn, phải triệt tiêu bộ óc nữa. Khi đó nhà thơ của chúng ta sẽ chỉ còn có một con búp bê!

Nhiều chục năm sau, nhà thơ Quan Dương cũng ghen ngang ngửa không kém gì đàn anh Nguyễn Bính. Ông ghen với trăng.

Em đang thiêm thiếp giấc nồng
Trăng chui khe cửa đến nằm kề bên
Tựa đầu em gối lên trăng
Bỗng nhiên trăng cũng hồn nhiên như người
Mắc gì lại thẫn thờ tôi
Ghen trăng lén chụt lên môi ai kìa.

Nhà thơ ghen và công khai bảo là mình đang ghen nhưng thực ra đàn ông có ghen không? Hỏi các ông thì ông nào cũng lắc đầu lia lịa. Ai chơi cái trò... đàn bà đó! Nhưng cô nào đang có bồ ruột, thử vui miệng nhắc tới những người tình trước của mình coi xem bom nguyên tử có nổ không? Nổ là cái chắc. Không nổ lớn thì cũng có màn hậm hực, khó chịu, lơ là cho bõ ghét! Theo các nhà tâm lý học thì các ông thường tỏ ra rất anh hùng mã thượng nhưng khi rơi vào một tình huống mà họ cho là bị lừa dối thì lại dễ bị sụp đổ hơn phụ nữ. Trong khi đó phụ nữ thì nước sôi rất dễ dàng sủi bọt ào ào khi bị lừa dối cũng như khi tưởng mình bị lừa dối. Vậy thì ông hay bà cũng... hoạn thư tuốt. Đó là một điều tốt vì nếu không ghen tức là nuốt cái ghen vào trong lòng để nó chi phối trong tiềm thức thì còn nguy hơn nữa. Đó là kết luận của ông vua tiềm thức Sigmund Freud. Chúng ta hãy đi vào một trường hợp cụ thể. Một anh chàng luôn luôn tự hào mình không bao giờ thèm ghen. Ghen làm gì nhỉ? Nếu người yêu tôi mà lăng nhăng thì tôi không yêu nữa. Tôi khinh bỉ cô ta. Chấm hết! Khi các nhà tâm lý học đi ngược lại thời tuổi nhỏ của anh chàng này mới phát hiện ra anh là con trưởng của một gia đình có năm anh em. Ngay từ khi đứa em đầu tiên ra đời, anh đã cảm thấy mình bị bỏ rơi. Lần ghen tương đầu đời này đã gây cho anh một chấn thương kinh khủng khiến sau này, từ trong vô thức, anh đã chối bỏ cảm xúc ghen với kinh nghiệm là mình đã không đủ sức để chịu đựng nó. Điều này tạo cho anh cái cảm giác là mình không biết ghen. Nhưng thực sự cái ghen của anh đã biến thái thành một thái độ đối kháng ngược lại: anh lạnh lùng và căm thù đối tượng ghen của mình! Cái ghen của trẻ em khi người lớn quá chú ý và săn sóc đứa em của nó mới ra đời là điều mà chúng ta chắc ai cũng đã trải qua. Vì vậy các bậc cha mẹ nên để ý, đừng có mới nới cũ quá đáng mà có hại cho đứa nhỏ sau này. Bởi vì khi trưởng thành có nhiều nguy cơ đứa trẻ này sẽ trở thành một người ưa đối kỵ, khó hòa hợp được vào cuộc sống xã hội. Đố kỵ là không muốn thấy người khác có những gì mà mình muốn có. Nó cũng họ hàng hang hốc với ghen. Tiếng Hy Lạp zelos có nghĩa là "tình cảm ức chế khi nhìn người khác hơn mình," diễn nôm ra là đối kỵ. *Zelos cũng chính là gốc của chữ jealousy trong tiếng Anh và jalousie trong tiếng Pháp đều có nghĩa là ghen.*

Nếu bảo ghen mang lại lợi ích thì chắc có nhiều bạn tỏ vẻ nghi ngờ. Cái thứ khó chịu như thế thì lợi ích cái chi? Theo nhà tâm lý học David Bush

thuộc Đại Học Texas thì ghen tuông là một dạng tình cảm giúp cho con người dò tìm, nhận biết và ngăn cản sự không chung thủy. Ông tâm lý gia này đã nghiên cứu chuyện ghen tuông trên 40 quốc gia ròng rã trong 20 năm trường mới đi đến kết luận: ghen không phải là một thói xấu! Ghen là sự khôn khéo trong tình cảm mà tổ tiên chúng ta đã truyền lại cho các thế hệ sau. Ông David Bush đã khẳng định: "Chúng ta kế thừa tính ghen tuông, và điều này có thể tìm thấy trong mọi nền văn hóa. Cơn ghen của chúng ta ngày nay cũng giống hệt như của tổ tiên ta vậy!" Trong cuộc nghiên cứu của Giáo Sư David Bush, ông đặt câu hỏi với những người tham gia cuộc thí nghiệm gồm những người cư ngụ ở các quốc gia khác nhau như Đức, Hòa Lan, Hoa Kỳ, Nam Hàn và Zimbabwe. Có tới 67% nam giới cho rằng lăng nhăng trong tình dục là tồi tệ trong khi chỉ có 44% nữ giới đồng ý như vậy. Sau đó, những người này được yêu cầu tưởng tượng ra cảnh vợ hay chồng của mình phản bội lại mình. Ngay khi đang sống trong cảm giác bị phản bội đó, họ được kiểm tra nhịp tim, số nếp nhăn trên trán, lượng mồ hôi thoát ra từ hai tay. Kết quả, giữa đàn ông và đàn bà, tỷ số được lập lại tương tự như nhau trong cả hai thí nghiệm. Bush giải thích tại sao đàn ông lại hận những cuộc lăng nhăng tình dục hơn đàn bà như sau: người đàn bà bao giờ cũng biết chắc đứa con mình sinh ra là của mình trong khi người đàn ông không có niềm tin chắc chắn như vậy. Vậy thì lợi ích ở chỗ nào? Ở chỗ đó là thứ tình cảm giúp cho người đàn ông duy trì được dòng giống đích thực của mình. Chắc tại ngày xưa chưa có lối thử DNA nên cần phải cảnh giác cao như vậy. Ngày nay có DNA, cứ thử là chắc như bắp!

Tính ghen kế thừa đó, tuy vậy, vẫn cứ hiển hiện nơi những đứa trẻ còn non tháng. Các nhà nghiên cứu tại Đại Học Texas đã quan sát một đứa bé sáu tháng tuổi. Khi cho người mẹ bồng một đứa bé khác hoặc một con búp bê, đứa bé mới sáu tháng tuổi này đã biểu lộ sự đố kỵ bằng nét mặt. Lớn hơn một chút, khi được tám tháng tuổi, đứa bé thỉnh thoảng nổi cơn đập phá đồ chơi hoặc la hét um sùm cốt để gây sự chú ý của bố mẹ khi bố mẹ đang nói điện thoại hay làm chuyện khác không chú ý tới nó. Đó là chuyện bình thường. Nó chứng tỏ lòng ghen hay sự đố kỵ đã nằm vùng trong mỗi người chúng ta từ những ngày tháng mới chỉ biết bú tí!

Lớn lên, nếu không biết tự chế, ghen sẽ vượt biên đi ra ngoài lý trí. Hai chàng nói chuyện với nhau. Một chàng tức tối:

"Vợ tôi đang lừa dối tôi!"

"Sao anh biết?"

Vẫn hậm hực, anh chàng cho rằng mình đang bị lừa dối tiếp:

"Tối hôm qua cô ấy không về nhà. Khi tôi gạn hỏi thì cô ấy trả lời là cô ấy ngủ lại nhà cô bạn của cô ấy. Đời nào tôi tin, tôi hỏi nhà cô bạn nào, tên gì. Cô ấy bảo là cô Tâm. Anh thấy không, dối rõ ràng!"

"Sao anh biết là vợ anh nói dối?"

"Vì tối hôm qua, chính tôi ngủ ở nhà cô Tâm đó!"

Lối suy nghĩ trưởng thượng như vậy rất hợp với xã hội nước ta ngày xưa, khi chế độ đa thê còn là một chuyện bình thường. Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng. Sự bình đẳng là một thứ xa xỉ. Lúc đó khi bị tình phụ, bị bội bạc, bị bỏ rơi, người đàn bà chỉ có thể trách. Mà trách cũng bâng quơ mang những thứ không có miệng như gió mây, sông nước ra làm cục kê.

Trách người mà ở trên đời,
Thủy chung có bấy nhiêu lời không xong.
Làm cho lòng lại thẹn lòng,
Một sông nước chảy đôi dòng sao đang.

Ca dao yếu ớt, nhũn nhặn như vậy đó. Than thân trách phận như vậy thì đi tới đâu? Chẳng cần đi tới đâu, mà cũng chẳng được phép đi tới đâu. Cứ thở than bâng quơ cho vơi nỗi niềm. Chỉ như vậy cũng đã là một niềm an ủi để sống còn. Nhưng, cũng ca dao, lại xác nhận cái ghen của người đàn bà, coi như một định luật.

Ớt nào là ớt chẳng cay,
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.
Ca dao đã mang gia vị nêm vào món ghen.

Nhiều người cho ghen là một gia vị của yêu. Thỉnh thoảng cũng nên rắc tí ớt tí tiêu vào tình yêu cho nó ngon miệng. Cứ ngủng ngẳng tí chút, giận hờn nhè nhẹ, lúc làm lành lại với nhau tình yêu như lên ngôi. Làm lành xong thường có màn... quan hệ. Cái quan hệ sau một cơn sóng nhẹ thường mãnh liệt và... ấn tượng hơn những lần quan hệ thông thường bội phần. Bạn nào không tin cứ thử khắc biết. Tôi lại một lần nữa minh định rằng đó là ý kiến của các nhà tâm lý sau khi đã nghiên cứu đàng hoàng chứ không phải kinh nghiệm của tôi. Vì vậy việc thử này tôi hoàn toàn không chịu trách nhiệm nếu có những trở ngại hay sự việc xảy ra ngoài ý muốn. Tính tôi vẫn chắc ăn như vậy, xin các bạn đừng lấy đó làm điều!

08/2006

Website: www.songthao.com

Đường Việt Nam

TRƯƠNG ANH THỤY

"Đường Việt Nam
ôi vô cùng vô tận..."(1)

Tiếng hát của chúng tôi vang khắp thôn làng trên Trại Đường Việt Nam(2), Hè 1974.

Đấy cũng là nơi tôi được gặp anh Đỗ Ngọc Yến lần đầu. Anh nổi bật giữa một đoàn sinh viên hỗn hợp Quốc Nội/ Hải Ngoại đông đảo, trong các buổi văn nghệ, hội thảo, hát hò, liên hoan, lửa trại... xuyên suốt Sài Gòn, Huế, Quảng Trị, Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết... Đáng lẽ còn có cả Đà Nẵng và Đà Lạt, nhưng những ngày đó chiến tranh không cho phép.

Chúng tôi đi trên khắp các nẻo đường Quê Hương, thăm các lăng tẩm, Quân Đoàn I ở đồn Mang Cá, Lữ Đoàn III Nhảy Dù, cổ thành Quảng Trị, bờ sông Thạch Hãn... Chỗ nào cũng thấy anh năng nổ không biết mệt, với nụ cười luôn trên môi, hiền hậu, khiêm tốn... Anh cùng với các anh Ngô Vương Toại, Nghiêm Phú Phát và các sinh viên quốc nội tiếp đón và hướng dẫn cho cả đoàn chúng tôi có được một cuộc du hành an ninh và hiệu quả... Thấy chúng tôi ngỡ ngàng nhìn cảnh chiến tranh tàn phá, những xác xe tăng, xe díp vỡ nát nằm rải rác bên đường, các hố đạn đại bác đã trở thành ao rau muống... anh ôn tồn giải thích: ...người mình cần cù, chịu đựng..., vừa chiến đấu, vừa sản xuất, vừa xây dựng không ngừng... Anh không giấu diếm, cho biết là chúng tôi về đây vừa lúc quân đội đồng minh Hoa Kỳ thực hiện kế hoạch "Việt Nam hóa chiến tranh," để chúng tôi nhận thức đúng tình thế cũng như mức độ khổ đau của dân tộc... để rồi có thể nhìn Quê Hương bằng con mắt yêu thương chia xẻ...

Đoàn cam-nhông gầm gừ lắc lư lăn bánh lên dốc, trên các ổ gà, hố đạn... Mỗi lần xe nghiêng đi, nhìn sang bên thấy bánh xe mấp mé vực sâu, các chị sinh viên rú lên, anh Yến lại hè mọi người hát thật to: "... *Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn. Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang vang...*"(3) Anh bảo: "Hát to lên cho át cái sợ."

Đại Lộ Kinh Hoàng! Ôi giấc mơ của tôi là được đặt chân lên con lộ lịch sử đẫm máu đồng bào tôi, sau khi đọc "*Mùa hè Đỏ Lửa*" của anh Phan Nhật Nam. Anh dẫn chúng tôi đi... "*Bước âm thầm và tim nát tan...*"*(4)* Trong các cơn gió khô, nóng, bụi đỏ mịt mù, chúng tôi vẫn cảm thấy cái rờn rợn của biết bao oan hồn vương vất trên cành cây, trên các mảng tường vỡ, trên vệ cỏ hai bên đường, dưới khe rãnh... Các em bé chạy ra nhìn chúng tôi... vô cảm—tôi đoán phần lớn là trẻ mồ côi— thân hình khẳng khiu, đen đủi giữa những chiếc cột nhà cháy đứng trơ vơ trên nền nhà phủ gạch ngói vụn...

Đứng bên này sông Bến Hải nhìn sang bờ bên kia, anh cười bảo tôi: Một ngày không xa mình sẽ

Trương Anh Thụy và Đỗ Ngọc Yến

vượt vĩ tuyến, lập Trại Đường Việt Nam 3, 4, rồi 5...

Thế mà hóa ra chỉ một năm sau anh đã vượt cả đại dương. Không lập Trại Đường Việt Nam 3, 4, 5... mà lập cộng đồng Việt Nam, nơi xa Quê Hương cả nửa vòng trái đất. Trong hơn 30 năm trời anh không ngừng nghỉ tranh đấu để tồn tại cho gia đình, cho tập thể, để có thể sống ngạo nghễ là một con người Việt Nam giữa xứ người. Những năm cuối đời, đáng lẽ anh được nghỉ ngơi, thì anh lại phải tranh đấu chống căn bệnh ngặt nghèo. Có một sự trùng hợp kỳ lạ: Cách đây chừng hai tháng, anh Hồ Trường An bên Pháp thực hiện một cuộc phỏng vấn các nhà văn để đưa vào cuốn *Giữa Đất Trời Giao Hưởng* do Gió Văn sắp xuất bản, có một câu hỏi dành cho tôi: "Độc

HÌNH ẢNH TRẠI ĐƯỜNG VIỆT NAM

Anh Đỗ Ngọc Yến đang nói chuyện với trại sinh

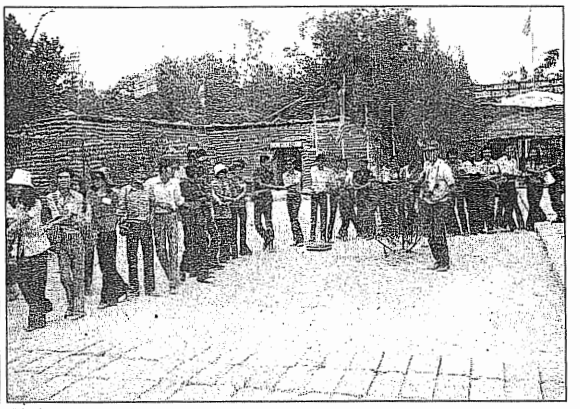

Sinh hoạt trại

Bên bờ sông Bến Hải

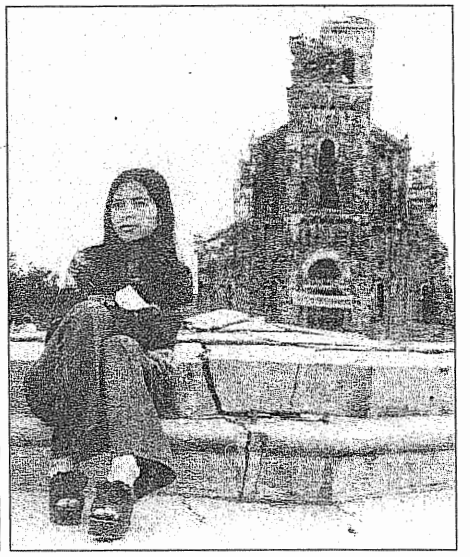

Bên nhà thờ La Vang

giả thường bảo chị viết tình người ngọt quá [...] Cho nên tác phẩm không hấp dẫn đối với độc giả thời nay vốn chuộng sự phanh phui 'con ác quỉ' ở trong mỗi con người hơn. Lời nhận xét ấy có đúng không?"

Tôi trả lời: "Có lẽ đúng! Nhưng tôi nghĩ lý do có thể là đối tượng 'con ác quỷ' mà các độc giả đó trông đợi không phải là 'con ác quỷ' mà tôi muốn phanh phui. 'Con ác quỷ' đối với tôi ngày hôm nay sẽ là 'con ác quỷ' nằm trong tim óc của mấy tên Trung Quốc cực kỳ man rợ, mổ bụng đồng loại khi người đó còn sống —dù cho họ là tù nhân—, để lấy những bộ phận tươi như tim, gan, thận, mật... bán cho những người có tiền, cần thay những bộ phận ấy... Nếu tôi định đi vào lãnh vực 'phanh phui con ác quỷ' như anh nói, thì đây là việc tôi muốn làm [...] Nếu tôi không phanh phui được các 'con ác quỷ' này thì các 'con ác quỷ' khác có nhằm nhò gì!"

Nay được biết anh đã từ chối không chịu sang Tầu ghép thận giống như trăm nghìn người đang đua nhau làm, vì anh nói: "không muốn có một tử tù bị giết," tôi xúc động đến lặng người! Chỉ bấy nhiêu thôi, tôi cũng thấy sự ra đi của anh thật "nhẹ như lông hồng." Và từ nay anh có thể hát tiếp: "*Đường của ta đưa ta về thanh bình/ đường an lành đường thảnh thơi những ngày vui... "4*

Trương Anh Thụy

(Trong Ban Tổ Chức "Về Thăm Việt Nam Hè 74" Tham dự Chương Trình Nối Vòng tay Lớn- Trại Đường Việt Nam 2)

1 "Đường Việt Nam" của nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang.
2 "Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ" của nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang.
3 "Đường Việt Nam" của nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang.
4 "Đường Việt Nam" của nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang.

CÁ HỒI VÀ TRÀ

TRẦN MỘNG TÚ

(Gửi người ra đi và người ở lại)

Thỉnh thoảng nói chuyện về nấu ăn Bích Hà hay nhắc:

- Lâu quá chị không được ăn cá Hồi ướp riềng tỏi, chiên vàng của Tú.

Và lần nào tôi cũng hứa:

- Em sẽ mang xuống cho chị kỳ tới.

Cái kỳ tới hẹn hò đó chắc cũng cả mấy năm rồi. Chúng tôi còn nhiều việc khác để nhớ vào phút chót mang theo quá. Lòng vẫn tự nhủ "Còn thiếu gì dịp đi, còn thiếu gì lần gặp nhau. Mình không mang xuống lần này thì khi nào chị Hà lên Seattle ăn cá Hồi mà không được. Gặp nhau hoài mà."

Anh Minh báo tin anh Yến mất. Tôi buông điện thoại xuống, bần thần, rơi rụng cả hai tay, mặc dù trong tuần này tin về tình trạng suy sụp sức khỏe của anh Yến đã nhận đầy đủ, đã sửa soạn tinh thần đón nhận một điều phải đến. Chẳng còn giọt nước nào mà tát cho nhau.

Tôi buông điện thoại xuống, bỗng nhiên nghĩ đến phải chiên ngay cá Hồi đem xuống quận Cam trong lần đi này. Mấy con cá Hồi ở chợ bỗng trở nên nghiêm trọng. Tôi đi lục tìm mấy tờ quảng cáo trong ruột của báo Seattle Times gửi đến hàng ngày, xem chợ nào bán cá Hồi ngon, vì cá Hồi có nhiều loại khác nhau mà chỉ có người quen ăn mới biết. Lại còn phải lái xe đi chợ Á Đông mua riềng, chợ Mỹ không có riềng.

"Anh ấy đi rồi, Yến đi rồi" tiếng của anh Minh nghe qua điện thoại cứ vang vang trong đầu. Tôi nấu bữa cơm chiều trong một trạng thái mê mê, tỉnh tỉnh. Anh Yến, chị Hà, riềng, cá Hồi cứ nhẩy múa lung tung trong đầu tôi, tôi cứ trượt dao mấy lần, cũng may dao nhà tôi không có sắc bao giờ.

Vợ chồng tôi ngồi vào bàn ăn, tôi nhắc anh về lời nguyện ngắn trước bữa ăn chiều nay dành cho linh hồn Rémi Đỗ Ngọc Yến. Trong bữa ăn, tôi nói chuyện về Rémi Đỗ Ngọc Yến cho anh nghe, rồi tôi kết luận:

- Kỳ này xuống quận Cam em phải chiên cá Hồi mang theo.

Anh ngạc nhiên hỏi:

- Sao đám tang mà lại mang theo cá chiên?

Tôi lặng im không trả lời, vì không biết cắt nghĩa thế nào cho đúng.

Trong mấy ngày, chị Yến, chị Tuệ, cháu Bảo Anh và tôi liên lạc với nhau để soạn bài cho tang lễ trong nhà thờ. Tôi lo viết bài, mua vé máy bay, soạn vali nhưng món cá Hồi chiên hình như chiếm một vị trí quan trọng hơn cả trong chuyến đi này. Tôi để gói cá chiên sát ngay túi sách tay cho không thể quên được. Bỗng dưng nỗi lo sợ không mang cá Hồi chiên xuống cho chị Hà lần này thì biết đâu sẽ không còn cơ hội nào đem xuống. Nhỡ mai mốt người muốn ăn cá không còn người chiên cá hay người muốn chiên cá không còn người ăn thì sao!

Cuối tháng năm vừa qua là lần cuối tôi gặp anh Yến, lần cuối đặt tay lên ống chân xương của anh với bàn chân buồn bã vì một vài ngón đã bỏ đi. Bây giờ là tháng tám, xuống quận Cam, đến nhà anh, không thấy anh nằm trong căn buồng nhỏ hay ngồi trên xe lăn ở trong bếp nữa. Tôi sẽ cứ tưởng tượng ra thôi. Quên đi cái nhà quàn, quên đi cái tang lễ có mười hai vị linh mục đồng tế và cả mấy trăm người đưa tiễn.

Tôi biết những ngày trước mặt đang đến, biết bây giờ là tháng Tám, trời đang giữa hè, rồi thu sẽ đến, rồi đông sẽ theo sau, rồi, rồi gì nữa nhỉ? À... mùa xuân.

Tôi gửi thư cho một người bạn ở xa nói tôi đang ở quận Cam, ở đây có một tiệm trà Tầu ngon, tôi sẽ mua trà cho anh (vì biết anh thích trà). Anh vội vàng từ chối, nói đừng mua gì cả, đừng gửi gì cả, chỉ thỉnh thoảng gửi cho bài thơ thôi. Chắc anh chỉ muốn "*chi giao đạm nhược thủy*," sang đến nước trà e rằng nó sẽ đậm đà, sẽ thơm, sẽ ngọt, sẽ chát trong cuống họng hay sao?

Nếu một ngày nào đó người thích ăn cá Hồi bạn chiên, người thích chiên cá Hồi cho bạn, người thích uống trà, người thích mua trà cho bạn. Bỗng dưng một người mất hút, mất xa, không tìm đâu thấy nữa thì người còn lại đi lầm lũi trong kỷ niệm một mình, chắc sẽ kêu lên:

Chao ôi, ước gì được trở lại những ngày đã phí!

YẾN

SONG THAO

Tôi không nhớ là tôi biết Đỗ Ngọc Yến vào lúc nào. Có lẽ thời học ở Văn Khoa: Thời đó tôi vừa đi học, vừa làm báo, vừa đi dậy học tận Vũng Tàu nên ít tham gia vào các sinh hoạt tại trường. Lần duy nhất tôi góp chút công là lần làm báo xuân Văn Khoa cho Sinh Viên Đoàn Đại Học Văn Khoa do Nguyễn Anh Tuấn cầm chịch. Vào năm nào tôi không nhớ rõ. Thời gian đó Đỗ Ngọc Yến đang hoạt động mạnh trong giới sinh viên. Anh làm những gì tôi không biết hết được. Nhưng chỉ biết là anh xăng xái dữ lắm. Tôi thấy anh ở ngoài sân trường hơn là ở trong lớp. Thấy vậy thôi chứ chẳng bao giờ tôi có dịp nói chuyện với anh.

Yến biết tôi lúc nào, tôi cũng thực sự không biết. Khi tôi đi cùng Tô Thế Liệu tới tòa soạn báo Người Việt vào năm 1992 lúc tôi tới Quận Cam lần đầu tiên thì cũng không phải để thăm Yến. Liệu có việc gì đó với Hoàng Khởi Phong, tôi ở trên xe của Liệu, nên chẳng thể không vào. Khi vào tới phòng khách, Liệu chạy ra phía sau đi kiếm Phong, bỏ mặc tôi ngồi trên chiếc ghế da. Tôi bảo Liệu nhấn dùm Nguyễn Xuân Hoàng ra cho tôi gặp. Tôi vừa cầm tờ báo lên định đọc thì Yến chạy ra. Yến cười thật tươi, giơ tay cho tôi bắt, hỏi thăm rất thân tình. Tôi có cảm tình ngay với con người rất xởi lởi của Yến. Tôi đồ chừng rằng Yến cũng xởi lởi như vậy với bất cứ ai Yến gặp. Nhưng không, qua câu chuyện, tôi mới thấy là Yến nhớ được tôi đã học ở Văn Khoa. Kể cũng lạ, tôi và Yến không học chung một chứng chỉ nào, sao Yến nhớ được tôi? Khi Nguyễn Xuân Hoàng ra gặp tôi, lúc đó, qua Hoàng, Yến mới biết tôi cũng có viết lách lăng nhăng. Đôi mắt sau cặp kính trắng dầy cộm ánh lên niềm vui. Hóa ra cũng phe ta cả. Yến hỏi han rất kỹ về cuộc sống của tôi, về công việc viết lách, lại có ý muốn rủ rê tôi qua ở luôn bên quận Cam cho vui. Khi ra về, Yến kéo tôi ra trước tấm bảng Người Việt ở trước tòa báo chụp hình. Chụp chung tất cả mọi người, xong lại chụp riêng với Yến một tấm. Tấm hình này tôi rất trân trọng và có để trên website của tôi.

Bốn năm sau, tôi lại tới Người Việt. Thoắt thấy bóng tôi, Yến chạy ra tay bắt mặt mừng, ngửa bàn tay ra hỏi.

" Sách đâu?"

Lúc đó tôi đã in được hai tập truyện ngắn. Và, may thay, có mang theo. Cầm cuốn truyện, lật lật ra xem, Yến đưa lại cho tôi.

" Ký vào đây chứ!"

Nếu Yến viết thì chắc anh có nhiều điều để viết lắm. Cuộc sống phong phú về nhiều mặt như vậy, đề tài nhiều chi kể. Vậy mà không thấy anh viết. Anh chỉ xúi người khác viết. Dĩ nhiên anh cũng xúi tôi. Biết anh khôn dàn trời nhưng với lối nói tỉnh tỉnh giỡn giỡn anh vẫn đưa tôi vào tròng. Chẳng biết có phải vì anh bơm không mà tôi cứ lân la viết hết truyện này qua truyện khác. Cứ đủ độ dầy là in sách.

Lai rai viết như vậy tới khi gặp anh lần nữa vào năm 2003. Mùa hè năm 2003. Lần này ông bạn Phạm Phú Minh đứng ra tổ chức buổi ra mắt sách cho tôi tại phòng sinh hoạt Lê Đình Điểu trong tòa báo Người Việt, trụ sở mới khang trang hơn trụ sở cũ nhiều. Lê Đình Điểu thì tôi quen từ hồi ở Việt Nam. Anh không học Văn Khoa nhưng có lẽ anh vào lớp học nhiều hơn anh sinh viên Văn Khoa Đỗ Ngọc Yến. Anh ngồi học chung để lấy chứng chỉ của chị Dung. Anh tốt nghiệp bằng một lễ cưới. Một điều vui trong buổi ra mắt sách bữa đó là người điểu khiển chương trình lại chính là cô gái rượu của anh chị Điểu-Dung, cháu Y Sa.

Để sửa soạn cho buổi ra mắt sách, tôi đến quận Cam trước mấy ngày. Xuống nhà xuất bản Văn Mới ở Gardena lấy sách về, tôi tới ngay báo Người Việt. Vừa bước vào cửa, tôi đụng ngay Đỗ Ngọc Yến. Lại chìa bàn tay ra, lần

này có vẻ mạnh bạo hơn vì biết chắc tôi có sách mới.

"Sách đâu?"

"Ký vào đây chứ!"

Màn kịch bảy năm trước diễn lại y chang. Tôi ký cho anh cuốn truyện "Bên Lưng Những Con Chữ" còn tươi rói vừa lấy về.

"Ký mở hàng cho ông đấy nhé!"

Yến cười. Bảy năm là một thời gian không dài lắm. Nhưng với Yến có lẽ là một thời gian dài. Anh phải sống với căn bệnh tiểu đường ngày càng làm khó anh. Tôi hỏi sức khỏe anh. Vẫn thường! Nghe nói ông phải đi lọc máu hàng tuần phải không? Chuyện thường, bệnh nó như vậy thì phải lọc máu thôi. Hình như anh đang nói bệnh của ai chứ không phải của anh. Không phải bệnh của anh thì dài dòng làm gì cho tốn thời giờ, anh lái qua chuyện khác. Cuốn thứ mấy của ông vậy? Thứ sáu. Tốt. Làm được gì cũng đều là tốt cả. Ông cứ tiếp tục nhé! Lại xúi dại! Sao ông không chịu viết gì vậy? Anh giả lơ. À, có cái này. Anh đứng dậy. Tôi thấy dáng đi của anh có vẻ khó khăn. Nhưng cái khó khăn chỉ ở đó thôi. Nó không leo lên được cao hơn. Anh vẫn còn nguyên nụ cười bằng cặp mắt yêu đời chôn sâu vào hai mắt kính như hai đáy ly. Khi anh trở ra tôi thấy trên tay anh có một cuốn sách. Phải vậy chứ! Bạn tôi đã... phản tỉnh. Anh ngồi xuống ghế bên cạnh tôi, rút bút, viết: "Thân tặng Song Thao." Rồi một chữ ký giản dị: Yến. Chữ Y thiếu nét trông như chữ J, chữ N chỉ còn là một nét ngang hơi nhô lên một chút ở phía đuôi như một cánh chim mệt mỏi. Nhìn nét chữ nguệch ngoạc chỗ còn chỗ mất, tôi bỗng thấy thương Yến. Anh hầu như đã mất quyền điều khiển những ngón tay. Tôi nhìn Yến. Chẳng lẽ tôi rầu rầu nét mặt trong khi mặt Yến vẫn sảng khoái với nụ cười hình như không bao giờ tắt trên môi anh. Anh đưa cuốn sách cho tôi.

"Ông đọc chơi cho vui. Cũng chẳng có gì đâu!"

Hóa ra tôi lộn. Sách không phải của Yến mà là sách viết về Yến. *"Yen Do And The Story Of Nguoi Viet Daily News With Jeffrey Brody"*. Tôi mở qua cuốn sách. Yến xoay trở trên ghế có vẻ mất tự nhiên.

"Anh chàng này tới làm một cái nghiên cứu về tờ Người Việt ấy mà."

Tôi bỏ mặc anh ngồi bên cạnh, lật cuốn sách đọc cóc nhẩy qua vài trang.

"Toàn là phỏng vấn ông cả. Ông là Người Việt, Người Việt cũng là ông."

"Ông đừng nói vậy. Mình tôi thì làm chi ra hồn. Nhờ anh em bạn bè cả đấy."

Yến là vậy. Anh không muốn nói nhiều về mình. Lúc nào anh cũng muốn rút vào bóng tối. Có lẽ trong bóng tối anh mới là anh. Nếu giao cho anh chức Tổng Trưởng Thông Tin chẳng hạn, thì chắc không hiệu quả bằng để cho anh làm cố vấn tối cao của ông Tổng Trưởng!

Một năm sau, hè 2004, tôi lại tới Người Việt. Anh không có ở đó. Phạm Phú Minh bảo hồi này anh ít ra tòa báo lắm. Tôi thẫn thờ. Biết là bệnh nó đang dồn anh vào chân tường. Tôi ra về không nghĩ tới việc tới thăm anh tại nhà. Ích gì đâu! Có lẽ anh vẫn thích núp trong bóng tối. Có điều bóng tối nó đang chơi xỏ anh. Nó đang toan tính chôn vùi anh.

Về lại Montreal, tôi thấy giận mình. Sao không nhờ Phạm Phú Minh cho quá giang một cuốc xe tới với Yến? Cầm tay nhau một cái có khi cũng là một việc hay. Tôi tự giận hơn nữa khi nhận được cuốn "Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè" do Phạm Phú Minh gửi qua. Dầu sao Yến cũng cần những hơi thở ấm áp của bè bạn. Khi chúng bạn xúm nhau lại hà hơi cho Yến, tôi biết Yến đã lạnh. Anh đã nhận bệnh viện làm nhà. Căn nhà oan nghiệt của đành đoạn.

Vậy mà một buổi sáng tinh mơ, tiếng điện thoại trong nhà tôi reo một cách bất thường, giọng Hoàng Chiều Nhân bên kia đường dây vẫn làm tôi choáng váng. "Tôi đang ở trên làng Cây Phong với Đỗ Quý Toàn. Đỗ Ngọc Yến mất vào hồi bốn giờ rưỡi hôm qua rồi. Giờ Cali. Ông báo dùm cho bạn bè biết. Thứ bảy ông có rảnh lên làng với tụi tôi." Có lẽ anh em cũng cần hơi nhau vào những lúc như thế này. Bữa đó là thứ sáu, 18 tháng 8 năm 2006. Thứ bảy tôi vẫn ở nhà. Nhớ Yến. Trên mặt bàn của tôi tấm vé máy bay đi Cali vào dịp Giáng Sinh sắp tới còn nằm đó. Định thăm bạn bè. Nhất là Yến. Có những thứ mà một đời người phải đối mặt. Không lẩn tránh được.

Ngày hôm nay, ngày thân xác Yến thực sự về với đất, tôi vẫn thấy Yến cười giỡn trên Trang nhà của VNCR. *Bạn bè chỉ có giễu với nhau thì mới nói được, chứ nói với nhau mà quan trọng quá thì không nói được!*

Yến, đừng bao giờ tắt nụ cười nghe bạn!

8/2006

NGƯỜI LÀNH

HOÀNG XUÂN SƠN

Phải nói là hồi còn hoạt động ở CPS (Chương Trình Phát Triển Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường) rồi Quán Văn sau đó, tôi không có nhiều kỷ niệm mật thiết với anh Đỗ Ngọc Yến. Có chăng bạn thân thiết của tôi, ký mục gia Ngô Vương Toại, chắc hẳn đã thắt chặt mối thân tình với anh hơn qua những hoạt động sát cánh năm này qua tháng nọ. Tuy nhiên tất cả chúng tôi hầu như gặp gỡ nhau thường xuyên.

Dù không ở trong CPS như các anh Hà Tường Cát, Lê Đình Điểu, Phạm Phú Minh, Phan Văn Phùng v.v., Đỗ Ngọc Yến là *Con Người Thường Trực*. Anh sẵn sàng có mặt bất cứ lúc nào, ở đâu. Nói theo ngôn từ quân đội, Đỗ Ngọc Yến là một chiến sĩ sẵn sàng ứng chiến. Anh luôn luôn túc trực, chìa một bàn tay tương trợ cho bất kỳ một công trình, kế hoạch lớn nhỏ nào. Bởi thế, anh là người dễ thân thiện hơn các anh khác. Giữa quý vị Cát/Điểu/Minh/Phùng và bọn tôi vẫn có một khoảng cách nhỏ. Có lẽ tại cảm tính thuộc cấp, làm việc dưới quyền... khiến bọn tôi ít xáp lại gần, tuy anh em vẫn làm việc chung trong tinh thần tương kính. Phương chi các vị này chuyên trách về nội vụ, văn phòng, có một chút gì đóng khung, vào khuôn khổ hơn là các công tác bên ngoài có điều kiện gặp gỡ, tiếp xúc cởi mở hơn của anh Đỗ Ngọc Yến, hay của Trần Đại Lộc chẳng hạn.

Đỗ Ngọc Yến (DNY) là một người năng nổ (hẳn nhiên!). Ngoài ra, anh còn là một nhà thông thái. Hầu như *Cái Gì Anh Cũng Biết*, không ít thì nhiều. Và DNY sẵn sàng nhúng tay vào bất cứ lãnh vực nào: đặt vấn đề, bàn cãi, hoạch định...

Dáng người nhỏ nhắn, nụ cười hiền, tóc hơi dợn sóng, mục kỉnh dày cui, anh mang vẻ một nhà giáo chơn chất hơn là một nhà hoạt động xông xáo. Ấy vậy mà, mũi tên đã giương lên cung, cụ bị bắn đi bất cứ phương hướng nào, đúng cái nghĩa nam nhi tang-bồng-hồ-thỉ.

Như thế đó, DNY có mặt trong hầu hết các sinh hoạt thời kỳ sôi động. Thậm chí thời bạn Ngô Vương Toại và tôi đánh vật với các kỳ thi Triết Văn Khoa, anh cũng nhào vào giúp một tay: soạn bài thi, nêu câu hỏi, vấn đáp... chương trình luyện thi mạch lạc, khúc chiết không thua gì một phụ khảo bậc đại học thực sự. Chúng tôi biết ơn anh khi đã vượt qua cầu đắng cay! Lúc phong trào Du Ca nở rộ khắp nơi, biết Toại, tôi và Hoàng Xuân Giang em tôi có chút khả năng ca hát, DNY cũng đứng ra hô hào thành lập " Một Toán Du Ca Nào " góp tiếng cho có bè có bạn. Chúng tôi đã cùng nhau tập dượt nào là Túi Đàn, Đi Với Tôi, Anh Em Tôi, Đường Việt Nam v.v. hào hứng, phấn khích. Sau, dù không thành hình, đã có dạo Giang/Sơn/Toại hát chung những bài ca hùng tráng, cũng khởi từ cái ý niệm ban đầu của DNY. Đặc biệt DNY thuộc rất nhiều lời bài hát. Hỏi tới đâu, trích ra tới đó.

Như thế đó, DNY trở nên quen thuộc đến độ không ai nhớ anh từ đâu lại. *Không Cần Biết Anh Là Ai*. Anh đã tạo một huyền thoại quanh mình. Thoắt biến thoắt hiện. Mới có mặt ở CPS, đã thấy anh kề vai trong toán thanh niên sinh viên xuống đường đấu tranh. Có khi anh xuất hiện ở vị thế chính quyền yểm trợ công tác hội đoàn. Có khi đang sinh hoạt với anh chị em du ca, lại thấy anh trong ban tiếp đón phái đoàn sinh viên Việt kiều về thăm quê!

Đã có người đặt dấu hỏi: Đỗ Ngọc Yến, anh thực sự là ai? Là phe ta hay địch vận? Ở phía chính quyền hay thuộc diện đấu tranh? Rồi vẫn không biết hay không cần biết anh là ai, bởi đã có điều chung nhất: mọi người đều cảm mến anh.

Với riêng cá nhân tôi, DNY chỉ là một "Con Nhà Lành" đích thực! Anh không phải là một *perfectionniste* mang đầu óc chi li, khó khăn, bảo thủ . Mà là một nhà Hoàn Thiện có tinh thần xã hội cấp tiến, muốn làm tốt đẹp hơn bất cứ một tình huống, một sự kiện nào bắt gặp trong cái nghĩa dựng xây. Thế thôi! *Giữa đàng thấy sự bất toàn... chẳng tha !* Điều quan trọng và nổi bật hơn hết nơi con người DNY là tinh thần làm việc bất vụ lợi. Tôi nghĩ, *Tất Cả Vì Người* là triết lý sống, ở đời của DNY. Và mọi sự đã được minh chứng về sau:

DNY may mắn thoát đi từ 75, một tay gầy dựng được cơ sở truyền thông Người Việt rộng lớn. Anh đã không thủ lợi cá nhân, mà đã tự nguyện hiến cơ sở này thành một thứ công ích có thể đùm bọc việc làm, cơm áo cho bạn bè còn khốn đốn, trắng tay lúc sang được vùng đất tự do chậm trễ về sau. Đó há chẳng phải là một nghĩa cử cao đẹp, hiếm hoi *Lá lành Đùm Lá Rách* của một thiện nhân thời đại này hay sao?

Từ sau đứt phim 75, tôi chỉ được gặp lại anh DNY một lần duy nhất vào năm 1993 tại quận cam, Cali. Cũng vẫn con người nhỏ nhắn ấy. Cũng vẫn miệng cười từ tốn hiền lành ấy. Thời gian vong lưu rồi cũng cuốn hút tất cả vào vũng tối điêu tàn. Tôi đã bàng hoàng hay tin và ngậm ngùi chia tay biết bao anh em bè bạn cũ. Đã thực sự ra đi những Trần Đại Lộc, Lê Đình Điểu, Nghiêu Đề, Lê Uyên Phương, Trịnh Công Sơn... Ngô Vương Toại bạn ta vừa mới chịu những cú stroke oằn người! Và giờ đây DNY lên đường theo đoàn lữ nhạc. *Thôi giã biệt Bạn Đường ơi!*

Cầu chúc cho anh Đỗ Ngọc Yến mọi điều tốt đẹp. Như ước mơ. Ở phía một chân trời mới .

22, Aout - 06, Laval, Quebec, Canada

Yến Đi Rồi !

TRẦN TRIỆU HOÀNG

Cuối tháng Bảy 2006, Đỗ Quý Toàn về Montréal. Bạn bè hỏi thăm về sức khoẻ của Đỗ Ngọc Yến, anh cho biết Yến đã yếu lắm, hiện đang nằm ở nhà thương. Anh nói thêm «Ông ấy ra vào nhà thương thường lắm. Có khi tưởng không xong, vài hôm sau lại trở ra tỉnh táo như thường.» Tôi rất ít khi sang Cali nên rất ít dịp gặp Đỗ Ngọc Yến. Tôi chỉ biết tin tức về Yến qua các bạn khác.

Tôi biết Đỗ Ngọc Yến từ những hoạt động sinh viên khoảng nửa đầu năm 1964, nhưng ít khi trò chuyện. Tôi chỉ bắt đầu trò chuyện với Yến nhiều hơn từ sau buổi hội thảo sinh viên tại rạp Thống Nhất. Lúc đó Đỗ Ngọc Yến trong ban điều hợp chương trình hội thảo. Sau khi chấm dứt hột thảo, Yến đến gặp tôi tỏ ý tán đồng những vấn đề tôi nêu ra và góp ý về vai trò của Đại Học Văn Khoa trước những tranh chấp của các ý thức hệ ngoại lai trên đất nước mình.

Từ đó chúng tôi gặp nhau thường hơn trong một số sinh hoạt thanh niên, sinh viên. Tháng 9 năm đó tôi được bổ đi dạy học tại một tỉnh miền tây cách Saigon hơn hai trăm cây số. Khi Chương Trình Công Tác Hè 65 vừa bắt đầu thì Toàn và Yến nắm lấy tôi giao cho việc thực hiện chương trình công tác hè tại Kiên Giang. Suốt mùa hè năm 1965 ngoài những ngày đi gác thi và chấm thi phần lớn thì giờ tôi ở tỉnh để tổ chức trại công tác, ít khi về nhà. Tôi thường về Saigon trình các dự án xin tài trợ. Ở trụ sở của CTCT Hè khi thì tôi gặp Hoàng Ngọc Tuệ, khi thì gặp Phạm Phú Minh, Trần Đại Lộc,....rất ít khi gặp Yến.

Yến và tôi không có cái thân tình của bạn cùng tuổi, cùng học thời trẻ, hoặc cùng đi chơi chung. Chỉ có sự quý mến nhau do cùng có lý tưởng và nhiệt huyết. Yến nói chuyện với tôi rất bình đạm, thân tình. Còn tôi, người đối thoại, có cái cảm giác đang nói chuyện với người bạn thân thiết, hiểu mình và cởi mở. Lâu ngày gặp lại, Yến không tỏ ra vồn vã, ồn ào có tính cách xã giao mà cho ta cảm tưởng Yến vẫn giữ được cái tình thân từ thuả nào, vẫn bàn về những chuyện phải làm, sẽ làm, nên làm, như với một người vẫn chia sẻ công việc hàng ngày.

Từ ngày sống tị nạn ở Bắc Mỹ tôi chỉ gặp Đỗ Ngọc Yến có ba lần. Lần thứ nhất cách đây cũng tới mười mấy năm, Yến đến Montréal, ở nhà Đỗ Quý Toàn. Một hôm không biết vì bận gì, Toàn gọi tôi nhờ đưa Yến đi thăm thành phố Montréal. Ngồi trên xe Yến có vẻ mệt mỏi, người hơi nghiêng về một bên, tay nắm chắc cái tay nắm bên cửa. Vẫn cách nói chuyện bình đạm, không sôi nổi nhưng thân tình. Tôi đề nghị một vài nơi đáng đi thăm hoặc xuống phố. Yến tỏ ý vì mệt không muốn đi nhiều nơi, chỉ nhờ tôi đưa đến tiệm sách nào có bán sách Pháp. «Ở Mỹ không có sách Pháp, tôi muốn mua một ít sách Pháp về cho các bạn bên đó đọc.» Tôi đưa anh đến tiệm sách Renau Bray là nơi có đủ loại sách báo nhập cảng từ Pháp. Yến vào tiệm sách, mặt mày sáng rỡ không có vẻ gì mệt cả. Hỏi tôi có bận gì không. Tôi nói hôm nay dành cho ông, ông cứ tự nhiên. Thế là Yến la cà quanh các quấy văn chương, triết học... ôm ra một mớ vừa sách vừa báo. Ra cửa lại nói «Các bạn bên đó thèm đọc sách Pháp mà không có. Mua một ít về cho họ đọc. Bên này cac ông may hơn, sách Anh sách Pháp đều có cả.»

Năm 1999, tôi sang Cali. thăm Yến ở nhà thương. Yến nằm trên giường nói chuyện, tinh thần tỉnh táo. Sau vài lời thăm hỏi thông thường Yến không nói gì nhiều về bệnh trạng của mình chỉ hỏi thăm về sinh hoạt của anh em văn nghệ ở Montréal. Câu chuyện loanh quanh dẫn đến tin cụ Nguyễn Đăng Thục mới mất, Yến tỏ ý muốn làm một cái gì đó vào ngày giỗ đầu của cụ, yêu cầu tôi kiếm tài liệu viết về sự nghiệp của cụ Thục. Năm sau, tôi lại đến Cali. tới thăm Yến tại nhà. Yến mới đi lọc máu về, vui vẻ tiếp khách từ xa đến thăm, nhưng không giấu được vẻ mệt mỏi. Từ đó tới nay đã sáu năm không có dịp gặp lại nữa. Thỉnh thoảng chỉ nghe tin về tình trạng sức khoẻ suy sụp của Yến mà thôi.

Về đến Montreal, hôm sau Toàn lên chùa Làng Cây Phong, dự trù sẽ ở đó cho đến giữa tháng Chín. Chiều 16.8 Toàn nói với tôi là nhận được Email ở nhà cho biết bệnh tình Yến đã hết hy vọng. Khoảng tám giờ rưỡi tối ngày 17.8 có điện thoại reo. Toàn bắt diện thoại, nghe xong, nói với tôi «Yến đi rồi.» Mặc dầu đã có chuẩn bị tâm lý tôi cũng không khỏi bàng hoàng, xúc động. «Các cháu có về kịp không.» «Hai đứa ở xa không về kịp. Cháu Bảo Anh lúc nào cũng ở gần bố, chăm sóc cho bố. Nó thương bố nó lắm.» Nói xong Toàn bỏ

(tiếp theo trang 66)

Đỗ Ngọc Yến, người vui với đời

NGUYỄN HIỀN (Hòa Lan)

Có những người cả đời gắn liền với sự làm việc. Với họ, làm việc là một thứ 'hobby'. Nói đúng hơn, họ coi 'làm việc' như một lẽ sống. Như hơi thở, như một sự đương nhiên trời đất đã ban cho. Trong số này, một phần lớn làm việc cả đời, nhiều khi đầu tắt mặt tối, nhưng khi hết đời, nhìn lại, kết quả thu lượm được chỉ hạn hẹp trong vòng cá nhân, gia đình. Hàng triệu triệu nông dân ở Phi châu, ở Nam Mỹ, ở Á châu (kể cả Việt Nam)... đã, đang và sẽ còn tiếp tục con đường này. Một số ít hơn, sự ham làm việc còn mang thêm một mục đích (chính hoặc phụ) là tạo cho họ một vị trí xã hội hay một quyền lực của riêng cá nhân hay của một phe nhóm. Điển hình là 'một số' quan chức hay 'một số' các vị lãnh đạo quốc gia. Nhưng có một số người — rất ít — làm việc liên tục mà dường như chẳng bao giờ quan tâm tới chuyện 'ta sẽ được gì khi làm chuyện ấy'. Các vị chân tu được nhiều người nêu ra như một thí dụ cho những người này.

Thế nhưng, tu sĩ là những vị được người đời kính nể. Hơn nữa, con đường phụng sự đời sống tâm linh không bao giờ được coi là một nghề. Khác với nghề báo. 'Nghề' làm báo là một trong những nghề bạc bẽo nhất. Làm báo giữa một chợ 'mũ sắt' lẫn lộn với 'mũ cối' không phải là một 'nghề báo' nữa mà là 'nghiệp báo' (hiểu theo nghĩa nào cũng được). Điều khiển một tờ báo trong bối cảnh này mà vẫn giữ được một vị trí độc lập chắc chắn phải cần một sự đam mê tột bực. Đam mê với 'nghề báo', sống chết với nó, chắc hẳn trong huyết quản của các vị ấy có nhiều chất mực hơn chất máu.

Đỗ Ngọc Yến là một trong những người này. Đặc biệt hơn, Đỗ Ngọc Yến còn là một nhân vật mà cả hai bên, yêu và ghét, đều khó mà giận được.

Bởi vì, ở Đỗ Ngọc Yến, đam mê nghề báo còn được bội sinh bằng niềm vui được giao tiếp với mọi người, và một sự xả thân vì mọi người. Ở Đỗ Ngọc Yến, có lẽ đã có sự hội tụ của ba yếu tố: bản chất con người Đỗ Ngọc Yến, tinh thần 'một ngày Hướng Đạo, một đời Hướng Đạo' và tinh thần Du ca 'nhân ái, cộng đồng', trẻ mãi trong tâm hồn.

Tôi nghĩ ngoài ba yếu tố này cũng còn một yếu tố khác không kém phần quan trọng: đó là sự hỗ trợ tinh thần của một người đã chia xẻ những thăng trầm, thành bại với Đỗ Ngọc Yến cho đến ngày cuối cùng.

Và có lẽ đó là niềm vui nhất và hãnh diện nhất của một người suốt một đời 'ăn cơm nhà vác ngà voi', để cuối cùng thong dong đi vào cõi khác, không vướng víu hành trang.

Yến đi rồi (tiếp theo trang 65)

đi ra ngoài. Chắc là không muốn bộc lộ xúc cảm mạnh trước mặt tôi.

Tôi ngồi lại trong phòng ăn. Nhìn lên tường bắt gặp hai câu viết bằng bút lộng trên giấy: *Trời còn để có hôm nay. Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.* Ngày nào cũng thấy, nhưng hôm nay đọc hai câu này tôi bỗng bồi hồi, xao xuyến lạ. Lát sau Toàn trở vào, đã bình tĩnh hơn. Chúng tôi ngồi nói chuyện về Đỗ Ngọc Yến và báo Người Việt. Kể những kỷ niệm với Yến. Nói về những đức tính và đam mê của Yến nhờ đó quy tụ nhiều anh em hợp tác làm cho tờ Người Việt lớn mạnh. Tôi đặt câu hỏi nếu không có cuộc di tản đến Mỹ, liệu ở trong nước như thời trước 75 thì Yến có làm được tờ Người Việt như ngày nay không. Toàn đáp chắc là không được. Chính Yến cũng nói tờ Người Việt phát triển được nhờ có tự do báo chí. Ở trong nước dù không làm được như tờ Người Việt thì hẳn cũng sẽ thành một ông chủ báo. Yến mê làm báo lắm. Ngoài tài năng đức độ, tự do ngôn luận vẫn là điều kiện cần thiết.

Chiều thứ bẩy 18.8 Thọ Trường đến Làng Cây Phong chơi và nấu bữa ăn chiều cho chúng tôi. Tối đó Toàn và Thọ Trường gây lửa ngoài trời tuy trời bắt đầu mưa. Chúng tôi cùng mặc áo mưa ngồi quanh ngọn lửa. Chúng tôi cùng im lặng ngồi nhìn lửa cháy. Mưa mỗi lúc một nặng hạt. Tôi nghe tiếng mưa rơi và tiếng lửa lách tách hoà với nhau một cách nhịp nhàng. Thân củi cháy thật đượm. Mưa làm ướt đất chung quanh nhưng không làm tắt lửa. Tôi nghĩ đến «lửa» trong con người Yến trong lý tưởng phục vụ, tình yêu quê hương và đam mê làm báo. Yến đã khơi được ngọn lửa nơi bạn bè và những người cộng sự. Và ngọn lửa ấy chắc cũng không tàn trong lòng chị Lã Phương Loan và các con của anh Yến.

Montréal 24/8/06

TẠM BIỆT ĐỖ NGỌC YẾN

KIỀU CHINH

Từ trái: Lã Phương Loan, Nhã Ca, Đỗ Ngọc Yến, Kiều Chinh

Chúng ta đều biết anh Yến đau từ lâu.

Nhưng vẫn không khỏi sửng sốt, nhức nhối khi nghe tin anh ra đi.

Những năm gần đây, nhà thương, phòng cấp cứu, là nơi anh Yến phải thường trực hàng tuần, hàng ngày.

Hút máu ra... Bơm máu vào... Dây nhợ, Mổ, Cắt, Cưa, Đục... Biết bao đau đớn. Vậy mà anh vẫn lặng lẽ nuốt xuống, nuốt xuống. Vẫn điềm đạm, vui cười. Vì anh muốn mọi người yên tâm là anh vẫn có mặt, vẫn gắn bó với gia đình, bạn hữu, công việc, lý tưởng...

Đỗ Ngọc Yến là người thừa sức mạnh tinh thần.

Chính với sức mạnh ấy, anh đã vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, để có được sự nghiệp thành công như hôm nay. Chẳng phải chỉ thành công trong sự nghiệp, mà anh còn là một tấm gương sống, một tấm lòng được mọi người trân trọng, tin cậy.

Đỗ Ngọc Yến là một hãnh diện chung của chúng ta.

Chúng ta muốn anh ở lại với chúng ta lâu hơn.

Chị Loan, các cháu Bảo Anh, Châu Dao, Tùng, Lin, tất cả đều đã cố gắng níu kéo anh ở lại.

Tất cả đều tận lực nhưng đã không thắng nổi bạo bệnh và số mạng.

Anh Yến ra đi. Gia đình thiếu anh. Bạn hữu thiếu anh. Đường Moran thiếu anh.

Thật là một mất mát lớn.

Hôm nay, chúng ta họp mặt tưởng nhớ anh.

Giờ phút này, có thể linh hồn Đỗ Ngọc Yến đang ở bên chúng ta.

Yến ơi, anh biết mọi người thương tiếc anh.

Đỗ Ngọc Yến đã ra đi.

Không. Theo cách nói trong kinh Phật , kinh Chúa, có thể là anh đang trở về.

Nơi anh sắp về tới là một cõi vĩnh hằng. Ở cõi đó, có các anh Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Hoài Bắc, Mai Thảo, Nguyên Sa, Lê Đình Điểu, Ngô Mạnh Thu... và nhiều bằng hữu khác chào đón anh.

Tạm biệt Đỗ Ngọc Yến,

Nguyện cầu anh lên đường thật nhẹ nhàng, thanh thoát.

Hẹn sẽ gặp lại.

KÝ ỨC VỀ BỐ TÔI SẼ Ở MÃI TRONG TÔI

ĐỖ BẢO ANH
Chuyển ngữ: THIỆN GIAO

Ký ức của tôi về bố tôi, không nhiều nhưng mãnh liệt và đầy chất thơ. Sức mạnh của ký ức ấy, vừa đơn sơ vừa bao la, cho tôi biết, tôi yêu bố tôi biết nhường nào!

Bố tôi là con trai giữa của một gia đình năm anh chị em. Ông chào đời, trưởng thành, và chợt nhận ra mình giữa trung tâm cuộc sống, cuộc sống cộng đồng và cuộc sống kiến thức. Sài Gòn của những ngày xa xưa, bố tôi bị tách rời khỏi môi trường kiến thức vì những tham gia hoạt động thanh niên, làm báo trường, và in lén những tờ truyền đơn vận động cho một Việt Nam tự do, độc lập khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp.

Ở tuổi 20, ông tham gia và tổ chức biểu tình, và khi chiến tranh Việt Nam đi vào giai đoạn khốc liệt, ông trở thành phóng viên chiến trường, đưa tin về cuộc chiến, nghiên cứu những vấn đề kinh tế và xã hội của một đất nước đang ngập trong chiến tranh. Cùng tham gia đưa tin về những trận chiến cuối cùng của cuộc chiến Việt Nam, ông tranh luận say mê cùng đồng nghiệp về tương lai của đất nước, và về kết cục của cuộc chiến. Tháng Tư, 1975, Sài Gòn, thành phố thân yêu của bố, thất thủ. Bố tôi, mẹ tôi, tôi và các em tôi cùng ra đi, hướng về nước Mỹ.

Chúng tôi trưởng thành giữa những khuôn mặt dày dạn của thế hệ đi trước, mùi thuốc píp thơm nồng, những mẩu đối thoại, mạn đàm, và chứng kiến sự ra đời bi hùng của một cộng đồng còn non trẻ. Ngày ấy, Little Saigon chỉ mới bắt đầu; những doanh nghiệp nhỏ nằm lẻ loi đây đó. Thế rồi, giữa thập niên 1980, cộng đồng ấy bắt đầu phát triển, khắc họa thành công những kinh nghiệm di dân trong xã hội mới. Những di dân mới toanh gắn bó với nhau, và cùng nhau, gắn bó với đất nước đang cưu mang mình.

Từ cộng đồng ấy, từ hoàn cảnh ấy, Nhật Báo Người Việt ra đời, trưởng thành và trở thành tờ báo tiếng Việt lớn nhất tại Hoa Kỳ.

Cuộc sống của bố trở nên bận rộn! Những cú điện thoại lúc sáu giờ sáng, từ mọi ngõ ngách của cuộc sống. Những nhạc sĩ, nhà văn, ca sĩ... gọi điện thoại cho bố, bất cứ lúc nào, để vấn kế ông. Đối với bố, những khó khăn của bạn là khó khăn của chính mình; công việc của bạn cũng là công việc của chính mình. Bất cứ lúc nào, nhận được điện thoại là bố leo lên chiếc xe cũ kỹ, phóng đến nhà bạn. Đôi khi, bạn đến tận nhà, nói chuyện cùng nhau trên những chiếc sô pha cũ kỹ, nằm lọt thỏm giữa ngổn ngang sách vở.

Sách, sách, sách ở mọi nơi. Sách ở đâu mà nhiều thế. Hàng ngàn cuốn sách được đọc đi đọc lại, được lưu trữ trong thư viện gia đình. Bố yêu sách và đọc đủ mọi đề tài. Bố yêu thích chính trị, và bố cũng yêu thích nghệ thuật. Trong nhiều năm liền, chẳng một đĩa nhạc nào có thể thoát khỏi tay bố.

Tất cả những gì bố tìm đọc đều có thể trở thành chất liệu đi vào báo chí; từ các dự án PTA cho đến hệ thống đánh số sách lưu trữ trong thư viện. Bố làm tất cả mọi việc trong tờ báo; viết, hiệu đính, bán quảng cáo... Trong khi ấy, mẹ tôi gánh vác công việc nội trợ của một gia đình sáu người, từ nấu nướng, khâu vá, đến việc đưa đón mấy chị em chúng tôi, và cả những người bạn của bố. Bố mở rộng vòng tay cho tất cả mọi người, những người độc thân, những người đã có gia đình... Tất cả đến căn hộ chật hẹp của gia đình tôi; những người bạn của bố đang cố để dành chút tiền lương ít ỏi để bảo lãnh người thân sang đến bến bờ tự do.

Rồi gia đình tôi dọn đến thành phố Garden Grove. Mọi chuyện vẫn như thế, không bao giờ thay đổi. Những người bạn của bố, những người đang gặp khó khăn, cũng vẫn tiếp tục đến. Bố tặng chiếc xe thứ nhì của gia đình cho bạn; bố lấy tiền gia đình dành dụm để mua giường cho

Bảo Anh tiễn biệt Bố

bạn nằm, tặng vé đi chơi Disneyland, và dĩ nhiên, rất nhiều sách. Bố khuyến khích mọi người đọc sách, làm thiện nguyện, tham gia bầu cử, và trên hết, hãy làm việc cật lực.

Bố dạy chúng tôi rằng, trong cuộc sống, những thứ quý giá nhất không phải là vật chất, tiền tài, mà là chữ nghĩa, tinh thần, sự mẫn cảm và năng lực làm việc. Mỗi tuần, bố dắt chúng tôi đến thư viện, giảng nghĩa cho chúng tôi nhạc điệu của thơ, rồi buổi chiều cả gia đình trở về nhà, bố sẽ chơi piano cho mọi người nghe. Bố vui tính làm sao. Bố đi hết quận này đến quận khác để xem "show" mới, và cũng để ăn trưa cùng bạn bè.

Bạn của bố cho tôi biết bố chẳng bao giờ dùng một chữ nặng nề nào để nói về đồng nghiệp của mình. Sau nhiều năm xa cách, khi gặp lại bạn bè, bao giờ cũng vậy, bố gọi tên bạn mình một cách chính xác, nhắc lại chính xác thời điểm gặp nhau sau cùng, nhắc lại chính xác bạn mình, vào lúc ấy, mặc đồ màu gì, ăn thức ăn gì...

Bố có biệt tài đọc bản đồ; chỉ một lần mở bản đồ, bố sẽ nhớ như in đường đi. Bố không quan niệm thế giới là một tổng thể của nhiều quốc gia; mà là một sự va chạm của cá tính, tranh giành quyền lực và thống trị. Chẳng hề gì! Bố đọc ngấu nghiến mọi thứ, từ Magellan đến "The Making of a President," đến Mandela.

Bố thích đọc hồi ký, tự truyện, tôn giáo, thư nội bộ, và cả các fliers... Bố muốn biết khi nào hội đồng thành phố họp hàng tháng, khi nào tiểu bang sẽ ra luật này, luật nọ. Bố tin rằng chẳng bao giờ bố có đủ thời gian để học hỏi.

Luôn luôn, mỗi khi giặt đồ của bố, tôi không bao giờ quên lục túi của bố, lấy ra hàng đống giấy, những mảnh khăn giấy điền đầy số điện thoại hoặc những ghi chú. Chúng tôi dành dụm tiền mua cho bố những bộ đồ ấm, nghiêm chỉnh để bố tham dự các buổi lễ lạt. Nhưng bao giờ cũng vậy, chẳng bao lâu sau khi bố mặc lần đầu, tôi lại thấy các bạn của bố đang mặc. Chẳng lẩn vào đâu, những chiếc áo ấy có đính ký hiệu của bố: DNY. Bố cười: "Họ cần hơn bố, con ạ!"

Khi hình thức bên ngoài được cởi bỏ, bố nói với tôi, lúc ấy 'nét đẹp nội tâm sẽ được tiết lộ.'

Tôi viết bài viết này cho bố, thật đau lòng phải dùng thì quá khứ. Bố tôi vẫn hiện diện đâu đây, trên màn ảnh computer của tôi, chiếm ngự tâm trí tôi, đôi mắt bố thật sáng, giọng bố thật nhẹ, bắt đầu kể cho tôi nghe một câu chuyện mới. Những điều bố dạy bảo tôi vẫn còn đây thôi, trong ký ức tôi.

Cuối cùng, điều khiến tôi hạnh phúc nhất, đó là tôi là con của bố!

Mãi mãi tuổi thanh xuân

THIỆN GIAO

Một ngày nọ, một thanh niên đen đủi, hốc hác, trông "bụi đời," đi thẳng vào tòa soạn Người Việt, xin gặp thẳng ông Tổng Giám Đốc Đỗ Ngọc Yến. Mọi người ngạc nhiên, bối rối. Ông "Tổng Giám Đốc Đỗ Ngọc Yến" xuất hiện: "Để tôi lo vụ này!" Rồi, trong căn phòng riêng, ông ngồi đối diện người thanh niên, nói chuyện thật lâu.

Người thanh niên ra đi. Ít hôm sau trở lại. Cũng xin gặp trực tiếp ông Tổng Giám Đốc Đỗ Ngọc Yến. Nói chuyện, rồi lại ra đi.

Tôi hỏi chuyện người thanh niên.

"Anh quen với bác Yến?"

"Em đến xin tiền."

"Sao lại xin bác Yến."

"Em mới đi tù về. Hồi trước, khi chưa vào tù, bác Yến vẫn hay cho tiền nên em biết bác."

Có lẽ, những lần xuất hiện bất ngờ của người này, người nọ, xin giúp đỡ điều này, điều kia, vẫn thường xảy ra tại báo Người Việt. Bác Yến chẳng bao giờ từ chối; nên người ta vẫn cứ tiếp tục đến. Bác giúp tự nhiên, như một trách nhiệm. Và vì vậy, bác cho, nhưng không tạo mặc cảm "mắc nợ" nơi người nhận. Bác Yến giúp người, chẳng yêu cầu, và cũng chẳng chờ đợi sự hồi đáp.

Không chỉ cho tiền, bác Yến cho cả những lời khuyên; chân thành và chân tình.

Tôi đi học, đang làm luận án ra trường. Bác hỏi tôi làm đề tài gì và đã làm đến đâu. Bẵng đi ít tháng, bác từ bệnh viện về. Gặp tôi, bác cười thật tươi: "A, cậu Giao, làm luận án đến đâu rồi. Tôi nghĩ, đề tài ấy nên như thế này, như thế này..." Tôi ngạc nhiên. Bác nhớ chính xác câu chuyện của mấy tháng trước. Và hôm nay, câu chuyện ấy được mở rộng, phân tích sâu hơn.

Đến thăm bác Yến vào những tháng cuối cùng trước khi mất, hỏi về bệnh tình, bác cười: "Cũng vậy vậy!" Bỗng nhiên, bác xoay sang Khôi Nguyên, một biên tập viên Người Việt: "Hồi trẻ, ăn uống bậy bạ. Đôi khi làm việc hai ba ngày không ngủ. Bây giờ là lúc trả giá. Mấy đứa biết tại sao không?" Rồi bác tự trả lời: "Tại ngày xưa mình ít kiến thức, không biết giữ sức khỏe. Bây giờ mấy đứa làm báo, cần phải làm một mục sức khỏe thường thức. Viết những điều căn bản thôi, nhưng cần thiết, cho cộng đồng mình đọc."

Bác Yến nhớ cả những câu chuyện của mười mấy năm trước! Một ngày nọ, hai phụ nữ, khoảng ngoài 30, ghé đến Người Việt tìm bác Yến. Hỏi ra, mới biết là hai giáo sư đại học; Tiến Sĩ Gina Masequesmay và Tiến Sĩ Karin Aguilar San Juan. Nhẹ nhàng, đầy kính trọng, cả hai giáo sư ân cần cầm tay bác, thăm hỏi bệnh tình. Trông bác Yến vui hẳn lên. Hướng về Giáo Sư Masequesmay, bác Yến kể: "Cô bé này, mười mấy năm trước, còn là một học sinh lớp 12. Tôi còn nhớ lúc cô ghé Người Việt. Tôi hỏi sau này muốn học gì. Cô bé trả lời tỉnh bơ 'học tiến sĩ'." Rồi bác cười thật lớn, khuôn mặt trông đầy tự hào về hai người khách trẻ. Nhà báo Jeffrey Brody viết rằng: "Ông Yến cực kỳ hãnh diện về những nhóm sinh viên Việt Nam thuộc thế hệ thứ hai đến Người Việt để học về lịch sử, văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam." Trước sự ra đi của bác Yến, Giáo Sư Masequesmay tâm sự: "Ông là một trong những tâm hồn đẹp nhất mà tôi từng gặp. Ông là niềm cảm hứng; và ông khiến tôi hãnh diện làm người Việt Nam."

Bác Yến không bao giờ thăm hỏi chỉ để xã giao. Trong sự thăm hỏi, có cả tấm chân tình, khiến người đối diện cảm thấy thân mật, dễ chịu và tin cậy. Bác quan hệ với tất cả mọi người. "Chơi" với tất cả mọi người. Đối với bác, quan hệ giữa cá nhân với cá nhân là một thuộc tính quan trọng của xã hội. Thuộc tính ấy cần thiết cho xã hội như con người cần không khí để thở, để sống.

Bác Yến "chơi," và có khuynh hướng chơi "ngang cơ" với những người khác. Một nhân viên Người Việt phát biểu: "Trông bác giống Godfather, mà sao chẳng có cảm giác e dè." Đơn giản, bác chẳng bao giờ đẩy cảm giác e dè về người đối diện. Mỗi lần gặp, dù thân hay sơ, đối với bác, cũng là một lần gặp hoàn toàn mới. Bất cứ ai cũng có thể tranh luận với bác. Bác sẵn sàng tranh luận, và tôn trọng tinh thần tranh luận. Đơn giản vì bác tôn trọng người đang đối thoại với mình.

Những bạn hữu, đồng nghiệp lâu năm của bác hay kể về bác với nhiều huyền thoại. Thế hệ đi sau, những người mới biết bác sau này, lại thấy hình ảnh bác Yến trong những điều đơn sơ hơn, gần gũi hơn; đầy nhân bản.

Cuộc sống chẳng có điều gì vĩ đại. Một nhân cách lớn là một nhân cách hành xử đẹp ở những điều nhỏ nhất. Tự nhiên thôi. Trong tang lễ bác, người ta thấy, và thấy rất nhiều, những khuôn mặt lam lũ... Họ đến viếng bác lần cuối, như viếng một người bạn, và để tiễn đưa người bạn rất thân ấy đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Từ Việt Nam, trong một tu viện ở Đồng Nai, một chủng sinh gởi email cho Người Việt ngỏ lòng "cầu nguyện cho Remi Đỗ Ngọc Yến trong thời khắc tổ chức Thánh Lễ An Táng tại Hoa Kỳ."

Đối với bác Yến, cuộc đời này rất đẹp. Chắc hẳn con người ấy đã sống một cuộc đời viên mãn. Ông được sinh ra để yêu cuộc đời này, và để sống hết mình với cuộc sống này. Hơn 65 năm, gần 25,000 ngày, chẳng hề gì, cuộc sống của con người này không được dùng để đếm bao nhiêu đêm hay bao nhiêu ngày. Cả cuộc sống ông là một Mùa Xuân.

TÔI GỌI ÔNG LÀ THẦY

TRUNG ĐỖ

Tháng Tư 2003, vừa đến Mỹ định cư, tay trắng, lo lắng hoang mang. Hôn thê bảo lãnh cho tôi thì còn đi học trên Los Angeles. Tôi một thân một mình đi dọc theo đường Westminster, ra tới Target mua cuốn bản đồ. Tôi biết là trước khi có bằng lái và có xe, tôi sẽ đi bộ nhiều lắm.

Tôi ham đọc báo. Bấy giờ tôi chỉ biết báo Người Việt ở Mỹ là báo tiếng Việt dày nhất, đọc lâu hết nhất.

Tháng Năm 2003, ba tuần sau khi qua Mỹ, cơ duyên tình cờ đưa bước chân tôi vào Người Việt. Sau ba ngày thử việc, tôi được cho làm thử trong bốn tháng trước khi vào "biên chế."

Khai giấy tờ họ "Đỗ", người ta cho tôi biết công ty có nhiều người họ Đỗ. Mấy người cứ dòm tôi lom lom rồi nhìn nhau, tôi đoan rằng họ nghi tôi, thằng con "ngoài luồng" của ông Đỗ nào đó trong công ty.

Tôi trùng họ với ông Đỗ Ngọc Yến.

Tôi có ý dòm chừng coi phòng làm việc của ông Yến chỗ nào. Chịu. Cả năm sau đó, tôi chỉ thấy ông Yến đi từ phòng này sang phòng khác, bàn bạc, bông đùa với mọi người, không thấy "ông chủ nhiệm" có phòng làm việc riêng, có computer riêng như các manager.

Mới vào làm, tôi e dè tất cả mọi người, trừ ông Yến.

Ngay trong khoảng thời gian đầu, ông làm cho tôi ngờ ngợ cảm giác gặp lại một "bố già" trong truyện "The Godfather" của Mariopuzzo.

Tôi nghĩ ông là người quyền lực nhất tòa báo, mà sao tôi chẳng thấy e dè ông. Thời gian đầu tôi nhiều sơ sót, nhưng ông chỉ cười đùa, trấn an và bênh vực tôi.

Tôi chưa biết chưa hiểu ông Yến là người cỡ nào ở cái cộng đồng tỵ nạn này, tôi chỉ thấy ông khôi hài quá cỡ và cái gì ông cũng biết.

Cái gì chứ khôi hài là tôi ưa thích, nhưng ông cũng làm tôi phục lăn những khi tôi hỏi về đề tài gì nghiêm túc, ông cũng giảng giải tận tình như một giáo sư chuyên môn.

Có lần tôi hỏi bâng quơ về một thuật ngữ rất ít người biết trong lãnh vực âm nhạc, định bắt bí ông chơi, chẳng dè ông dành thì giờ giải thích kỹ cho tôi, tôi mới biết là điều mình hiểu trước đây chỉ là tình cờ, chưa thấu đáo.

Có lần thấy ông mệt, lảo đảo vịn tường mà thở, tôi có ý ái ngại lo lắng cho ông, ông xua tay, cười: "Không có sao, chắc tại Trái Đất nó quay."

Ngay một nhân viên nhỏ tuổi, tép riu như tôi cũng tìm được nhiều sự thú vị, lạc quan nơi ông.

Tôi chỉ vẫn gọi ông là bác, bác Yến.

Một thời gian rất ngắn sau đó...

Tôi bị sưng gân chân, đau lắm, không biết làm sao, chỉ ráng lết. Từ cha sinh mẹ đẻ tới giờ chưa thấy bị như vậy nên rất sợ. Tôi mới ở Việt Nam qua, trắng tay, bảo hiểm lại chưa có (vì đang thử việc). Thấy tôi lo sợ, ông Yến hứa đích thân cho tôi đi bác sĩ...

Một thời gian sau tôi biết ông Yến hay giúp đỡ nhiều người khác, nhất là những người thấp kém, cô thân cô thế, khó khăn như tôi. Ông Yến không tính toán thiệt hơn hay do dự mà lại luôn thích giúp đời, giúp người, như một lẽ tự nhiên nơi con người của ông.

Ông Yến hồn nhiên, lạc quan nhưng rất tế nhị và chu đáo. Tế nhị không theo cái cách nghệ thuật xã giao thiên hạ tầm thường, nhưng là xuất phát từ con tim yêu thương người khác hơn chính bản thân. Hai tuần trước khi tôi lo đám cưới thì có mấy lần ông lượn lờ gần tôi, giễu tôi về chuyện "cậu này chỉ còn hai tuần tự do..." rồi ông cười khoái trá... Nhưng đôi mắt cận nặng của ông tinh anh đủ để nhận thấy tôi cười hơi méo hay sao đó. Có lẽ ông đã đoán được trong lòng tôi có chút âu lo băn khoăn về tiền bạc. Sau hôm đi lọc máu về, ông Yến lả người, gục ngay trên bàn, nhưng ngay khi ông tỉnh lại, ông kịp chìa cho tôi mảnh giấy: ký cho cậu nghỉ đám cưới một tuần, không trừ ngày phép, vẫn ăn lương như đi làm.

Đó là món quà cưới ông dành cho tôi với tấm lòng một người cha.

Tôi xưng hô gọi ông Yến là thầy. Ông là người thầy về lòng nhân, về cách làm người, về cuộc đời. Tôi không còn gọi ông là "bác" nữa.

Còn bây giờ, ông đang tươi cười, các thiên thần đang nâng ông lên với Chúa, vì ông thật là xứng đáng.

Cái Chết Trong Ca Khúc Phạm Duy

PHẠM XUÂN ĐÀI

Trong buổi lễ tưởng niệm Đỗ Ngọc Yến vào tối ngày 23 tháng Tám 2006 tại phòng sinh hoạt Lê Đình Điểu của báo Người Việt, Bích Liên với giọng cao vút trong phong cách opéra, đã hát những lời này:

1.

Hồn xuân vừa tàn hơi
Hay nắng ấm lung linh qua đời
Hay gió tuyết mưa sa bay ngang trời
Người yêu dù xa xôi
Xin nhớ tới quê hương u hoài
Trong giá rét đêm đông đang trông vời

Một lần người đưa tiễn nhau
Như vẫn cầu lời hứa năm nào
Đằm thắm cho vui lòng nhau
Một lần người xa cách nhau
Trái tim sầu còn vẫn tươi mầu
Vì đó... không ai quên đâu...

2.

Người đi về mai sau
Nghe khóc lóc xe tang đưa sầu
Nghe bóng xế khăn sô bay ngang đầu
Người đi vào không gian
Nghe nhớ tiếc đau thương vô vàn
Nghe tiếng hát êm êm ru linh hồn

Người về dần trong cõi mồ
Như lúc nào vừa mới ra đời
Chào đón xuân tươi ngày mới
Cuộc đời từ trong chiếc nôi
Đã quay về cùng với gió bụi
Về chốn không tên, xa xôi...

Bài hát nói về cái chết, Phạm Duy dựa vào điệu nhạc Chanson de Solvejg viết lời lâu rồi, đã trên nửa thế kỷ, ít người biết, nhưng chạm sâu xa đến một vùng mà không mấy người có khả năng nói tới. Phạm Duy là một nhạc sĩ hiếm hoi nhiều lần nói về cái chết, và Khúc Ca Ly Biệt trên đây là bài hát hoàn toàn về sự biệt ly của chết chóc, một cách toàn diện, trong không gian, trong thời gian, trong thân phận kẻ lìa trần cũng như trong lòng người ở lại.

Phạm Duy là một nhạc sĩ sáng tác mãnh liệt về khắp các mặt của cuộc đời, nhưng lại luôn luôn nhắc đến cái chết, tuồng như ông thấy chết cũng là một hình thái biểu hiện sự sống. Ngay từ khi còn rất trẻ, trong khi say sưa viết lên cái khí thế bừng bừng đánh quân ngoại xâm giữa thời điểm 1945, ông cũng đã mường tượng đến sự chết rồi. Ông vừa viết xong bài Xuất Quân lẫm liệt *Ngày bão hùng binh tiến lên* thì đã nghĩ ngay đến hình ảnh ma quái của những Chiến Sĩ Vô Danh

Mờ trong bóng chiều
Một đoàn quân thấp thoáng

Quân này là quân ma, họ đã ra đi chiến đấu và đã ra người thiên cổ, ông dùng ngay hình ảnh ấy để lay động lòng người đang đứng trước cuộc chiến giữ nước

Ra biên khu trong một chiều sương âm u
Âm thầm chen khói mù
Bao oan khiên đang về đây hú với gió
Là hồn người Nam nhớ thù.

Một thanh niên đang ở độ tuổi ngoài hai mươi, mang bầu máu nóng phụng sự cho đất nước mà đã sớm nhìn ra những hình ảnh của "cõi bên kia" như thế thì cũng là chuyện lạ. Bài Nợ Máu Xương lại càng lạ hơn nữa, vừa hiện thực vừa siêu thực, tả toàn cảnh chết chóc vì chém giết

Ai nghe không sa trường lên tiếng hú?
Tiếng lầm than, những tiếng người đời quên.
Đi lang thang tiếng cười vang tiếng hú
Xác không đầu nào kia?

Nghe phảng phất như *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du! Phải chăng linh cảm mẫn nhuệ của một nghệ sĩ lớn đã khiến Phạm Duy nhìn thấy trước cảnh chiến tranh tàn phá kinh hoàng trên đất được Việt Nam suốt ba mươi năm sắp tới, dù thời điểm viết Nợ Xương Máu là vào năm 1946, trước khi toàn quốc kháng chiến với Pháp. Ông đã dùng những hình ảnh cổ điển của thi ca thời đó để vẽ nên sự chết chóc, nhưng bản chất của tấn thảm kịch chiến tranh thì thời nào cũng thế

Lá rụng tơi bời
Đoàn quân tiến qua làng.
Từng thanh kiếm đứt ngang,

Từng lớp áo rách mướp,
Từng cánh tay rụng rời!
Qua làn mây trắng
Đoàn quân tiến về trời
Ầm rung tiếng sa trường...

Tiếng ầm rung chết chóc đó còn vang mãi trong lòng người không biết bao nhiêu thế hệ nữa khi họ có dịp ôn lại những trang sử xưa, không phải những trang chính sử ghi lại một cách vô cảm các biến cố, mà là những trang sử như của Phạm Duy viết khi "đoàn quân tiến qua làng" với những chiếc áo rách mướp, những thanh kiếm gãy ngang, những cánh tay không còn nguyên vẹn... và nói rõ họ đang "tiến về trời." Lịch sử một dân tộc không thể không ghi những trang như thế, cũng như mấy năm về sau khi sáng tác ông đã đóng vai một ký giả chiến tranh tả thực cái cảnh dã man rùng rợn "quân thù đã bắt được con đem ra giữa chợ cắt đầu" từ một thảm cảnh của làng Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Hoặc một cách gián tiếp, chỉ dùng một số hình ảnh ước lệ, nhưng hiệu quả gợi cảm thương về sự chết chóc vẫn lớn:

Phạm Duy

Người đi không về
Chắc rằng có người nhớ
Hương khói chiêu hồn
Hiu hắt những chiều trận vong.
(Đường Ra Biên Ải)

Một số năm về sau ông rời khỏi các ám ảnh chiến tranh, đề tài sáng tác càng phong phú, nhưng cái chết vẫn không rời ông. Ông đã viết về việc sáng tác của ông vào khoảng đầu thập niên 1960: "Đối với tôi chỉ có ba điều quan trọng: Tình Yêu, Sự Đau Khổ và Cái Chết." Nhưng cái chết vào thời điểm này đã được trừu tượng hóa thành một loại tư tưởng, không còn cụ thể có khi đầy ghê rợn như trong thời kháng chiến Pháp. Như về bài Đường Chiều Lá Rụng, tác giả đã tâm sự như thế này: "Lúc này tôi đang yêu đời lắm, nhưng tôi vẫn nói tới cái chết, chẳng hạn, qua những kiếp lá trong đường chiều. Lá đang như những chiếc thuyền rung rinh trong ngọn gió, bỗng nghe đất gọi về, lá rơi xuống đất để trở thành những ngôi mộ úa trên con đường chiều, nơi đó có tôi và người yêu đang đi trong cuộc tình."

Lá vàng bay! Lá vàng bay!
Như dĩ vãng gầy, tóc buông dài, bước ra khỏi tình phai
Lá vàng rơi! Lá vàng rơi!
Như chút hơi người giã ơn đời trên nẻo đường hấp hối!

Khi một người lên tiếng Tạ Ơn Đời thì tâm hồn hẳn đầy sung sướng vì những gì đời đã cho mình. Quả thế, tác giả ca ngợi "bao nhiêu là thương mến, bao nhiêu là quyến luyến," rồi "tay hái biết bao niềm yêu," và "đời vẫn cho ta ngọt bùi"... nhưng cuối cùng vẫn không quên cái chết đang chờ ở cuối đường

Mang ơn đời nâng đỡ
Dâng nấm mồ thô sơ
Với dâng hương hồn thương nhớ
Còn vấn vương trong chiều tà.

Bài Một Bàn Tay là một bài hát triết lý, qua hình ảnh bàn tay mà thấy ra toàn diện cuộc đời, từ bàn tay bà mụ "đưa anh ra khỏi lòng người" đến bàn tay làm lụng, bàn tay yêu đương..., nhưng cuối cùng, cũng sẽ bàn tay ấy làm động tác giúp kết thúc một đời người

Một mai đưa anh thăm thẳm lìa đời
Mùa đông khăn tang mây bỏ đường dài
Bàn tay thương nhớ, ôi gặp anh băng giá
Lạ lùng, tay khép làn mi.

Suốt cuộc đời sáng tác của mình, kể cả khi còn rất trẻ, Phạm Duy không bao giờ quên cái chết, và ông diễn tả nó một cách tài tình, khiến ta khi hát lên cảm thấy như vừa chạm vào cái cõi bi thương đáng sợ ấy. Thật ra ông không đi sâu vào chính cái chết như Tolstoi tả phút hấp hối của André trong Chiến Tranh và Hòa Bình, ông chỉ nói về tình huống bề ngoài, nhưng cách nói nghệ thuật của ông khơi dậy gần như đầy đủ "kinh nghiệm chết" hình như vẫn luôn luôn có sẵn trong mỗi chúng ta. Đó có thể là kinh nghiệm tử biệt sinh ly về cái chết của bao người khác ta hằng chứng kiến, nhưng cũng rất có thể là của chính ta, lưu trữ bằng một cách nào

đó sâu trong tâm thức sau hàng vô số kiếp luẩn quẩn trong vòng tử sinh. Đôi khi ta vẫn có cảm tưởng "nhớ" lại một cái gì đó không hề được kinh nghiệm trong đời này.

Tương truyền bản nhạc Sombre Dimanche (Chủ nhật buồn) là một bản nhạc gây chết chóc, vì không hiểu sao nhiều người nghe nó đã tự tử. Quả là thỉnh thoảng vẫn có những tác phẩm mang cái ma lực kỳ dị như vậy. Bản nhạc ấy vào tay Phạm Duy đã mang lời Việt Nam như sau:

Chủ nhật nào tôi im hơi
Vì đợi chờ không nguôi ngoai
Bước chân người nhớ thương tôi
Đến với tôi thì muộn rồi
Trước quan tài khói hương mờ bốc lên như vạn nghìn lời
Dẫu qua đời mắt tôi cười vẫn đăm đăm nhìn về người
Hồn lìa rồi nhưng em ơi tình còn nồng đôi con ngươi
Nhắc cho ai biết cuối đời có một người yêu không thôi
Ơi hỡi... ơi... người!...
(Chủ Nhật Buồn)

Đó là luyến tiếc, vướng víu, là không siêu thoát, phải không?

Khi chúng ta còn nhỏ, sự chết đối với chúng ta là chuyện... của người lớn. Khi vào đời ở tuổi thanh niên thì đó là chuyện của... người già. Chính mình thì chối hết. Nhưng khi bắt đầu vào tuổi già thì như một khả năng tự nhiên, càng ngày ta càng cảm nhận được trong thân tâm mình cái "khả năng chết" một rõ hơn, mãi đến một lúc, hết chối nữa, đành nhận nó là của mình. Nó dần dà, tự nhiên biến thành một phần của sự sống. Phạm Duy là một người hiếm hoi "biết" cái chết, "sống" với cái chết ngay từ tuổi thanh niên. Tại sao? Để làm gì? Trong nhân loại, thỉnh thoảng nẩy ra một người có khả năng trình bày hộ cho mọi người khác ý nghĩa toàn bộ cuộc nhân sinh mà thông thường người phàm mắt thịt chỉ thấy rất ngắn, toàn là chuyện eo sèo trước mắt. Chứ sao, phải nói về cái chết chứ, làm sao có sự sống nếu không có sự chết? Cái chết chờ bên đầu kia cuộc đời mỗi người, nào có xa xôi gì, trong chớp mắt của thời gian đã tới nơi, để bắt đầu một chuyển hóa mới, một cuộc du hành mới

Người là ai? Từ đâu tới?
và người ơi, người sẽ bước chân về nơi nao?
Người vì sao mà chớm nở?
rồi sớm tối cánh hoa tươi tơi bời theo với những lá úa?
Người là chi? là cơn gió? là giọt mưa?
là cát trắng hay bụi xanh lơ?
Người từ xưa, thuyền theo lái về bến cũ?
Người lên xe đi từ hư vô qua hư vô?
(Xuân Hành)

Một loạt câu hỏi từ muôn đời của loài người nhưng không bao giờ cũ, vì ngày nào con người không còn biết đặt ra những câu hỏi như thế về thân phận mình thì cũng có nghĩa là đã dừng lại trên con đường hoàn thiện chính mình.

*

Chết là cái mà không ai có kinh nghiệm, nhưng không phải vì thế mà người ta hoàn toàn không thể viết gì về cái chết. Đang sống mà "chuyển sang từ trần" là một sự bí nhiệm, từ ngàn xưa con người vẫn suy nghiệm, vẫn cảm xúc đau đớn và vẫn... thờ phượng cái chết. Đặc biệt các tôn giáo và các tín ngưỡng lo săn sóc đến cái chết một cách kỹ lưỡng nhất, vì biết rõ đó không phải là một cái gì có thể đối xử một cách bình thường theo cung cách cuộc sống trần thế. Trước sự chết, con người bàng hoàng và sợ hãi, phải tìm mọi cách trấn an nỗi sợ. Đông hay Tây đều đặt ra sự tự kỷ cho mình về một cõi sau khi chết: sinh ký tử quy, sống gửi thác về, về với ông bà, về ngôi nhà Cha, về miền Cực lạc... cố dẫn dụ mình rằng cuộc sống trần thế này tuy ai cũng tưởng là quan trọng cần hết sức bám víu lấy, nhưng thực chất chỉ là cái rất phụ, chỉ là một sân khấu tạm bợ để múa may trong một thời gian thoáng qua, rồi sau đó thì "về" với cái đích thực. Lời hứa hẹn và giải thích thì rất nhiều, người ta nghe theo lời này hay lời kia, hoặc chẳng nghe lời nào cả, là tùy khuynh hướng và căn cơ của mỗi người, nhưng nhìn chung mọi tín ngưỡng đều nhằm khuyên làm tốt khi sống để được an ổn khi chết, làm như cả cuộc đời chỉ là một chuỗi dài chuẩn bị cho cái giây phút không còn cuộc đời nữa. Thế mới biết cái chết nó ám ảnh con người đến thế nào. Ám ảnh đến gần như biến thành một mục tiêu của sự sống.

Riêng Phạm Duy chấp nhận hết trong sáng tác của mình: Tình Yêu, Khổ Đau và Cái Chết. Đó là thái độ của một nghệ sĩ lớn, sống tận cùng từng phút giây của cuộc nhân sinh. Và, nghe như có vẻ mâu thuẫn, cũng "sống" tận cùng với phút giây không còn sự sống nữa, là lúc Cõi Chết bắt đầu.

Người nữ đằng sau

LÊ THIỆP

Từ một cậu học sinh lớp đệ nhị trường trung học Petrus Ký bị đuổi học vì tham gia hoạt động chính trị cho tới lúc cuối đời là chủ nhiệm sáng lập của một tờ báo lớn nhất, có ảnh hưởng nhất của cộng đồng người Việt Nam tại Hoa Kỳ, mọi người vẫn băn khoăn tự hỏi thực sự ông này là người như thế nào?

Tả? Hữu? Nhờ nhờ? Hiền lương trung thành với lý tưởng hay luồn lách giữa những kẽ hở của thời cuộc để vươn lên? Hết lòng với bạn bè hay trong là chủ tớ ngoài là anh em? Cuộc đời của ông ta gắn liền với cả một thế hệ thanh niên được xổ lồng từ 1963 sau khi ông Ngô đình Diệm bị sát hại, kéo dài cho tới 1975. Trong một khoảng thời gian hơn một thập niên từ một khuôn mặt mờ nhạt trong hoạt động sinh viên, ông đã từ từ trở thành một nhân vật trẻ cần phải tham vấn trước mọi tình huống chính trị. Gần như ông là chủ chốt của những phong trào sinh hoạt có ảnh hưởng đến cả một tầng lớp thanh niên như Chương Trình Hè, CPS (Chương Trình Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường), hay đâu đó trong hậu trường như các sinh hoạt Du Ca, nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn với Khánh Ly và QuánVăn. Những liên hệ của ông đối với người Mỹ và những cuộc hội thảo kiểu Mỹ trong các buổi sinh hoạt khiến nhiều người đã coi ông như CIA, con nuôi của Mỹ. Lời kết tội nặng hơn là ông đã toa rập với người Mỹ để chuyển hướng những băn khoăn của giới trẻ vào các hoạt động xã hội thay vì phải dấn thân trong các vấn đề đấu tranh cho tự do và đất nước. Bỗng ông trở thành nhà báo trong tờ báo ít ai nghĩ ông sẽ có thể cộng tác, tờ Đại Dân Tộc của khuynh hướng Liên Trường nhuốm ít nhiều màu sắc của lực lượng thứ ba. Chưa hết, ông có lẽ là người đầu tiên lập ra một công ty Public Relations – Văn Phòng Giao Tế – nhằm cung cấp những dịch vụ cho báo chí ngoại quốc, và kiếm ra tiền.

Đối với dư luận dù yêu hay ghét, bênh vực hay lăng nhục, mọi người hình như đều đồng ý ông là người khó hiểu. Đó là đối với người đứng ngoài quan sát. Nhưng còn đối với người con gái tỉnh Nha Trang đã cùng chia sẻ cuộc đời với Đỗ Ngọc Yến trong suốt hơn bốn mươi năm qua thì sao?

*

Lã Phương Loan là con gái của Ông bà Phán Dung, một gia đình tiểu công chức có tăm tiếng ở Nha Trang.

- "Vâng, tôi với nhà tôi đều là Bắc Kỳ cũ không phải là dân di cư 1954. Ông Yến cũ hơn tôi vì gia đình bên chồng tôi lập nghiệp trong Nam từ lâu, do mối liên hệ với một cửa tiệm chuyên bán hoa cườm của người Pháp. Sau năm 1954, gia đình bên chồng tôi tiếp tục nghề này, làm ăn phát đạt cho đến tận bây giờ ở Sài Gòn. Gia đình tôi vào Nam trễ hơn, đến tận 1951 lận."

Ông Lã Phan Dung học trường Bưởi, đỗ Diplôme và thi vào làm việc tòa án ở Hà Nội cho đến 1945. Như tất cả những người Việt yêu nước khác, ông Phán đem toàn bộ vợ con đi theo kháng chiến, lên mạn ngược. Nhưng rất nhanh ông hiểu, cho vợ con trở về Hà Nội và sau đó chính ông dinh tê. Nói về giai đoạn này là nói về giai đoạn lao đao của gia đình họ Lã.

- "Lúc đó tụi tôi khổ lắm. Mẹ con lang thang ăn nhờ ở đậu hết nhà này đến nhà khác, bữa đói bữa no, cho đến lúc bố tôi về."

Khi từ Thượng du trở về Hà Nội, ông Lã Phan Dung nộp đơn tại sở cũ và được bổ nhiệm vào làm việc ở tòa án Nha Trang từ năm 1951.

- "Như là một cuộc đổi đời. Nha Trang thời đó vẫn là tỉnh lỵ rất nhỏ thơ mộng bên bờ biển và vào đó chúng tôi có nhà ở khang trang. Bố tôi rất nhanh tạo dựng được một địa vị vững chãi, được mọi người yêu quí. Điều vui mừng nhất là chúng tôi lại được cắp sách đến trường như những đứa trẻ khác, không phải nay đây mai đó như thời theo Việt Minh hay về Hà Nội."

Phương Loan là tên được đặt từ lòng yêu quí Hoàng Hậu Nam Phương, vợ của vua Bảo Đại; và bà mẹ đã đùa với con gái: "Mai mốt con sẽ thuộc gia đình hoàng gia." Đó là chuyện

Ông Bà Đỗ Ngọc Yến - Lã Phương Loan

ước mơ của tương lai. Hiện tại, vì gián đoạn học hành cho nên Phương Loan học cùng một lớp với hai người em, dù tuổi tác chênh lệch. Cuộc đời êm ả trôi cho tới khi học xong Tú Tài. Con gái đến tuổi cập kê thế nào chả có người mai mối. Một người chị bà con có liên hệ đến cả đôi bên đứng ra giới thiệu.

Lúc đó khoảng đầu 1964. Cho đến thời điểm này dù chiến tranh Việt Nam đã khởi sự từ bốn năm trước đó, xã hội miền Nam vẫn tương đối ổn định. Sinh hoạt nổi bật nhất của thanh niên vẫn diễn ra trong khuôn khổ xa cũ như hoạt động Hướng Đạo hoặc thể thao như đá bóng, điền kinh. Mọi sự đổi thay đến tận gốc rễ trong đám thanh niên từ 1963. Có nhiều cách để giải thích sự kiện này. Có thể vì lòng mong mỏi muốn được đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước một cách trực tiếp sau một thời gian dài yên ngủ. Có thể vì không khí chiến tranh đẩy thanh niên vào con đường phải chọn lựa một cách tích cực hơn. Có thể vì ý muốn đổi thay của cá nhân hoặc tập thể. Có thể vì tiền đô là của các tổ chức Hoa Kỳ như Rand Corporation, của International Voluntary Services, Asia Foundation đổ vào khiến phương tiện trở nên dễ dàng và dồi dào hơn cho nhiều tổ chức tư ở Việt Nam.

Cách nhìn thế nào đi nữa thì những người trẻ tuổi có dịp dấn thân hơn, trong đó có Đỗ Ngọc Yến, người được giới thiệu cho cô thiếu nữ tỉnh lẻ Lã Phương Loan.

- "Thật ra chuyện của chúng tôi khá bình thường, không có gì lâm ly bi đát cả. Khi ấy anh Yến đã bắt đầu lăn lưng vào các hoạt động thanh niên rồi. Sau khi quen biết nhau, anh và bạn bè như các anh Đỗ Quý Toàn, Dương Nghiễm Mậu hay ra Nha Trang cắm trại và thường ghé nhà chơi luôn."

Kể lại chuyện đám cưới sau bốn mươi năm, bà Đỗ Ngọc Yến cười cho hay một tí nữa thì đám cưới bất thành vì . . . không có chú rể. Vào tối ngày hôm trước khi nhà trai ở Sài Gòn đã thu xếp xong, thuê hẳn một chuyến xe đò đi Nha Trang rước dâu, mọi người tề tựu thì không thấy chú rể. Cả nhà túa đi tìm nhưng không biết tìm nơi đâu. Chả vì chú rể vẫn còn mải họp hành, tổ chức, hội thảo, biểu tình gì đó suốt đêm chưa xong.

- "Khi ông Yến mắt nhắm mắt mở về nhà, vẫn còn ngáp lên ngáp xuống, đầu bù tóc rối, quần áo lếch thếch. Xe đò đến Nha Trang, việc đầu tiên là chú rể phải ra tiệm hớt tóc."

Phải chăng đây là dấu hiệu báo trước cho cung cách ông Đỗ Ngọc Yến cân nhắc giữa đời sống bên trong và bên ngoài? Giữa gia đình và xã hội? Giữa vợ con và bạn bè đồng chí?

Từ Nha Trang, cô dâu về Sài Gòn sống với chồng và khoảng thời gian ba năm đầu thật là

tuyệt vời.

- "Hai vợ chồng cùng học Văn Khoa. Ông Yến vì liên hệ đến vụ Trần văn Ơn bị đuổi học nên vào Đại Học khá trễ so với tuổi tác. Chồng chở vợ trên chiếc Mobylette đến trường, chỉ có điều ông ấy quăng tôi vào lớp rồi mất tăm vì những chuyện đâu đâu. Tôi thì cặm cụi lo học hành chăm chỉ như một sinh viên gương mẫu. Hai năm sau khi đeo đuổi Văn Khoa, tôi tự nghĩ mình phải tự đứng được trên hai chân, và tôi thi vào Đại Học Sư Phạm. Tôi thấy tôi hạnh phúc, và thế là đủ đối với tôi. Ông Yến muốn là gì thì làm."

Thật ra thì bên ngoài cái tiểu gia đình êm ấm đó, xã hội như đang xoáy trong những cơn lốc quay cuồng. Khó ai có thể tưởng được chỉ hơn một năm sau cái mốc 1963, phong trào thanh niên sinh viên lại có thể bộc phát như vậy. Có những trại công tác thu hút lần lượt hàng chục ngàn người trẻ tuổi. Có những buổi hội thảo thâu đêm suốt sáng với đủ mọi thành phần, khuynh hướng! Có những cuộc biểu tình tưởng đâu có thể lật đổ chính phủ như vụ xóa Hiến Chương Vũng Tàu chẳng hạn. Sinh hoạt diễn ra đủ mọi mặt từ ca nhạc như Du Ca, Nguồn Sống, xã hội như Thanh Niên Chí Nguyện, phản chiến tả khuynh như Phong Trào Đòi Cải Thiện Chế Độ Lao Tù, tôn giáo như Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội. Và cả đến nghệ thuật, như những cuộc triển lãm ở khu nhà tiền chế sân sau trường Đại Học Văn Khoa. Trong cái ồn ào đó, lẳng lặng và lúc nào cũng như ở phía sau hậu trường là ông Đỗ Ngọc Yến. Sự kiện ông Yến đứng cầm chịch chương trình Hè 1965 được bà Yến giải thích rất khác xa với lời đồn đại, phỏng đoán.

- "Tôi cho rằng nhà tôi trở thành khuôn mặt chính của Chương Trình Hè vì một vài số lý do. Trước hết là khả năng giao tế để có thể đối thoại với người Mỹ. Thứ nhì là khả năng thuyết phục bạn bè. Nhưng có lẽ quan trọng hơn cả là có thì giờ. Ông ấy có mặt 24/24 và không bị trói buộc vào những trách nhiệm cá nhân. Những bạn bè của nhà tôi lúc đó hoặc đã là công chức, quân nhân, hoặc quá bận bịu vì gia đình."

Lăn lưng vào những hoạt động như vậy, cái tiểu gia đình đó ai lo? Bà vợ kể lại:

- "Học hai năm ở Văn Khoa, tôi quyết định thi vào Đại Học Sư Phạm ban Anh Văn. Thì giờ của tôi dồn hết vào việc học hành và chăm lo con cái. Vâng, lúc đang học Sư Phạm tôi đã sinh cháu Bảo Anh. Bài vở ngập đầu, tối về lại còn phải lo đủ thứ cho đứa nhỏ, thì giờ đâu mà nghĩ đến những chuyện khác. Tôi phải nói rõ điều này. Ông Yến nhà tôi suốt trong thời gian lo Chương Trình Công Tác Hè không bao giờ đem về nhà đồng xu cắc kẽm nào. Gia đình chồng tôi buôn bán khá giả, chúng tôi được chia hẳn một tầng lầu rộng rãi và hồi đó cái ăn cái uống không phải là mối bận tâm. Đã không đem tiền về, ông Yến còn lấy toàn bộ nữ trang đám cưới của tôi đem đi."

- Lấy của hồi môn?

- Vâng. Câu chuyện xảy ra tôi không dám ngờ cho ai, mãi sau, cách đây vài năm mới vỡ lẽ. Nhà đông người, thợ thuyền kẻ ăn người làm nên một hôm khám phá ra toàn bộ nữ trang bị mất, tôi có hỏi thì nhà tôi im lặng. Tôi chết cứng không dám nói với ai. Cách đây vài năm ông Đỗ Tăng Bí nhân lúc vui chuyện bảo: "Bà Loan này hiền thật, mất của cũng không biết! Hồi đó ông Yến cần tiền vì funding của IVS chưa tháo khoán kịp, ông Yến rủ tôi về lôi hết vàng bạc đưa tôi đem cầm đồ, bà có biết không?" Tôi ngẩn người ra và hỏi ông nhà tôi thì chỉ thấy ông ấy vẫn cười trừ. Có điều là tôi thấy không tiếc của mà cũng không giận. Bản tính tôi nó vậy."

Thế những khi ông chồng bỏ đi biền biệt thì người vợ nghĩ gì?

- "Tôi nói thật tôi chỉ lo cho an ninh của nhà tôi. Rõ ràng nhà tôi thân cô thế cô, không có chỗ dựa thế lực như chính quyền, quân đội, đảng phái. Bản tính hiền lành và nhỏ nhẹ, nếu có chuyện nguy hiểm làm sao ông ấy đối phó?"

Cho đến giờ này, ngồi kiểm điểm lại, ngoài chính đương sự, khó ai mà có thể nói ông Đỗ Ngọc Yến dính dáng đến những khuynh hướng, những thế lực chính trị và đảng phái nào. Vào những năm giữa của thập niên 1960, có lời nói đùa cợt về ông Yến – "Hễ chỗ nào có ba người họp hành, người thứ tư thế nào cũng phải là Đỗ Ngọc Yến." Trong khi người chồng mải mê họp hành thì người vợ chúi đầu vào thi cử. Bà Yến kể lại:

- "Tôi đi thi tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm với một cái bầu to tướng; và khi ra trường thì không xin chọn nhiệm sở vì sinh nở, cho đến một năm sau. Khi đó Bộ Giáo Dục cho hay tôi phải xin bổ nhiệm nếu không thì sẽ không được nhận như giáo sư chính ngạch. Chỗ duy nhất là dạy học ở Bến Tre."

Đây có lẽ là lúc bà Đỗ Ngọc Yến lao đao

vất vả nhất. Bà giáo sư Anh Văn Lã Phương Loan cố thu xếp để thu gọn thì giờ dạy vào bốn ngày. Thứ Hai sau khi lễ mễ ôm hai con thơ từ nhà chồng đem sang nhà bố mẹ gửi, bà giáo bò xuống Bến Tre; để đến đúng 4 giờ chiều Thứ Năm thì có xe cyclo chờ sẵn ở cửa trường để vội vàng cho kịp chuyến phà cuối. Có lần trễ phà, bà giáo đã khóc ròng trên bờ sông vì lo vì sợ. Giai đoạn này ghi dấu một sự kiện khiến "đến giờ này tôi vẫn còn oán nhà tôi" và mặt khác nó phản ánh rõ thái độ của ông Đỗ Ngọc Yến giữa chuyện chung và chuyện riêng.

Khởi đi từ Chương Trình Sinh Hoạt Hè, một cơ quan chính thức của Bộ Giáo Dục ra đời có tên là Chương Trình Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường được biết đến dưới tên tắt là CPS. Sau này những sinh hoạt của Chương Trình Phát Triển Quận 8 và của Xây Dựng Nông Thôn phải chăng cùng khởi hứng từ những hoạt động Chương Trình Hè 65? Ghi nhận sự kiện này vì với cương vị Tổng Thư Ký Chương Trình, quen biết nhiều giới chức, ông Đỗ Ngọc Yến lúc đó có đủ lý do, cơ hội và thế lực để xin cho vợ về Sài Gòn làm việc. Nhưng dù vợ có nhờ, có năn nỉ, ông Yến vẫn cứ lờ đi. Bà Yến kể lại:

Gia đình Ông Bà Đỗ Ngọc Yến và các con.

- "Một nách hai con thơ, tôi không thể nào đi đi về về Sài Gòn-Bến Tre như vậy nên đành tự tìm cách xoay sở. Tôi đăng rao vặt trên báo Chính Luận tìm người hoán chuyển và may mắn có một ông giáo sư có lẽ vì lấy vợ Bến Tre nên muốn về quê vợ, ông đồng ý với điều kiện tôi phải đưa cho ông ta một khoản tiền. Tôi chịu. Tôi về dạy ở trường Trung Học Nguyễn Trãi bên Kho 5, Khánh Hội cho đến 1975. Tôi nói câu này có vẻ buồn cười nhưng đa số bạn bè nhà tôi, kể cả những người người thân từ lâu, không ai biết tôi đi dạy học, tưởng tôi là một thứ nội trợ, hoàn toàn phụ thuộc vào nhà tôi."

Khó mà trách bạn bè ông Yến nếu họ nghĩ như vậy. Họ chỉ thấy ông Yến mà ít khi có dịp để nhìn thấy người phụ nữ chia sẻ cuộc đời với ông. Đi sinh hoạt hay vui chơi, đi đâu ông cũng chỉ đi một mình, họa hoằn lắm mới đem vợ đi theo. Không phải chỉ là bạn bè mà còn các bà các cô nữa; đôi khi câu chuyện còn đi xa hơn và dễ hiểu lầm là khác. Bà Yến vừa cười vừa kể:

- "Có bữa đi picnic ở cư xá Thanh Đa, hôm đó tôi cũng có mặt nhưng không ai để ý. Có mấy cô em văn nghệ, tôi nhớ có Minh Lý, cô tài tử xinh đẹp dễ sợ, họ cứ tíu tít với nhà tôi. Tôi đứng đó, chỉ cười. Và khi nhà tôi giới thiệu tôi là vợ ông ấy thì đã làm nhiều người ngạc nhiên. Chắc nhiều người không biết ông ấy đã có gia đình! Vì ai hiểu được tại sao một ông có vợ rồi mà cứ sinh hoạt tự do như còn độc thân như vậy. Nhưng tôi biết ông Yến đối với các cô ấy rất đứng đắn, coi như các cô em thôi, dù họ có đi chơi chung với nhau chăng nữa. Có lần, lúc đó nhà tôi có được một chiếc 2CV, tôi mở cốp xe đằng sau thấy một bộ áo tắm hai mảnh. Tôi hỏi thì ông nhà tôi cười bảo đi Vũng Tầu tắm biển, áo của Minh Lý, cô ấy ... bỏ quên ấy mà!"

Sau bao nhiêu thăng trầm, với người chồng nay đang lâm bệnh, nhìn lại, bà Đỗ Ngọc Yến vẫn nói về quá khứ của ông Yến và những người đàn bà khác bằng giọng nhỏ nhẹ.

- "Cái cô em Phương Oanh đó cũng ngộ lắm, cô thường biểu lộ tình huynh đệ đối với các ông anh rất tự nhiên, dù ai cũng biết cô ấy chỉ coi nhà tôi và các anh Lộc, anh Điểu như những

người anh thật sự. Có lần các ông ấy tổ chức đốt lửa trại hát hò ngay tại sân trường Nguyễn Bá Tòng trước cửa nhà, tôi đứng ở lan can nhìn sang, coi thì thấy cũng vui vui. Bỗng bà chị chồng chạy ra hớt hải: 'Mày không thấy thằng Yến nó chở con nhỏ đó à? Nó còn ôm eo ếch nữa. Lạng quạng mất chồng đó em ơi.' Tôi chỉ thấy buồn cười. Nhưng tôi tin tưởng ở nhà tôi lắm."

Có lẽ nếu không có niềm tin vô bờ đó, người vợ chắc có lúc phát khùng. Bà Yến nói:

- "Ông Yến kín như bưng. Tôi vẫn bảo ông ấy phải làm mật vụ hay gián điệp mới đúng. Không bao giờ ông ấy hé môi nói với tôi về công việc của ổng ở phía ngoài. Tôi có nhận xét này. Đối với anh em bạn bè, ông chỉ nói và xoay quanh những điều cần thiết đối với người đối diện mà thôi. Đối với gia đình cũng thế. Không phải chỉ bây giờ mà từ hồi còn ở trong nước, nhiều khi ông Yến bảo chạy ra ngoài một chút rồi đi mất biệt hai ba ngày không hề liên lạc gì về cho gia đình biết. Tôi lo chứ. Tôi sợ chứ. Nhưng chỉ lo sợ cho an ninh của ông nhà tôi. Ông ấy yếu đuối hiền lành quá!"

Khi cuộc chiến Việt Nam mỗi lúc một leo thang, ông Đỗ Ngọc Yến và bạn bè cùng lứa tuổi cũng không còn là sinh viên nữa. Đa số trở thành quân nhân, công chức, ngoài ông Yến. Ông đi trình diện Quang Trung để nhập ngũ nhưng được hoãn dịch vì cận thị nặng quá. Quay đi quay lại ông trở thành ký giả, và đúng như con người ông, ông có mặt ở tờ báo cực hữu Sóng Thần và ở tờ Đại Dân Tộc với một khuynh hướng trái ngược. Tờ Sóng Thần vì chơi thân với Chu Tử, Uyên Thao, Lý Đại Nguyên và Trùng Dương; tờ Đại Dân Tộc vì những liên hệ với anh em trong Chương Trình Phát Triển Quận 8, như Đoàn Thanh Liêm, Hoàng Ngọc Tuệ, và Hồ Ngọc Nhuận, cho nên làm việc với ông Võ Long Triều. Cách gì thì cách ông đã nắm ngay cơ hội lập ra một công ty Tư Vấn tập hợp một số ký giả như Nguyễn Tuyển, Hoàng Lê Cung, Tiến Sơn chuyên lo quảng cáo, tin tức kinh tế và quan trọng hơn cả là cung cấp những hiểu biết về Việt Nam, từ lịch sử cho đến các nhân vật và khuynh hướng đương thời, cho tập đoàn báo chí ngoại quốc đông đảo vào đầu thập niên 1970 có mặt đầy ở Việt Nam. Bà Yến nói:

- "Lúc đó là lúc duy nhất ở Việt Nam nhà tôi làm ra tiền. Nhiều tiền nữa là đằng khác, cho đến 1975."

Vào tháng Tư 1975, ông Yến muốn ở hay đi? Bà vợ kể lại:

- "Tôi cuống cuồng và lo sợ trước những cảnh diễn ra chung quanh. Ai nấy như ngồi trên đống lửa nhưng khi nói chuyện với nhà tôi, ông ấy chỉ bảo chắc thế nào cũng có chuyện lớn xảy ra. Đề cập đến chuyện đi hay ở thì nhà tôi củng chỉ ậm ừ, và vẫn chỉ lo theo dõi tin tức chính trị. Tôi nhớ tối hôm 25/4/75, giận quá, tôi lôi ông Yến vào phòng đóng cửa lại, làm dữ. Ông vẫn cứ nói những đâu đâu rằng đây là cơ hội một đời để chứng kiến lịch sử. Tôi bảo lịch sử là của cả nước, tôi chỉ lo cho con cái tôi thôi. Sáng sớm hôm sau phía dưới nhà vẳng lên điệu huýt sáo của mấy Hướng Đạo sinh gọi nhau và nhà tôi nhảy dựng dậy, chạy xuống. Tôi lò mò theo và thấy ông Đỗ Quý Toàn. Nhà tôi hỏi sững 'Toa chưa đi à?' Ông Toàn cho hay vừa từ phi trường ra để thăm bà mẹ lần chót, tiện thể ghé hỏi chúng tôi muốn đi không, hai giờ nữa sẽ có Đỗ Tăng Bí lại đưa đi. Nhà tôi quay lại nhìn tôi. Tôi bảo đi và nhà tôi cười nói, 'Đi thì đi.' Đấy, nhà tôi thế đấy. Chúng tôi đi được hoàn toàn nhờ ông Toàn, ông Bí, và khi vào đến phi trường thì nhờ có ông Britton – người giáo sư của đại học Sacramento từng phụ trách tìm funding cho Chương Trình Hè giúp đỡ giấy tờ thủ tục nên mọi sự xuôi rót."

Không hiểu có phải đây là lần đầu tiên những đẩy đưa tình cờ đã khiến ông Yến phải có quyết định để thay đổi cuộc đời chăng nhưng dấn thân với tờ Người Việt thì là một quyết định của chính ông với một quyết tâm vô bờ dựa trên một dự kiến rất xa.

Như tất cả những người tỵ nạn khác, gia đình ông Yến được một nhà thờ Tin Lành ở Sacramento nhận và từ đó được một gia đình người Mỹ bảo trợ. Bà Yến lúc đó đã có bầu đứa con út.

- "Lúc đó vừa buồn, vừa hoang mang, chúng tôi thực sự dật dờ không biết cuộc đời sẽ trôi về đâu. Nghe nói ở Mỹ sanh đẻ đắt tiền lắm, mình không có đồng nào, tôi lo lắm. Khi vừa xuất trại, người bảo lãnh thuê cho chúng tôi một căn chúng cư và các cháu đều đã cắp sách đến trường, xin bảo trợ y tế cho cả nhà, và tôi được đi khám thai chờ ngày sinh, thì bỗng một hôm điện thoại reng. Người đầu giây bên kia chính là chị Oanh, bà chị họ đã mai mối tụi tôi nên vợ nên chồng."

Cú điện thoại này không chỉ gây ngạc nhiên cho bà Yến mà sau đó còn khiến cho cả gia đình người Mỹ bảo trợ chưng hửng. Từ khi đưa

chúng tôi ra khỏi trại tị nạn, ông bà ấy lo cho đủ thứ, từ chỗ ở, đồ dùng, đến việc giấy tờ. Nhất là việc có bảo hiểm y tế để tôi đi thăm thai, vì sắp đến ngày xanh. Ông Yến sang Texas thăm chị Oanh, rồi quyết định dọn đi Dallas, Texas dù cuộc sống mới ở California đã tạm ổn định. Ông chỉ gọi về với một lời tuyên bố rất dản dị cho người vợ đang có bầu thi hành: 'Phải đi thôi, ở đây có chị có em.'

- "Tôi biết chắc dù tôi có bằng lòng hay không nhà tôi cũng không thay đổi. Tôi biết ông nhà tôi quá nên dù sắp đến ngày sinh nở cũng đành thu vén để đi. Lúc đầu bác sĩ của tôi khuyên không nên đi vì có thể sanh trên máy bay; hãng máy bay họ cũng không chịu bán vé nếu bác sĩ không đồng ý. Sau thì người bảo trợ nói với bác sĩ, tôi được phép đi, trong lúc chồng tôi đang đợi ở Dallas."

Làn sóng tị nạn ồ ạt vào đầu 1975 khiến chính phủ Mỹ phải lo đối phó với những vấn đề xã hội của người Việt Nam và rất nhiều tổ chức hoặc của các cơ quan thiện nguyện hay chính phủ được cấp tốc thành lập để giúp đỡ người Việt. Ông Đặng Văn Đệ khi đó được bổ nhiệm vào chức giám đốc một cơ quan lo về tỵ nạn trông nom đâu bốn tiểu bang quanh Texas, ông đang cần người phụ tá. Rất nhiều ứng cử viên nhưng ông Đệ chọn Đỗ Ngọc Yến có lẽ vì quá khứ hoạt động và kinh nghiệm tổ chức. Bà vợ nói:

- "Thế là tụi tôi yên thân. Khi chương trình của ông Đệ, vốn có tính cách cấp thời, hết được tài trợ thì nhà tôi được chính thức nhận vào làm công chức của thành phố Port Arthur, Teaxas, gần Houston, lo giúp đỡ những gia đình Việt đa số là ngư dân vốn không thông thạo Anh ngữ và cách sinh hoạt của xã hội Mỹ. Tôi đã sớm được chân dạy học trong một trường mẫu giáo."

Nhưng xem ra cuộc đời công chức êm ả không thích hợp với một người như ông Đỗ Ngọc Yến cho nên một ngày đẹp trời, ông đã bỏ để về đi làm nghề xây cất, mặc dù bà vợ rất lo sợ. Lý do ông chồng đưa ra nghe hết sức mơ hồ, làm nghề xây cất tự do hơn, có nhiều tiền hơn. Nói nghề xây cất nghe có vẻ đao to búa lớn, và vấn đề tiền bạc có lẽ cũng chỉ là cái cớ phụ. Ông Yến theo người anh rể họ đi dán wallpaper. Không nói ra nhưng rõ ràng ông Yến chỉ muốn thoát cái nếp sống nhàm chán. Bà vợ kể:

- "Thế rồi một hôm ra chợ vớ được tờ Hồn Việt của Nguyễn Hoàng Đoan, nhà tôi lập tức gọi điện thoại thì được ông Đoan rủ qua chơi và gửi vé sang ngay. Thế là ông nhà tôi đi và cuộc sống gia đình tôi đã tưởng yên ấm lại trôi vào một giai đoạn lao đao khác."

Ông Yến sang California và vài ngày sau điện thoại bảo vợ con lo thu xếp một tháng nữa ông sẽ về đón để dọn sang với ông.

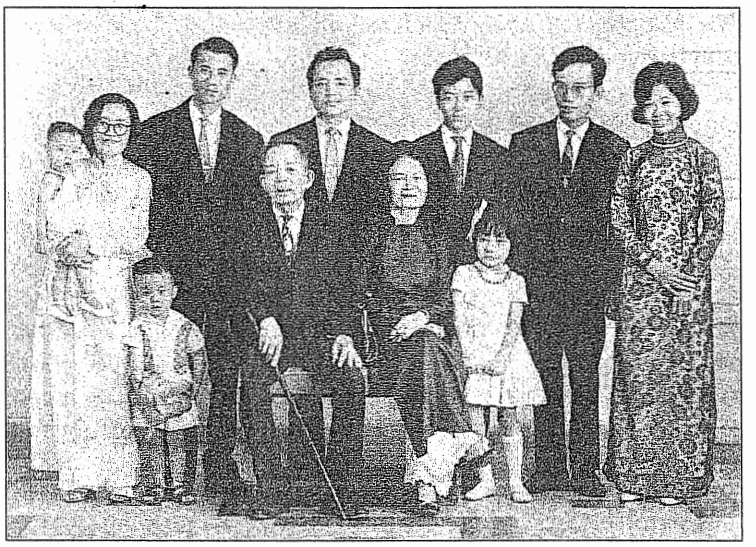

Ông Bà Đỗ Ngọc Yến-Lã Phương Loan (đứng bên phải) chụp chung với song thân (hai người ngồi) và các anh chị trong gia đình.

- "Tôi phản đối kịch liệt. Chúng tôi đã tằn tiện dành dụm được một số tiền nhỏ. Con cái đã quen nơi ấm chỗ, có bạn có bè. Lại còn công ăn việc làm của tôi nữa. Nhưng tôi chưa thấy nhà tôi lần nào quyết liệt như lần này. Ông ấy nói rõ hoặc là cả nhà cùng đi hoặc ông đi một mình. Tôi làm sao được bây giờ!?

Người vợ có thể phải đi theo chồng nhưng thật sự lòng vẫn băn khoăn, nhưng với ông Yến thì quyết định dọn về California phản ảnh rõ ràng con người ông.

Gần ba năm sau cuộc đổi đời 1975, người Việt tị nạn đã bắt đầu thoát qua giai đoạn sinh tồn lúc đầu. Họ bắt đầu tìm nhau, tụ lại; và ở vùng khí hậu ấm áp này một cộng đồng người Việt lấp ló thành hình. Đã có một vài cơ sở kinh doanh nhỏ. Đã có một số tiệm ăn Việt Nam. Đã có một hai ngôi chùa và vài giáo xứ. Từ đó phải có nhu cầu thông tin liên lạc. Cần

có một tờ báo tiếng Việt, một tờ báo chuyên nghiệp có năng chức thông tin được trình bày giống như báo chí ở Sài Gòn. Ông Yến lúc đó say mê với dự kiến đó và quyết tâm thực hiện cho bằng được dù với giá nào. Ông Yến lao vào công việc với say mê và quyết tâm. Kỹ thuật báo chí lúc đó chưa tiến bộ vượt bực như bây giờ. Từ việc đánh bài, làm tít, lên khuôn đều chắp vá. Máy đánh chữ IBM quả cầu không có dấu tiếng Việt. Mỗi lần làm tít thì phải cắt chữ lớn từ tờ báo Mỹ hoặc cà chữ từ các bản phim giấy kiếng. Đánh dấu chữ Việt hoặc cắt dán đều là những công việc tỉ mỉ, mất thì giờ đầy vẻ thủ công nghệ.

Ông Yến đơn thân độc mã cặm cụi đeo đuổi cái mộng báo chí, không còn tí thì giờ nào cho vợ con. Bà Yến nói:

- "Thấy ông nhà tôi vui thì tôi cũng mừng nhưng thật sự tôi lo, lo lắm và biết lại phải tự đứng trên hai chân. Tôi lo đi học và cuối cùng làm cán sự điện tử để có đủ tài chính cho gia đình vì biết chắc ông Yến sẽ khó mà kiếm ăn nhờ báo bổ được."

Trong khi đó ông Yến chạy đôn chạy đáo gặp ai cũng bàn về một tờ báo Việt Nam cho người Việt Nam. Bốn tháng sau khi rời Houston, tờ Người Việt Cali số đầu tiên ra mắt công chúng vào 15/12/1978, dày vỏn vẹn bốn trang khổ lớn. Khó ai hình dung được tờ báo đã sống tới nay 27 năm và trở thành nhật báo phát hành rộng lớn ở Nam California dày xấp xỉ một trăm trang và số thương vụ lên hàng triệu đô la.

Để đạt tới thành công đó là cả một quá trình gian nan đầy thử thách. Bà Yến kể lại:

- "Lúc đó khổ lắm. Khó khăn lắm. Tôi vừa đi làm cán sự điện tử, về đến nhà lại lo sổ sách quảng cáo, lo phát hành. Cộng đồng Việt Nam ở Nam California lúc đó tuy đã đông nhưng vẫn ở rải rác, chưa có những trung tâm sinh hoạt lớn tập trung như ngày nay. Vấn đề gay go nhất đối với ông Yến là làm sao báo đến tay đồng bào. Cần có người phát hành để bán được báo. Nguồn nhân lực có ngay là vợ với các con. Cái garage của ngôi nhà chúng tôi thuê trở thành trung tâm phát hành Người Việt. Báo in xong là các con tôi lo dán tem, lo gói từng gói gửi Greyhound hoặc UPS. Cháu Bảo Anh bây giờ đã trưởng thành thỉnh thoảng vẫn nhắc đến công tác "lè lưỡi dán tem" do chú Nguyễn Phước Quan điều khiển!

Đó là bộ phận phát hành gồm vợ và con. Nhưng còn tòa soạn? Trong ngôn ngữ hàng ngày của ông Yến luôn luôn có hai tiếng "anh em." Mới đầu là những anh chị em đứng bên ngoài giúp đỡ như Nguyễn Hoàng Đoan, Khánh Ly. Nguyễn Hoàng Đoan chính là người đã chọn cái tên báo là Người Việt Cali và Đoan cũng chọn nhà in cho tờ báo. Sau đó tới những người làm việc trực tiếp hơn như Du Miên, rồi Việt Dũng, vân vân. Một dạo có cả nhà văn Duy Sinh, anh Duy Sinh vừa viết báo vừa lo quảng cáo. Tờ báo Người Việt cứ thế phát triển và thêm người mới. Làn sóng thuyền nhân đưa tới một khuôn mặt "anh em" rường cột của ông Yến – các nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Thiện Cơ trong phong trào Du Ca; Cơ và Lê Quang Dũng, Đặng Trường Thọ tới ở chung nhà ông Yến một thời gian; sau tới Hoàng Ngọc Tuệ vượt biển với một lũ nhi đồng, bà xã bị kẹt lại! Nhưng cũng có những "anh em" khác đang ở California từ trước như Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Nguyễn Phước Quan, Lý Văn Chương, tất cả những "anh em" vốn có giây mơ rễ má với ông Yến suốt từ thời Chương Trình Hè, Du Ca cho tới năm 1975, phần lớn họ đang làm việc bên ngoài để sống, nhưng cứ tới tòa báo là nhẩy vào làm, mỗi người một việc. Bà Yến kể:

- "Tôi lúc đó không mơ mộng trông chờ gì ở tờ Người Việt về phương diện sinh sống, về phương diện tiền bạc. Tôi hỗ trợ nhà tôi tận lực vì đó là cuộc sống của nhà tôi, vì lý tưởng của nhà tôi. Tôi cũng chua xót khi nhìn thấy những người bạn của nhà tôi say mê tới cùng làm báo, dù đôi khi không có cả tiền uống cà phê."

Hình như tờ báo đã có cả chục lần kiệt quệ tài chính đến độ tận cùng, có cơ phải đóng cửa. Ông Yến vẫn không lùi bước và ông vận động những "anh em,"những người sau này có tên trong Hội Đồng Quản Trị, bỏ vốn tiếp sức. Đối với người ngoài cuộc, cái gọi là Hội Đồng Quản Trị này là Trung Ương Đảng, và họ gọi ông Yến là Đỗ Chưởng Môn với cái hàm ý rằng đó là sinh hoạt của một giáo phái, một môn phái, hay một đảng. Dù nhìn bằng cách gì đi nữa thì không thể không phủ nhận cách ông Yến đóng vai Chưởng Môn. Công ty Người Việt có lẽ là công ty đầu tiên của người Việt tỵ nạn có lề lối điều hành theo tiêu chuẩn của một công ty cổ phần kiểu Hoa Kỳ, có các cổ đông, có tính toán chia lời, có họp hành liên miên, có báo cáo thường niên. Nhưng những sinh hoạt này của công ty Người Việt vẫn diễn ra trong vòng khép kín, anh em đóng cửa nói chuyện với nhau, chưa

mở ra cho công chúng; cho tới khi công ty phát cổ phần cho các nhân viên.

Vào lúc khởi đầu 27 năm về trước, toà soạn Người Việt vỏn vẹn có một cái máy đánh chữ quả cầu IBM và một bàn mise ngổn ngang dao kéo, keo dán cùng những mẫu tự lớn treo la liệt trên tường. Cái tòa soạn đó lớn dần theo cộng đồng và những cải thiện kỹ thuật cần có. Khi tình hình đã đủ chín, đủ lớn, garage nhà ông chủ nhiệm không đủ sức chứa, tờ Người Việt thuê hẳn một căn phố trong khu thương mại đầu tiên của người Việt tị nạn ở đường Bolsa, và máy quả cầu lui vào bóng tối nhường chỗ cho máy photo typesetting. Tòa soạn không chỉ có mỗi ông Nguyễn Đức Quang ngồi đánh máy mổ cò mà dần dần có tới chục người. Tờ báo mỗi ngày một phát triển, công việc phức tạp hơn, và vị trí của ông Yến mỗi ngày một khó khăn thêm.

Những áp lực từ "anh em" của ông trong Hội Đồng Quản Trị, nhu cầu bành trướng của công ty, những sức ép của xã hội đè nặng lên nhưng ông Yến vẫn âm thầm, nhỏ nhẹ đánh đông dẹp bắc. Bà Yến nói:

- "Lúc nào ông nhà tôi cũng kín như bưng, không bao giờ đem chuyện xảy ra ở ngoài về nhà, không bao giờ hé môi nói với tôi những khó khăn phải đối phó. Ngay đến bây giờ tôi cũng chẳng biết tại sao Nguyễn Đức Quang hồi đó lại bỏ tờ báo ra đi, chỉ có các ông ấy biết với nhau thôi."

Ông Nguyễn Đức Quang là đồng chí, là người giữ tay hòm chìa khóa, là người lao đao với tờ Người Việt, ngay từ khi ông từ trại tị nạn đến Mỹ 21 năm trước; bỗng một hôm, sau cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, rũ áo rời khỏi ghế Tổng Thư Ký. Biến cố này dẫn đến biến cố khác. Dư luận đã ồn ào lên một dạo vì những thâm thủng tài chính của cơ sở Người Việt. Nhưng không có gì lay chuyển được sức lớn mạnh của đứa con do ông Yến dựng nên, nuôi dưỡng. Tờ Người Việt không còn chỉ là tờ Người Việt nữa mà còn có các cơ sở báo chí ngoại vi như Đài Phát Thanh VNCR, Nguyệt san Thế Kỷ 21, nhà xuất bản Người Việt, vân vân ... Một Conglomerate của Người Việt Tỵ Nạn với Đỗ Ngọc Yến từng làm Chủ Tịch, Tổng giám đốc. Trước những thành công đó người phụ nữ đã chia xẻ cuộc đời trong suốt hơn 40 năm với ông Yến nghĩ gì.

- "Cái gì cũng có cái giá phải trả. Hình như trong khi nhà tôi lăn lưng đem hết nỗ lực để xây dựng tờ báo, các con tôi đã từ từ tách khỏi cộng đồng Việt Nam như một phản ứng ngược. Một điều ân hận nữa là chúng tôi không có thì giờ và tâm chí để lo lắng cho cháu út. Điều này tôi có cảm nhận là nhà tôi còn ân hận hơn cả tôi nữa. Cũng may các cháu khi đã tốt nghiệp, ra đời dần dần hiểu người bố hơn và tất cả nay đã quay về với văn hóa và cộng đồng Việt Nam. Cháu Bảo Anh đã bỏ tờ Register về làm cho Người Việt, lúc làm quản trị nhân viên, lúc làm về doanh thương, tài chánh, và lo thay bà Ruth Talovich trang tiếng Anh cho nó trẻ trung hơn. Cháu Châu Dao là luật sư, hiện đang làm Bộ Ngoại giao ở Washington DC, có lúc cũng vào trong hội đồng quản trị; mới cháu đây đã xin nghỉ dài hạn không ăn lương để về săn sóc nhà tôi trong lúc ốm đau."

Ông Đỗ Ngọc Yến đã yếu nhiều sau những năm chiến đấu với bệnh tật nhưng ngay đến bay giờ đời sống đối với chính ông vẫn là "anh em," vẫn là tờ báo Người Việt cho dù cung cách sinh hoạt của nó đã khác xa với thủa Chương Trình Hè hay tờ Người Việt bốn trang với Nguyễn Đức Quang và máy IBM ở garage nhà ông Yến tại đường Euclid. Bà Yến nói:

- "Ít lâu trước hễ hôm nào khỏe là ông nhà tôi lại tìm đủ mọi cách để ra tòa báo, dù bệnh tình khiến ông ấy vẫn còn yếu. Nó như là đời sống, là hơi thở của nhà tôi vậy."

Câu hỏi cuối cùng được đặt ra, là cô nữ sinh thị xã Nha Trang Lã Phương Loan nghĩ gì về vai trò của mình trong sự nghiệp của người chồng.

- "Tôi chưa bao giờ xưng với ai là bà chủ nhiệm. Tôi làm việc ở tờ báo như là một nhân viên, như bất cứ nhân viên nào khác. Đa số anh em và nhân viên gọi tôi là bà Loan thay vì bà Yến. Có những nhân viên mới vào, làm ba bốn tháng sau chưng hửng ngạc nhiên khi biết tôi là vợ của ông Yến. Tôi thì tôi chả ngạc nhiên vì chuyện tương tự đã xảy ra nhiều lần ngày từ hồi mới cưới nhau. Điều duy nhất tôi có thể nói là tôi trọng nể nhà tôi. Tôi hãnh diện có một người chồng như nhà tôi. Nay tôi không còn là người của nhà họ Lã nữa. Tôi tên là Đỗ Phương Loan."

Dù yêu ông hay ghét ông, dù là bạn ông hay kẻ thù của ông, có lẽ không ai không đồng ý với người đàn bà cả đời đã ở sát bên ông Đỗ Ngọc Yến và nay cung cúc tận tụy săn sóc ông trong những ngày tháng bệnh tật: Ông Đỗ Ngọc Yến là một người đáng nể.

Miền Nam và Ca Dao

HÒA ĐA

Kính tặng Má,
tặng Hồng, vợ tôi,
người đã ru con bằng ca dao.

Một trong những thiếu sót trong chương trình học ở Việt Nam từ trước đến nay là sự mất cân đối trong việc giới thiệu đến học sinh những dữ kiện về văn học theo sự phân bố về địa dư. Nói cho rõ hơn, chương trình văn ở bậc trung học nghiêng nặng về những tác giả tác phẩm ở ngoài Bắc và đã bỏ quên những sinh hoạt văn học trong Nam. Không thể chối cãi là ở trung học, chúng ta học quá nhiều về Tự Lực Văn Đoàn, về Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo... mà không hề nói gì về những tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc... chẳng hạn; chúng ta học quá nhiều về *Nam Phong, Đông Dương tạp chí*, học Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... mà không nhắc gì về *Gia Định Báo, Phụ Nữ Tân Văn*, Phan Khôi... Có thể nói, trong mọi lãnh vực về văn học ở chương trình trung học, miền Nam đã bị bỏ quên, khiến cho sau bao nhiêu năm, sự lãnh hội về kiến thức trong chúng ta về văn học đã bị thiếu sót.

Ca dao miền Nam cũng chịu chung số phận như thế.

Mặc dù không hề được nhắc đến ở trường học, nhưng ca dao miền Nam vẫn có sức sống của nó. Chẳng những thế nó còn được phát triển mạnh và là một sinh hoạt tiềm tàng trong cuộc sống của người bình dân, cho dù ngày nay chúng ta không còn thấy những màn hò đối đáp trong công việc hàng ngày ở trên đồng ruộng, sân lúa hay trên sông rạch như tiểu thuyết đã mô tả. Nó nằm ngay trên cửa miệng người bình dân, họ đọc ra như một phản xạ tự nhiên phù hạp với hoàn cảnh đang xảy ra không chê được.

Chẳng hạn, thấy một chàng trai ở rể bị lợi dụng, miệng đời đã có câu đàm tiếu:

Công anh làm rể đốn rào
Tào lao phất ngọn, chớ nào vợ anh?

Câu này làm chúng ta nghĩ ngay đến câu tương tự ở ngoài Bắc:

Công anh làm rể chương đài
Một mình ăn hết mười hai vại cà,
Giếng đâu thì dắt anh ra
Không thì anh chết với cà nhà em.

Hay để trêu chọc sự dan díu ngoài khuôn phép của gia đình và xã hội của một đôi trai gái, chúng ta đã có sẵn câu:

Mùng ba thì có trăng non,
Anh đi lên xuống có con anh bồng

Nó cũng nằm ngay trong câu hát ru con của các mẹ, các chị bình dân, những câu ca dao cứ tuần tự tuôn ra một cách tự nhiên, không gò ép, không sửa soạn, cứ hết câu này đến câu khác, ru trẻ vào giấc ngủ. Nhiều khi họ còn dùng để diễn tả, kể lể tâm trạng, thân phận của chính họ:

- Má ơi đừng gả con xa,
Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu.
- Ví dầu cầu ván đóng đinh
Cầu tre lắt lẻo gập ghình khó đi
- Giả đò mua khế bán chanh
Giả đi đòi nợ thăm anh đỡ buồn
- Đôi gióng đứt giây, bỏ đôi thúng bơ thờ
Đòn gánh kia có gảy còn chờ mụt măng
Em có chồng rồi như cá đã vào đăng
Ra vô không đặng, nói năng uổng lời
.....

Năm 1970, tôi về làm việc tại một tỉnh nhỏ ở đồng bằng Cửu Long nên có dịp tiếp xúc với người bình dân, nông dân. Sau 1975, do chính sách của chính quyền Việt Nam lúc bấy giờ, tôi lại có dịp sống hẳn ở nông thôn, như một nông dân, gần gũi với nếp sống bình dị, làm quen với cách ứng xử, sinh hoạt của họ. Do đó xin nêu lên vài cảm nhận có tính rất chủ quan về ca dao miền Nam mà tôi ghi nhận được. Tôi không có tham vọng trình bày về ca dao miền Nam như một bài khảo cứu, công việc này xin dành cho những nhà biên khảo hay cho những công trình luận văn cao học, tiến sĩ. Cũng xin

nói thêm, vì sự thuần nhất (một cách tương đối) về âm sắc trong cách nói, sự tương đồng về sinh hoạt, xin được nới rộng yếu tố địa dư miền Nam ra đến phần đất tam Phan (Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết) mà do sự phân chia hành chánh, vùng này được xếp vào Trung phần. Và cũng xin nhấn mạnh bài viết chỉ nhằm đóng góp, nêu lên một phần di sản văn hóa bị bỏ quên trong văn học sử, tuyệt nhiên không có ý phân biệt địa phương.

I. Vài nét về sự hình thành cư dân Miền Nam

Kể từ sau cuộc hôn nhân Việt-Chiêm giữa Huyền Trân Công Chúa và Chế Mân , nước Việt chúng ta có thêm hai châu Ô, châu Rí (Thế kỷ XIV, XV). Để đối kháng với thế lực thống trị từ phía Bắc, Việt Nam cần phát triển hậu cứ, lập nền tảng kinh tế để phát triển tiềm năng kháng cự với Tàu, nên đã bắt đầu chú ý đến việc phát triển về địa lý vào phương Nam. Nhưng phải chờ đến khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá (năm 1558) và tuyên xưng là Chúa Nguyễn (năm 1600), hướng vào Nam mới được phát triển một cách có qui củ để tạo thành một thế lực ngang ngửa với chúa Trịnh ở miền Bắc. Với chính sách tằm ăn dâu, người Việt cứ bành trướng dần vào Nam. Những người tiền phong là những lính thú khai hoang lập ấp, họ là những người vừa chiến đấu vừa sản xuất. Họ cũng là những lưu dân từ vùng Thanh Nghệ, tìm đến phần đất của chúa Nguyễn để sinh sống, người có tài như Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Cảnh... thì được trọng dụng, người bình dân thì được đưa vào dần trong Nam theo chân các tập đoàn quân sự khai hoang lập ấp. Họ cũng là những tù, hàng binh của Trịnh do Nguyễn bắt được, đưa sâu vào Nam để dễ bề quản thúc, kiểm soát... Cũng có những cuộc tình duyên có tính chính trị nhằm mở rộng lãnh thổ như cuộc tình duyên của công chúa Ngọc Hoan (hay Ngọc Vạn?) với vua Miên Chey Chetty dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (Chúa Sãi), bà hoàng người Việt này đã mang theo nhiều người Việt vào sinh sống ở vùng đất Chân Lạp. Sang thế kỷ XVII, các di thần nhà Minh không chấp nhận Thanh Triều đã đem bộ hạ và gia quyến vào xin đầu phục Chúa Nguyễn, Chúa Hiền cũng cho vào định cư vùng Đồng Nai, Biên Hòa (Trần Thắng Tài), Mỹ Tho (Dương Ngạn Địch, TrầnThượng Xuyên) và sau đó vùng đất Hà Tiên do Mạc Cửu mộ dân khai thác, được dâng cho Chúa Nguyễn.

Khi Gia Long lên ngôi, một trong những chính sách quan trọng ở miền Nam là ổn định đời sống về kinh tế, miễn thuế cho cư dân thuộc vùng đã giúp nhà vua khi còn bôn đào trong thời chiến tranh với Tây Sơn. Sau Gia Long, Minh Mạng và Thiệu Trị đã cho phát triển những đơn vị bán quân sự, cho đào kinh khuyến khích việc mộ dân lập làng, tiếp tục miễn giảm thuế cho những vùng vừa khai thác nên dân số ngày càng đông. Thành phần cư dân hình thành trong vùng gồm phần đông là binh lính, di dân Việt từ Thuận-Quảng chuyên làm ruộng ít học, sau đó là người Miên, sống rải rác trong các sóc (làng Miên) trên những vùng đất cao ráo và người Hoa làm rẫy hay buôn bán, tập trung cạnh các con sông lớn, tạo thành những thị tứ thịnh vượng. Tuy vậy, phát triển của vùng này chỉ được chú trọng vào quân sự và kinh tế, còn văn hóa chỉ được triển khai có hệ thống về phía tôn giáo ở các miếu, đình, chùa.

Cuối thế kỷ 19, Pháp xâm chiếm Việt Nam, chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ, miền Nam gần như mất hẳn ảnh hưởng chính quyền trung ương, văn hóa miền Nam cũng theo trào lưu đó mà biến đổi. Nền học cũ bị bãi bỏ, cái học mới chỉ để phục vụ cho chế độ thực dân. Đại đa số người dân miền Nam thiếu học, lại mất đi nguồn bổ sung nhân lực chính là các binh lính từ các phiên trấn thuộc chính quyền trung ương, sinh hoạt văn hóa thông thường và dễ dãi của người bình dân là hát hò với nhau.

Với sự hình thành về thành phần cư dân cho vùng đất miền Nam như thế, sự giao lưu về văn hóa giữa ba nhóm cư dân nói trên (Việt, Miên, Hoa) nhất định phải xảy ra và vì vậy, chúng ta không thể không để ý đến tính đa văn hóa sẽ phát triển trên vùng đất này và có thể giải thích được tại sao văn hóa miền Nam không bị gò bó vào khuôn mẫu và không có tính cách thuần nhất như ở miền Bắc. Ngoài Bắc, người dân sống quần cư ổn định trong những làng (thường có truyền thống từ lâu) và chịu ảnh hưởng văn hóa của nho sĩ, quan về hưu, chịu kỷ cương của văn hóa phong kiến do khuynh hướng trọng Nho của bao đời. Trong Nam, người bình dân, lính thú... là những người thiếu học, đơn giản, sống tương đối rải rác do điều kiện địa dư (đất rộng, sông rạch chằng chịt, họ khó có thể có những sinh hoạt văn hóa dựa trên chữ viết, sân khấu... mà sinh hoạt truyền miệng, phóng khoáng hơn, dễ dãi hơn được phát triển

mạnh. Có điều nhận xét khá lý thú là âm sắc trong ngôn ngữ càng vào sâu trong Nam càng nhẹ dần, nhưng vốn từ vựng từ phía nam Hải Vân vẫn còn được duy trì thống nhất và được phát triển thêm, làm giàu thêm trong suốt chiều dài phát triển lãnh thổ về phía nam. Tinh thần văn hóa ở phần đất này có những độc đáo, tự nhiên, bình dị và đôi khi đi đến sỗ sàng, trong khi tinh thần văn hóa ở phần đất thuộc Đàng Ngoài (thuộc chúa Trịnh) đã đạt đến mức tinh luyện, khuôn mẫu, nghiêm túc.

Người dân miền Nam chịu ảnh hưởng của luồng văn hóa có tính bình dân của các văn nhân theo vào với Chúa Nguyễn trong giai đoạn đầu đan kết với những luồng văn hóa của Khmer, Hoa, Pháp, cộng với điều kiện sinh hoạt dễ dàng, đất rộng người thưa, sông sâu nước chảy, tài nguyên thiên nhiên thừa thãi. Họ sống bình dị, không muốn bó mình trong những khuôn mẫu có sẵn là điều dễ hiểu. Có khi do điều kiện sinh hoạt riêng rẽ (trong giai đoạn đầu tiên không phải ở làng xã nào cũng có những bậc túc nho hay người biết chữ), nên sự tùy tiện trong giải thích hay trong sinh hoạt văn hóa làm nảy sinh tính dễ dãi, uyển chuyển, sao cũng được, miễn là mọi người vui và hạnh phúc là được rồi. Hơn nữa, đối với những con người tiền phong, sau những lúc phấn đấu với thiên nhiên còn mang tính hoang dã:

Xứ đâu có xứ lạ lùng
Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh

hay

Cà Mau khỉ khọt trên bưng
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um

thì trong những lúc có dịp ngồi lại với nhau như sau vụ mùa, buổi chợ, trong những dịp ma chay, cưới hỏi, cất nhà... người bình dân còn có nhu cầu giải trí nào khác ngoài những dạng nói thơ, kể chuyện tiếu lâm, hát, hò....? Họ không có khả năng ngâm vịnh, sáng tác.

TRẦN MỘNG TÚ

YẾN ƠI! YẾN ƠI!

Bạn bè gọi nhau báo
xuyên qua những ngôi nhà
xuyên qua những thành phố
xuyên qua những vườn hoa

xuyên qua nắng tháng tám
ngưng lại giữa buổi chiều

Anh ấy đã đi rồi!
Yến đã đi thật rồi!

Anh ấy đã đi rồi
nghe như tiếng đá rơi
tiếng rơi khô và gọn
lăn về tận cuối trời

Yến đã đi thật rồi!
nghe như chim bỏ tổ
tiếng cánh đập trên cao
thả cọng rơm nào xuống

Bẩy năm ôm lấy bệnh
dấu kim đầy hai tay
Yến như chim rã cánh
vẫn không mỏi đường bay

Bẩy năm Yến thản nhiên
nhìn thân mình hư hoại
trí óc vẫn tinh khôi
lửa đam mê cứ cháy

Bẩy năm giữa tỉnh mê
khi tỉnh làm chim Yến
mang trái tim đại bàng
khi mê làm đại bàng
vẫn mang hồn Yến nhỏ

Thôi, Yến ơi, Yến ơi!
bình an bay đi nhé
đừng tiếc chi củi lửa
rồi cũng tàn tro bay.

Ngày 17 tháng 8 năm 2006

Ca dao miền Nam đã phát triển trong chiều hướng đó. Chính yếu tố bình dị, nghĩ sao nói vậy, mộc mạc, dễ hiểu đã làm cho ca dao miền Nam có sức sống rất mạnh, được quần chúng chấp nhận dễ dàng và do đó làm ảnh hưởng đến sự sinh hoạt và tư tưởng của quần chúng:

- Hủ qua (khổ qua) *xanh, hủ qua trắng*
Hủ qua mắc nắng hủ qua đèo
Thương em, thì anh làm giấy giao kèo
Lăn tay điểm chỉ mới thiệt con mèo của em
- Thấy em gò má hồng hồng
Phải chi em đừng mắc cỡ, anh bồng anh hun

thật khó tìm thấy những câu tương tự như vậy ở ca dao miền Bắc.

II. Vài tính chất có tính đặc trưng

Ca dao, ở đâu cũng vậy, là sản phẩm của quần chúng. Chúng ta không biết tác giả hay hoàn cảnh sáng tác, nhưng chúng ta biết chắc một điều: ca dao được người bình dân biết đến, sử dụng và truyền bá. Không có quần chúng, ca dao nói riêng, văn chương bình dân nói chung không thể phát triển và lưu truyền. Qua ca dao, chúng ta có thể mường tượng được nếp sinh hoạt, hoàn cảnh sống và phần nào tâm tư của người bình dân. Do vậy, tuy ca dao có những cái chung nhưng cũng có những cái riêng của vùng. Chúng ta khó có thể tìm thấy được ca dao miền Nam lại có những câu nói về núi cao, ao cá... như kiểu:

- Núi cao chi lắm núi ơi,
Che khuất mặt trời, không thấy người yêu.
- Tiếc công anh đào ao nuôi cá,
Năm bảy tháng trời, người lạ tới câu.

dù trên thực tế, không phải người dân miền Nam không biết núi, biết ao mà chỉ vì núi, ao không phải là hình ảnh nhìn thấy hàng ngày của người miền Nam.

Chúng ta thử lược qua những tính chất đặc sắc của ca dao miền Nam.

1/ Tính uyển chuyển

Một trong những nét dễ nhận thấy là người miền Nam không chịu bó trong những khuôn mẫu có sẵn, có lẽ do cuộc sống quá được ưu đãi từ thiên nhiên hào phóng, con người cũng trở nên phóng khoáng. Từ một câu có tính nhận xét trong đời sống hàng ngày, mà chúng ta thấy ở đâu cũng đúng:

Chiều chiều quạ nói với diều
Tìm nơi đống trấu có nhiều gà con

vào đến miền Nam chúng ta nghe thấy nó biến thể thành:

Chiều chiều quạ nói với diều
Cù Lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm

Người miền Nam có thể chuyển nhóm chữ "Cù Lao Ông Chưởng" thành một nhóm chữ nào đó thích hợp với địa danh họ đang sống, họ chẳng hề bị bó buộc phải rập khuôn theo câu ca có sẵn. Vùng Ô Môn, Bình Thủy (Cần thơ) cũng có câu tương tự, chỉ đổi bốn chữ cù lao Ông Chưởng bằng bốn chữ Ô Môn Bình Thủy. Chúng ta có thể tìm thấy dạng này khắp nơi ở miền Nam, lâu dần chúng ta không còn biết câu nào là nguyên bản, câu nào là sao chép. Ở vùng Cao Lãnh, Đồng Tháp Mười chúng ta có câu:

Nước chảy Láng Linh, chảy ra Vàm Cú
Thấy dáng em chèo, cặp vú muốn hun

Nhưng vùng Trà Cú (Vĩnh Long - Vĩnh Bình), ta lại nghe:

Nước chảy sông xa, chảy qua Trà Cú
Thấy dáng em chèo, cặp vú muốn hun
Một câu khác mà chúng ta ai cũng biết:
Nam Vang đi dễ khó về,
Trai đi có vợ, gái về có con

để chỉ Nam Vang là xứ ở xa, rất xa, đi lại không tiện, ai đi Nam Vang (nghĩa là qua Miên) làm ăn thì thường lập gia đình luôn ở bên ấy. Ở miền Nam, chúng ta nghe không thiếu gì câu hát trên, chỉ đổi chữ Nam Vang thành Long Xuyên, Cần Thơ, Gò Công... và nghe những câu ấy, chúng ta cảm được cái tình ấm áp của người địa phương làm cho kẻ lãng du phải dừng chân:

Tới đây thì ở lại đây,
Chừng nào bén rễ xanh cây rồi về

Thật ra tính uyển chuyển vừa nêu không phải là một đặc thù của ca dao miền Nam, nhưng ở miền Bắc và miền Trung, những dị bản của những câu ca dao ít tìm thấy hơn ở trong Nam. Một trong những câu điển hình là câu:

Gió đưa cành trúc la đà
Hồi chuông Trấn Quốc, canh gà Thọ Xương

ở ngoài Bắc, vào đến Huế biến thành:

Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.

Cũng vì tính chất này mà ở miền Nam, chúng ta thấy ca dao thường ở dạng lục bát biến thể nhiều hơn. Số chữ trong mỗi câu hoàn toàn tùy thuộc vào cách nói, không bị gò cho đủ sáu hay tám chữ, miễn sao diễn tả đủ ý muốn nói và có vần điệu dễ đọc, dễ nhớ. Phải chăng tính

thực tiễn và phóng khoáng của người dân Nam bộ đã làm cho sự uyển chuyển dễ xảy ra hơn?

Nhân đây, xin nói thêm về tính uyển chuyển đó: ở trong Nam, ai đã từng sống ở nông thôn vùng Cửu Long đều biết, khi cúng dựng nhà người nông dân miền Nam thường bày dĩa trái cây trên bàn thờ theo công thức: dừa, đu đủ, xoài; hay mãng cầu, dừa, đu đủ, xoài biểu thị lòng mơ ước của họ: vừa đủ xài hay cầu vừa đủ xài, họ không bao giờ cúng chuối, dù trên bàn thờ của gia đình vào ngày Tết, cho rằng như vậy là chúi nhủi, khác với cư dân từ Nha Trang vào đến Xuân Lộc luôn có chuối trên bàn thờ, bất luận dịp nào - Đó là do cách phát âm trong Nam không phân biệt dừa và vừa, xoài và xài, chuối và chúi. Ở đồng bằng Nam Bộ người ta chỉ bày chuối trên bàn thờ Phật. Cũng do sự dễ dãi trong phát âm, không chàng trai gốc ngoài Bắc hay Trung nào, lần đầu tiên khi vào miền Nam (đặc biệt miệt vườn Cửu Long) không hết hồn khi gặp mấy cô gái ruộng tay cầm vòng hái (lưỡi hái) chấp lại kính cẩn chào "xin vái thầy" hay bị chới với khi cô gái vườn niềm nở mời hôm nào "quởn" (hưởn), mời anh vô vườn em chơi. Xin nhắc lại là người miền Nam không phân biệt được âm v và âm d, gi trong khi nói.

2/ Tính cường điệu

Người bình dân miền Nam nói riêng, và cả nước nói chung ít học, nhưng ở miền Nam, người bình dân lại thường ra vẻ "ta đây" hay chứng tỏ mình ngon lành, thích nói chữ như muốn chứng tỏ mình là người hay chữ, đôi khi không trúng trật vào đâu

- Bước vô trường án, vỗ ván cái rầm
Bửa xưa ông Tham biện, chó bạc tiền ông để ở đâu?

- Cách một khúc sông, kêu bằng cách thủy (?)
Chợ Sài Gòn xa, chợ Mỹ cũng xa ...

Chính vì tính hay phô trương không đúng chỗ, nên chúng ta đừng chờ đợi ở ca dao miền Nam những cách sử dụng đúng từ ngữ, diễn tả đúng cách, đúng chỗ. Cái mà chúng ta thường gặp ở đó là những cách nói vô nghĩa, cốt chỉ có vần, có điệu; nhất là trong các câu hò, chúng ta thấy hình như họ cố ý kéo dài câu hò, nói lan man, cốt để tranh thủ thời gian tìm ý. Họ thường ưa nói quanh co, không đi ngay vào đề tài chính, mà đôi khi lối quanh co này chẳng dính dáng gì đến việc họ muốn nói. Muốn trêu chọc một cô gái, chàng trai nói lan man:

Đầu giồng có bụi chuối
Cuối giồng có cây đa
Ngã ba đường cái có cây tơ hồng
Con gái chưa chồng, cái lòng hực hở,
Con trai chưa vợ, ruột thắt tầm canh

để cuối cùng mới nói :

Ngó lên mây trắng trời xanh,
Ưng đâu cũng vậy, ưng anh cho rồi

hay cô gái muốn từ chối nhẹ nhàng lời tỏ tình của chàng trai vì còn phải lo phụng dưỡng cha mẹ già (không chừng đó chỉ là cái cớ nêu ra để từ chối), cô không nói thẳng vào vấn đề, mà xa xôi bóng gió trước:

Đèn nào cao cho bằng đèn Châu Đốc
Gió nào độc cho bằng gió Nam Vang
Một tiếng anh than, hai hàng lụy nhỏ
Có chút mẹ già, biết bỏ ai nuôi?

Ta thấy ngay, tính chất này khác hẳn với cách nói có tính cách khuôn mẫu ở ngoài Bắc, người dân miền Bắc thường nghiêm túc hơn, trữ tình một cách khách sáo hơn, mang ít nhiều tính nghệ thuật hơn, và thường "đi thẳng" vào vấn đề hơn:

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà, hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em có chồng rồi, anh tiếc lắm thay...

hay khen tặng vẻ đẹp của cô gái một cách kín đáo trong:

... Xây dọc rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
Có rửa thì rửa chân tay,
Đừng rửa lông mày chết cá ao anh

Kiểu nói dông dài này gặp rất thường trong ca dao miền Nam, nơi mà con người thường ồn ào chứng tỏ sự "thông thái" của mình một cách rất dễ dãi, mà cũng rất dễ thương

Đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ
Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu
Anh về học lấy chữ nhu
Chín trăng em đợi, mười thu em chờ

hay:

Tàu xúp lê một, còn thương còn nhớ
Tàu xúp lê hai, còn đợi còn chờ
Tàu xúp lê ba, tàu ra biển Bắc,
Tay vịn song sắt, nước mắt ròng ròng
Thương em từ thủa mẹ bồng
Bây giờ em lớn, em lấy chồng bỏ anh!

3/ Tính trữ tình

Trữ tình vốn là một thuộc tính của tình nam nữ, cho dù ở phần nào của đất nước, người bình

dân diễn tả tình cảm của mình một cách rất nhẹ nhàng, thoải mái. Quả thật, kho tàng văn chương bình dân cho ta vô vàn những câu tỏ tình bóng gió có, lộ liễu có, và rất đậm tình quê hương. Miền Nam cũng không ra khỏi thông lệ đó. Ca dao miền Nam dùng để tỏ tình có nhiều như bất cứ vùng nào của đất nước. Ta có thể đơn cử vài câu:

- Rồng chầu ngoài Huế,
Ngựa tế Đồng Nai,
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài,
Thương người xa xứ lạc loài tới đây.
- Thò tay anh ngắt ngọn ngò
Thương em đứt ruột, giả đò ngó lơ
- Mù u bông trắng, lá thắm, nhị (nhụy) vàng,
Anh đi khắp xứ, tới đây mới gặp nàng thiệt dễ thương
- Mẹ mong gả thiếp về vườn,
Ăn bông bí luộc dưa hường nấu canh
Thương anh cũng muốn theo anh
Ngặt cha với mẹ không đành thì sao?

Cũng như các phần khác của đất nước, ca dao miền Nam thể hiện rõ nét phong cảnh, sinh hoạt, đồng ruộng màu mỡ, sông rạch của miền Nam. Đời sống tình cảm của người dân cũng trải rộng với thiên nhiên, sông nước:

- Bớ chiếc ghe sau, chèo mau anh đợi
Qua khỏi chỗ này lùm bụi tối tăm.
- Cầu cao ván yếu,
Con ngựa nhỏ xíu nó kiệu tứ linh
Em đi đâu tăm tối một mình
Hay là em có tư tình với ai?
- Tàu Nam Vang chạy ngang cồn cát,
Xuống câu tôm bơi sát mé nga
Thấy em cha yếu mẹ già
Muốn vô hoạn dưỡng biết là được chăng
- Mười giờ xe lửa nhỏ bỏ chợ Bến Thành,
Xúp lê kia dạo thổi, bộ hành xôn xao.

Đối với những tình cảm nhẹ nhàng khác, tình gia đình chẳng hạn, cách diễn tả ở miền Nam cũng đơn giản và thực tế hơn:

- Râu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan, vợ húp gật đầu khen ngon
- Chim quyên ăn trái nhãn lồng
Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.
- Sông dài cá lội biệt tăm
Phải duyên chồng vợ, mấy năm cũng chờ

khác hẳn với tính sâu sắc, nên thơ như ở miền Bắc:

Hôm qua ra đứng bờ ao
Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ...
...Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào khê nước chảy vẫn còn trơ trơ.
hay thâm trầm như ở miền Trung.
Chồng chài, vợ lưới, con câu
Sông Ngô, bể Sở, biết đâu bến bờ?
Khi nên tay kiếm tay cờ
Không nên thì cũng chẳng nhờ cậy ai

Qua ca dao chúng ta có thể tìm thấy nhiều từ rất thông dụng ở miền Nam. Đây là nguồn tài liệu quan trọng cho những ai muốn khảo cứu về ngữ âm miền Nam:

- Nước rong nước chảy tràn đồng
Tơ duyên có đó, chỉ hồng chưa xe
- Nước ròng bỏ bãi xa cừ
Mặt em có thẹo, anh trừ đôi bông
- Bậu nói với qua bậu không hái mận bẻ đào
Chớ mận đâu bậu bọc, đào nào bậu cầm tay.
- Mưa lâm thâm, ướt dầm bông sói
Bậu đi lấy chồng, sao không nói anh hay?
...

4/ Tính chớt nhả, cắt cớ

Tính phóng khoáng trong cuộc sống ở miền Nam thể hiện rất rõ nét trong ca dao miền Nam, tính chất này còn được đẩy xa hơn, trở thành chớt nhả. Hơn đâu hết, chính miền Nam là nơi người ta tìm thấy dễ dàng sự cắt cớ, sống sượng đến độ bất ngờ khiến người trong cuộc (dù có học) chưa chắc thoát ra được. Cô gái đang làm việc dưới ruộng, mình mẩy đầy bùn sình, hỏi chàng trai đang ở trên bờ:

Hai tay em cắm xuống bùn
Mình mẩy lấm hết, chớ anh hun chỗ nào?

chàng trai trả lời tỉnh bơ:

Cầu trời đổ trận mưa rào
Bùn sình trôi hết, chỗ nào anh cũng hun!

Chàng trai, muốn đặt cô gái vào tình trạng khó xử, sống sượng yêu cầu

Đôi mình mới gặp ngày nay
Cho hun một cái em Hai đừng phiền

chàng trai đắc ý, tưởng sẽ nhận được ở cô gái sự e thẹn, hay lời rủa sả, hay một cái bộp tai; không dè cô gái không phải tay vừa, đốp chát liền:

Ừ, muốn hun thì hun cho liền
Đừng làm thố lộ xóm giềng cười em

trong trường hợp nếu bạn là chàng trai đó bạn làm sao? không biết bây giờ ai là người bị lúng túng, ở đây chàng trai chẳng những không lúng túng mà còn liều lĩnh sống sượng hơn, lỡ rồi đành tới luôn:

Tui hun mình dẫu có la làng
Thì tui ra đó hai đàng chịu chung

Tui hun mình dẫu có làm hung
Nhơn cùng tắc biến, tui chun xuống sàn

Về tính cắt cớ, muốn đặt đối phương vào trong những tình huống khó tháo gỡ, chúng ta thường gặp trong những câu hò đố. Nếu ở ngoài Bắc những câu hát đố luôn có tính nghiêm trang, có tính "bác học" đến độ chúng ta phải đặt dấu hỏi liệu đó có phải là sản phẩm của lớp bình dân ít học? xin đơn cử:

... Chùa nào mà lại có hang
Ở đâu lắm gỗ thời chàng biết không?
Ai mà xin được túi đồng
Ở đâu lại có con sông ngân hà
Nước nào dệt gấm thêu hoa...
... Chùa Hương Tích mà lại có hang
Trên rừng lắm gỗ thời nàng biết không?
Ông Nguyễn Minh Không xin được túi đồng
Trên trời lại có con sông ngân hà
Nước Tàu dệt gấm thêu hoa...

hay những câu hát đố đẹp và hay như một bài thơ:

Đố ai biết lúa mấy cây
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng
Đố ai quét sạch lá rừng
Để tôi khuyên gió, gió đừng rung cây...

ở miền Trung, chúng ta có câu:

Đố anh con rít mấy chưn
Cầu Ô mấy nhịp, chợ Dinh mấy người

thì ở miền Nam, chúng ta khó tìm thấy những câu hò, câu hát đố có tính trữ tình như thế, nhưng chúng ta lại thấy khá nhiều những câu có tính buộc thắt, khiến đối phương phải rất nhanh trí để thoát khỏi thế bí, và như chúng ta sẽ thấy, họ "thoát hiểm" rất dễ dàng và gài lại đối phương. Những câu sau đây sưu tập được từ Vĩnh Long:

- Thấy anh ăn học có thi
Em đây xin hỏi con chi không đầu
Sao em lại hỏi cơ cầu
Thượng cầm hạ thú, không đầu là con cua
- Thấy anh theo dõi bút nghiên
Em đây xin hỏi, trời nghiêng bên nào
Anh từng đọc sách bên Tàu
Đất nghiêng thì có, trời nào đâu nghiêng
- Thấy anh ăn học lảu thông
Em đây xin đố, khăn lông có mấy đường
Em về đếm hết cỏ vườn
Lại đây anh nói mấy đường khăn lông
- Thấy anh ăn nói có tài
Em đây xin đố cây xoài có mấy bông
Em về đếm cá dưới sông
Lại đây anh nói mấy bông cây xoài.

Những câu trên có cùng một dạng thức, điều đó chứng tỏ có thể từ một người làm ra, nhưng trong một đám cưới ở một vùng nông thôn thuộcVĩnh Long, trong đêm nhóm họ ở nhà cô dâu, chính người viết đã nghe ít nhất có hai câu đố trên, tất nhiên không thấy có câu trả lời thích đáng từ đối phương. Cũng có những câu đố mắc mỏ, không mong gì tìm được câu trả lời xác đáng:

Đố ai kiếm được
Cái vảy con cá trê vàng,
Lá gan con tép bạc
Mấy ngàn em cũng mua.

chỉ còn nước trả lời theo kiểu huề vốn:

Kiếm đâu cho được
Cái vảy con cá trê vàng,
Lá gan con tép bạc
Để nàng chịu mua?

III. Vài cảm nghĩ

Trong những phần trên, chúng ta đã lượt qua một vài đặc sắc của ca dao miền Nam. Trong khuôn khổ của bài báo, người viết không thể trình bày hết những nét đặc thù của ca dao miền Nam nói riêng cũng như những dạng văn chương truyền khẩu khác như hò, vè... nói chung. Điều đáng nói là văn hóa miền Nam chưa có chỗ đứng đúng đắn trong văn học sử của Việt Nam, cũng chưa được đề cập một cách đầy đủ trong chương trình học ngày trước (và cả ngay bây giờ). Chúng ta có thể có nhiều cách giải thích:

1. Có lẽ do người viết chương trình của bộ giáo dục trong những năm đầu chuyển tiếp từ chương trình Pháp sang chương trình Việt (và cả những vị về sau, trong các chương trình cải tổ) không có tài liệu nhiều về văn học trong Nam; hay
2. người viết chương trình không biết gì về văn học trong Nam; hay
3. người viết chương trình cho rằng văn học trong Nam quá nôm na, không có vẻ "bác học"; hay
4. đơn giản hơn hết là văn học trong Nam chưa có đủ chiều dài về thời gian để có chỗ đứng trong văn học sử...

Dù vì bất cứ nguyên nhân nào, chúng ta đã không dành một chỗ đứng thích đáng cho văn học trong Nam. Chúng ta đã bỏ quên tính đại chúng trong giáo dục. Do đó, phần nào, chúng ta đã tự tách rời người có học với quần chúng; và quần chúng này, tuyệt đại đa số là những người có rất ít những liên hệ văn hóa với những

phần đã được dạy ở nhà trường. Làm thế nào đại đa số quần chúng ở miền Nam ấy có thể hiểu và thông cảm với những gì mà chính họ, hay con cái của họ đã nhận được từ trường, khi những điều đó không thấy được thể hiện quanh họ? - Mặc dù không thể không nói đến những đóng góp về văn học Việt Nam do những nhà văn, nhà báo tiền phong (mà hầu hết đều xuất thân từ phân nửa trên của đất nước), nhưng sự mất cân đối trong chương trình học đã làm học sinh trở thành xa lạ với môi trường họ đang sống, trở thành vong thân với chính xã hội của họ. Học sinh miền Nam có thể biết nhiều về *Xuân Tóc Đỏ, Chị Dậu, Nhà Mẹ Lê, Bỉ Vỏ*... mà biết rất ít hay không biết gì về *Ngọn Cỏ Gió Đùa, Đò Dọc, Đồng Quê* (Phi Vân) *Hương Rừng Cà Mau* (Sơn Nam)...

Ngày nay, phần nào văn chương bình dân của miền Nam đã đi vào đời sống qua các bài hát dựa vào các điệu lý, điệu hò. Nếu cách đây ít lâu, ngoại trừ lãnh vực cải lương, cổ nhạc Nam phần, các ca sĩ dù người miền Nam, trình bày những bài hát về miền Nam cũng ráng tập phát âm bằng giọng Bắc, càng chuẩn càng tốt, không dám hát bằng giọng Nam sợ bị chê là quê mùa, thì bây giờ nhạc sĩ, ca sĩ (có cả người gốc ngoài Bắc) dùng hẳn giọng Nam để sáng tác, để hát. Họ không có cái "mặc cảm" quê mùa như trước. Thử tưởng tượng Phi Nhung hát bài Lý con Sáo Bạc Liêu (Phan Ni Tấn) bằng giọng Bắc thì nó ra làm sao? Còn những bài khác nữa: Bài Tình Ca Đất phương Nam (Lư nhất Vũ - Lê Giang), Chiếc Áo Bà Ba (Trần Thiện Thanh), Còn Thương rau đắng mọc sau hè (Bắc Sơn), Điệu Buồn Phương Nam, Con Sáo Bạc Liêu (Vũ Đức Sao Biển)... làm thế nào để ca sĩ diễn tả tính Nam bộ trong các bài hát đó bằng giọng Bắc? Cũng vậy, ngày xưa lúc ban Hợp Ca Thăng Long hát bài Tiếng Sông Cửu Long (trong trường ca Hội Trùng Dương), nghe Thái Thanh ngâm:

Chẻ tre bện sáo cho dày
Ngăn ngang sông Mỹ, có ngày gặp em

hay thì có hay, nhưng thấy nó vẫn là lạ.

Cũng nhân đây, xin nói thêm về cái thiếu hiểu biết về miền Nam, hay coi nhẹ tinh thần Nam bộ, mà các tác giả về mọi lãnh vực đã không đặt nặng việc sử dụng đúng ngôn ngữ trong Nam cho các công việc của họ. Trong *Việt Nam Sử Lược*, khi nói về Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh, sử gia Trần Trọng Kim chỉ dùng Nguyễn Hữu Kính (cũng có thể do kiêng tên của Hoàng Tử Cảnh), người dân miền Nam không thể nhận ra đó là vị Chưởng Cơ đã có rất nhiều công trong việc xây dựng và bảo vệ phần đất này trong giai đoạn đầu. Cũng vậy, khi Phạm Duy viết đến phần miền Nam (trong Con Đường Cái Quan) đã dùng:

Giả ơn cái cối cái chày
Đêm khuya giả gạo có mày có tao
Giả ơn cái nhịp cầu ao
Đêm khuya vo gạo, có tao có mày

Không ai có ý kiến gì về lãnh vực âm nhạc mà nhạc sĩ Phạm Duy đã là bậc thầy, nhưng cách dùng chữ, rõ ràng là ông vẫn còn ảnh hưởng miền Bắc nên không dùng đúng những chữ mà người miền Nam đã dùng. Nghe nó ngọng nghịu và làm giảm ít nhiều giá trị đích thực của bài hát. Người miền Nam không ai nói "giả ơn" mà nói "trả ơn" hay "cám ơn". Chúng ta cũng thông cảm được vì cứ xem người "lữ khách" của Phạm Duy chỉ mới vừa vào miền Nam, chưa đổi được thói quen của mình (như bao đồng bào gốc Bắc khác); nhưng "cầu ao" để "vo gạo" thì không có. Ở miền Nam chỉ có "cầu nước, cầu nhủi", đơn giản vì miền Nam không có ao (trừ ao Bà Om của Người Miên ở Trà Vinh, một địa điểm để du ngoạn, cắm trại), miền Nam chỉ có hồ, đìa, đầm, vũng, giếng...

Chúng ta phải chấp nhận tính đơn giản mộc mạc của miền Nam như là một đặc thù của văn chương ở vùng đất non trẻ này của đất nước, chúng ta không có mặc cảm gì về sự nôm na, chất phác của lớp người bình dân ấy. Trả lại cho văn chương và văn hóa miền Nam chỗ đứng đúng đắn trong văn học sử là việc nên làm, phải làm. Công việc đó qui mô và cần công sức của nhiều học giả, nhà nghiên cứu, của nhiều người. Bài viết này xin được là một đóng góp nhỏ cho công việc to lớn ấy.

Viết lại tháng 8/2006

Tài liệu Tham Khảo:

1. Việt Nam Sử Lược *(Quyển II) - Trần Trọng Kim -Trung Tâm học Liệu xb 1971*
2. Việt Sử Tân Biên *(Quyển 3) - Phạm Văn Sơn - Cơ sở xuất bản Đại Nam (in lại)*
3. Đồng Bằng Sông Cửu Long *hay là* Văn Minh Miệt Vườn *- Sơn Nam - Nhà xuất bản Xuân Thu (in lại)*
4. Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam - *Sơn Nam - Nhà xuất bản Xuân Thu (in lại)*
5. Tiến Trình Văn Nghệ Miền Nam - *Nguyễn Q. Thắng - Văn Hiến xb 1994*
6. Sưu tầm Ca Dao Đồng Bằng Cửu Long - *Tài liệu in roneo, trung học Tống Phước Hiệp - Vĩnh Long.*

Quê Mẹ Ở Đông Hà

TRẦN QUANG THIỆU

Email của Hạnh từ Sài-Gòn gửi lên "Chúng em cần gặp anh và có chuyện cần anh giúp. Mike muốn tìm kiếm một người quê quán ở Đông Hà nhưng chúng em không biết gì về địa phương này. Nếu được anh đi cùng với chúng em thì công việc sẽ dễ dàng hơn."

Tôi trả lời "Tìm người ở Đông Hà? Anh cũng không biết nhiều về tỉnh miền Trung xa xôi này. Tháng tới anh sẽ xuống Sài-Gòn, và sẽ tìm gặp các em nói chuyện nhiều hơn."

Tôi nghĩ là tôi có thể giúp Hạnh được vì niên học đã gần tàn. Tôi thông báo cho Thắng biết là tôi sẽ về Mỹ nghỉ hè với gia-đình và sẽ trở lại Đà-Lạt tiếp tục dạy niên khóa tới. Tôi thấy hơi bâng khuâng, nhớ Trinh, nhớ California, muốn trở về sớm nhưng đồng thời cũng quyến luyến đám sinh viên đã cùng tôi quây quần mấy tháng vừa qua.

Gần ngày chia tay tôi nói với các em "Đây là bài thi mãn khóa, các em là hãy dùng tất cả những gì các em học được từ lớp vi-tính do tôi hướng dẫn, viết cho tôi một lá thư bằng 'MS Word', nói cho tôi biết cảm nghĩ của các em về lớp học này, gửi cho tôi bằng email, và đính kèm một tấm hình để tôi dù mai này dù không gặp lại tôi cũng vẫn luôn luôn nhớ tới các em. Tuy chỉ chấm điểm kỹ thuật, nhưng tôi cũng rất mong biết được cảm tưởng của các em về khoá học này vì quả thực tôi đã mang hết chân tình, yêu người và yêu thương cuộc đời, về đây với các em."

Nhiều sinh viên như lơ đãng, không để ý nhiều đến những gì tôi nói, có lẽ còn đang lo lắng cho những ngày sắp tới, nhưng cũng có vài cặp mắt long lanh như muốn khóc. Tôi thấy Tùng dụi mắt, Thủy cúi đầu như suy nghĩ, và Loan hướng mắt nhìn xa xôi.

Một tuần sau tôi nhận được các email 'nộp bài'. Nhiều lá thư làm tôi xốn xang, nhưng cũng có lá thư rất ngắn, làm tôi thật bùi ngùi *"Em ghi tên học môn vi-tính vì lý-do rất giản dị. Công việc nào bây giờ người ta cũng đòi hỏi Anh văn và vi-tính. Trước đây em tưởng như mất lòng tin với học đường, không ngờ em tìm lại được chút tình thầy trò đúng nghĩa. Em không biết nói gì hơn là cám ơn thày."*

Khi chia tay ngày cuối tôi cố vui đùa "Các em biết địa chỉ email của tôi rồi nên dù ở góc biển chân trời nào các em có gọi là tôi nghe thấy liền. Với lại tôi sẽ trở về đây vì Đà Lạt là quê hương thứ hai của tôi. Căn nhà các em thường tới thăm tôi sẽ còn đó, cửa lúc nào cũng rộng mở. Loan này, và Thủy nữa, đừng khóc nhè! Vài tháng nữa tôi sẽ trở lại, rất mong nghe tin vui!"

Tôi không mang theo gì nhiều xuống Sài Gòn gặp Hạnh, ngoài vài bộ quần áo và chiếc laptop chứa đầy email. Tôi muốn đọc lại từng chữ, từng dòng để biết chắc rằng những việc tôi đang làm

có mang lại kết quả và ý-nghĩa tôi mong muốn.

Tôi tới nhà Hạnh khi trời đã tối. Hạnh và Mike hình như đang rất nóng lòng gặp tôi, và như có vẻ buồn. Mike xách chiếc valise nhỏ vào căn phòng trống dành cho tôi trong lúc Hạnh kéo tôi vào phòng khách, hỏi tôi ngay khi tôi vừa ngồi xuống chiếc sofa dài:

"Anh mệt không?"

Tôi lắc đầu "Không em. Taxi từ phi-trường về nhà em cũng gần."

Hạnh như trách móc "Đáng lẽ anh phải báo trước cho em đi đón."

Tôi cười "Anh đi khắp thế giới và chẳng có ai đưa đón bao giờ. Em và Mike có chuyện gì buồn phải không."

Hạnh gật đầu "Louis, ba của Mike, mới vừa phát hiện ung thư phổi, và chỉ sống được vài tháng nữa là nhiều. Mike khóc quá trời, muốn trở về Mỹ ngay, nhưng Louis còn nhờ Mike đi kiếm một người. Để em đưa thư của Louis cho anh xem."

Hạnh chạy vào nhà trong, trở ra trao cho tôi lon bia lạnh và lá thư đánh máy rõ ràng "Louis nhờ em dịch ra tiếng Việt vì thư này không phải chỉ viết cho Mike mà còn cho bà Nguyễn Thị Bé mà Louis nhờ chúng ta đi tìm. Anh cứ đọc thư rồi sẽ rõ."

Lá thư khá dài, tôi đọc chậm trãi, vì nhiều chỗ Louis hoặc đã quên, hoặc quá xúc động nên không được rõ ràng.

"Mike, ba biết là con sẽ đau buồn và có thể sẽ không mấy hài lòng vì ba sẽ nói cho con câu chuyện mà ba đã dấu diếm mãi trong lòng. Ba cũng xin lỗi mẹ con nữa, dù bà đã qua đời và đang được Chúa che chở.

Ba mới được bác sĩ cho biết là ba bị ung thư phổi, giai đoạn 4, và chỉ sống được vài tháng nữa là cùng. Có lẽ đây là hậu quả của những ngày ba phung phí sức khoẻ, hút nhiều thuốc lá và cần sa khi xưa. Ba có chút buồn nhưng dù sao đi nữa thì ba cũng đã khá nhiều tuổi, và ra đi chỉ là vấn đề thời gian. Chỉ mong là Chúa sẽ tha tội cho những lỗi lầm của ba trước đây, để ba có thể về gần mẹ con.

Mike, con không phải là đứa con độc nhất của ba. Con còn một đứa em mà ba chưa bao giờ biết mặt. Ba không rõ nó là trai hay gái, còn sống hay đã chết, và mẹ nó, người đàn bà VN đau khổ đó bây giờ ra sao. Ba đã hèn nhát, dấu diếm sự thật cho tới lúc này, lúc ba không còn sống được bao lâu.

Năm 1972 ba được gửi qua Việt Nam. Như con biết gia đình chúng ta là gia đình quân đội. Ông nội của con và ba đều là thủy quân lục chiến, và cả con nữa, con cũng đã phục vụ vài năm như y-sĩ Hải Quân trước khi giải ngũ, nên ba rất hãnh diện thi hành nghiã vụ dù rằng phải bỏ con và mẹ con lại quê nhà.

Ba đóng ở một nơi gọi là Đông Hà, một tỉnh địa đầu của miền Nam V.N. Lúc đó cuộc chiến đã gần tàn nhưng vẫn còn rất khốc liệt, ba không muốn nói nhiều về thảm cảnh chiến tranh, vì hơn ai hết con đã hiểu nên con và vợ con đang làm những việc để hàn gắn vết thương này.

Trong những ngày cô đơn và bấp bênh với cái chết đó ba đã gặp được một người đàn bà VN, cô Nguyễn Thị Bé, khiến đời sống của ba được an ủi rất nhiều. Đó là một cô gái quê mùa, trôi dạt về thành phố để kiếm sống và ba đã gặp Bé khi cô ta vào làm lao công quét dọn phòng ăn trong căn cứ. Người đàn bà bé nhỏ ấy khóc thút thít vì bị đám lính xa nhà trêu chọc, và ba làm 'người hùng' giúp đỡ cô ta. Có lẽ là số phận, nên dù rằng ba rất yêu thương mẹ con, ba đã chung sống với người đàn bà ấy như vợ chồng.

Bé là một người đàn bà hiền dịu và nhẫn nhục, khắc hẳn những cô gái bán bar mà con đã được biết qua báo chí, phim ảnh mà người ta dùng để bôi nhọ dân tộc thiếu may mắn này. Bé cúi đầu chịu sự khinh rẻ của đồng hương vì Bé cần sự chu cấp nhỏ nhoi của ba để có thể bao bọc một đại gia đình trong cơn biến loạn. Có lẽ Bé không yêu ba như mẹ con yêu ba, nhưng cô ta đã săn sóc và phục tùng ba như một ông chủ đầy uy quyền, dù rằng ba chỉ là một Trung-Sĩ quèn. Đó là những ngày rất hạnh phúc của đời ba.

Năm 1973 hiệp định đình chiến ký kết, ba được điều động khỏi VN gấp rút, nhanh đến độ mà ba không có thì giờ lo liệu được gì cho Bé trước khi bị quân cảnh bắt lên xe đưa về trại để lên máy bay về nước. Lúc bấy giờ Bé đang mang thai, mang dòng máu của ba. Bé chạy theo xe quân cảnh, bàn tay bé nhỏ đưa ra như muốn níu kéo lấy ba, còn ba chỉ biết gục mặt, ngăn dòng nước mắt.

Lẽ dĩ nhiên là ba không bao giờ gặp lại Bé từ ngày đó. Đứa con của ba không biết là gái hay trai, và nếu còn sống nay cũng đã hơn 30 tuổi. Khi xưa ba chung sống với Bé trong một căn nhà nhỏ gần ngã ba quốc lộ 1 và quốc lộ 9. Nhà trong ngõ hẻm không có số nên sau này dù muốn viết thư ba cũng không thể làm được

gì.

Mike, ba sắp chết. Ba hối hận và chua xót vô cùng. Đây là tấm hình độc nhất ba còn giữ được, con hãy thay ba đi tìm Bé, tìm em con, nói lời xin lỗi dùm ba. Con đã thành nhân, đã là một y-sĩ có tấm lòng, con cũng không cần gì một chút của cải còn lại của ba. Con hãy tìm em con, giúp đỡ nó và nói cho nó biết là ba để lại cho nó tất cả những gì ba có, như một sự đền bù. Con cố giúp ba nghe.

Hillary: Con dịch lá thư này ra tiếng Việt, cả lá thư sau này nữa. Nếu Chúa hỗ trợ khiến chồng con tìm được em nó thì thư này có thể giúp được em con hiểu lòng ba và tha thứ cho ba phần nào.

*

Bé yêu dấu,

Nếu em đọc được thư này xin em hãy tha thứ cho tôi. Vì sao tôi không trở lại tìm em được tôi đã viết rất rõ ràng trong thư gửi cho con trai của tôi rồi. Nó sẽ đọc cho em nghe, và nó sẽ thay tôi nói lời xin lỗi với em.

Có lẽ tôi sẽ không bao giờ gặp lại em, nhưng tôi vẫn giữ trong lòng hình bóng hiền dịu của em. Và tôi lúc nào cũng nhớ những ngày êm đềm tôi sống với em ở Đông Hà. Điều đau xót nhất của tôi là tôi không được biết đến con của chúng ta. Đứa bé hai dòng máu trong một đất nước tang thương chắc chắn là phải chịu nhiều đau đớn, và đó là phần lỗi của tôi. Dù có làm bất cứ điều gì đi chăng nữa tôi cũng không thể đền bù cho sự bất hạnh này. Tôi chỉ biết cầu nguyện xin chúa cứu rỗi linh hồn tôi khi tôi lìa đời.

Tôi nhờ con trai tôi đi tìm em, và đi tìm em nó. Mike bây giờ là y-sĩ đang phục vụ người nghèo tại VN. Xin em và con của chúng ta hãy cho Mike cơ hội để nó có thể làm dùm cho cha nó ý-nguyện nhỏ nhoi trước khi cha nó từ giã cõi đời.

Gần đây đêm đêm tôi vẫn nằm mơ thấy em. Tôi như thấy em trong căn phòng nhỏ, cắm cúi lau chùi dọn dẹp, thỉnh thoảng ngu ngơ mỉm cười với tôi dù em hầu như không hiểu tôi nói gì. Và nhiều lúc tôi cũng không hiểu em nói gì, nhưng ánh mắt đó, nụ cười đó, tôi biết là em muốn tôi che chở em cho trọn cuộc đời. Tôi đã không làm được việc ấy, và tôi đã muốn chết khi nhìn em chạy theo xe quân cảnh ngày định mệnh đó năm nào.

Tôi rất thương nhớ em, nhất là từ ngày vợ tôi qua đời, nhưng bây giờ thì tất cả đều đã muộn. Tôi chỉ xin em tha thứ cho tôi một lần và xin để cho Mike thay tôi lo lắng cho em, cho con của chúng ta. Vĩnh biệt em.

Louis Corbin"

Tôi đặt lá thư xuống bàn, cầm tấm hình polaroid đã sờn nát lên ngắm nghiá. Đó là một cô gái trên 25 tuổi, mái tóc dài buông sõa, không son phấn, mặc áo bà ba trong nhà. Cô không cười, đôi mắt mở lớn và và như có chút hoang mang... Tôi nghĩ thầm, nếu còn sống bà Nguyễn Thị Bé có lẽ đã gần 60 tuổi.

Mike đã ra ngồi cạnh vợ, nhìn tôi chăm chú "You read it?"

Tôi gật đầu "Tôi đọc rồi. Chuyện buồn quá. Xin chia buồn với Mike."

Mike không nói được tiếng Việt, nhưng từ ngày lấy Hạnh và sang làm việc tại VN Mike đã cố gắng rất nhiều nên có thể hiểu những câu nói thông thường, tuy rằng không thể phát âm. Hạnh hỏi tôi "Mai chúng mình ra ngoài Trung được không. Để em gọi mướn xe."

Tôi can "Đường xa lắm. Chúng mình nên đi máy bay ra Huế, mướn xe tại đó đi Đông Hà cho đỡ mệt vì Đông Hà chỉ cách Huế vài giờ lái xe."

Hạnh đồng ý "Sáng mai em sẽ gọi văn phòng du-lịch để họ sắp xếp cho chúng mình."

Quay sang Mike Hạnh hỏi "Did you understand what Duy just said? Mike hiểu anh Duy nói gì không?"

Mike gật đầu, nước mắt lưng tròng "I did, thank you, Duy."

Hạnh ôm đầu Mike "Đừng buồn nữa anh. Chúng mình đi nghỉ. Có thể mai phải lên đường sớm. Good night, anh Duy."

*

Chúng tôi tới Huế và check-in khách sạn Morin xong trời cũng đã về chiều và quyết định sáng hôm sau sẽ đi Đông Hà dù rằng Mike rất nóng lòng muốn đi ngay. Buổi tối khi chúng tôi ra khỏi phòng ăn Hạnh muốn đi dạo vì Hạnh chưa tới Huế bao giờ, nhưng Mike xin lỗi trở về phòng trước để điện thoại về Mỹ. Tôi và Hạnh đi bộ trên đường Lê Lợi dọc theo bờ sông Hương. Hạnh hỏi tôi "Anh quen ai ở Huế không."

Tôi lắc đầu "Xưa thì có, bây giờ thì không!"

"Bạn?"

Tôi gật đầu "Người con gái của một mối tình

xưa tên là Sơn Ca. Khi đó anh còn rất trẻ, mới ra trường được độ hai năm, và trước khi anh biết chị Vy của Hạnh một thời gian khá dài."

Hạnh có vẻ buồn khi tôi nhắc tới Vy "Tội nghiệp chị em. Một mối tình si!"

"Duyên số mà Hạnh. Anh với Sơn Ca cũng không có duyên. Cô ta là sinh viên mỹ-thuật tại Huế, về Đà Nẵng thăm nhà ở Đò Xu và tình cờ gặp anh, yêu anh, và sau đó buồn vì xa anh!"

"Tại sao? Anh không yêu cô ta?"

Tôi thở dài "Cũng không hẳn là như vậy. Anh yêu Sơn Ca, nhưng không yêu đến độ dám hy-sinh tất cả. Như anh nói, lúc đó anh còn rất trẻ, vẫn còn đang đi biển, và những chuyến đi xa rất lâu mới trở về. Anh cũng còn đang khắc khoải về thân phận và sự nghiệp của mình nên anh không thể hứa hẹn gì, trong khi Sơn Ca muốn tiến xa hơn, nên đành xa nhau."

Tôi nhìn dòng sông nước chảy lững lờ, nói tiếp "Nhưng dù sao thì Sơn Ca và anh cũng đã có với nhau một thời rất là lãng mạn và êm đềm. Có những bức thư tình viết bằng tờ lịch khổ lớn, những buổi chiều chờ nhau trên bến sông, và những lần tiễn đưa mang bao nhớ thương."

Hạnh hỏi thêm "Sơn Ca là tên thật hay là anh muốn dấu tên người yêu cũ? Và cuối cùng cô ta ra sao?"

"Sơn Ca là bút hiệu cô ta dùng vẽ tranh và để viết thư cho anh. Không, anh không nghĩ là có gì phải dấu diếm. Sau này Sơn Ca lấy chồng tốt nghiệp quốc gia hành-chánh, và người chồng có biết về mối tình cũ sôi nổi nhưng trong sáng của Sơn Ca. Lúc đó anh đã đi xa, hình như Guam. Anh cũng thấy mừng vì Sơn Ca có một đời sống đầy đủ và yên lành hơn là những gì anh có thể mang lại cho cô ta. Anh có gặp lại Sơn Ca một lần ở Sài Gòn, và nếu bây giờ gặp lại có thể bọn anh sẽ là bạn rất thân vì cả Sơn Ca và anh đã qua cái thời sôi nổi trước đây."

Hạnh cười nhẹ "Hạnh hỏi thật anh nhé, anh có cả thẩy bao nhiêu mối tình?"

Tôi cũng cười "Không nhiều, nhưng ai lại đếm bao giờ."

Hạnh trêu tôi "Vì có đếm hết mười đầu ngón tay vẫn chưa đủ. Phải không?"

Tôi lắc đầu lảng tránh "Em mỏi chân chưa?"

"Chưa, nhưng mình nên quay về. Mike chắc đã gọi được Louis. Bây giờ trời đã sáng ở Oklahoma."

Chúng tôi đi dọc bờ sông Hương trở về Morin. Hạnh than "Em không có lấy một phiêu lưu tình cảm. Em yêu quí Mike, nhưng không có những niềm hân hoan, sôi nổi như anh và Sơn Ca."

Tôi nói "Điều cần thiết là em hạnh phúc."

Hạnh gật đầu "Em rất hạnh phúc, cũng như anh và chị Trinh, nhất là từ ngày em gặp lại anh."

Tôi chia tay Hạnh ở hành lang nhưng không trở về phòng mà tìm vào bar rượu, gọi một chai bia ngồi trầm ngâm. Tôi nghĩ tới những người đàn bà mà tôi đã gặp gỡ trong đời, tới những ngày tháng vui buồn đã qua, và ngậm ngùi ước gì mình không làm buồn lòng những người mình đã yêu. Tôi không còn hút thuốc nữa nhưng khi có một người ngoại quốc ngồi cạnh lịch sự giơ bao thuốc mời tôi đã nhận lời và gọi thêm một chai bia. Đêm đã khuya lắm tôi mới ngất ngưởng trở về phòng mình, cứ như xưa, khi tôi còn lang thang ở những bến bờ xa lạ.

*

Khoảng hơn 10 giờ sáng chúng tôi ra tới Đông Hà. Trời nóng và ẩm ướt, tôi yêu cầu tài xế ngừng tại một quán nước gần ngã ba quốc lộ 9, nói Hạnh và Mike chờ ở đó để tôi và chú Quản, người tài xế lái chiếc xe du lịch chúng tôi mướn tại Huế, đi dò la tìm tin tức bà Nguyễn Thị Bé. Quản đề nghị là chúng tôi tìm những quán hay sạp, có người bán hàng đứng tuổi, mua mấy món lặt vặt như đồ kỷ niệm, khăn lau mặt ướp lạnh hoặc nước uống để lấy cớ hỏi thăm.

Gần trưa, khi mà chiếc túi xách tay của tôi không còn chỗ chứa những món lặt vặt thì chúng tôi gặp già Vịnh. Ông ta ngắm nhìn tấm hình, cười toe toét "Tui biết bà này. Đây là Bé Lai hồi còn trẻ."

Tôi ngắt lời "Chúng tôi tìm bà Bé chứ không phải bà Lai."

Vịnh giơ tay lên trời "Biết rồi! Bà ấy tên Bé nhưng có con lai nên người ta gọi là Bé Lai."

Tôi thấy tim mình đập nhanh "Vậy sao? Bà Bé có con lai? Trai hay gái."

Già Vịnh nhìn tôi như ngạc nhiên "Mấy ông không biết gì sao? Con gái. Đẹp dễ sợ," rồi như có gì vui thích già Vịnh cười hi hi "Còn bà già nó thì già khú đế rồi. Không làm ăn gì được!"

Tôi bật cười "Chắc là ông quen biết bà Bé?"

Già Vịnh gật đầu "Tụi tui lối xóm mấy chục năm. Hồi nó lấy 'thằng' Mỹ tui tiếc quá cỡ. Chừng 'thằng' Mỹ về nước, tui 'dê' nó hoài mà

không được. Mấy ông tìm Bé Lai có chuyện chi?"

Tôi hầu như biết chắc là đã có tin tức của người chúng tôi muốn tìm nên rất vui. Tôi bảo Quản "Chú về dẫn bác-sĩ Hạnh và ông Mike tới đây. Tôi cần hỏi thăm bác đây thêm vài chi tiết."

Quản gật đầu cắm cúi bỏ đi, tôi rút tờ giấy giấy bạc dúi vào tay già Vịnh "Cám ơn ông nhiều lắm. Chúng tôi là người quen, tìm bà Bé có chút việc. Ông dẫn chúng tôi về nhà bà Bé được không? Nhờ người coi hàng dùm, hoặc đóng cửa lại, chúng tôi xin bồi thường thiệt hại."

Già Vịnh toét miệng cười, giơ cao tờ giấy bạc "Nhiêu đây đủ rồi. Chừng nào sẵn sàng tôi dẫn mấy ông đi."

Hạnh vừa tới, cười thật tươi cúi chào Vịnh và nói nhỏ với tôi "Cám ơn anh. Chúng mình thật may, nhưng nếu không có anh chúng em không thể nào dám ra tới nơi này. Người ta cứ nhìn Mike như vật lạ."

Tôi mỉm cười, giới thiệu tên mọi người. Mike lóng ngóng đứng không yên chỗ, giục tôi "Let's go, please."

Sau khi biết Hạnh là bác sĩ, già Vịnh có vẻ nể nang nên nhanh nhẹn dẫn đường. Căn nhà không xa quốc lộ mấy nhưng nếu không có người hướng dẫn cũng rất khó mà tìm được một cách dễ dàng. Vịnh đẩy cửa vào nhà trong lúc chúng tôi đứng chờ. Tôi nghe tiếng thì thầm và giọng đàn bà hốt hoảng "Lại có người tới tìm tui nữa sao? Tui không quen biết họ. Tui không bán con tui, tui không đi đâu cả. Quê tui ở đây, nhà tui ở đây. Ông nói họ đi đi."

Lại có tiếng nói nhỏ và giọng đàn bà "Có 'thằng' Mỹ hả?" Một phút yên lặng trôi qua rồi cánh cửa mở rộng và người đàn bà theo Vịnh bước ra. Bà ta đưa mắt chăm chú nhìn bọn tôi, dừng lại trên

LÊ GIANG TRẦN

đất nước lửa gió

gió như có điều gì
dấy lên, giẫy lên
cơm lên tách ra từng thanh gió
nẩy ngọn, buốt buốt bén rợn
tuôn phóng như cất vó
lá rụng vàng cuồn cuộn xoáy lên
hình thù như con rắn lửa
uốn lượn bay cuồng bỏ lại hàng cây
không phải gió bay đi
dường như gió muốn ở lại
gió nhớ gì mà gió hoang mang?

Nắng hè hắt lên rất lạ
nháng cao, chìm xuống
vọt lên như nắng dưới đất
bừng lên như tràn vào cửa mở
bén mạnh như phóng xuyên khe vách
rung rẩy dịu dàng như nắng ở bụi hoa
có điều gì như nắng không muốn tắt
muốn bùng lên không muốn lịm tàn
con chim nào réo kêu mất bạn
nắm núu gì mà nắng rất bơ vơ...

Sao đêm trên trời tối thẳm
đêm chảy hững hờ chảy mãi một màu đêm
đêm sao đông đặc thế?
muốn giữ nước ở lại rừng hay ở lại sông?
thương những hạt sương lóng lánh phải không?
bìm bịp đâu, chim chèo bẻo nơi nào
sao không cất tiếng kêu buồn thảm
nước lớn trong lòng, đập vỡ trong tim
chợt nhớ đất
một thuở làm phù sa
đắp bồi bãi bờ chìm thấp
một thuở móng nền nằm dưới những vươn lên
đất ôm ấp che chở linh hồn
mà đất về đâu ai nào biết
về hư vô hay hồn đất về trời?

đất nước lửa gió ơi
ta với bốn ngươi là một
nắm núu gì, đến lúc, phải về thôi.

18 tháng 8, 2006

(kính gửi anh Đỗ Ngọc Yến)

khuôn mặt Mike, như có chút ngỡ ngàng và nói như thì thầm "Lu, Lu..."

Tôi đã hiểu, thở nhẹ một hơi dài, cúi đầu chào bà ta "Chào bà Bé, tôi là Duy, em tôi là bác sĩ Hạnh" và chỉ Mike "Đây là Mike, con trai của Louis. Chắc là bà thấy Mike rất giống cha."

Người đàn bà vẫn nhìn sững Mike, hình như không nghe tôi nói. Hạnh tiến lên nắm nhẹ cánh tay bà ta "Thưa... dì."

Bà Bé như chợt tỉnh, luống cuống cúi đầu chào từng người, nhưng vẫn chưa nói được câu nào. Già Vịnh hoạt bát như là chủ nhà, mời mọi người vào trong. Hạnh dìu bà Bé ngồi xuống chiếc bàn đơn sơ và độc nhất trong căn nhà nhỏ, quàng tay ôm đôi vai gầy của bà và nói rất dịu dàng "Con là con dâu của Louis. Chúng con về thăm dì thôi chứ không có ý định gì khác. Louis có gửi thư cho dì, nhờ con dịch ra tiếng Việt, con đọc cho dì nhé."

Hạnh rút bức thư ra khỏi ví xách tay và chậm trãi đọc nhỏ đủ cho bà Bé nghe. Khi Hạnh đã đọc xong, bà Bé vẫn ngồi bất động, dòng nước mắt lặng lẽ lăn trên hai má nhăn nheo. Chúng tôi cũng giữ im lặng, tôn trọng nỗi buồn của bà. Lâu lắm bà Bé mới hỏi "Bà bác sĩ cho tôi hỏi, Lu bây giờ còn mập như xưa không."

Hạnh mỉm cười "Dì gọi con là Hạnh, đừng gọi con là bà bác-sĩ. Cũng gần năm nay con không gặp Louis, nhưng khi con rời Mỹ Louis vẫn khỏe mạnh. Nhiều năm qua con thấy Louis có già đi nhưng trông không khác xưa bao nhiêu."

"Dạ, tôi đâu dám. Khi xưa Lu ổng thương tui lắm, có đồ gì cũng mang về cho tui, cho tui tiền nữa để tui gửi về quê cho gia-đình. Hôm ông bị bắt về Mỹ tui khóc quá trời."

"Dì nghe con đọc thư rồi đó. Louis cũng còn thương dì lắm."

Mike hơi nóng lòng nên nhắc Hạnh "Ask her about her daughter."

Hạnh ra dấu cho Mike ngồi xuống phía bên kia chiếc bàn "Anh ngồi xuống đó để em hỏi dì. Dì Bé, dì thấy anh Mike giống ba ảnh không?"

Bà Bé gật đầu "Giống quá. Mới nhìn tui cứ tưởng ổng sang thăm tui."

Hạnh cười "Thế còn em của ảnh có giống ảnh không?"

"Bác sĩ nói con Lai hả? Không, nó giống tui chứ không giống cha nó."

"Em con đâu?"

"Nó đi dạy học, dạy mẫu giáo, chừng trưa mới về."

Hạnh hỏi Mike "Anh nghe rõ chưa. Ba sẽ mừng lắm."

Bà Bé kể lể "Tui thương nó quá đi. Sanh ra không có cha, mọi người đều hắt hủi. Tui đặt tên nó là Lai để cho nó biết thân phận nó. Những năm đói kém tui làm thuê làm mướn vẫn không đủ ăn tưởng là nó không qua khỏi. May mà nó sống sót, hai mẹ con đùm bọc nhau cho tới bây giờ."

Già Vịnh từ nãy giờ vẫn đứng yên, ngắt lời "Đâu phải hết thẩy mọi người đều hắt hủi. Tui thương nó quá mạng mà. Tui cũng thương..."

Tôi nghĩ già Vịnh muốn nói "tui cũng thương cả bà nữa" nhưng thấy đông người nên không nói hết câu. Bà Bé hình như không nghe thấy Vịnh nói, cúi đầu gạt dòng nước mắt "Hồi nó còn nhỏ nhiều người kiếm tui lắm, đòi 'mua' nó để đem đi đâu đó tui cũng không biết nữa. Tui làm thế sao đành, với lại nó thương tui lắm, thấy người lạ tới là nó ôm cứng lấy tui, khóc lóc thảm thiết 'Mạ đừng bỏ con.' Bây giờ nó lớn rồi, có chút học vấn, có chồng, có con nhưng vẫn không rời tui, dù là chỉ một ngày."

Tôi thấy Mike cúi đầu đưa tay dụi mắt, và Hạnh cũng không ngăn được dòng nước mắt "Tội dì và em con quá!"

Già Vịnh đề nghị "Cũng sắp tan trường rồi, để tui đi báo con Lai cho nó về sớm gặp gỡ quý vị."

Tôi tán thành ra ra hiệu cho Mike theo tôi ra ngoài đứng chờ, để một mình Hạnh tỉ tê tâm sự với bà Bé. Tôi nghĩ Lai sẽ vui mừng và mau chóng trở về gặp chúng tôi, nhưng tôi nhầm. Lai dắt đứa bé trai, chắc là con cô ta, đi chầm chậm, mặc già Vịnh le te chạy trước. Khi thấy tôi và Mike ngoài hàng hiên, cô ta lạnh lùng nhìn, môi mím chặt, không buồn chào hỏi. Tôi hơi ngạc nhiên, cố làm ra vẻ thân thiện: "Chào cô Lai, trường cô dạy có gần đây không?"

Lai nhìn Mike và tôi, hỏi một cách khô khan "Các ông là ai?"

"Tôi là Duy, bạn của gia-đình cô, và đây là Mike, anh cô."

Lai cao giọng "Tôi không có anh em nào hết."

Ngừng một giây Lai nói thêm "Gia đình tôi chỉ có tôi, mẹ tôi và con tôi. Chúng tôi không có bạn ở xa."

Tôi cố gắng ôn tồn "Cô Lai, chúng tôi hiểu, chuyện đâu còn có đó. Xin cô vào nhà cho chúng tôi được thưa chuyện."

Lai không buồn trả lời, dắt con cắm cúi vào nhà. Mike muốn đi theo nhưng tôi cản lại, nói nhỏ để Mike đủ nghe "Để đàn bà họ nói chuyện trước. Mình đợi ngoài này một chút."

Mike thì thầm "She's not very friendly. I'm a little bit disappointed."

"Đừng thất vọng vội. Dù sao chúng mình vẫn là người xa lạ, cần thời gian để làm quen."

Chúng tôi đứng lặng lẽ ngoài hàng hiên, lắng nghe tiếng mất tiếng còn vọng ra từ trong nhà. Tôi nghe tiếng bà Bé nỉ non, tiếng Lai cao và sắc, và tiếng Hạnh êm như tiếng suối hiền hoà. Một lúc sau tôi thấy Hạnh bước ra, vẫy tay cho chúng tôi vào nhà. Bà Bé vẫn ngồi cúi đầu cạnh bàn, Lai đứng sau lưng, tay đặt trên vai mẹ như che chở. Nếu không có mái tóc nâu nhạt và làn da trắng sáng so với dân địa phương thì Lai có lẽ giống Việt Nam hơn là một cô gái mang hai dòng máu.

Hạnh chỉ tôi "Anh Duy tôi từ Mỹ về dạy học giúp sinh viên nghèo, nhà tôi cũng là bác sĩ, chúng tôi làm việc cho cơ quan thiện nguyện. Chúng tôi tới đây với tất cả tấm lòng. Tôi biết em còn bực bội vì những gì đã xảy ra hơn 30 năm trước đây, và chúng tôi cũng đã phân trần hết lời. Thư của ba em cũng đã nói hết lời. Tôi để bức thư lại đây để em đọc lại thêm một lần.

Ba em hối hận và muốn đền bù cho em, chúng tôi muốn làm vui lòng một người sắp chết. Xin em xét lại lòng mình, chấp nhận tấm chân tình của ba em, của chúng tôi. Tôi biết đây là chuyện bất ngờ nên em cần thời gian suy nghĩ, mai chúng tôi sẽ trở lại nói chuyện thêm với dì và em."

Lai ngước nhìn lên trần nhà chứ không nhìn thẳng vào chúng tôi "Tôi không có cha, tôi chỉ có mẹ. Quê mẹ ở Đông Hà, nghèo nhưng cũng đã nuôi tôi lên người. Tôi không cần tiền, không cần tình thương muộn màng của bất cứ ai. Vâng, tôi cay đắng vì tôi tóc tôi không đen hơn, da tôi không vàng hơn, nhưng tôi chịu đựng được từ ngày tôi biết nghĩ, và tôi sẽ sống như thế này, ở đây, cho đến khi tôi chết. Ước gì quý vị đừng đến, đừng khuấy động những gì chua xót đã qua."

Tôi thấy giọng Lai đã mềm xuống, và nước mắt đã chảy dài. Bà Bé cũng khóc, và cả Mike và Hạnh cũng đã thẫn thờ. Lòng tôi cũng chùng xuống, nhưng biết Hạnh nghĩ đúng là chúng tôi không nên ở lại lâu hơn, nên cất tiếng từ giã "Thôi, xin chào bà và cô. Sáng mai thứ Bảy, chắc cô Lai không bận, chúng tôi sẽ trở lại. Dù sao thì cũng là chỗ quen biết."

Tôi kéo tay áo Hạnh "Chúng mình về."

Hạnh dùng khăn tay chấm nước mắt "Chào dì chúng con về, em Lai, anh chị về. Mai anh chị sẽ trở lại."

Lai không nói thêm câu nào, chỉ nhìn sững lên trần nhà. Bà bé run rẩy đứng lên tiễn chúng tôi, nước mắt vẫn còn đọng trên khuôn mặt già nua trước tuổi. Trên đường trở lại Huế tôi khuyên Mike và Hạnh chớ nên thất vọng, đêm nay cố gắng ngủ một giấc cho thật ngon để mai lấy sức trở lại Đông Hà. Tôi tin là Lai trước sau gì rồi cũng sẽ cảm nhận được tấm chân tình của chúng tôi.

*

Hình như Lai có chuẩn bị đón chúng tôi trở lại. Trên bàn có bình nước trà và những chiếc tách sạch bóng. Chúng tôi ngồi quanh bàn với niềm hy vọng. Hạnh nhìn bà Bé, mở lời trước "Dì mạnh chứ?"

Bà Bé lắc đầu "Đêm qua tui ngủ không được, hơi mệt một chút."

Lai đỡ lời "Mẹ em khóc suốt đêm. Có lẽ là mẹ nhớ đến... Louis."

Trao cho mỗi người một tách trà, Lai chớp mắt nhìn chúng tôi nói tiếp "Em xin lỗi anh chị. Hôm em quá xúc động nên không giữ được bình tĩnh."

Hạnh vui mừng với tay qua bàn nắm lấy bàn tay Lai "Không, em không có lỗi gì. Chúng ta không ai có lỗi, chỉ là hoàn cảnh khắc nghiệt đó thôi em."

"Em đọc lại lá thư rồi, đọc nhiều lần. Bây giờ em hiểu chuyện xưa hơn. Trước đây em cay đắng thân phận con hoang mang hai dòng máu. Mẹ em cũng không nói cho em biết nhiều về những gì xảy ra trước đây. Em oán trách 'giặc Mỹ' đã bỏ rơi mẹ con em làm chúng em đói khổ. Em cũng thù ghét những người muốn lợi dụng em, định chia rẽ em và mẹ em. Em sống được đến ngày nay là vì mẹ..."

Lai như nghẹn lời "Mẹ em khóc suốt đêm qua, chắc vì nhớ thương. Nếu mẹ không thù ghét người đàn ông ấy thì em làm thế sao đành."

Chúng tôi ngồi yên lắng nghe Lai tâm sự. Bà Bé hỏi thêm "Lu bây giờ ra sao?"

Hạnh nhìn Mike "Đêm qua nhà con có điện thoại nói chuyện với Louis. Hai người đều khóc nên cũng không nói gì được nhiều. Dù mang bệnh không chữa được nhưng lúc này Ba con

vẫn còn mạnh mẽ, đi lại bình thường."

"Bác sĩ cho tui gửi lời thăm và cám ơn Lu dùm tôi. Tui không có gì gửi cho ổng cả."

Mike bập bẹ "Ba nói nhớ... dì."

Bà Bé không nói, hình như còn đang suy nghĩ điều gì. Lai nhìn Mike "Anh về Mỹ cho em gửi lời thăm... ba."

Mike bật khóc nức nở, liên tiếp gật đầu. Hạnh quàng tay ôm lưng chồng vỗ về, và tôi cũng thấy dòng nước mắt lăn trên má Lai. Tôi an ủi mọi người "Dù có xa một đại dương nhưng gia-đình như thể đã đoàn tụ. Mai này khi trở về nước Chúa Louis cũng thấy được an-ủi."

Hạnh tiếp lời "Ba rất hối hận và thành thật nên để hết tài sản lại cho em. Anh chị sẽ thu xếp chuyển tiền sang bên này."

Lai lắc đầu "Xin chị đừng làm vậy. Em sống thế này đã quen, không cần gì hơn."

Tôi thắc mắc "Lương giáo viên của em lo sao đủ cho mẹ, cho con?"

Lai khẽ nhếch môi cười "Vâng, đồng lương giáo viên ít ỏi khó sống được đầy đủ nên chồng em phải bôn ba. Anh ấy là thủy thủ trên tầu viễn dương. Lâu lâu với về nhà một lần."

"À ra thế, tôi cứ thắc mắc vì không thấy ba của cháu nhỏ đâu mà không dám hỏi."

Lai gạt nước mắt cười "Anh tưởng em lại... giống mẹ em phải không?"

Tôi cũng cười "Đa nghi, đáng bị mắng lắm."

Không khí đã có vẻ vui tươi, tôi đề nghị "Lai, em không cần phải giữ kẽ quá. Ba cho thì cứ nhận. Không cần đến thì đem tặng cho người nào cần."

Lai vẫn lắc đầu, nhưng chợt im lặng như suy nghĩ "Quả tình em không muốn nhận. Tuy nhiên nếu có ít sách vở cho học trò của em thì em rất cám ơn."

Hạnh chen vào "Chuyện đó em để chị lo. Bây giờ đã biết em ở đây chị sẽ liên lạc thường xuyên."

Chỉ đứa bé trai vẫn đứng sát bên Lai, ôm chân mẹ, Hạnh tiếp "Tiền của ba chị sẽ bỏ vào trương mục cho con của em. Mai mốt lớn lên, nếu cháu muốn đi Hoa-Kỳ du học thì đã có sẵn phương tiện."

Lai như có vẻ cảm động "Em cám ơn chị, cho em và cháu Phi gửi lời cám ơn ba em."

Mike là người vui nhất "Thanks God. Dad would be very happy, I can't wait to tell him!"

Tôi vỗ tay "Vui quá. Cả gia-đình đứng lại gần nhau để tôi chụp tấm hình gửi về cho Louis tối này."

Đó là tấm hình đẹp nhất tôi chụp từ ngày về Việt Nam, tấm hình có những người miệng cười thật tươi nhưng má vẫn chưa khô dòng nước mắt.

Trên chuyến bay về Sài Gòn tôi lấy email ra đọc lại. Thủy viết "Cám ơn thày, thày không chỉ dạy cho em biết làm sao để viết lá thư này bằng nhu liệu mà còn dạy cho em hiểu thế nào là lòng yêu thương chân thật. Vũ nói thầy còn thân hơn là bạn thân. Thầy nhớ về dự đám cưới của chúng em cuối năm nay nghe."

Tùng có vẻ như rất buồn "Em biết thầy cố giúp em, nhưng tình yêu không thể gượng ép. Bây giờ em có thể nói yêu Loan mà không còn mắc cở. Em sẽ đi khỏi thành phố nhỏ này, cũng như thày năm xưa. Tình yêu ban đầu, dù được yêu hay không, bao giờ cũng đẹp. Em chưa biết đời mình sẽ ra sao, nhưng dù ở đâu em cũng sẽ không quên Đà Lạt, không quên thày và không quên Loan."

Loan viết còn tha thiết hơn "Em không cần nói nhưng em biết là thày đã hiểu. Dù sao thì thày cũng đã cho em biết thế nào là ý nghiã cuộc đời. Em sẽ tình nguyện trông nom trẻ mồ côi trên chùa. Một ngày nào đó thày sẽ trở lại, và có lên chùa thày nhớ hỏi... ni cô Như Loan! Em nói đùa đấy thôi chứ Phật nào độ được cho người còn nặng lòng trần gian như em, phải không thày. Rất mong ngày thày trở lại."

Máy bay chuẩn bị đáp. Tôi thở dài, Sài Gòn ở dưới đó, nơi mà tôi đã trải qua quãng đời thanh xuân, nơi tôi đã yêu và được yêu, nhưng mỗi lần đi về là mỗi lần bồi hồi. Tuần tới Mike về Mỹ, nhưng còn tôi, tôi 'đi' Mỹ hay tôi cũng 'về' Mỹ, nơi tôi có gia-đình? Nơi đây hay bên đó với tôi bây giờ đều là nhà, đều là nơi tôi thương mến. Tôi không còn xót xa khi chia tay người thân yêu thủa tôi còn trẻ, nhưng bây giờ giã từ vẫn thấy buồn, dù chỉ là giã từ đám học trò tôi mới biết đây thôi.

Tôi nhủ thầm "Loan ạ, em không thành ni cô đâu, nhưng ngày ngày nghe tiếng chuông chùa tâm hồn em sẽ lắng đọng, thấy cuộc đời vô thường và biết đâu em sẽ tìm được chân hạnh phúc."

Tôi vỗ vai Mike "Hey, we are going home next week," và chợt vui khi nghĩ đến gia-đình. Máy bay nghiêng cánh, cô tiếp viên nhắc tôi cột thắt lưng an toàn, và khi cô ta nhìn tôi, tôi chợt giật mình vì thấy mắt cô ta sao giống như là mắt Loan!

May 2006

Wolfgang Amadeus Mozart:
Cuộc đời, Sự nghiệp, Tác phẩm - III

CUNG TIẾN

Một "nghệ sĩ khổ đau"?

Đoạn chót trong bài kỳ trước ("Wolfgang Amadeus Mozart: Cuộc đời, Sự nghiệp, Tác phẩm—II"), tôi có viết: 'Tóm lại, trong 10 năm ở Wien, Mozart đã thành công lớn về mặt vật chất cũng như tinh thần trong mọi lãnh vực về việc làm; ông kiếm được khá nhiều tiền, và danh tiếng ông nổi như cồn tại thủ đô nghệ thuật này.' Thế nhưng trong nhiều tài liệu về cuộc đời Mozart, các nhà nghiên cứu về ông viết rằng, lúc cuối đời, ông đã gặp nhiều bất ổn tài chánh, và do đó đã trải qua những lúc hầu như tuyệt vọng. Tình trạng tuyệt vọng này có nhiều lý do khác nữa: vợ đẻ nhiều (bảy con, năm chết yểu—có đứa chết cùng ngày sinh—, hai sống sót), thường xuyên đau ốm, phải đi chữa bệnh tại các suối nước khoáng tốn kém; ngày đêm ông phải làm việc quá sức, thường là từ 4:30g sáng tới trước nửa đêm mỗi ngày; trong khi đó chủ nợ hối thúc đòi tiền (khiến ông phải viết thư xin khất một cách thảm thương....). Có giả thuyết còn cho rằng ông mang nợ vì mấy năm chót ông thường đánh bạc và thua nặng.

Trong thời gian 10 năm ở Wien, mỗi năm Mozart đã kiếm được từ 2 000 tới 6 000 gulden (US$ 51,400—$154,000, theo hối suất hiện nay), so với 300 gulden là tiền lương một giáo viên thành Wien hồi đó[21]. Riêng vở *Don Giovanni*, ông đã thâu được 700 gulden ($17,990), và vở *Đám cưới Figaro* được 450 gulden ($11,565). Có điều hồi đó chưa có luật bản quyền tác giả, cho nên vở nhạc kịch nào, thành công đến mấy, cũng chỉ được "bán đứt" cho công ty ca kịch trong lần trình diễn thứ nhất mà thôi (trừ khi nếu đích thân tham dự trình diễn hoặc điều khiển, thì nhà soạn nhạc mới được hưởng tiền "thù lao"[21]). Ngoài ra Mozart có quyền bán (tất nhiên chỉ một lần thôi!) bảng tổng phổ và các bè nhạc (*full score and parts*) cho nhà xuất bản nhạc. Thành ra, Mozart đâu có nghèo như nhiều người tưởng, và đâu phải là hiện thân điển hình của một "nghệ sĩ khổ đau" như thế kỷ XIX lãng mạn Tây phương muốn mô tả! Tuy nhiên, theo Sacem[22], giá như Mozart sống dưới chế độ bản quyền tác giả của ta hiện nay, thì mỗi năm ông đã có thể thâu được lối **20 triệu đô Mỹ**, từ những buổi hòa nhạc công cộng khắp thế giới, những đài phát thanh, truyền hình, những dịch vụ quảng cáo thương mại dùng tên cúng cơm của nhà soạn nhạc này, như kẹo sô-cô-la mang tên "Bi Mozart" (*"Mozartkugel"*) của hai nhà làm bánh kẹo Áo quốc, Mirabell và Reber, đang được bầy bán năm nay ở Salzburg và Wien, cùng 300 sản phẩm khác như ly cà-phê, bút, ô-dù-, *T-shirts*, xúc-xích làm theo hình một vĩ cầm, và thậm chí còn cả một nịt vú (*bra*) của Nhật-chứ còn của ai khác? -, mà khi cởi ra sẽ có tiếng đàn chơi... "Một tí nhạc đêm" (*Eine kleine Nachtmusik*), vv. và vv.

"Một điều huyền bí"

Trong cuộc đời quá ngắn ngủi 35 năm ấy, Mozart đã bỏ trên một phần ba thời giờ để viết nhạc, lưu lại cho hậu thế trên 600 tác phẩm đủ loại: đơn ca khúc, hợp xướng khúc, nhạc giao hưởng, độc tấu và hiệp tấu cho nhiều loại nhạc cụ, từ phím, dây, gỗ, đến đồng (và cho cả thủy tinh nữa![23]), nhạc thính phòng, khiêu vũ, giải trí, sân khấu (*opera*), và nhà thờ. Và trong khoảng thời gian 10 năm cuối đời, ở Wien, hầu như tác phẩm nào của ông cũng có thể được xếp vào hạng "vĩ đại": kết quả của một liên kết rất chặt chẽ giữa hứng cảm và tính siêng năng, cần mẫn của nhà soạn nhạc.

Mozart không phải là một nhà soạn nhạc "cách mạng", "độc đáo" kiểu Wagner, hoàn toàn cách tân, cũng không phải là một nhà lý

thuyết âm nhạc, hoặc sáng chế ra một hệ thống tạo thanh nào mới như Schưnberg, Debussy (phần nào), Xenakis, vv., của thế kỷ XX chúng ta. Như Nikolaus Harnoncourt, nhạc trưởng người Áo chuyên điều khiển nhạc Mozart, nói:

"[Mozart] tìm thấy trong ngôn ngữ âm thanh thời đại mình tất cả những khả năng để nói ra, để phát biểu điều ông muốn. [...] Ông không hề sáng chế ra cái gì phi thường, không sử dụng kỹ thuật âm nhạc chưa từng có. [Nhưng] với cùng những phương tiện y hệt như những nhà soạn nhạc thời đại ông, ông đã mang lại cho nhạc mình một bề sâu không giống bất cứ ai. Đối với chúng ta, đó là một điều huyền bí." [24]

Và:

"Mozart, như tất cả những nhà soạn nhạc thế kỷ XVIII, đã chỉ viết cho người đương thời mình nghe thôi. [...] Cái cảm tưởng cho rằng người làm nghệ thuật không được thời đại mình hiểu, cứ viết tác phẩm này tới tác phẩm khác trong một thế giới không hiểu mình–và hy vọng rằng sẽ được hậu thế hiểu mình–, [thì cảm tưởng đó] vô cùng xa lạ với Mozart và nghệ thuật của ông."[25]

Nói ngắn, ông đã chỉ dùng những *nguyên liệu sẵn có của thời đại ông* mà các nhà soạn nhạc đương thời dùng như Joseph Haydn (1732-1809), C.W. Gluck (1714-87), J.C. Bach (1735-82), và, sau này, Beethoven (1770-1827). Ấy là thời gọi chung là "Cổ điển": tìm lại một phần nào những phạm trù thẩm mỹ của Hy-lạp và La-mã thời xưa (quân bình, đối xứng, vv.). Những nguyên liệu đó là gạch vữa của nhạc ngữ hệ thống chủ âm (*tonality*) thế kỷ XVIII, dựa trên những tương quan căng/giãn, giống như tình tiết một vở kịch, lúc căng thẳng, lúc ngơi nghỉ. Và Mozart đã khai thác những nguyên liệu đó một cách sáng tạo.

Đặc điểm thứ hai của nghệ thuật Mozart lúc đã trưởng thành trong vị trí một nhà soạn nhạc là ông hoàn toàn hiểu biết bản chất của quần chúng nghe nhạc ông. Ai cũng biết giới thưởng ngoạn âm nhạc có khiếu thẩm âm khác nhau từ nước này qua nước khác, có khi từ thành phố này qua thành phố khác—như kinh nghiệm của ông cho thấy trong nhiều năm đi biểu diễn khắp Âu châu. Trong một lá thư gửi cho Leopold mấy hôm trước buổi hòa nhạc 28-12-1782 ở Wien, Mozart mô tả ba hiệp tấu khúc dương cầm đang viết, K. 413 (Fa trưởng), K. 414 (La trưởng) và K. 405 (Do thứ) như sau:

"Các hiệp tấu khúc này là một chiết trung rất thích hợp giữa cái dễ quá và cái khó quá; chúng nghe nổi bật, làm vui tai, và tự nhiên mà không nhạt nhẽo. Đây đó có các đoạn mà chỉ người sành mới có thể tìm ra được sự thỏa mãn; nhưng các đoạn này được viết theo một lối mà người ít học hơn cũng không thể không thấy khoái tai, mà không hiểu là tại sao."[26]

Theo Keefe, Giảng sư Âm nhạc tại Queen's University, Belfast, người trích dẫn câu trên, thì đây là đoạn thư được trích thường xuyên nhất trong toàn bộ thư tín của Mozart. Cái ý niệm cho rằng một tác phẩm âm nhạc cần phải hấp dẫn cả người sành sỏi lẫn hạng tài tử thì hay được nhắc đến trong giới phê bình và thương mại thế kỷ XVIII, thường với mục đích tăng cường, cho tác giả hoặc cho nhà xuất bản, cái tiềm năng tiếp thị của tác phẩm. Mozart cũng còn bắt mạch được các nhà phê bình và mỹ học thời hậu bán t.k. XVIII nữa, bởi lẽ mấy người này rất nghi ngờ những khúc nhạc hiệp tấu nào chỉ chú trọng vào kỹ thuật tấu đàn cao (*"virtuosity"*) mà hy sinh nội dung nghệ thuật và thẩm mỹ của chúng: ấy là ý nghĩa câu "nghe nổi bật, làm vui tai, tự nhiên, mà không nhạt nhẽo."

Đặc điểm thứ ba của những nhạc phẩm Mozart, là chúng không nhất thiết biểu lộ một cách trực tiếp tình cảm cá nhân nào của nhà soạn nhạc (kiểu: khi đời ta vui thì viết nhạc vui, khi đời ta buồn thì viết nhạc buồn, vv.) và chia sẻ tình cảm đó với giới thưởng ngoạn, như nhiều người tưởng. Nhà nhạc học thông thái và dương cầm thủ hàng đầu thế giới Charles Rosen viết: "Nhạc Mozart có thể hiểu được mà không cần biết một chút gì về đời ông."[27] Trong số 41 giao hưởng khúc và một số chuyển động giao hưởng (*symphonic movements*) của ông, chỉ có hai khúc được viết ở cung thứ (*minor scale*), và cả hai đều là cung Sol thứ: số 25, K. 183, năm 1773, và số 40, K. 550, năm 1788. Cả hai đều diễn tả những tư tưởng bi quan, nghe da diết, nhưng bi hùng. Năm 1773 đời Mozart dường như không có một sợi mây sầu nào che lấp cả, nhưng năm 1788 ông bắt đầu gặp nhiều khó khăn về tiền bạc. Thế nhưng không có dấu hiệu gì cho phép ta liên tưởng cái xúc cảm bi kịch của Giao hưởng khúc số 40 với bất cứ "tư tưởng đen tối" nào của Mozart trong tháng 6-1788, tháng ông viết tác phẩm này. Bởi lẽ, đồng thời ông còn sáng tác hai bản giao hưởng số 39, K. 539, Mi giáng trưởng[28] và số 41, K. 551, Do trưởng: là hai khúc giao hưởng nhân

bản, duyên dáng, hùng tráng, và tích cực nhất của ông. Ba bản giao hưởng này, tạo thành một "trilogy" mà Mozart dự định cho xuất bản cùng một lúc, dường như không do ai đặt viết, mà ông sáng tác sẵn để chờ dịp đem bán (giống như "portefeuille" của các họa sĩ), và có lẽ chính Mozart cũng chưa hề được nghe dàn nhạc nào trình bày chúng bao giờ! Tóm lại, bộ ba tác phẩm này, giống như một họa phẩm ba tấm (*triptych*), chỉ có mục đích cho mỗi tấm một màu sắc xúc cảm khác nhau mà thôi, theo qui ước của t.k. XVIII. Nhất định không do một động lực tâm lý cá nhân riêng tư nào hết.

Theo những cuộc nghiên cứu gần đây nhất, trong quãng đời 24 năm, từ 1764 tới 1788, Mozart đã sáng tác khoảng 68, chứ không phải chỉ 41, giao hưởng khúc, hoặc thể loại tương tự (như dạ khúc, tiền tấu khúc, tiêu khiển khúc, vv., có cùng một cấu trúc). Nhưng theo truyền thống, người ta vẫn dùng con số "41" làm tiêu chuẩn: lúc thiếu thời phấn lớn đi "tour" (1764-71), ông soạn 13 bản; đoạn đời ở Salzburg (1771-81), 17 bản; và 11 bản chót ở Wien (1781-91), là các khúc giao hưởng xuất sắc nhất.[29]

"Một nhà soạn nhạc kịch nghệ"

Tuy nhiên, trong tất cả những tác phẩm của Mozart, đặc thù nhất, và giới thưởng ngoạn thường nhắc tới nhất từ 200 năm nay, không phải là nhạc giao hưởng, mà là 27 hiệp tấu khúc cho dương cầm và dàn nhạc (*piano concertos*), và 22 vở nhạc kịch.

Cũng vẫn theo Charles Rosen khi so sánh Mozart và Haydn: "Những thắng lợi đáng kể nhất của Mozart là đúng ở chỗ Haydn thất bại: trong những nhạc thể kịch nghệ của nhạc kịch và hiệp tấu khúc, nơi tiếng nói cá nhân bé nhỏ đối đáp lại tiếng ồn ào của tập thể [...]." Và cách lối Mozart vận dụng những liên hệ chủ âm (*tonal relations*) trong hai thể loại này đã đóng góp vào cái "vĩ đại của ông là một nhà soạn nhạc kịch nghệ."[30]

Mở đầu chương nói về nhạc viết cho dàn nhạc (*orchestral music*) của Mozart trong ba năm đầu lập nghiệp ở Wien, 1781-4, Stanley Sadie (chủ biên bộ *Tự điển mới về âm nhạc và nhạc sĩ*, và là người đóng góp phần tiểu sử Mozart trong bộ sách có giá trị vô song này) viết như sau:

"Các hiệp tấu khúc dương cầm Mozart sáng tác ở Wien có thể coi là thành tựu lớn nhất của ông trong thể loại nhạc viết cho nhạc cụ. Chúng tiêu biểu cho một sưu tập nhạc có phẩm chất và tính độc đáo khác thường, vượt xa hẳn những hiệp tấu khúc của lớp [nhà soạn nhạc] đi trước hay đồng thời, trong qui mô, trong tính phong phú của nhạc đề và trong tương quan tế nhị, có mức độ phát triển cao, giữa nhạc sĩ độc tấu và dàn nhạc."[31]

Ta nên nhớ, Mozart hồi nhỏ, ngoài đàn phím và vĩ cầm, còn được học hát, và sau này rất thích viết nhạc cho giọng ca, đạo hay đời. Vì thế những sáng tác cho nhạc cụ, hay dàn nhạc, nhất là hiệp tấu khúc, của ông sau này đều mang khá nhiều đặc tính một ca khúc, đặc biệt là lối viết "cantabile" (như giọng hát con người). Và người ta hiểu được hiện tượng "thụ tinh chéo" (*cross-fertilization*)[32] giữa thể loại hiệp tấu khúc và thể loại nhạc kịch của ông. Hai thể loại này bổ túc cho nhau, nhưng chia sẻ cùng một kỹ thuật: độc thoại, đối thoại, hay đàm luận. Giữa đàn độc tấu với một nhạc cụ khác trong dàn nhạc, hay với toàn bộ dàn nhạc, cũng như giữa một nhân vật với nhân vật khác, hay với một đám đông, trên sân khấu nhạc kịch.

Những hiệp tấu khúc dương cầm nổi tiếng nhất của Mozart được ông sáng tác từ năm 21 tuổi (số 9, Mi giáng trưởng, K. 271) cho tới một năm trước khi qua đời, năm 34 tuổi, (số 27, Si giáng trưởng, K. 595). Riêng hiệp tấu khúc nói đầu (số 9) đã được Alfred Einstein, nhà nhạc học Mỹ gốc Đức (1880-1952) gọi là "Giao hưởng khúc *Eroica* của Mozart", bởi nó là một sáng tác cách mạng như Giao hưởng khúc số 3 có "nickname" đó của Beethoven sau này.

Riêng về nhạc kịch, thực ra Mozart sáng tác có 21 vở, vì "vở" đầu chỉ là Phần I của thánh kịch (hay nguyện ca) viết cùng với Michael Haydn năm 1767 khi còn dưới trướng Colloredo, *Die Schuldigkeit der ersten Gebots* (Nghĩa vụ đối với các điều răn thứ nhất), K. 35. Trong số 21 opera này, ba vở quan trọng nhất, và trong hai thế kỷ nay được diễn nhiều nhất là *Le nozze di Figaro, Don Giovani,* và *Così fan tutte* (Đám cưới Figaro, Don Juan, Đàn bà như thế cả). Cả ba vở đều là hài nhạc kịch (*opera buffa*), và cả ba đều do Lorenzo da Ponte (1749-1838) viết cốt truyện và lời ca dựa theo hài kịch của Caron de Beaumarchais (*Nozze...*), của Bertati (*Don Giovanni*), và của Ariosto (*Così...*).

Vở kịch áp chót của Mozart, *Die Zauberflote* (Ống sáo mầu nhiệm), viết năm cuối đời, là một *Singspiel* (thoại ca kịch, vừa hát vừa nói), một thể loại nhạc kịch rất phổ thông ở Đức hồi

bấy giờ. Cốt truyện và lời ca của Schikaneder, dựa trên một sưu tập truyện thần tiên Đông phương của Wieland (như *Lulu*), vở này có những chủ đề ảnh hưởng triết lý và nhân sinh quan của Hội Tam điểm. Trình diễn lần đầu tại Wien ba tháng trước khi ông mất, vở kịch được chính Mozart điều khiển.

*

Diễn đàn này không phải là diễn đàn chuyên môn, có tính cách kỹ thuật sáng tác âm nhạc, hay phân tích (giai điệu, nhịp tiết, hòa âm, phối cụ, vv.) từng tác phẩm của Mozart. Hơn nữa, một công trình như thế sẽ rất là ... "*boring*" cho giới độc giả nghệ thuật nói chung. Đúng hơn, đây là nơi thông tin và nhận định văn hóa, kể cả lịch sử văn hóa. Trong tinh thần đó, chúng tôi chỉ muốn chia sẻ với quý bạn đọc những quan sát, nghiên cứu (tất nhiên còn phiến diện) về nhà nghệ sĩ được yêu mến và kính trọng nhất này trong cả lịch sử âm nhạc tây phương, nhân dịp kỷ niệm 250 năm sinh của ông.

Riêng giới độc giả "sành điệu" có thể tham khảo những tài liệu ghi cuối bài kỳ I, đăng trong *Thế kỷ 21* số ra tháng bảy 2006. Nhưng hay nhất, gây hứng khởi nhất, có lẽ vẫn là tham dự những buổi hòa nhạc Mozart năm nay, tại bất cứ thành phố lớn nào trên thế giới.

Những tính từ dùng để phê phán cái "vĩ đại" của Mozart có thể đã không còn hợp thời trong các cuộc đàm luận chuyên môn "hậu hiện đại" nữa, nhưng chúng vẫn còn hợp thời với đại đa số quần chúng hiện nay trên thế giới. Thế nhưng đối với Mozart những phê phán đại loại là thừa. Như Simon P. Keefe-nhà nhạc học mà tôi trích dẫn khá nhiều trong loạt bài này-viết trong Phần mở đầu cuốn *The Cambridge Companion to Mozart*:

"Được kính trọng và cảm phục từ mọi phía, nhạc [của Mozart] định nghĩa sự vĩ đại, thay vì bị nó hạn chế. Nói ngắn đi, địa vị của ông trong đền thờ các nghệ sĩ đã vững chắc như địa vị của Shakespeare, Raphael và Goethe vậy."(33)

Cung Tiến

(18-VIII-2006, Roseville, Minnesota, USA)

Chú thích

(21) *Theo H.C. Robbins Landon,* 1791: Mozart's Last Year *(Thames & Hudson, 1988), do Sabine Delanglade trích dẫn trong "Pas si pauvre, l'artiste!",* L'Express *ngày 22-12-2005.*

(22) *Hội tác giả, nhà soạn nhạc và biên tập viên âm nhạc (*Société des auteurs, compositeurs et éditeurs de musique*): một tổ chức bảo vệ tác quyền của Pháp, thành lập năm 1851, hiện nay có chừng 110 000 hội viên.*

(23) *Trong năm chót đời mình, 1791, Mozart đã viết hai tác phẩm, Adagio và Rondo cho Pha-lê cầm (*crystal armonica*), Sáo, kèn Lưỡng hoàng quản, Trung vĩ cầm và Đại vĩ cầm, cung Do thứ, K. 617, và Adagio cho Pha-lê cầm, cung Do trưởng, K. 617a. Pha-lê cầm là một nhạc cụ gồm những ly hay bát bằng pha-lê hay thủy tinh sắp xếp theo cỡ từ nhỏ tới lớn đặt trên một bàn giống như bàn phím, tạo nhạc thanh bằng cách cọ xát bằng ngón tay. Người sáng chế ra "nhạc cụ" này là Benjamin Franklin (1706-90), vào năm 1762. Ngoài Mozart, các nhà soạn khác viết cho pha-lê cầm là Beethoven, Donizetti, Richard Strauss, và Camille Saint-Sặns.*

(24) *Trích dẫn của Timothée Picard, giáo sư văn khoa, chuyên về những tương quan giữa âm nhạc và văn học, tại Đ.H. Charles de Gaulle–Lille III, trong "Une lumineuse leçon de musique",* L'Express *ngày 22-12-2005.*

(25) *Trích dẫn của Bertrand Dermoncourt, nhà báo, đồng tác giả* Dictionnaire Mozart, *trong "W.A.M., le maytre du mystère",* L'Express, *22-12-2005.*

(26) *Trích dẫn của Simon P. Keefe, "The concertos in aesthetic and stylistic context",* The Cambridge Companion to Mozart, *tr. 78.*

(27) *Charles Rosen, "Love That Mozart",* The New York Review of Books, *18-5-1972, điểm sách mới ra năm đó của Michael Levey,* The Life and Death of Mozart *(Sten & Day, 1972).*

(28) *Khúc giao hưởng này, với ba dấu giáng, và các nhạc đề liên hệ mật thiết với nhau của chuyển động thứ nhất, thường được coi là tượng trưng cho tình huynh đệ trong Hội Tam điểm (*freemasonry*) mà ông là một hội viên.*

(29) *Nhân dịp kỷ niệm 250 năm sinh này của Mozart, hãng đĩa Warner ở Liên hiệp Âu châu có phát hành một tuyển tập 8 CD, gồm 23 Giao hưởng khúc của ông, từ số 17, K. 129, tới số 41, K. 551, sáu Vũ khúc Đức, K. 571, và bản* Les Petits riens, *K. 299b, do Dàn nhạc Royal Concertgebouw (nhạc trưởng Nikolaus Harnoncourt), Dàn nhạc Amsterdam Baroque (nhạc trưởng Ton Koopman), và Dàn nhạc Scottish Chamber (nhạc trưởng Raymond Leppard) biểu diễn.*

(30) The Classical Style: Haydn, Mozart, Beethoven *(Expanded edition, W.W.Norton & Company, New York, 1997), trtr. 185-186.*

(31) *Stanley Sadie,* The New Grove Mozart *(W.W. Norton and Co., 1983), tr. 102.*

(32) *Simon P. Keefe, "The concertos in aesthetic and stylistic context",* The Cambridge Companion to Mozart, *sđd, tr. 80.*

(33) ————————————, *sđd, tr. 2.*

Sự tiếp nhận của các nghệ sĩ đương thời và hậu thế

Sau đây là một số rất ít trích dẫn thâu lượm từ các tài liệu tham khảo và từ tuần báo *Le Nouvel observateur*, và tuần báo *L'Express*, cả hai đều ra ngày 22-12-2005, về những lời ngợi ca trong hai thế kỷ gửi tới một nghệ sĩ hiện nay vẫn còn là mẫu mực cho mọi nhà sáng tạo: nhà soạn nhạc, họa sĩ, nhà văn...

Joseph Haydn (1732-1809), *nhà soạn nhạc đồng thời người Áo*

"Tôi xin thưa với ông, trước Thượng đế, trong tư cách một con người thành thật, rằng con trai ông là nhà soạn nhạc lớn nhất mà tôi từng được biết, hoặc là qua cá nhân, hoặc là qua danh tiếng." (Thư cho Leopold, sau khi nghe sáu *Tứ tấu đàn dây tặng Haydn* của Mozart).

Franz Schubert (1797-1828), *nhà soạn nhạc thời Lãng mạn sớm*

[Những dấu ấn đẹp mà nhạc Mozart để lại trong tâm hồn chúng ta] cho ta thấy trong những bóng tối của cuộc đời này, một tia sáng xa xôi, chói lọi của cái đẹp, mà ta hướng về đó niềm hy vọng đầy tin tưởng."

Richard Wagner (1813-83), *nhà soạn nhạc "cực Lãng mạn" Đức*

"So với Haydn, Mozart hầu như [là nhà soạn nhạc] vĩ đại duy nhất về cách viết *cantabile* [tấu lên nghe như giọng hát con người] đầy tình cảm của những nhạc đề soạn cho dàn nhạc."

Piotr Ilich Chaikovsky (1840-1893), *nhà soạn nhạc Nga*

"Là một con người ở thời đại tôi, có lẽ chính vì tôi suy nhược và đau yếu về mặt tinh thần mà tôi muốn đi tìm sự êm đềm và niềm an ủi trong nhạc của Mozart; phần lớn nhạc đó là một biểu tượng của lạc thú trên đời được kinh nghiệm bởi một bản chất mạnh khỏe, lành mạnh, *không bị nội quan làm hư hỏng*." [Thư đề mùa xuân năm 1878 cho Nadehzda von Meck, một góa phụ giàu có, bạn thư tín của Chaikovsky, và là người bảo trợ cho các nhạc sĩ, trong đó có Claude Debussy.]

Richard Strauss (1864-1949), *nhà soạn nhạc và nhạc trưởng Đức, đồng sáng lập viên Liên hoan Salzburg*

"Quí vị đã nghe hai nhịp *adagio* trong phần chót Hồi thứ nhất của vở *Don Giovanni* rồi chứ gì? [...] Nghe này! Tôi sẽ sẵn sàng đổi ba vở nhạc kịch của tôi lấy hai nhịp đó!"

Ferruccio Busoni (1866-1924), *nhà soạn nhạc, dương cầm thủ, và lý thuyết gia âm nhạc người Ý*

"[Mozart] có thể nói nhiều, nhưng không bao giờ nói điều gì thừa. Ông có được ánh sáng và bóng tối; nhưng ánh sáng của ông không chói chang và bóng tối của ông còn cho ta thấy rõ những đường nét. Cái cười của ông không phải là cái cười của nhà ngoại giao hay của một kịch sĩ, mà là cái cười của một trái tim trong trắng—mà vẫn là của một con người lịch thiệp. [...] Ông vừa là trưởng giả, vừa là quí tộc; nhưng không bao giờ quê kệch hay cách mạng. Ông chẳng phải là quỷ thần cũng chẳng phải là kẻ siêu trần; vương quốc của ông là ở trái đất này. [...] Ông trẻ như một thiếu niên và khôn ngoan như một ông già—không bao giờ lỗi thời mà cũng không bao giờ hợp thời, đưa xuống huyệt rồi mà còn sống đến muôn thuở."

Thomas Beecham (1879-1961), *nhạc trưởng người Anh*

"Mozart đã giải phóng âm nhạc khỏi thời đại hình thức chủ nghĩa nhưng vẫn là tiếng nói chân thực của thế kỷ XVIII. Cái mới mẻ của tâm tình hay xúc cảm được phát biểu bằng một kỹ thuật vô song, đó là tặng vật lớn nhất ông đã đem lại cho thế giới. Tình cảm ấy đã là một phong cách thân mật, một thương mến âu yếm có nam tính, hoàn toàn độc nhất."

Josef Krips (1902-1974), *nhạc trưởng người Áo, có phong cách 'phản lãng mạn', người điều khiển siêu đẳng nhạc Mozart trong thời hậu thế chiến II*

"Beethoven đôi khi vươn lên tới trời, nhưng Mozart, ông từ trên trời rơi xuống, như một thiên thần chỉ chạm mặt đất trong một thời gian rất ngắn. Tôi luôn luôn nhắc lại rằng: nếu một tác phẩm nào đó trong tiết mục biểu diễn không phải 'của Mozart', thì đó là vì nó bị chơi dở. Như thế có nghĩa là: ta phải điều khiển mọi tác phẩm–kể cả của Wagner và Tchaikovsky [hai nhà soạn nhạc thuộc trường phái Lãng mạn]–bằng một cách lối toàn hảo, trong sáng, thuần khiết, như thể chính đó là tác phẩm của Mozart vậy."

Riccardo Muti (s. 1941), *nhạc trưởng người Ý, đã điều khiển nhiều lần cả ba vở nhạc kịch của Mozart là* Đám cưới Figaro, Đàn bà như thế cả, *và* Ống sáo mầu nhiệm

"Mozart là một trong số hiếm nhạc sĩ đã nâng chúng ta lên một tầm mức mà ta có thể cảm thấy được cái tính thần thánh nơi chúng ta. Và đồng thời ông nói về con người cho con người nghe, mà không lên án, không phê phán. Đó là một trong những lý do mà các vở nhạc kịch của Mozart sẽ không bao giờ già đi: chúng cho ta biết ta là ai."

Artur Schnabel (1882-1951), *dương cầm thủ người Áo, sau vô dân Mỹ, bậc thày về phong cách Cổ điển*

"Các độc tấu khúc [dương cầm] của Mozart có một đặc điểm này: quá dễ cho con nít, nhưng lại quá khó cho giới nghệ sĩ."

Ernest Theodor Wilhelm Amadeus Hoffmann (1776-1822), *nhà văn và nhà soạn nhạc Đức, tác giả những truyện nửa quái dị, nửa châm biếm, gây cảm hứng cho các nhà soạn nhạc thời Lãng mạn, như Schumann (*Kreisleriana*), Chaikovsky (*Cái kẹp hạt dẻ và Vua chuột*), Offenbach (*Những truyện kể của Hoffmann*). Hoffman khâm phục Mozart tới cái độ đã thêm tên Amadeus vào tên mình!*

"Mozart kéo chúng ta ra khỏi những giấc mộng hồng hoa và mở ra cho ta thế giới của bóng tối. Sự khủng khiếp tóm chặt lấy ta, nhưng không gây ấn tượng tàn nhẫn, nó không phải là cái ác mà đúng hơn là linh cảm về cái vô cùng." (*Những nỗi đau khổ âm nhạc của nhạc trưởng Johannes Kreisler.*)

Stefan Zweig (1881-1942), *nhà văn Áo*

"Nguồn sáng tạo tràn ngập trong ông và chảy về phía ông, giống như khí trời luồng qua ống sáo và biến hình thành âm nhạc nơi đó."

Stendhal (1783-1842), *nhà văn Pháp*

"Rossini luôn luôn vui đùa, Mozart không vui đùa bao giờ; giống như một người tình trang nghiêm và thường hay buồn sầu, nhưng ta lại càng yêu hơn, chính vì cái buồn sầu ấy." (*Đời Haydn, Mozart và Métastase.*)

Nietzche (1844-1900), *triết gia Đức*

"[Mozart] không tìm thấy hứng cảm trong khi nghe nhạc, mà trong khi ngắm nhìn cuộc đời, cuộc đời sôi động nhất trong những vùng đất phương nam. [...] Cái 'Thời xa xưa hiền lành' không còn nữa. Ở Mozart, ông đã cho ta nghe tiếng hát cuối cùng." (*Kẻ du hành và hình bóng mình.*)

André Gide (1869-1951), *nhà văn Pháp*

"Niềm vui của Mozart: một niềm vui người ta cảm thấy lâu bền; niềm vui của Schumann thiếu ổn định và người ta có cảm tưởng như nó tới giữa hai tiếng nức nở. Niềm vui của Mozart do sự thanh thản mà ra; và câu nhạc của ông giống như một tư tưởng tĩnh lặng; cái giản dị nơi ông chỉ là sự thuần khiết; đó là một tinh thể; tất cả mọi xúc cảm đều có vai trò trong đó, nhưng dường như đã được chuyển dịch lên trời. 'Ôn hòa mang một đặc tính thiết yếu là cảm động như những thiên thần' (Joubert). Phải nghĩ tới Mozart để hiểu rõ điều này."

Sacha Guitry (1885-1957), *kịch sĩ, tác giả kịch nghệ và làm phim*

"Khi ta đã nghe nhạc Mozart rồi, thì cái yên lặng tiếp theo sau cũng vẫn còn là Mozart." (*Mọi suy nghĩ đã xong.*)

Hermann Hesse (1877-1962), *tiểu thuyết gia Thuy-sĩ gốc Đức*

"Mozart là một trong những nhà nghệ sĩ lớn mà thật sự không còn tiểu sử và cũng chẳng còn tâm lý; họ trở thành một cái hoàn toàn không thể hiểu được, một niềm bí ẩn diệu kỳ, do ở sự kiện là, chừng nào họ bị thu hút hết tâm trí vào nghệ thuật của họ, vào cái gì vượt qua cá nhân và thời gian, thì nhân cách của họ biến lên đỉnh cao, ẩn tránh khỏi chúng ta."

Émile Michel Cioran (1911-1995), *nhà văn tiểu luận và đạo đức học Pháp gốc Roumanie*

"Tôi vừa nghe (không biết bao nhiêu lần rồi?) tập *Kinh cầu hồn* của Mozart và, trong một xung động đầy nhiệt tình, tôi tự nhủ rằng có lẽ ông ta là con người toàn diện nhất, phù phiếm nhất, sâu xa nhất, người đã trội hơn ai hết trong những tế nhị và những đen tối, và là người trong sáng trong khi vui cũng như trong khi khổ cực."

Mozart

"Thiên tài thật sự mà không có trái tim là một điều vô lý. Bởi vì không phải trí thông minh siêu đẳng, không phải là trí tưởng tượng, không phải cả hai cùng với nhau tạo nên thiên tài. Tình yêu! Tình yêu! Tình yêu! Đó là linh hồn của thiên tài." (*Thư tín.*)

CT dịch và chú thích

thanh tâm tuyền
những điều nhớ

NINH HẠ NGUYỄN ĐỨC TÂM

Không thể!

Chỉ ít phút sau Thanh Tâm Tuyền mất, Bùi Ngọc Tuấn từ Minnesota, buồn gọi báo hung tin. Không thể được! Tôi gọi ngay chị Tuyền. Thảo, con gái, nhận ra giọng tôi. Chú Tâm. Bố cháu vừa mới mất lúc 11 giờ 30. Mẹ cháu ra ngoài chạy lo công chuyện không có nhà. Lặng đi giây lát. Quá ngạc nhiên. Mới vào độ cuối thu anh còn gọi nói chuyện rôm rả, cười vui với tôi rất lâu. Tôi còn hẹn lên đón anh về Chicago. Hai thành phố không xa mà anh chỉ ngang qua, chưa có dịp ở chơi. Hứa không gặp ai. Chỉ đi xem cảnh, xem tranh và chuyện trò. Tôi hỏi cháu về bệnh trạng. Thảo cho biết. Bố chết vì ung thư phổi nặng. Cơ thể yếu không chịu được giải phẫu hay hóa trị. Bác sĩ phát hiện bệnh vào ngày 22 tháng1. Chỉ vỏn vẹn ba tháng, anh từ giã "Bếp lửa" nhân quần ngày thứ tư 22 tháng 3, 2006 tại Saint Paul, nơi anh và toàn gia đình con cháu chọn làm nơi lưu trú trên mười sáu năm qua. Vì phổi không còn hoạt động bình thường, anh nằm bệnh ở nhà thở với bình ốc xy. Vẫn tỉnh táo. Nhớ chuyện. Nhớ người. Ngày thứ Sáu trở bệnh nặng. Cấp cứu. Ngày thứ Ba không còn ăn được. Trưa thứ Tư tắt thở. Chị và các cháu Trinh Thảo, Trung Từ, gái cưng và trai út, cận kề bên giường bệnh, sững sờ đau xót nhìn chồng, nhìn cha ra đi đột ngột.

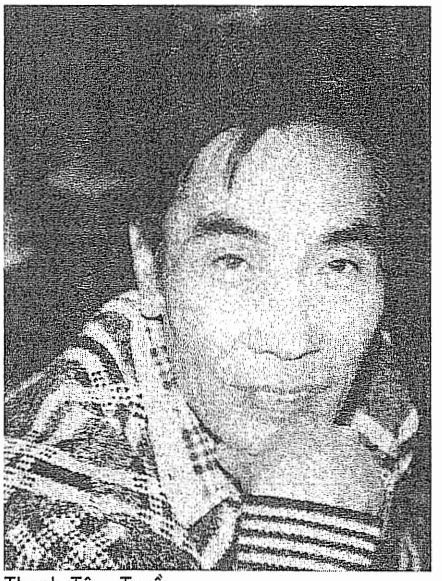
Thanh Tâm Tuyền

Thuốc lá và cà phê đen là hai thứ không thể thiếu mà lại quá tải trong hàng chục năm với cơ thể của anh. Năm 1994 tôi lên ở chơi với anh vài ngày. Thói quen này không thay đổi. Năm 2000 lên dự đám cưới cháu Trinh Thảo. Anh đổi ra hút ống tẩu. Bên cạnh bàn trà có máy lọc không khí. Nhà mới mua lại có thêm các cháu nhỏ, con của cháu Minh Trí vừa mới ở Việt nam qua đoàn tụ. Sau cái chết cũng rất bất ngờ, cùng chứng bệnh, của người bạn chí thân họa sĩ Ngọc Dũng, thương lo cho chồng chị thúc hối anh đi khám bác sĩ. Lần nào cũng gàn, bướng lần khân. Cứ mỗi lần như vậy vợ chồng lại cự nự nhau. Khi phát hiện, bác sĩ cho biết bệnh khởi đầu cách đây ba năm. Quá trễ! Có điều lạ anh chẳng thấy dấu hiệu gì về bệnh trạng nên ỷ y. Sau chuyến về Việt Nam thăm mẹ trở qua, trông khỏe hẳn, lên năm ký. Thân mẫu của anh, tuy ngoài chín mươi, vẫn còn khỏe. Lúc còn ở bên nhà, tôi thường thấy cụ, dù đã trên bảy mươi, vẫn còn nhanh nhẹn, đi chợ bằng xe đạp. Năm trước anh cho biết, cụ đứng đợi bên lề đường, bị xe đụng gẫy chân. Có lẽ về thăm được mẹ già đã làm ông vui và khỏe. Chuyến về thăm ông chỉ ở nhà với thân mẫu. Không tiếp xúc với ai. Chẳng đi đâu, ngoài đi ăn phở. Hỏi ông Sàigòn. Ông cười. Tớ chẳng đi đâu cả.

Nhận được tin anh mất lúc tôi vừa xa Chicago một tuần lễ. Đang ở Cali, trạm dừng chân đầu cho một chuyến đi dài hơn tháng. Đại Hàn và các thành phố Nhật sẽ là những chặng đường kế tiếp. Vì thế dù rất muốn, không thể nào bay về dự đám tang anh được. Lẽ ra nơi đến đầu tiên là Minnesota. Tôi dự định lên chơi với anh mấy ngày, trước khi tạm xa thành phố gió. Một người bạn thân, anh Mai Tất Đắc, người làm thơ và hâm mộ thơ TTT, lỡ dịp đôi lần gặp gỡ,

muốn tháp tùng. Tôi đồng ý. Gọi bao nhiêu lần không ai bắt máy. Để lời nhắn, không thấy hồi âm như mọi khi. Nghĩ rằng anh chị đi xa thăm con. Cứ tưởng là cháu Quang Tuệ, đứa con trai thứ ba còn ở Texas. Cháu Thảo nói. Vì bố không muốn ai biết, nên không liên lạc với ai. Bố cũng không bằng lòng để mẹ hỏi những bạn bè trong trường hợp tương tự nhờ giúp ý kiến. Bố kiệt sức. Mẹ không chịu đựng được buộc lòng trái ý chồng tìm kiếm dò hỏi. Đó là lý do tôi đã mất liên lạc với anh. Lỡ dịp gặp thăm anh lần cuối.

Được tin anh mất tôi gọi báo ngay cho anh Viên Linh. Tạp chí Khởi Hành, là diễn đàn nhiều công lao trong việc cổ súy và trân trọng nền văn học, nghệ thuật tự do của miền nam Việt nam, trong đó có Sáng Tạo. Báo cho anh Lê Tất Điều, vì hôm qua tôi mới ở chơi với anh chị trọn ngày. Chúng tôi cũng nhắc đến TTT. Cuối thu vừa rồi chúng tôi đã nói chuyện rất lâu. Không ngờ đây là lần cuối nghe được giọng vừa cười vừa nói rất đặc biệt của anh. Trong câu chuyện anh có nhắc đến nhạc sĩ Phạm Duy vừa ra một hồi ký của đời mình nhưng không hề nói đến tên một người anh uyên bác và tài hoa có ảnh hưởng, ông Phạm Duy Nhượng. Theo lời kể của TTT, là người được ông giới thiệu lên dạy học cùng ở Thủ Dầu Một. Trong dịp này nói về thời gian làm báo Tiền Tuyến, anh cười vui nhắc đến nhà văn Lê Tất Điều. "Tên ấy nhỏ con nhưng võ nghệ giỏi. Qua Mỹ lại làm sĩ quan cảnh sát. Phục thật!" Chẳng ngờ cách hôm sau, ngày chúng tôi nhắc đến, anh không còn. Người thứ ba tôi báo tin ngay là Đinh Cường, người TTT thường liên lạc sau những ngày tù về cho đến nay. Năm rồi qua Washington D.C. dự họp, Đinh Cường đem xe đến khách sạn đón, đưa về nhà. Chị Tuyết Nhung cho ăn món Huế tuyệt vời. Đinh Cường mở chai rượu chát ngon đối ẩm. Khoe bức sơn dầu vẻ chân dung TTT. Đinh Cường muốn lên dự lễ tang. Cận ngày, vé quá đắt không kham nổi. Hẹn khi tôi trở về Chicago sẽ thu xếp cùng lên Minnesota thắp trước mộ anh một nén hương tiễn biệt.

Các anh nói tôi viết bài về Thanh Tâm Tuyền. Tôi không làm được. Ở xa nhà thiếu phương tiện. Việc riêng lại đang ngổn ngang. Cái chết của anh là một xúc động mạnh. Thêm nữa. Tuy sống ẩn dật trong bao nhiêu năm, sự nghiệp và tài năng cũng như tư cách của anh đã là sao Bắc đẩu trên nền trời văn học Miền Nam và cả Việt Nam đương đại. Chắc chắn sẽ có rất nhiều bài viết, bài đọc về anh.

Tôi thức giấc nửa đêm chú tâm cầu nguyện anh siêu thoát. Cầu cho anh, một người anh thương mến, một người bạn lớn tuổi, đã hiểu nhau, cùng chia sẻ những đắng cay buồn vui của tù đày, của nhân tình thế thái. Đã cùng nhau hàn huyên tâm đắc trăm ngàn thứ chuyện trong mấy chục năm qua. Qua anh tôi đã thấy sự thủy chung của tình bạn. Đối với các anh chị thuộc gia đình Sáng Tạo và những người thân quen, mối dây thân ái, tương kính, quan tâm đến nhau vẫn giữ cho đến cuối đời. Phục anh về khí khái của một kẻ sĩ khi quốc phá. Không ồn ào chống đối, nhưng chưa bao giờ thỏa hiệp. Không đua chen cho những hào quang và tăm tiếng. Chưa thấy anh ghét ai. Không ưa không phục thì không gần gũi. Thế thôi. Cách sống của anh, dù chẳng bao giờ muốn, cũng đáng cho nhiều người suy nghĩ. Anh là dòng nước, xuyên qua ghềnh thác, vẫn trong vắt sáng ngần trôi chảy vào đại dương mệnh số.

Tôi gần anh, chơi thân với anh. Một con người bình dị, chí tình trước hơn một thi sĩ, văn sĩ . Tôi viết về anh, những điều gần gũi thân quen, hơn là về những bài thơ người khen kẻ chê, người yêu kẻ ghét. Những điều vặt vãnh này chiếu một tia sáng nhỏ vào một góc đời cho những ai muốn hiểu thêm về anh. Thơ văn anh canh tân đột phá cái sáo mòn xưa cũ. Chắc chắn không dễ gì chinh phục lúc đầu. Thời gian mấy chục năm, im hơi lặng tiếng. Không tranh hơn thua. Không giải thích biện bạch. Đủ để cho những đánh giá trung thực. Không phải đợi khi anh qua đời, mà những năm khi anh còn sống, giá trị công lao, tài năng của anh đã là một khẳng định, một tự hào của văn học Miền Nam Việt Nam tự do. Những bài viết, phân tích, nhận định phê bình của nhiều người trước và sau cái chết của anh như Nguyễn Hưng Quốc, Bùi Vĩnh Phúc, Thụy Khê... và mới đây Đặng Tiến cùng nhiều người khác, chắc chắn giúp cho người đọc có cái nhìn, cái hiểu biết khá sâu sắc về sự nghiệp văn thơ của TTT.

Nhờ cơ duyên gia đình, tôi được gần gũi các anh chị giới cầm bút ngoài và trong Sáng Tạo. Với các anh chị trưởng thượng như Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sĩ Tế, Thái Tuấn... thì coi tôi như người em. Riêng TTT trẻ tuổi hơn quý vị kia, sau này gần gũi trong lao tù và sau lao tù, cho đến những ngày trên đất Mỹ, hiểu được nhau, tôi được anh xem như người bạn trẻ tuổi hơn, rất thân thiết. Tôi thường gọi tên anh là Thanh

Tâm Tuyền hay gọn là anh Tuyền. Gọi chị, chị Tuyền. Thói quen này, có lẽ tại tôi với anh cùng tên chăng? Trong bài viết này dù gọi là anh, là ông hay trơ trọi TTT, cũng với lòng trân quý.

Ngày vào...

Miền Nam sụp đổ. Tôi với TTT đi tù cùng ngày, cùng chỗ. Nhà tôi, nhà anh gần nhau. Đi bộ năm mười phút. Tôi ở hàng Keo, gần trường Mỹ thuật. Anh ở xóm Gia, gần Bệnh viện Ung thư, Gia định.

Năm đầu cùng chung trại Long Giao. Anh lán 9. Tôi lán 6. Lán là nhà mái tôn dài, trại lính cũ. Gặp tôi anh mừng rỡ. Năm đầu ở đây, chưa phải lao động nhiều nên có thì giờ nhàn rỗi. Tôi thường đến chơi với anh và nói mọi thứ chuyện. Bài thơ Hồi Hương Ngẫu Cảm của Hạ Tri Chương, sau này tôi trích đăng trong truyện ngắn Nghịch Lý (Tập truyện Cơn Giông Ngày Về. Văn Mới xuất bản 1999) là của TTT đọc thuộc và dịch. Tôi nghe. Học thuộc. Bài thơ Trung Hoa cổ, tiên đoán những ngày tù xa xăm biệt xứ của chúng tôi. *"Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi. Hương âm hối cải mấn mao tồi. Nhi đồng tương kính bất tương thức. Tiếu vấn khách tùng hà xứ lai."* Sau này, anh Hoàng Hải Thủy i meo cho biết, tôi đã trích sai bài thơ. Phải sửa lại cho đúng là Hương âm vô cải, mấn mao thôi. Tôi nhận mình lâu ngày, nhớ không đúng. Ông thi sĩ kiêm thầy dạy việt văn không thể nhầm được. Mới đây đọc Tuyển tập tạp ghi của Phan Lạc Phúc (Văn Nghệ 2002) có thấy ghi chú. "Nhiều dị bản đọc là Mấn mao suy hay Mấn mao tồi." Vậy là tôi không nhớ sai. Trong bài thơ PLP trích đăng lại gây thêm một nghi vấn khác. Thay vì Nhi đồng lại là Mục đồng. Chuyện đó hạ hồi phân giải. Chỉ kể một kỷ niệm nhỏ với TTT trong năm đầu cải tạo.

BÙI BÍCH HÀ

Biệt Ly

Con đường về nhà anh
qua trung tâm thành phố.
Tôi mỗi ngày ngược xuôi
nhưng hiếm lần ghé lại.
Ngỡ anh như cây lá
như nắng mưa mãi còn
Biết đâu có một ngày ngón tay gõ lên cánh cửa
là chạm thiên thu lặng câm,
phía sau ấy không còn tiếng ai trả lời.

Đôi bàn chân mất ngón
bỏ đất đã lâu giờ hân hoan quay về
vườn quê xưa cỏ hoa ngóng đợi.
Trong góc nhà,
những vòng xe lăn đã luân hồi kiếp khác.

Những giọt thời gian
Buốt giá
Lạnh lùng mưa xuống đời người.
Chiều mùa đông
Quên vuốt mặt nhìn nhau.

Con đường về nhà anh
Qua trung tâm thành phố
Bạn bè anh vẫn xuôi ngược hàng ngày
nhưng sẽ ít dần những người gọi tên anh và nhớ.
Hè phố rồi cũng quên những lần bóng anh xiêu đổ
Nhưng tôi chắc
Hàng dây điện với lũ chim hóng mỏ
Cây bạch dương ngoài cửa sổ còn giữ mắt anh trên đầu ngọn gió
Và nụ cười anh hồn nhiên
một thời tuổi nhỏ.

Không có gì thật mất đâu
Ta ơi!

Quận Cam 8/17/06.

Biệt xứ

Năm 1976 tù cải tạo chuyển ra vùng thâm sơn Việt Bắc. Anh bị đày ải Yên Báy, Lào Cay. Tôi bị đẩy lên vùng Sơn La nước độc. Năm 1979

Trung quốc vượt biên giới đánh người anh em một thời môi hở, răng lạnh. Các trại tù dọc biên giới Hoa-Việt chuyển về Vĩnh Phú. Trong thung lũng hẹp, trại được phân phối thành năm phân trại.

Tôi ở K5 với Mai Trung Tĩnh. Một sáng mùa xuân nắng đẹp, tôi theo xe trâu lên K2 nhận đường mía. K2 là trại trồng nhiều mía. Trên đường làng sỏi đá. Vượt qua suối cạn. Sau khoảng hai giờ thì đến nơi. Một toán anh em đói mệt rã rời, áo đẫm mồ hôi, trên đường về, sắp vào trại. Trong đoàn người đó tôi chợt nhận ra anh. Với dáng người và dáng đi đó không thể ai khác. Quá mừng không kìm hãm. Nhảy vội xuống xe trâu. Chạy nhanh về phía anh. Gọi lớn. Anh TTT. Mọi người quay đầu nhìn tôi. Anh mừng nhận ngay ra. Chú Tâm. Anh cười. Chú đang ở đâu? Em ở K5. Chỉ bấy nhiêu lời. Anh qua khỏi cổng giam còn cười mừng ngoái nhìn trở lại.

Hai năm sau TTT chuyển về K5 cùng trại với tôi. Có khi lại được ở chung buồng giam. Khác đội. Ngày lao động đói lả. Tối ngồi chầu kiểm điểm. Tố mình và tố người. Cũng ít có khi rỗi rảnh chuyện trò. Ăn cơm chung với nhau trưa chúa nhật. Sau này anh cười nói. Tớ khai là Dư Văn Tâm, đại úy bộ binh. Chú lại la toán lên Thanh Tâm Tuyền. Từ đó tớ bị lộ tẩy!

Một chiều mùa đông lạnh. Tôi đang ở đội nhà bếp. Anh nhắn ra gặp. Tớ mới được quà, đem chú ít dầu bơ, bồi dưỡng lấy sức. Anh đưa tôi lon gô đựng đầy. Cần cho anh hơn. Dúi vào tay tôi anh nói. Tôi còn nhiều. Chưa kịp cám ơn, anh quay đi.

Ai đã qua tù đày của cộng sản. Đã qua cái đói dai dẳng hành hạ năm-năm- tháng-tháng-ngày-ngày, mới cảm được cái to lớn của miếng ăn. *Chờ cơm bụng lép đo giường.* Cái đói đã đưa con người trở về với bản năng sinh tồn của muông thú. Vì miếng ăn có người lừng lẫy, nhân cách một thời đã trở thành ti tiện. Rất đáng thương và thông cảm. Đừng chê trách. Trong hoàn cảnh đó, TTT, với một gô dầu bơ vàng sệt hấp dẫn, thơm rực, chia cho tôi trong một chiều âm u lạnh đói. Nghẹn ngào. Nhớ mãi. (TTT ơi!!!).

Tết 1981. "*...Nguyên đán bước ngây ngây vất vưởng. Ngoài tường, ngọn ngô đồng trơ trọc. Lắng buốt tiếng gặm mòn thịt xương. Lây xót xa núi rừng điêu đứng (Nhớ Xuân)* . Hẹn với anh cùng ăn trưa đầu năm. Bữa cơm ngày Tết hiếm có quanh năm, có thịt trâu và canh, xào "*...Nhồi như nhồi vịt, nước mắt rơi. Giao thừa tối câm gió ỉ ôi. Ta vẳng nghe chú bỡn cợt. Tết ngày ăn, Xuân mùa vui chơi...*". Tôi quá bận ở nhà bếp, xong việc thì đã quá trưa. Xuống buồng giam của anh, một số anh em đã trùm chăn ngủ cho quên ngày tháng hay khóc thầm nhớ vợ con. Anh vừa ăn xong. Chúc anh sức khỏe. Anh thường nói. Vợ dại con thơ. Bằng cách nào, cố sống mà về. Dù ngày về mù tịt. Tôi nhìn trước sau, len lén đưa cho anh một chai nhỏ. Gì thế? Thuốc ho. Xuống giọng rầm rì. Chú liều thế. Tết tù mà như thế này là nhất! Ở tù khó nhất là đem rượu vào trại. Bị bắt thì cùm ngay. Có quan hệ bên ngoài thì tiêu thụ tại chỗ. Tôi có đứa em thân tín cùng đơn vị, Trần Quốc Ân, làm ở đội mía lo việc cất rượu. Quí ông anh, biết ông anh xưa vốn nòi Lệnh Hồ Xung, ngày Tết lén cắp rượu đem vô. Tôi chia cho TTT một nửa. Anh không uống được nhiều rượu. Một hai chung như thế cũng đủ cho thi sĩ của chúng ta có hứng khởi làm những câu thơ về xuân về Tết trong tù tuyệt vời. "*... Trời có mấy độ xuân? Đất bao nhiêu miền lạ? Chưa ngấy tiệc trần gian. Hồn run xanh búp lá.*" Tôi bị hớp hồn về ý và từ thơ xao xuyến "Hồn run xanh búp lá." Một câu thơ xuân khác kỳ lạ không kém. Đơn giản mà âm vang đến sững sờ. "*...Vang vang trời vào xuân. Ta bật kêu mừng rỡ:...*" Ở tù khổ sai mà làm thơ sảng khoái như thế, đúng là thứ thiệt.

Ghiền nặng thuốc lá. Vào trại ông là đệ tử của thần thuốc lào. "*Bạn tù ơi lửa châm rồi. Rít cho ròng rã mê tơi cõi lòng. Tựa lưng nhả khói thong dong. Tít say lú lấp cả mong với chờ...*" Ông làm cỏ sắn ở gần nhà bếp đội chăn nuôi. Giờ nghỉ mệt, theo bạn lén vào bếp hút vố thuốc lào. Nhà bếp, nơi nấu cám heo là nơi cấm. Sợ tù đói kinh niên vào đây ăn vụng cám lợn. Nghe kể lại, TTT đang phê thuốc, không kịp đi ra đã bị tên đội trưởng bợp tai. Tin này truyền nhanh vào trại. Tôi lấy cớ đi lấy củi đốt cho nhà bếp. Đánh xe trâu ra tận nơi. Không gặp tên này ở đó. May cho hắn mà cũng hên cho tôi.

Suốt những năm tháng tù đày, ông là một người tù bình thản đến lạ lùng. Không chống đối, than trách. Không tham gia hợp tác văn nghệ, văn gừng. Mùa xuân trước khi được tha, tên Bích tù hình sự làm trật tự, uy quyền trấn áp, buộc ông đưa thơ đăng bích báo Tết. Chẳng thể chối từ ông đưa bài "Ngày xuân trên cánh đồng mua." Bài thơ có những câu tuyệt. Nó không đăng cho là ông chửi xéo. Những câu.

"Trên cánh đồng nhàm mắt ngày tháng" hay *"Ngày tẻ lạnh đìu hiu nhớ nắng."*

Ngày ra...

Một tình cờ kỳ thú. TTT và tôi vào tù cùng ngày cùng chỗ. Gần chín năm sau ra tù cùng chỗ cùng ngày . Trong chuyến quy cố hương có thêm nhà thơ Mai Trung Tĩnh.

Khi được tin thi sĩ Mai Trung Tĩnh qua đời lạnh lẽo tại Virginia năm 2002, tôi xúc động viết trên Văn Học 193 bài tưởng nhớ "Giữa Hà Nội Tìm Mai." Trong đó có nhắc nhiều kỷ niệm cùng TTT dạo phố Hà nội. Nay xin trích có sửa đổi để cho ai chưa đọc bài trên biết thêm một kỷ niệm khó quên của tôi và anh.

"...Vào một ngày nắng lạnh trước Tết, cả trại bàn tán xôn xao tin sắp có đợt tha. Tôi dửng dưng. Loại binh chủng ngành nghề an ninh, biệt kích, tình báo như chúng tôi, cứ chuyển trại vào sâu vùng hiểm hóc thì vội vã chuẩn bị, chắc chắn thế nào cũng có tên. Lệnh tha trong lúc hạn tù chưa vượt quá mười năm thì đừng có mà mong. Nhưng ở đời có những chuyện không tin mà có thật. Tôi có đứa cháu, con người bạn cùng đơn vị, thuộc loại tù nhí, rất trẻ. Mới hai mươi mấy tuổi, đẹp trai, nhanh nhẹn dễ thương mà lại hoa tay viết chữ rất đẹp. Tù vì theo Phong trào Phục quốc sau 1975. Vào trại được tên cán bộ giáo dục, một trong mấy chức phận quyền uy, tin cậy chọn làm thư ký kiêm tà lọt. Sai làm đủ mọi thứ việc. Ngược lại cũng nhận được nhiều đặc ân. Không ở buồng giam, không dầm mưa dãi nắng lao động khổ sai. Áo quần sạch mới không tả tơi rách vá chằng đụp. Tù mà được như vậy đã là tiên. Chiều hôm đó cậu ta xuống bếp lãnh phần ăn tối, ra dấu gọi tôi ra góc nhà. Lấm lét nhìn trước sau, cười vui. "Chú có tên tha đợt này." "Khó tin!" "Thật. Chú đừng nói với ai. Chết cả chú lẫn cháu." Tự nhiên tôi có linh cảm là sự thật. "Sao cháu biết? Có chắc không? Đừng làm chú mừng hụt nghe!" "Cháu đang chép danh sách. Có tên chú và tên cháu." Thấy tôi ngẩn người. Như đã chuẩn bị, nó đọc rõ tên vợ tôi, địa chỉ nơi về. Nói xong nó mừng khóc. Tôi cười nghẹn. "Cám ơn cháu." " Nhớ nghe chú. Đừng nói cho ai. Tuần sau mới công bố." Tin thì có tin nhưng tôi vẫn rất hồi hộp.

Mấy ngày sau thì một số lớn những người được tha, trong đó có tôi, được tên cán bộ quản giáo đội gọi lên cho biết bán chính thức và lại dặn dò đừng cho ai biết. Nhưng mọi người đã biết. Trại xôn xao hy vọng. Mai Trung Tĩnh đến gặp tôi lén gửi thư dặn đem về cho vợ. Hàng chục anh em khác cũng tin cậy gửi gắm. Họ biết chắc, bằng cách nào tôi cũng tìm cách giấu giếm những lá thư để đưa lọt về gia đình. Thời gian sau đó khi về Sàigòn, hơn tháng trời tôi và đứa con gái 13 tuổi trên chiếc xe đạp cà rịch, ngày ngày tìm đến những địa chỉ khắp cùng ngõ ngách trao thư tận tay những người vợ, người mẹ, người cha, người tình. Sàigòn,Thủ đức, Biên Hòa. Nơi xa xôi thì gửi theo bưu điện. Qua việc làm này, tôi đã chứng kiến bao nhiêu chuyện buồn vui tủi nhục của những bạn bè cùng cảnh đang còn kẹt trong tù, mà ngày về thì biết đến bao giờ. Tôi đã có ý định ghi lại những hoạt cảnh xã hội này, nhưng cuối cùng không thực hiện vì trân trọng những đau thương đổ vỡ riêng tư.

Một ngày trước khi tha, tôi và Thanh Tâm Tuyền cùng một người bạn trẻ rất khí khái, vốn là học trò, có bữa ăn đạm bạc chia tay. Thanh Tâm Tuyền lại giao thêm cho tôi một trách vụ hiểm nghèo khác là đem ra những bài thơ của anh sáng tác trong thời gian ở tù, viết trên những dung giấy nhỏ. Nhiều bài thơ này đến với những người hâm mộ trong thi tập "Thơ ở đâu xa" đã được Cơ sở Văn xuất bản tại Mỹ năm 1999. Đem lén cả hàng chục lá thư gửi về gia đình lại thêm thơ lậu của Thanh Tâm Tuyền, qua mặt cán bộ ra khỏi trại là một "điệp vụ" căng thẳng. Có kẻ lén báo, cán bộ nhân lực, tức là an ninh trại, chận xét tại cổng nhưng tôi đã chuyển giao cho anh bạn trẻ Phan Cảnh Phùng trước đó không lâu. Thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc.

Lúc ngồi với nhau, Thanh Tâm Tuyền cười nói. "Biết đâu ngày mai không phải là chú mà là tôi." Không phải Nguyễn Đức Tâm mà là Dư văn Tâm, tên thật của nhà thơ tự do. Lời nói ỡm ờ này không ngờ lại đúng một phần. Nếu đúng thật thì quá tội cho tôi. Lúc đọc lệnh tha cả hai Tâm đều trúng số và thêm Nguyễn Thiệu Hùng, Mai Trung Tĩnh.

Một buổi sáng cuối năm lạnh nhẹ và sương mù, bên bờ nhánh sông Thương hiền hòa, chúng tôi có cả Mai Trung Tĩnh và Thanh Tâm Tuyền, ngồi tụm hút thuốc. Uống chia nhau gô trà mộc nóng đậm. Ôi tuyệt vời những giây phút đầu tiên, tạm gọi là tự do , sau bao nhiêu năm tù đày. Chúng tôi ngồi chờ ca nô xuôi sông Thương, vượt sông Hồng chở về trại chuyển tiếp Ấm Thượng, xóm nhỏ bên bờ sông Hồng. Để sáng hôm sau đáp tàu hỏa xuôi về Hà nội. Ngày mai ra sao? Dẹp qua một bên. *"Sung*

sướng quá giờ cuối cùng đã hết"(Xuân Tâm).

Mấy toa tàu cũ kỹ lắc lư chở hơn bốn mươi người được tha từ ga Ấm Thượng về đến ga Hàng Cỏ, Hà nội. Tất cả được lùa nhốt trong nhà đợi. Đi tiêu tiểu phải xin phép. Chuyến tàu thống nhất tám giờ tối nay sẽ trả chúng tôi về miền Nam yêu dấu nay đã đổi chủ thay ngôi. *"Hương âm vô cải mấn mao thôi." Ngày về tóc đã bạc phai mái đầu.* Tôi được giao nhiệm vụ sắp hàng anh em, điểm số.

"Thưa cán bộ thiếu mất một anh." "Bỏ mẹ! Anh kiểm lại xem. Lúc lên tàu tôi đếm đủ. Không nhẽ rớt xuống đường. Đếm lại!" "Thưa cán bộ đúng là thiếu một." "Có biết thiếu ai không?" "Thưa biết." "Ai?" "Nguyễn Thiệu Hùng." Tôi vọt miệng nói tiếp "Tôi nghe nói anh ấy có bà cô ở đối diện ga. Chắc anh ấy tranh thủ ghé thăm. Cán bộ đừng lo. Đúng giờ tàu vào Nam chắc chắn anh ấy sẽ có mặt thôi." Tôi biết rõ vì trước khi lên tàu Mai Trung Tĩnh có nói với tôi. "Vô kỷ nuật. Ông nại cho vào tù ở thêm cho biết thế lào là nễ độ." Tên cán bộ răn đe. "Anh đi ngay ra khỏi ga, túm đầu anh ấy về ngay cho tôi." "Tôi không rành đường sá, nhỡ lạc không về kịp chuyến tàu thì bỏ bu." "Đi. Tôi bảo đi nà cứ đi. Đừng nôi thôi." "Hay là cán bộ cho anh Dư Văn Tâm cùng đi. Anh ấy là dân Hà Nội chính cống." "Được. Nhớ tìm được thì về ngay nhé. Khẩn trương!" "Vâng!" Tôi chạy đến chỗ ông Thanh TâmTuyền. "Mình đi thăm Hà nội ba sáu phố phường." "Đi thế nào được. Chúng nó giam lỏng." "Cứ theo tôi. Thế mới tài!" Ông không tin. Tôi cười kể cho ông nghe. Ông vội vã khoác chiếc áo măng tô màu đen. Đội nón công nhân kiểu Lê nin. Nón này là bảo vật tôi để lại cho ông kỷ niệm chia tay. Không ngờ hai anh em cùng được tha. "Anh đem tôi đi tham quan Hà Nội." "Ông Hùng thì sao?" "Dẹp qua một bên. Lo bò trắng răng. Đến giờ tàu chạy thì ông ấy mò về."

Thanh Tâm Tuyền hóa xác. Thường ngày thong thả chậm chạp, giờ đi như chạy. Đường phố dường như quá quen thân cho dẫu bao tang thương biến đổi. Ông bương bả đi trước, tôi chạy theo. Không nói với nhau nhưng tôi biết ông đang xúc động trở về nơi chốn cũ. Tấp vào một quán phở bên kia đường để thưởng thức tô phở Bắc chính hiệu. Gọi mỗi đứa một cốc cà phê. Thế là nhất. Mấy năm đói khát thèm ăn, tô phở làm chúng tôi thất vọng đã đành mà ông chủ quán, thuộc loại bộ đội giải ngũ, trong bộ đồ lính cũ, lại càng làm cho tôi phát ngấy. "Phở ở đây mới là phở. Trong lam các anh nàm sao sánh được." Tô phở phất phơ hai lát thịt nhỏ, mỏng dính. Nước dùng bột ngọt đậm chát. "Phét. Chúng mày lấy đâu ra thịt. Bố khỉ!" Tôi chửi thầm. "Ông đói dài mấy năm còn chả thấy ngon huống hồ...!" "Các bác được đảng khoan hồng nhớ về lao động..." Tôi nói đểu "Thôi nhờ ông anh tốp lại! Mấy năm nghe chán rồi. Biết rồi khổ lắm nói mãi! Vào đây đớp phở mì chính (bột ngọt) chứ không phải nghe ông lên lớp. Tính tiền!" Ông Thanh Tâm Tuyên thấy tôi sửng cồ vội vàng đứng dậy ra khỏi quán. Bác Nguyễn Tuân ơi! Chúng bán Phở Bắc như thế này là chúng nó làm nhục ông rồi!

Chúng tôi, những thằng tù khổ sai biệt xứ mới được thả, đi giữa đường phố Hà Nội trong túi cũng su hào rủng rỉnh. Đã gần mười năm toàn thắng thế mà những bộ đồ lính, tấm vải dù làm võng, của chúng tôi đem theo từ ngày Sài Gòn thất thủ vẫn còn là món đồ đắt giá hợp thời trang. Dân Hà nội chen lấn qua song cửa nhà ga tranh nhau mua. So với tô phở giá năm đồng, chiếc áo lạnh áo jacket nhà binh tôi bán bảy trăm. Miếng vải dù tưởng vất đi cũng có người mua đến chín chục.

Ông Thanh Tâm Tuyền dẫn tôi đi như chạy trên Phố Thuốc Bắc rực mùi cao đơn hoàn tán, lần đến ngôi nhà cũ nát tường vôi loang lổ. Căn phố hẹp tối tăm, nhiều gia đình cùng ở, ngăn chia nhau bởi những tấm màng vải nhàu bẩn. Người cô già mù lòa vẫn nhận ra tiếng nói của đứa cháu sau bao năm trời chia cách. Ôm chầm. Cô khóc, cháu sụt sùi. Và tôi, người chứng kiến những giây phút cảm động nhất của một cuộc kỳ ngộ, bước ra hàng hiên lau vội nước mắt.

"Anh đưa tôi đi xem Hồ Hoàn Kiếm và phố Hàng Đào." Từ giã người cô ra khỏi nhà, tôi đề nghị. "Thong thả." Ông chận bà già bưng mẹt bán bánh giầy kẹp chả chiên. Món ăn đã biến mất trong trí nhớ của tôi. "Cho chúng cháu hai cái." Ông thích thú nói với tôi. "Ăn đi. Đặc biệt Hà Nội."

Đi qua những con đường loang lổ rêu phong, dễ chừng từ thời Pháp thuộc đến nay chẳng hề tu bổ. Nước cống rãnh tràn ướt lối đi rác bẩn. Những ngày giáp tết, đường phố chen chúc bụi bặm người lam lũ, xám xịt. Nam nữ áo quần bộ đội, dép nhựa nón cối. Ôi! Đâu Hà Nội dáng kiều thơm của Quang Dũng? Ôi! Đâu áo dài tha thướt, đâu tóc dài thả gió lê thê của nhạc sĩ

Hoàng Dương, Anh Bằng, Vũ Thành? Và rồi phố Hàng Đào với những thiếu nữ khuê các của Nhất Linh, của Khái Hưng? Trước mắt tôi chỉ là một phố nhỏ lạc hậu so với Sài Gòn thân yêu của tôi mười năm trước đó. Hình ảnh sau cùng đổ vỡ thảm thương trong mơ tưởng của tôi. Hồ Gươm! Một vũng đọng. Tháp rùa! Rêu bẩn, trơ trẽn phất phơ một ngọn cờ.

Cám ơn Mai Trung Tĩnh. Nhờ ông tôi có dịp thăm Hà nội và TTT trở lại cố đô."

Sàigòn, ngày về...

Dù trăm nghìn vất vả, lo sợ và bất an, chúng tôi vẫn có những ngày tháng nhàn rỗi. TTT thời gian này không giao thiệp tiếp xúc nhiều. Bạn bè hay lui tới với anh chỉ năm, ba. Anh thân với người anh thích. Một phần bản tính, một phần vì an toàn cho bản thân. Tên anh trong bìa đen Biệt kích văn nghệ của chính quyền. Nhất là khoảng sau ngày đầu tháng 5, 1984 ngày nhà ông bị bất thần khám xét, phải trình diện Phòng Chính trị công an Thành phố cùng lượt với sự bắt giam trở lại các văn hào kẻ sĩ Doãn Quốc Sĩ, Hoàng Hải Thủy..., ca sĩ Duy Trác. Tôi mừng vì không tin rằng anh thoát khỏi trại giam thêm nhiều năm như các anh đó.

Nguyễn Đình Toàn, Đinh Cường, Phan Lạc Phúc, Cung Trầm Tưởng là những khuôn mặt thân quen tới lui. Anh qua tôi hay tôi qua anh. Uống trà, cà phê anh pha lấy hoặc ngồi ở mấy quán cóc mọc lên như nấm quanh Gia Định, Tân Định. Tôi và anh cũng thỉnh thoảng ghe thăm anh chị Nguyễn Sĩ Tế, Doãn Quốc Sĩ.... nhất là từ khi anh NST bị đau mắt. Có khi cùng nhau lên quán sách của anh Phạm Kiều Tùng bên ngoài nhà thờ Huyện Sĩ, tìm sách cũ và cà phê tán dóc. Những khi rủng rỉnh thì ghé trước chợ Tân Định mua hai cái croissant nóng giòn thơm lựng mùi bơ Bretel, ghé quán nhâm nhi cà phê đen đặc đến trưa. Những giây phút đó quả là hạnh phúc. Đủ lãng quên đời.

Anh Mai Thảo và các bạn bè thân quen đang ở nước ngoài liên lạc giúp đỡ. Tôi biết anh đã từ chối không nhận $50 đô của một thi sĩ gửi cho và nhờ anh Mai Thảo trả lui với lời cám ơn. Đang lúc nghèo túng, anh cũng chỉ nhận sự giúp đỡ của bạn bè chí thân. Ngày được giấy tờ đi Mỹ, tôi đi với anh qua Bệnh viện Nguyễn Văn Học, nhờ em của anh Dương Nghiễm Mậu, đang làm ở phòng quang tuyến, rọi phổi để có gì lo chữa chạy kịp khỏi trì hoãn ngày lên đường. Phổi anh tốt.

Đi Mỹ

Nhờ anh vợ, phi công, qua từ 1975 bảo lãnh, tuy đi theo diện H.O. nhưng ưu tiên đi trước vào năm 1990. Đến Baton Rouge, New Orleans. Nơi cư trú của anh vợ. Họa sĩ Ngọc Dũng ân cần mời gia đình về với anh ở Washington D.C. anh từ chối và sau đó quyết định về cùng con. Cháu Quang Tuệ vượt biên qua trước đang ở Minnesota, nơi anh chị Cung Tiến, bạn thân của TTT, chưa có con, nhận Tuệ làm con nuôi. Việc làm nhân nghĩa của anh chị đã được đất trời đền đáp. Năm sau anh chị sinh con đầu lòng, cháu Đăng Quang.

Cũng cần nói thêm, đi ở tù cũng có số là cái chắc(!) Ngày Saigon sụp đổ, Họa sĩ Ngọc Dũng rũ anh cùng đi Mỹ. Anh không đi được vì vợ đang có bầu. Đứa con út của anh, cháu Trung Từ, ra chào đời đúng 9 giờ sáng ngày tan hàng 30 tháng 4. Con chưa kịp đầy tháng thì bố đi tù. Tôi đang viết bài này cũng đúng ngày 30 thánh 4, ba mươi hai năm sau.

Coi lại

Với tài năng, Thanh Tâm Tuyền đã có một vị trí trân trọng trong văn học Việt Nam. Đặc biệt về trào lưu thơ được gọi là thơ tự do. Người yêu chuộng, nghiên cứu và phê bình về văn học đương đại của Việt nam nhất là giai đoạn khởi sắc của Miền Nam 54-75 không thể thiếu ông. Toàn bộ tác phẩm của tác giả cần được tập trung lưu giữ đã đành mà cuộc đời của tác giả cũng trở thành đối tượng cần thiết để đối chiếu về mặt ảnh hưởng trên sự nghiệp sáng tác. Người cùng thời, kẻ quen người biết ông rồi cũng lần lượt theo ông. Cho nên, nhiều người đang cố nhớ ghi lại những điều được biết về ông. Ý kiến có khác biệt, nhưng sự kiện là điều có thể kiểm chứng. Chỉ với mục đích đó, trong khả năng hiểu biết của mình, sau khi đọc nhiều bài viết về Thanh Tâm Tuyền những điểm sau đây nên coi lại.

- Trong phần đưa tin về cái chết của TTT, nhiều báo có ghi rằng: Sau khi tù cải tạo về ông có thời gian đi làm ruộng ở Phước Tuy, Bà Rịa.

TTT chưa hề đi ra khỏi Sài Gòn cho đến ngày đi Mỹ.

- Ông lấy vợ là người đẹp ở Bình Dương. *Lấy ông vì yêu thơ ông.*

Chị Thanh Tâm Tuyền, tục danh là Cao thị Mai Hoa, người gốc Cần Thơ theo gia đình lên Sài Gòn. Chưa ở Bình Dương ngày nào. Học

trường Tây Michelet. Ông Diệm dẹp trường Tây. Chị vào trung học Nguyễn Bá Tòng, học đệ tứ chương trình Việt. Gặp thầy dạy Việt văn Dư Văn Tâm. Bị thầy đì vì không rành văn chữ Việt. Ý thì có mà chính tả quá bết. Lúc đó cô nữ sinh Mai Hoa mới tròn trăng mười sáu. Thầy hơn trò đến mười tuổi. Với tuổi đó và trình độ Việt ngữ như thế, chắc không cách nào mê được thơ đếm số cửa sổ " Một cửa sổ, hai cửa sổ..." (Tôi Không Còn Cô Độc) của thầy Tâm. Sau đó thầy dần dần mê trò. Câu chuyện tình đẹp này, đầu đuôi có một người biết rất rõ: nhạc sĩ Cung Tiến. Động viên nhập ngũ Thủ Đức, 1963. Ra trường. Gia đình đi hỏi. Phong tục, lễ nghi Bắc Nam có khác. Ba chìm bảy nổi. Cuối cùng đẹp đôi. Đám cưới ngày 4 tháng 7, 1964.

- "Liên , đêm, mặt trời tìm thấy," tác phẩm xuất bản đánh dấu ngày vui này. Có người quyết đoán, Liên là tên một người yêu của nhà thơ. Theo TTT giải thích. Liên chỉ có nghĩa là liên khúc của thơ và thơ xuôi trong tác phẩm. Ngày cưới vợ mà lấy tên người yêu cũ đặt cho quà cưới của mình thì có nước... đi thăm Bùi Giáng. Theo chị Mai Hoa, anh là mẫu người chồng, người cha lý tưởng. Dạy con rất nghiêm. Không nịnh vợ. Đúng sai rõ ràng. Điều này chắc chúng ta, những ông chồng, khẩu phục, tâm phục! Như bao nhiêu gia đình khác, anh cũng mất một đứa con trai trên đường vượt biên.

Thơ của TTT thường để tặng bạn hữu. Đặc biệt tặng cho vợ chỉ có hai bài.

Thơ tình trong tù. *(1980) "Vẫn em của thuở trăng nào Đêm hôm nở đóa chiêm bao xanh ngần Vẫn em tình của trăm năm Đoan trang khóe hạnh thâm trầm dáng thơ Vẫn em mối kết thiên thu Vẫn em xoa dịu sầu tư cõi này."*

Sáng sớm mồng một Tết 1984. Ông bảo vợ pha trà thơm để ông đọc tặng bài thơ đầu năm.

Xuân tứ (1984). *"Cỏ hoa thầm thì hát Ngoài vườn trăng đêm nay. Xuân ngàn mùa vẫn một Hương sắc không hề phai. Sự trôi chảy mãi thật Tình đơn sơ còn đây. Ôi nỗi niềm bát ngát Thủy chung nào vơi đầy."*

Theo ông làm thơ dễ hơn viết văn. Ông thích làm thơ hơn là viết văn.

- Một đôi điều thắc mắc nhân đọc đến một bài viết về TTT của Văn Quang, nhà văn quân đội quen thuộc trước 1975, nay còn trong nước. Đọc được trên web site Gio-o.

Trích:

... Khoảnh khắc đáng nhớ nhất là lần cuối cùng gặp anh cũng là ngày anh được tha ra khỏi trại cải tạo Vĩnh Phú, vào khoảng năm 1982. Anh ghé vào khu nhà giam tôi đang sống, anh hỏi. "Có trà ngon không, mang đãi khách. Bây giờ anh là tù, tôi là người ngoài tù." Tôi gật gù...

Tôi không còn nhớ chắc Văn Quang có chung trại khi chúng tôi được tha hay không. Nếu có chăng (?) thì việc TTT đến thăm VQ và nói những lời như trên đây khó có thể được. Thứ nhất, như đã nói ở trên, TTT trước ngày đọc lệnh tha hoàn toàn không biết có tên mình nên mới nhờ tôi lén mang những bài thơ về. Bữa cơm tưởng là chia tay nhau hôm đó, gồm có TTT, tôi và người học trò cũ anh rất thương mến, Nguyễn Văn Thích. Khi qua Mỹ anh làm một bài thơ rất dài tặng tôi, trích đăng trên báo Văn 26. "Ăn tết với Nguyễn Văn Thích" "*...Nhớ chứ, nhớ chứ Nguyễn Văn Thích, Đừng để riêng ta cái nhớ dai, Cái nhớ thầm thì những khuya khoắt...*"

Thứ hai. Sau khi đọc lệnh, ai được tha tức khắc được ở khu riêng, không được tiếp xúc. Như chỗ tôi và gia đình biết, trước như thế nào tôi không rõ, nhưng sau này TTT không quá thân với Văn Quang, bản tính lại cẩn trọng không hồ đồ, không dại gì xé rào, hy sinh tấm giấy ra trại của mình để sang thăm VQ. Đã không quá thân tình, lại sợ làm nản lòng người ở lại, như VQ viết, thì việc đòi hút thuốc, uống trà và ăn nói như trên, khó có thể xẩy ra với TTT.

Trích tiếp

"Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzư Văn Tâm, sinh ngày 13-3-1936, có bạn ghi ngày 15-3-1935, tôi lại nhận được một nguồn tin khác, anh sinh năm 1934, do chính TTT tiết lộ với một số bạn bè khi ngồi ở nhà hàng La Pagode."

Giấy khai sinh cũ, rách, gia đình còn giữ được cho đến bây giờ. Cô mụ Như làm chứng khai sinh, ghi rõ không gì bàn cãi. Dư Văn Tâm sinh ngày 13 tháng 3 năm 1936.

Kết

Những điều nhớ, nhưng cũng lắm điều quên hay không còn nhớ được viết ra như nén tâm hương gửi TTT, về những ân tình và kỷ niệm, nhân Chung thất 49 ngày anh mất.

Chicago, ngày Chung thất
9 tháng 5, 2006

Đối lập chính trị thời Đệ nhất Cộng hòa;

Vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp

TRẦN ĐÔNG PHONG

(Tiếp theo và hết)

Vào năm 1949, trước khi lên đường xuất ngoại, ông Ngô Đình Diệm có công bố một bản tuyên ngôn gọi là "***Tuyên Ngôn Gởi Anh Em Kháng Chiến Quốc Gia***" trong đó ông "*nhắn nhủ họ cùng Việt Minh kháng chiến nhưng tránh đừng để Việt Minh lợi dụng lòng yêu nước của họ, mượn danh nghĩa giải phóng đất nước mà làm cách mạng Cộng sản.*" Trong bản tuyên ngôn này, ông Diệm "*cũng long trọng hứa hẹn rằng trong chế độ quốc gia trong tương lai (hàm ý lúc ông lên cầm quyền,) anh em kháng chiến quốc gia sẽ có một chỗ đứng xứng đáng để xây dựng quê hương đất nước…*" 1

Ông Nguyễn Trân cũng có nhắc đến quan điểm của ông Ngô Đình Diệm trong bản tuyên ngôn này: "*Việc cấp bách phải làm là cố gắng lôi kéo Kháng chiến Quốc Gia về phía chúng ta, tách họ ra khỏi Cộng sản để chống Cộng sản. Tôi nhắc lại tuyên ngôn của ông (Diệm) năm 1949 trước khi ông xuất ngoại mà tôi đã dịch ra Việt văn để đăng trên báo Tinh Thần của nhóm Bác Sĩ Trần Văn Đỗ (chú ruột bà Nhu) trong đó ông có nói "dành những địa vị quan trọng cho những người Kháng Chiến…*"2

Về chính trị, Tạ Chí Diệp chủ trương phải có một chính phủ do nhân dân bầu lên thì mới có chính nghĩa. Trong một bản truyền đơn ghi ngày 25 tháng 3 năm 1955, ông Tạ Chí Diệp nói rằng chính phủ Ngô Đình Diệm lúc đó không có chính nghĩa: "*CHÍNH NGHĨA mới là vấn đề trọng đại. Sở dĩ đã có việc tranh chấp giữa các lực lượng võ trang vì chính phủ hiện nay không có CHÍNH NGHĨA.*"

Quan niệm này hoàn toàn giống với quan niệm của ông Nguyễn Bảo Toàn, Chủ Tịch Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm triệu tập tại Dinh Độc Lập vào 2 ngày 29 và 30 tháng 4 năm 1955 để đối phó với lệnh của Quốc Trưởng Bảo Đại triệu ông Diệm sang Pháp để trình bày tình hình với Quốc Trưởng. Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng đã đưa ra quyết định truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại và ủy nhiệm cho ông Ngô Đình Diệm tạm thời nắm quyền với nhiệm vụ tổ chức một cuộc bầu cử quốc hội để chọn lựa một chính thể qua một bản hiến pháp do đại diện của toàn thể nhân dân soạn thảo đúng theo ý nguyện của toàn dân.

Ông Ngô Đình Diệm thi hành quyết định truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại của Hội Đồng nhưng thay vì tạm thời lãnh đạo chính phủ để bầu cử quốc hội thì ông lại tự ý kiêm nhiệm cả hai chức vụ Quốc Trưởng và Thủ Tướng rồi đơn phương tự ý công bố Việt Nam là một nước Cộng Hòa ngày 26 tháng 10 năm 1955. Sang tháng 3 năm 1956, ông tổ chức bầu cử Quốc hội Lập hiến mà trong đó đến 95 phần trăm là người của các đảng phái và phong trào của ông, không hề có đại diện của Phật giáo Hòa Hảo tại miền Tây, không hề có đại diện của Cao Đài ở miền Đông, của Phật giáo tại miền Trung, của Việt Nam Quốc Dân Đảng, của Đảng Đại Việt, của Dân Xã Đảng, của Việt Nam Phục Quốc Hội v.v., tức là không hề có đại diện của một số dân chúng chiếm trên 80 phần trăm dân số toàn quốc lúc bấy giờ. Trong tổng số 123 vị dân biểu tại Quốc Hội, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã nắm hết 117 người, chỉ còn có sáu người không phải là đảng viên hay đoàn viên trong những phong trào hay đoàn thể do ông Diệm kiểm soát, tuy nhiên những người này chưa chắc đã hoàn toàn độc lập. Bản Hiến Pháp năm 1956 cũng không phải do Quốc Hội Lập Hiến soạn thảo mà lại do một Ủy Ban Thảo Hiến gồm 11 người do Tổng Thống Diệm chỉ định ngồi tại Dinh Độc Lập làm việc dưới sự chỉ huy của ông Ngô Đình Nhu rồi sau đó đưa qua cho Quốc Hội phê chuẩn và được ban hành vào ngày 26 tháng 10 năm 1956.

Ngay cả sau khi Hiến pháp được ban hành và ông Ngô Đình Diệm chính thức làm Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, Tạ Chí Diệp vẫn cho rằng việc ông Diệm lên làm tổng thống là không có chính nghĩa vì ông tự xưng là tổng thống vào năm 1955 trong khi chưa có quốc hội tức là không phải do nhân dân bầu lên. Ông Nguyễn Bảo Toàn

cũng đồng quan điểm như vậy và hậu quả là cả hai ông Nguyễn Bảo Toàn lẫn Tạ Chí Diệp đều bị thủ tiêu và xác của họ đã bị liệng xuống sông Nhà Bè.3

Về quân đội, Tạ Chí Diệp chủ trương phải hoàn toàn huấn luyện một đoàn ngũ sĩ quan mới để phục vụ cho một quân đội của Quốc Gia Việt Nam chứ không nên dùng những cựu sĩ quan đã từng phục vụ cho quân đội của thực dân Pháp vì những người này chỉ là những tên tay sai của thực dân cho nên khó mà tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân, nhất là những người thanh niên yêu nước gia nhập vào quân đội để chiến đấu chống lại Cộng sản, một thành phần đóng vai trò quyết định trong công cuộc bảo vệ và xây dựng một miền Nam tự do.

Tạ Chí Diệp đã có kinh nghiệm bản thân đối với những sĩ quan thân Pháp trong chiến dịch Atlante mà ông đã tham dự tại Tuy Hòa vào đầu năm 1954.

Sĩ Quan Việt Nam Không Tuân Lệnh Sĩ Quan Pháp

Vào khoảng đầu năm 1954, Bộ Tư Lệnh Quân Đội Pháp tổ chức một cuộc hành quân nhằm chiếm lại một số lãnh thổ trong vùng Liên Khu 5 do Việt Minh hoàn toàn kiểm soát từ năm 1946. Liên Khu 5 bao gồm bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên và trong suốt tám năm trời quân đội Pháp không hề đặt chân được đến vùng này. Cuộc hành quân này được đặt tên là *Chiến Dịch Atlante* khởi đầu từ Nha Trang tấn công vào Liên Khu 5 qua ngả Tuy Hòa.

Chiến dịch Atlante hoàn toàn do người Pháp chỉ huy, tuy nhiên có một số đơn vị thuộc quân đội Quốc Gia Việt Nam cũng được tăng phái tham dự vào chiến dịch này, đó là một số tiểu đoàn mới được thành lập gọi tắt là *BVN* tức là "*bataillon Vietnamien*" (tiểu đoàn người Việt Nam) do các sĩ quan người Việt Nam chỉ huy, tuy nhiên lại được đặt dưới quyền chỉ huy và điều động của Bộ Chỉ Huy Hành Quân Pháp. Lúc bấy giờ, người đứng đầu đại diện cho chính phủ Quốc Gia Việt Nam tại miền Trung là Dược Sĩ Phan Văn Giáo, Thủ Hiến Trung Phần. Ông Phan Văn Giáo chỉ định một người Việt Nam là ông Nguyễn Tấn Quê làm tỉnh trưởng Phú Yên kiêm cố vấn cho Chiến dịch Atlante.

Ông Nguyễn Văn An, còn có tên là Nguyễn Tấn Quê là người có tinh thần cách mạng chống Pháp và có nhiều liên hệ với các ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Cẩn. Khi được chỉ định vào chức vụ này, ông Nguyễn Văn An, đã tổ chức một đơn vị đặc biệt gọi là Nghĩa Dũng Đoàn để yểm trợ cho chiến dịch Atlante. *Nghĩa Dũng Đoàn* không phải là một tổ chức quân sự, đó là một tổ chức bán quân sự gồm những thanh niên tình nguyện có nhiệm vụ theo chân các đơn vị quân đội tiến vào những khu vực mới được giải phóng để bảo vệ cho các đoàn Hành Chánh Lưu Động có nhiệm vụ tuyên truyền và giúp đỡ cho dân chúng về mọi phương diện tức là về mặt dân sự vụ. Có thể nói vào năm 1954, tổ chức Nghĩa Dũng Đoàn và Hành Chánh Lưu Động tại Liên Khu 5 gần như hoàn toàn giống với tổ chức cán bộ Xây Dựng Nông Thôn tại miền Nam trong hai thập niên 1960 và 1970 sau này.

Tạ Chí Diệp là một người có tinh thần cách mạng chống lại người Pháp cũng như là chống lại Việt Minh Cộng sản và tất cả mọi hình thức độc tài đảng trị. Ông đã tham gia vào Phong trào Đại Đoàn Kết và Hòa Bình do ông Ngô Đình Nhu lãnh đạo nhằm vào mục tiêu vận động và chuẩn bị cho ông Ngô Đình Diệm về nước lãnh đạo chính phủ mà theo ý nguyện của họ sẽ là một chính phủ có độc lập thật sự chứ không phải là một thứ chính phủ bù nhìn như thời các chính phủ Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm v.v.

Trong cương vị Chánh Văn Phòng cho Cụ Tạ Chương Phùng cũng như là một cấp chỉ huy trong Chiến Dịch Atlante, Tạ Chí Diệp đã huấn luyện cho các đoàn viên Nghĩa Dũng Đoàn và Hành Chánh Lưu Động những kỹ thuật tuyên truyền để giải thích cho đồng bào đã từng sống suốt tám năm dưới chế độ của Việt Minh biết rằng chính phủ Quốc Gia, quân đội Quốc Gia dưới sự lãnh đạo của Quốc Trưởng Bảo Đại đã vào Liên Khu 5 để giải phóng cho đồng bào ra khỏi sự kiểm soát kềm kẹp của Việt Minh Cộng sản, ông lại là một người nguyên quán tại tỉnh Bình Định, do đó đồng bào Phú Yên đã dành cho quân đội Quốc Gia cũng như là các anh em Nghĩa Dũng Đoàn sự cộng tác và ủng hộ nồng nhiệt.

Tuy nhiên có một việc xảy ra tại Phú Yên đã khiến cho Tạ Chí Diệp thất vọng và trở nên căm hận những người tuy mang danh là sĩ quan của Quân Đội Quốc Gia nhưng bản chất bao giờ cũng là những người đi lính cho Pháp và chỉ biết phục vụ cho những quyền lợi của người Pháp.

Chuyện đó được ông Trần Văn Đôn, lúc bấy giờ là Đại tá Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia Việt Nam kể lại như sau:

"Một buổi sáng tôi đến văn phòng làm việc, đọc thấy một công điện của Tư lệnh Phân Khu

Duyên Hải Nha Trang là Đại tá Nguyễn Văn Vỹ: 'Có một tiểu đoàn Khinh Quân (Việt Nam) trong cuộc hành quân với quân đội Pháp trong chiến dịch Atlante không tuân theo mệnh lệnh điều động của bộ tư lệnh hành quân Pháp.'

"Tôi báo cáo cho Tổng Tham Mưu Trưởng Nguyễn Văn Hinh, Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh lập tức lấy máy bay cùng tôi ra Nha Trang. Chúng tôi gặp Đại Tá Nguyễn Văn Vỹ tại bộ chỉ huy Nha Trang. Ở đây chúng tôi được biết có một đại úy không chịu hành quân theo lệnh bộ chỉ huy Quân đội Pháp.

"Nên nhớ rằng đầu năm 1954, tuy có hệ thống chỉ huy quân đội Việt Nam riêng nhưng điều khiển chiến trường vẫn là quân đội Pháp nên chúng tôi phải bay ra Phú Yên để lấy xe jeep đến nơi tiểu đoàn đó đóng quân.

Lúc đó Chiến dịch Atlante đang bình định Liên Khu 5 của Việt Minh. Dân chúng sống trong vùng đó phần nhiều thiếu tiện nghi, phần bị ruồng bỏ, bom đạn, thuốc men lại khan hiếm nên khổ sở vô cùng. Đó cũng là nơi một số dân miền Nam chống Pháp theo kháng chiến Việt Minh ra từ năm 1946. Nhận chân được sự thật Cộng sản, nhất là khi thấy các đảng phái khác bị Cộng sản thủ tiêu, chiến dịch Atlante đến là giải phóng cho họ, đồng bào vui mừng vì thoát được những tháng ngày hiểm nguy cơ cực, những nhà khá giả, các địa chủ thoát được chiến dịch đấu tố của Việt Minh đang mở màn. Vì vậy mà khi quân đội đến, nhất là quân đội Việt Nam, đồng bào hân hoan đón tiếp nhiệt liệt với một lòng hăm hở chân tình. Tuy vùng đất Việt Minh ngự trị suốt chín năm trời mới chiếm lại được nhưng chúng tôi lái xe đi rất an ninh, không gặp một trở ngại nào. Đến nơi, Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh tập trung tất cả sĩ quan để hỏi lý do tại sao không tuân lệnh hành quân của bộ Chỉ Huy Hành Quân Pháp, các sĩ quan ấy trả lời:

- Chúng tôi là người Việt Nam, chúng tôi chỉ tuân lệnh cấp chỉ huy Việt Nam chứ không tuân lệnh cấp chỉ huy người Pháp.

Trung Tướng Hinh ôn tồn giải thích:

- Các anh nói đúng, nhưng trong tình thế quân sự ở chiến trường lúc này thì không đúng. Nếu bỏ trống một cánh quân thì thua địch, sẽ bị địch tiêu diệt. Phải theo lệnh hành quân của bộ Chỉ Huy Pháp trong chiến dịch này là vì họ có trách nhiệm chiến trường.

Trung Tướng Hinh nói gần một tiếng đồng hồ, sau cùng ông kết luận bằng câu hỏi:

- Cho tôi biết các anh có tiếp tục hành quân với quân đội Pháp hay không?

Sau khi bàn với nhau, họ chấp nhận hệ thống chỉ huy của Bộ Tư Lệnh Hành quânPháp. Nguyễn Văn Hinh nói tiếp:

- Tôi rất mừng khi thấy các anh suy xét đúng vì đây là chiến trường. Ở hậu cứ, các anh không muốn dưới quyền chỉ huy của Pháp thì có thể được. Chứ ở đây thì tuyệt đối không... Bây giờ quân đội chúng ta quá mới, chúng ta chưa có hệ thống chỉ huy chiến trường, sau này thế nào chúng ta cũng có tổng chỉ huy của Quân Đội Việt Nam.

Ngừng một chút, Nguyễn VănHinh nói tiếp:

- Nếu các anh không chấp nhận ở trong hệ thống chỉ huy của Chiến dịch Atlante này, tôi sẽ

DẠ NHIÊN

LỜI VĨNH HẰNG

Kính tặng hương hồn anh Rémi Đỗ Ngọc Yến.

Lệ khô-nhỏ xuống-bụi gầy
Lá chao chiếc mỏng- Rơi đầy sân con
Sách sầu-kệ... gối đầu non
Tàn rung... ngọn thủy triều-son sắt mềm
Bên hiên-lá lợp che phên
Mực nghiêng bút mực, tủi niên kỷ buồn
Giòng tấu khúc, nhạc lệ tuôn...
Kệ khô sách mục ép hồn cảo thơm
Cõi nhân sinh-thể, đời thường
Tự sinh- tự diệt vô lường thế gian
Dâng lời- nguyện ấm trên ngàn
Để theo thác-đổ-bạt ngàn bên anh.
Vĩnh hằng vô nhiệm thiên đàng
Người ra đi để dọn đường tinh hoa
Tóc xanh xưa mấy nhạt nhòa
Hồn vương theo gió bạt xa nơi nào...
Khắc sâu mực -chữ Anh hào...
Giòng thơm sữa mẹ chiêm bao không ngờ...
Nối liền văn hóa Đông - Âu
Xuôi tầu viễn xứ chở sầu quê hương
Xin lời cầu nguyện vô thường
Để bên đồi nỗi tiếc thương trùng trùng...

ra lệnh bắn hết các anh nếu các anh làm loạn. Các anh không tin tôi thì thử quay lại phía sau...

"Lúc họ xoay lưng lại thì thấy một hàng xe tăng của quân đội Pháp dàn sẵn chực đánh họ nếu họ không tuân lệnh hành quân.

"Sau đó cho điều tra thì được biết đảng Cần Lao của Ngô Đình Cẩn nhúng tay trong vụ xúi giục này...

"Tôi phục Nguyễn VănHinh là một tướng giỏi..." 4

Người ra lệnh cho xe tăng của Pháp chuẩn bị tấn công vào các sĩ quan Việt Nam nếu họ nhất định không chịu tuân lệnh của bộ chỉ huy người Pháp là Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh, tuy đang giữ chức Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia Việt Nam nhưng trong thực tế thì ông ta là một sĩ quan cấp trung tá của Không quân Pháp và cuối năm 1954, sau khi bị Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cách chức thì ông ta trở lại phục vụ trong quân đội Pháp với cấp bậc cũ là trung tá và cho đến cuối thập niên 1960 thì ông ta lên đến cấp bậc đại tướng trong quân đội Pháp trước khi về hưu trí. Nhân vật thứ hai là Đại Tá André Trần Văn Đôn, lúc đó đang giữ chức Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, thì cũng là một công dân Pháp sinh đẻ tại Bordeaux, gia nhập vào quân đội Pháp từ năm 1939 và đến năm 1944 thì được theo học khóa sĩ quan hiện dịch của Pháp tại trường Tông gần Sơn Tây. Vào năm 1963, Trần Văn Đôn đang là trung tướng và đã được Tổng Thống Ngô Đình Diệm cử giữ chức Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa tạm thay thế cho Đại Tướng Lê Văn Tỵ sang Hoa Kỳ chữa bệnh và cũng nhờ được giữ chức vụ chỉ huy cao cấp nhất trong quân đội này mà Trung Tướng Trần Văn Đôn đã điều động các đơn vị quân đội trong vùng Sài Gòn để đảo chánh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Nhân vật thứ ba là vị sĩ quan cao cấp nhất chỉ huy các đơn vị của Quân Đội Quốc Gia tham gia vào chiến dịch Giải Phóng Liên Khu 5 là Đại Tá Lê Văn Kim, em rể của Đại Tá Trần Văn Đôn, một sĩ quan cũng có quốc tịch Pháp và đã gia nhập vào quân đội Pháp tại Pháp vào năm 1939. Như vậy thì tất cả các sĩ quan cao cấp nắm giữ chức vụ chỉ huy của quân đội Việt Nam trong thời gian chiến dịch giải phóng bốn tỉnh Nam-Ngãi-Bình-Phú được khai diễn vào năm 1954 đều là công dân Pháp chứ không phải là công dân Việt Nam.

Tạ Chí Diệp cũng là một cấp chỉ huy dân sự trong chiến dịch Atlante, tuy nhiên ông là người Việt Nam, lẽ dĩ nhiên là biết rõ chuyện này và vì vậy mà sau đó ông có thái độ cứng rắn và quyết liệt hơn trong lập trường chống Pháp, chống Nguyễn Văn Hinh và chống nhóm "*Đảng Con Ó*" do Nguyễn Văn Hinh thành lập để ủng hộ cho ông ta chống lại Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Theo ông Trần Văn Đôn thì sau đó ông cho điều tra và được biết "*đảng Cần Lao của Ngô Đình Cẩn nhúng tay trong vụ xúi giục này*," và trong các cấp chỉ huy về phía Việt Nam của chiến dịch Atlante lúc đó chỉ có ông Nguyễn Văn An vừa mới được bổ nhiệm làm tỉnh trưởng Phú Yên và Tạ Chí Diệp, chỉ huy trưởng Nghĩa Dũng Đoàn là hai người vẫn thường ra Huế hội họp với ông Ngô Đình Nhu và cả ông Ngô Đình Cẩn trong Phong trào Đại Đoàn Kết và Hòa Bình trước khi ông Ngô Đình Diệm về nước. Nếu quả thật có đảng Cần Lao của Ngô Đình Cẩn nhúng tay trong việc xúi giục này thì có lẽ cả hai ông này đều có tham dự vào việc đó.

Sau khi Hiệp Định Genève được ký kết, bộ đội Việt Minh xuống tàu tập kết ra Bắc và nhiệm vụ tiếp thu bốn tỉnh thuộc Liên Khu 5 được giao cho các đơn vị của quân đội Quốc Gia dưới quyền chỉ huy của Đại tá Lê Văn Kim, nhóm Nghĩa Dũng Đoàn bị giải tán và Tạ Chí Diệp có tham gia vào các hoạt động ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, đặc biệt là trong vụ đương đầu với Tướng Nguyễn Văn Hinh như đã nói ở đoạn trên.

Truyền Đơn Của Tạ Chí Diệp Năm 1955

Người viết may mắn tìm được một bản truyền đơn do chính ông Nguyễn Phan Châu tức là Tạ Chí Diệp ký tên, đề ngày 25 tháng 3 năm 1955 tức là bảy tháng trước ngày ông Ngô Đình Diệm trở thành Tổng Thống của nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Bản truyền đơn đó nguyên văn như sau:

"***Ý KIẾN CHÚNG TÔI:***

"Ngày 24 tháng 3 năm 1955, Thủ Tướng Chính Phủ (Ngô Đình Diệm) kêu gọi: "Đồng bào thân mến" xét đoán về một bản kiến nghị nào đó đã "yêu cầu trong hạn 5 ngày phải cải tổ toàn diện chính phủ,

"Nay chỉ nghe một tiếng chuông, không lẽ lại "xét đoán" tránh sao cho khỏi "thiếu lẽ công bằng." Tuy nhiên căn cứ vào lối "trần trình" của Thủ Tướng, chúng tôi muốn bày tỏ ý kiến của chúng tôi.

"Thủ Tướng cho rằng: Một vấn đề duy nhất có giải quyết xong mới mong giải quyết được

mọi vấn đề khác. Đó là vấn đề tổ chức quân đội.

XÉT ĐOÁN

"Chúng tôi xin đặt lại vấn đề:

QUÂN ĐỘI là vấn đề nhỏ, CHÍNH NGHĨA mới là vấn đề trọng đại,

Sở dĩ đã có việc tranh chấp giữa các lực lượng võ trang vì chính phủ hiện nay không có CHÍNH NGHĨA.

Thủ Tướng Chính Phủ nêu lên vấn đề thống nhất quân đội, về thống nhất chỉ huy. Chúng tôi cũng như mọi người dân Việt yêu nước, hoàn toàn tán thành nguyên tắc thống nhất đó, nhưng một Quân Đội thống nhất với một nền chỉ huy thống nhất chỉ có thể đặt dưới quyền một Chính Phủ của nhân dân. Chính phủ NGÔ ĐÌNH DIỆM không phải là một Chính phủ do một quốc dân đại hội cử ra thì quyền của Chính phủ Ngô Đình Diệm cũng không hơn gì quyền của các giáo phái.

"Đã vậy, đáng lẽ Chính phủ phải "hợp pháp hóa" bộ máy hành chánh theo con đường "Dân Chủ"thì lại lập một "gia đình," hạ mình ngang hàng với những lực lượng hiện có. Rồi cấm chỉ các quyền tự do sơ đẳng của con người:

"Tự do báo chí, tự do hội họp, ban hành tự do đàn áp các cuộc đòi hỏi hợp pháp v.v..."Đồng bào thân mến" bị bịt mắt, bịt miệng, cùm tay, cột chân..., lấy gì mà xét đoán?

"Thì ra "Chính trị bộ-lạc"mà Phủ Thủ Tướng đã dùng để ám chỉ các giáo phái, Chính phủ lại lại áp dụng cho mình, trách nào các "chủ nhơn ông" của các bộ đội kia không chịu ép mình dưới sự điều khiển của một bộ lạc mới vừa được thành lập.

"Bởi quyền chỉ huy quân đội là quyền độc nhất quyết định vận mạng của dân tộc, không lý gì lại giao cho một số người không có chính nghĩa hay chỉ đủ sức đại diện cho một thiểu số.

Chính phủ mà nắm được "Chính Nghĩa" rồi thì thì lo gì không thống nhất được toàn dân, do đó các lực lượng võ trang không còn lý do gì mà mà không chịu thống nhất dưới quyền chỉ đạo của một Chính phủ của DÂN.

XÂY DỰNG

"Chỉ có nhân dân mới có quyền định đoạt, đủ sức thống nhất vì nhân dân nắm được Chính Nghĩa.

"Phải thành lập ngay một Quốc Kế Hội Nghị (tuyên cáo của số người lên chiến khu Phan Rang ngày 29 tnáng 11 năm 1954 cũng đã đòi một Quốc Kế Hội Nghị.) Khởi công ngay từ bây giờ bằng cách:

1- Tuyên bố cho tự do báo chí.

2- Tự do lập hội, lập Đảng.

3- Tự do hội họp.

4- Đặt kế hoạch xét xử và giải quyết ngay các vấn đề thắc mắc của nhân dân ở mọi địa phương.

5- Từ cơ sở quần chúng, lập các ủy ban hiến kế.

6- Nhân dân công cử các đại diện trong mỗi Tỉnh về thành lập Quốc Kế Hội Nghị.

7- Các đoàn thể bí mật hay công khai đều được quyền tham dự, hiến kế và thảo luận.

8- Thành lập chương trình hành động, phân công phụ trách và chính-thức-hóa một chính phủ của Nhân dân.

KÊU GỌI

Hỡi Đồng bào thân mến!

Thời thế khẩn cấp,

Họa diệt vong sắp đến nơi.

Chúng ta chỉ đòi cho nhân dân quyền tối cao quyết định vận mệnh của Tổ Quốc.

Hỡi các cường quốc!

Vấn đề của nội bộ Việt Nam phải do nhân dân Việt Nam giải quyết. Các kế hoạch thi hành ở Thái Lan hay Phi Luật Tân không còn áp dụng ở đây được nữa. Vậy những chương trình đối phó PHONG TRÀO DÂN CHÚNG đang lên thành ra vô nghĩa, mà còn làm thêm cho người Việt chúng tôi căm hờn. Vì nhân dânViệt Nam đã trưởng thành trong mười năm tranh đấu.

Hỡi các Chiến sĩ Cách mạng!

Nếu máu có đổ, cũng giữa người Việt và người Việt, mà lối bế tắc vẫn không bao giờ giải quyết được.

Phải sáng suốt hành động và cương quyết đòi lại cho nhân dân quyền quyết định vận mệnh của mình và thẳng tay chống lại bọn thối nát, áp bức mà không lầm kế làm tay sai ngoại quốc.

CHIẾN KHU AN TOÀN NGÀY 25/3/1955.

PHONG TRÀO BẢO VỆ AN NINH DÂN CHÚNG

NGUYỄN-PHAN-CHÂU

(Người viết chép lại nguyên văn bản truyền đơn này và giữ nguyên tất cả những chữ đã được ông Nguyễn Phan Châu gạch dưới cũng như là để trong ngoặc kép.) 5

Cũng vì đòi hỏi những điều trong bản tuyên ngôn ngày 25 tháng 3 năm 1955 này mà ông Tạ Chí Diệp bị tù rồi sau đó bị giết chết vào năm 1963, tuy nhiên chỉ vào khoảng bốn năm

sau ngày ông bị thủ tiêu thì gần như tất cả những điều căn bản mà ông đòi hỏi đều đã được thực hiện vì tất cả những điều đó đều đã được ghi rõ trong bản Hiến Pháp của nền Đệ Nhị Cộng Hòa ban hành vào tháng 4 năm 1967. Ngoài ra, cũng vào thời gian này, tất cả các sĩ quan đã từng phục vụ cho thực dân Pháp đều đã bị giải ngũ, không còn có quyền hành gì để chỉ huy quân đội, các công chức cao cấp như đốc phủ sứ, tri phủ tri huyện thời Pháp thuộc như Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ, cựu bí thư của Toàn Quyền Đông Dương Decoux cũng bị loại ra khỏi chính quyền đúng như là ý nguyện của Tạ Chí Diệp.

Một điểm vô cùng quan trọng là ngay từ tháng 3 năm 1955, Tạ Chí Diệp đã lên tiếng kêu gọi các cường quốc phải để vấn đề Việt Nam cho nhân dân Việt Nam giải quyết. Tạ Chí Diệp còn đi xa hơn nữa khi ông nói rằng "*Các kế hoạch thi hành ở Thái Lan hay Phi Luật Tân không còn áp dụng ở đây được nữa,*" có nghĩa là các kế hoạch, các chính sách của người Mỹ sẽ không có hữu hiệu để đối phó với Cộng sản tại Việt Nam như là đã áp dụng để chống lại phong trào Cộng sản Huk tại Phi Luật Tân. Tạ Chí Diệp cũng lên tiếng kêu gọi "*không làm kế làm tay sai cho ngoại quốc*" vì ông tiên liệu đến một lúc nào đó thì người ngoại quốc sẽ bỏ rơi Việt Nam.

Từ năm tháng 3 năm 1955, Tạ Chí Diệp đã lên tiếng cảnh cáo đồng bào rằng "*thời thế khẩn cấp, họa diệt vong sắp đến nơi*" và đúng 20 năm sau, vào tháng 3 năm 1975, "*đồng minh Hoa Kỳ*" cúp viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa rồi "*tháo chạy*"và khi Cộng sản mở các cuộc tổng tấn công vào Miền Nam thì quân đội chẳng còn có đủ vũ khí, đạn dược, nhiên liệu, quân trang quân dụng để chiến đấu chống lại trên nửa triệu quân Cộng sản Bắc Việt và miền Nam bị Cộng sản cưỡng chiếm, hàng triệu người bị chết, hằng trăm ngàn người bị tù đày... Đúng là *họa diệt vong* đã đến với miền Nam Việt Nam.

Trước đó 20 năm, một người trẻ tuổi như Tạ Chí Diệp mà đã có được cái nhìn xa, có được sự thấy rộng như vậy thì quả thật đó là một thiên tài.

*

Nếu không bị thủ tiêu thì liệu ông Tạ Chí Diệp sẽ có thể đóng một vai trò nào trong trường chính trị tại miền Nam Việt Nam sau năm 1963 hay không, điều đó cũng khó mà biết được, tuy nhiên cụ Đoàn Văn Thái tiết lộ cho biết có một sự liên hệ giữa ông Tạ Chí Diệp và cá nhân một nhân vật sau này đã đóng vai trò lãnh đạo tại miền Nam trong gần 10 năm:

"*Khi tôi còn ở Nha Trang trước ngày 5 tháng 3 năm 1954, anh Hồ Trần Chánh từ Phan Rang ra, cùng đi với Thiếu Tá Nguyễn Văn Thiệu đến Văn Phòng Trung Nam Trấn tìm gặp Tạ Chí Diệp. Anh Diệp chưa đến. Anh Hồ Trần Chánh giới thiệu với tôi ông Thiệu là em của anh Nguyễn Văn Kiểu, đồng chí của chúng tôi trong đảng Đại Việt, được cử làm phụ tá quân sự cho Tỉnh Trưởng Phú Yên là đồng chí Nguyễn Văn Đạt. Ông Thiệu có giao cho tôi một tờ giấy giới thiệu của ông Lương Duy Ủy giới thiệu ông Thiệu với Nguyễn Phan Châu. Phó Tỉnh trưởng Nội An lại được Thiếu Tá Thái Quang Hoàng đảm nhiệm và Thiếu Tá Nguyễn Văn Thiệu lại được chỉ huy một tiểu đoàn chính quy ở Phú Yên cho đến khi cụ Diệm về thì được đưa ra Huế phục vụ ở Quân Đoàn I...*"6

Mười năm sau, vào năm 1965, Thiếu Tá Nguyễn Văn Thiệu trở thành Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia rồi trở thành Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa từ năm 1967 cho đến năm 1975.

Đáng tiếc thay, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu của nền Đệ Nhị Cộng Hòa đã không bao giờ có cơ hội để được gặp lại con người mà ông đã lặn lội đến Tuy Hòa từ hơn 10 năm về trước để làm quen qua sự giới thiệu của bào huynh của ông là ông Nguyễn Văn Kiểu - một trong những người lãnh đạo của đảng Đại Việt tại miền Nam Trung Bộ thời năm 1945-1946- vì ông Tạ Chí Diệp, con người tài giỏi, đầy viễn kiến, nhìn xa thấy rộng, con người Cách Mạng yêu nước đó không còn nữa. Tạ Chí Diệp đã trở thành một trong những nạn nhân vô cùng đáng thương của những người lãnh đạo nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

California, Mùa Xuân 2006

*1. Hồ Sĩ Khuê: "***Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng**,"* *Văn Nghệ, California 1992. Trang 192.*
2. Nguyễn Trân: Sđd., trang 151.
*3. Xin xem bài: "***Vụ Thủ Tiêu Ông Nguyễn Bảo Toàn**" trong Báo Thời Luận, Số Xuân Ất Dậu 2005.*
4. Trần Văn Đôn: Sđd., trang 89-91.
*5. Nguyễn Mạnh Quang:"***Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hòa Toàn Thư (1954-1963)** *" Tập I, Văn Hóa, Texas 2000, trang 236-237.*
6. Đoàn Văn Thái: Thư đề ngày 17 tháng 11 năm 2005.

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

Ông Đỗ Ngọc Yến

Người Sáng-lập, Chủ-nhiệm
và Chủ-bút Báo NGƯỜI VIỆT
Nguyên Ủy-viên các Phong trào Hướng-đạo,
Thanh-niên, Sinh-viên và Học-Đường Mới
của Việt Nam Cộng-Hoà

đã mất ngày 17 tháng 8 năm 2006
tại Orange County

Hưởng thọ 66 tuổi

Trước nỗi đau buồn lớn này, chúng tôi thành kính phân ưu cùng Bà Đỗ Ngọc Yến,
tang quyến và gia-đình NGƯỜI VIỆT, Thế Kỷ 21

Cầu xin cho linh-hồn Ông Đỗ Ngọc Yến
được an nghỉ ở Cõi Vĩnh Cửu dưới bóng Chúa.

Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Ngọc Bích, Trần Huy Bích, Ngô Bảo, Nguyễn Văn Canh, Phạm Kim Dzung, Phạm Cao Dương, Nguyễn Đình Cường, Lê Văn Đặng, Bùi Đồng, Bùi Văn Giai, Trần Lam Giang, Phạm Văn Hải, Nguyễn Cao Hách, Bà Nguyễn Đình Hoà, Bà Nguyễn Khắc Hoạch, Nghiên Xuân Hiếu, Nguyễn Như Hùng, Dương Minh Kính, Nguyễn Ngọc Kỳ, Nguyễn Khắc Kham, Lưu Trung Khảo, Lê Đình Khiết, Đoàn Khoách, Lưu Khôn, Lâm Thanh Liêm, Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Thành Long, Trần Ngọc Ninh, Dương Đức Như, Đàm Trung Pháp, Nguyễn Thuyết Phong, Trần Gia Phụng, Hà Mai Phương, Phạm Văn Quảng, Nguyễn Trung Quân, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Bà Nguyễn Sỹ Tế, Đỗ Đình Tuân, Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Văn Trường, Hồ Bạch Thảo, Huỳnh Sanh Thông, Phạm Bích Thủy, Lê Văn, Lê Thành Việt, Nguyễn Hy Vọng, Lê Bảo Xuyến, Ban Soạn Thảo Tự Điển Chữ Nôm Trích Dẫn Online, Ban Điều Hành cùng toàn thể Viện Việt-Học.

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.
Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.
Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742
9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA
hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com
Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

#1 Authorized DIRECTV Dealer Vietnamese Direct

DIRECTV TOP 50 DEALER 2006

HD Receiver/DVR Rebate $100.00

CHƯƠNG TRÌNH GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT TRONG MÙA FOOTBALL

FREE công lắp ráp & shipping cho 4 phòng

SBTN + 80 ĐÀI MỸ $44.99

FREE HBO, SHOWTIME, CINEMAX and STARZ cho 3 tháng đầu trị giá $132

Offer June 28 to Oct 2

NFL SUNDAY FOOTBALL TICKET $69.99 (cho 4 tháng) (cho 4 payments)

FREE (TOTAL CHOICE PLUS, HBO, SHOWTIME, CINEMAX, STARZ and SPORT PACK cho 4 tháng đầu) FREE hơn 250 đài, trị giá $400

THÊM SBTN + $14.99

Offer June 28 to Oct 2

HD PROGRAMMING + TOTAL CHOICE $44.99

FREE HD Programming cho 4 tháng, trị giá $40.00

THÊM SBTN + $14.99

Offer June 28 to Oct 2

1-800-581-6910 www.vietsatellite.com

Chương trình thấp nhất cho phòng đầu tiên là $24.99/tháng gồm có đài Việt Ngữ SBTN và các đài Local. Quý vị muốn xem thêm Đài Truyền Hình Việt Ngữ mới 24/24 VHN chỉ trả thêm $7.99/tháng.

Chương trình TV Việt Ngữ gồm các tiết mục như sau: Tin tức quốc nội, thế giới, tin tức cộng đồng, những bài bình luận thời sự chính trị nóng bỏng, cải lương, phim bộ Hồng Kông và Đại Hàn chuyển âm tiếng Việt, Chương trình Thiếu Nhi, Em học tiếng Việt, y học, Khoa học trong đời sống ...

open 7 days a week, we install everywhere in the U.S.

Những lệ phí hàng tháng kể trên chỉ áp dụng cho phòng đầu tiên. Kể từ phòng thứ 2 trở lên, mỗi phòng phải trả thêm $4.99

Giá Bán 7 Mỹ Kim